

MEDITATION PART I [113-119] – THAM THIỀN PHẦN I [113-119]

[VSK: Please see the diagram for this meditation, under the meditation presentations on www.victorya.com]

[VSK: Xin xem sơ đồ của bài thiền này trong mục trình bày các bài thiền tại www.victorya.com]

[113]

[113]

PART I

PHẦN I

In continuing the instructions on the Science of Meditation, I would remind you that we are building upon the same fundamental truths which have been earlier laid down (in Discipleship in the New Age, Vol. I), and that our goals and objectives likewise remain the same. Our immediate concern is the bringing about a group unity rooted in love, and this requires the awakening of the heart centre into greater potency. In this connection, let me repeat what I earlier said, for it makes a fitting preface to what I shall ask you to do:

Tiếp tục những huấn thị về Khoa Học Tham Thiền, Tôi muốn nhắc các bạn rằng chúng ta đang xây dựng trên cùng những chân lý nền tảng đã được trình bày trước đây (trong Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I), và các mục đích cùng mục tiêu của chúng ta cũng vẫn như vậy. Mỗi quan tâm trước mắt của chúng ta là tạo nên sự hợp nhất nhóm bắt rễ trong tình thương, và điều này đòi hỏi phải đánh thức trung tâm tim để trung tâm này có uy lực lớn hơn. Về điều này, hãy để Tôi nhắc lại những gì Tôi đã nói trước đây, vì đó là lời mở đầu thích hợp cho những gì Tôi sẽ yêu cầu các bạn thực hiện:

1. Progress in the field of occultism is ever gradual and sequential.

1. Sự tiến bộ trong lĩnh vực huyền bí học luôn diễn ra dần dần và theo trình tự.

2. In relation to group work, our fundamental objective ever remains the same—“group unity rooted in love”. It is the awakened and cultivated heart center than opens the door to Hierarchy.

2. Trong công việc nhóm, mục tiêu nền tảng của chúng ta luôn như trước—“sự hợp nhất nhóm bắt rễ trong tình thương”. Chính trung tâm tim đã được đánh thức và vun bồi mở cánh cửa dẫn vào Thánh đoàn.

“Only from the heart centre can stream, in reality, those lines of energy which link and bind together. For this reason, I shall give you for your group meditation a form which will stimulate the heart into action, linking the heart centre (between the shoulder blades) to the head centre through the medium of the heart centre which is found within the head centre (the thousand-petalled lotus).

“Thực ra, chỉ từ trung tâm tim mới có thể tuôn chảy những đường năng lượng liên kết và gắn bó với nhau. Vì lý do này, Tôi sẽ trao cho các bạn một hình thức tham thiền nhóm nhằm kích thích tim hoạt động, liên kết trung tâm tim (giữa hai bả vai) với trung tâm đầu thông qua trung tâm tim nằm trong trung tâm đầu (hoa sen nghìn cánh).

3. The important linking function of the heart center is reiterated. When we wish to link ourselves to another or bind ourselves to another, we must imagine the heart to heart connection.

4. From one perspective the heart centre within the head is said to be the major aspect of the thousand-petalled lotus. “b. The very top of the head. A centre consisting of twelve major petals of white and gold, and nine hundred and sixty secondary petals arranged around the central twelve.” (TCF 168)

5. From the perspective presented here, it seems to serve a linking function.

6. When we think in terms of contact with the buddhic energy, and possibly with the monad, this twelve-petalled center has special significance. We realize that there is a link between the monadic and buddhic planes.

This heart centre, when adequately radiatory and magnetic will relate you afresh to each other and to all the world.

7. The word “afresh” is important. Often our group relations need revivifying and the stimulation of the heart center can provide this revivification. Should we ever find our group relations becoming habitual and strictly formal, recourse to the heart center should be sought.

This again—when connected by an act of the spiritual will to the solar plexus centre—will help to produce that telepathic interplay which is so much to be desired and which is so constructively useful to the spiritual Hierarchy—provided it is established within a group of pledged disciples, dedicated to the service of

3. Chức năng liên kết quan trọng của trung tâm tim được nhắc lại. Khi muốn liên kết hoặc gắn bó với người khác, chúng ta phải hình dung mối liên kết từ tim đến tim.

4. Theo một góc nhìn, trung tâm tim bên trong đầu được cho là phương diện chính của hoa sen nghìn cánh. “b. Đỉnh đầu. Một trung tâm gồm mười hai cánh hoa chính màu trắng và vàng kim, cùng chín trăm sáu mươi cánh hoa phụ xếp quanh mười hai cánh trung tâm.” (TCF 168)

5. Theo góc nhìn được trình bày ở đây, trung tâm này dường như đảm nhiệm chức năng liên kết.

6. Khi xét đến sự tiếp xúc với năng lượng Bồ đề, và có thể cả với chân thần, trung tâm mười hai cánh này có thâm nghĩa đặc biệt. Chúng ta nhận ra rằng có một mối liên kết giữa cõi chân thần và cõi Bồ đề.

Khi tỏa chiếu và có từ tính đầy đủ, trung tâm tim này sẽ tái lập mối liên hệ giữa các bạn với nhau và với toàn thể giới.

7. Từ “mới mẻ” rất quan trọng. Các mối quan hệ nhóm của chúng ta thường cần được hồi sinh, và sự kích thích trung tâm tim có thể đem lại sức sống mới này. Nếu có lúc nhận thấy các mối quan hệ nhóm trở thành thói quen và thuần túy mang tính hình thức, chúng ta nên tìm đến trung tâm tim.

Khi nối kết trung tâm này với trung tâm tùng thái dương bằng một hành động của ý chí tinh thần, điều đó lại sẽ giúp tạo nên sự tương tác viên cảm rất đáng mong muốn và có ích về mặt xây dựng đối với Thánh đoàn—miễn là sự tương tác ấy được thiết lập trong một nhóm đệ tử đã cam kết, tận hiến cho việc phụng sự nhân loại. Khi ấy có thể

humanity. They can then be trusted.” (Page 87.)

8. Here is an important occult hint concerning chakric links which support the development of telepathy. It is not through the heart center alone that intra-group telepathy is developed. The sensitive solar plexus must also be rightly involved.

9. We learn of the high valuation which Hierarchy places upon the right kind of telepathic interplay. The constructiveness of such interplay derives in part from the fact that, through it, disciples and groups and disciples can be impressed with those aspects of the Divine Plan for which their particular Ashram is responsible.

10. A group of pledged disciples is definitely related to a particular Ashram. There is an implication here that unless the telepathic interplay occurs between just such disciples (who are dedicated to the service of humanity) such interplay would not be constructively useful to the spiritual Hierarchy.

11. An important criterion determining whether Hierarchy may trust a group or not is also given; the group must consist of pledged disciples who are dedicated to the service of humanity. There is a subtle suggestion that that which may be telepathically imparted by Hierarchy to such a group requires that the group be a trusted group. In the book *Glamour: A World Problem*, we learn that people may become telepathically responsive to thoughts or ideas which are not intended for them. Such responsiveness serves no useful purpose.

The activity of the heart centre never demonstrates in connection with individuals. This is a basic fact.

tin cậy họ.” (Trang 87.)

8. Đây là một gợi ý huyền bí quan trọng về những mối liên kết giữa các luân xa hỗ trợ sự phát triển viễn cảm. Viễn cảm trong nội bộ nhóm không phát triển chỉ nhờ trung tâm tim. Tàng thái dương nhạy cảm cũng phải tham gia một cách đúng đắn.

9. Chúng ta biết rằng Thánh đoàn đánh giá cao sự tương tác viễn cảm đúng đắn. Tính xây dựng của sự tương tác ấy một phần bắt nguồn từ việc, thông qua đó, các đệ tử và các nhóm đệ tử có thể tiếp nhận ấn tượng về những phương diện của Thiên Cơ mà ashram riêng của họ chịu trách nhiệm.

10. Một nhóm đệ tử đã cam kết chắc chắn có liên hệ với một ashram cụ thể. Ở đây có hàm ý rằng nếu sự tương tác viễn cảm không diễn ra giữa chính những đệ tử như thế (những người tận tâm phụng sự nhân loại), thì sự tương tác ấy sẽ không hữu ích về mặt xây dựng đối với Thánh đoàn.

11. Một tiêu chí quan trọng để xác định liệu Thánh đoàn có thể tin cậy một nhóm hay không cũng được nêu ra; nhóm phải gồm những đệ tử đã cam kết và tận tâm phụng sự nhân loại. Có một gợi ý tinh tế rằng những điều Thánh đoàn có thể truyền đạt bằng viễn cảm cho một nhóm như thế đòi hỏi nhóm ấy phải đáng tin cậy. Trong sách *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*, chúng ta biết rằng con người có thể trở nên đáp ứng bằng viễn cảm với những tư tưởng hoặc ý tưởng không dành cho họ. Sự đáp ứng như thế không phục vụ mục đích hữu ích nào.

Hoạt động của trung tâm tim không bao giờ biểu hiện trong mối liên hệ với các cá nhân. Đây là một sự thật căn bản.

12. Here is another foundational statement and, perhaps, not as easy to assimilate as might appear. Individuals so often think in terms of their heart-center connection with each other, but is it really a heart center connection?

What devastates most disciples is the solar plexus ability (when purified [114] and consecrated) to identify itself with individuals. The heart centre cannot react, except under group impetus, group happiness or unhappiness, and other group relations.

13. If these thoughts are pondered, it will lead to an important revision in the customary assumptions related to heart and solar plexus activity. It is the purified solar plexus (not the heart), which promotes the ability to identify with other individuals. From the wording, it seems as if it is the solar plexus itself which identifies; the consciousness of the disciple (insufficiently abstracted) would then be prone to enter that identification.

14. The solar plexus is a chakra that contributes, we learn, to devastation. A little study of the lives of those we know will confirm this. The word “deva” in “devastation” should be noted.

15. Personal impetus and personal happiness or unhappiness are not sourced from the heart center but from the solar plexus.

16. Thus the heart, as it were, is not an individual organ, but a group organ.

17. It is significant, however, that the heart can experience group unhappiness. The sense of group pain can, thus, enter through the heart.

12. Đây là một phát biểu nền tảng khác và có lẽ không dễ lĩnh hội như thoạt nhìn. Các cá nhân rất thường nghĩ đến mối liên kết qua trung tâm tim giữa họ với nhau, nhưng đó có thực sự là một mối liên kết qua trung tâm tim không?

Điều khiến phần lớn các đệ tử khốn đốn là khả năng của từng thái dương (khi đã được thanh luyện [114] và thánh hiến) đồng hoá với các cá nhân. Trung tâm tim không thể phản ứng, trừ khi chịu sự thôi thúc của nhóm, niềm hạnh phúc hay bất hạnh của nhóm, và những mối quan hệ nhóm khác.

13. Việc suy ngẫm những ý tưởng này sẽ dẫn đến một sự điều chỉnh quan trọng trong các giả định thông thường liên quan đến hoạt động của tim và từng thái dương. Chính từng thái dương đã được thanh luyện (không phải tim) thúc đẩy khả năng đồng hoá với những cá nhân khác. Theo cách diễn đạt, dường như chính từng thái dương thực hiện sự đồng hoá; khi ấy, tâm thức của người đệ tử (chưa được trừu xuất đầy đủ) sẽ có khuynh hướng nhập vào sự đồng hoá đó.

14. Chúng ta biết rằng từng thái dương là một luân xa góp phần gây nên sự tàn phá. Chỉ cần nghiên cứu đôi chút về cuộc đời của những người chúng ta biết cũng sẽ xác nhận điều này. Cần lưu ý yếu tố “thiên thần” trong từ chỉ “sự tàn phá”.

15. Sự thôi thúc cá nhân và niềm hạnh phúc hoặc bất hạnh cá nhân không bắt nguồn từ trung tâm tim mà từ từng thái dương.

16. Vì vậy, có thể nói tim là một cơ quan của nhóm, chứ không phải của cá nhân.

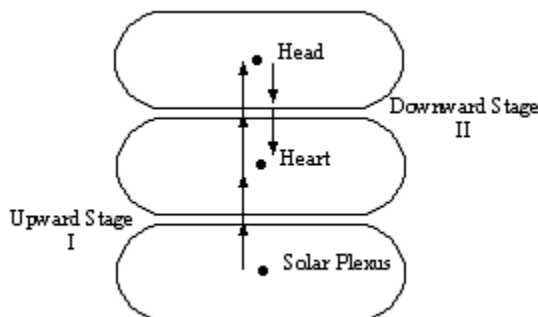
17. Tuy nhiên, việc tim có thể trải nghiệm nỗi bất hạnh của nhóm có thâm nghĩa đáng chú ý. Do đó, cảm nhận về nỗi đau của nhóm có thể đi vào qua tim.

18. Let us pause to think of the nature of the impetus we experience, and of our happy and unhappy states. Do we find them derived from the solar plexus or the heart?

18. Chúng ta hãy dừng lại để suy nghĩ về bản chất của sự thôi thúc mà mình trải nghiệm, cũng như những trạng thái hạnh phúc và bất hạnh của mình. Chúng ta thấy chúng bắt nguồn từ tòng thái dương hay từ tim?

The following diagrammatic form illustrates the procedure which I suggest that you follow:

Sơ đồ sau minh họa tiến trình mà Tôi đề nghị các bạn thực hiện:



There are two points of vital light within the solar plexus centre, which makes this centre of dominant importance and a clearing house for the centres below the diaphragm to those above it.

Trong trung tâm tòng thái dương có hai điểm ánh sáng sinh động, khiến trung tâm này có tầm quan trọng chủ đạo và trở thành trạm trung chuyển từ các trung tâm dưới cơ hoành lên các trung tâm phía trên.

19. The mass of humanity is dominated by the solar plexus center.

19. Phần đông nhân loại chịu sự chi phối của trung tâm tòng thái dương.

20. That the solar plexus is a “clearing house” means that all sub-diaphragmatic energies must pass through it on the way to the higher centers. This means that the solar plexus is functionally involved in those transferences which signal preparation for the higher initiations.

20. Tòng thái dương là một “trạm trung chuyển” có nghĩa là mọi năng lượng bên dưới cơ hoành đều phải đi qua đó trên đường đến các trung tâm cao hơn. Điều này có nghĩa là về mặt chức năng, tòng thái dương tham gia vào những sự chuyển dịch báo hiệu việc chuẩn bị cho các cuộc điểm đạo cao hơn.

21. The two points within the solar plexus center suggest the difference between ordinary desire and aspiration.

21. Hai điểm bên trong trung tâm tòng thái dương gợi ra sự khác biệt giữa dục vọng thông thường và khát vọng.

22. The term “vital light” is important; “vital” suggests the livingness of the two centers.

22. Thuật ngữ “ánh sáng sinh động” rất quan trọng; “sinh động” gợi đến sức sống của hai trung tâm.

23. The information here given is new to the

23. Thông tin được đưa ra ở đây là điều mới

modern occult presentation.

One of these points of light is connected with the lower psychic and astral life, and the other is brought into livingness by the inflow from the head centre.

24. This is a vitally important piece of information. That the head center is involved in bringing the higher of the solar plexus points into livingness may suggest that this center is to be fully stimulated at the time of the second initiation when “an illumined mind and spiritual intelligence” are to be noted.

I would here remind you that the centres above the diaphragm have only one vital point of energy, whilst the centres below the solar plexus also have only one, but that the solar plexus itself has two points of dynamic energy—one most ancient and awakened, being expressive of the life of the astral or lower psychic body, and the other waiting to be brought into conscious activity by the soul.

25. This is most interesting. Let us remember that the astral body is a unified vehicle, whereas the physical and mental bodies are divided into two parts. And yet, the chakra directly related to the astral body has two vital points of energy within it, whereas other chakras (some of them directly related to the physical and mental bodies) have only one.

26. The difference in the age of these two vital points of light is interesting. It is only relatively recently in the history of humanity that the higher of the two points is coming into activity.

27. We are told that the higher of the two centers is “brought into conscious activity by the soul” and, earlier, that it is “brought

mẻ trong cách trình bày huyền bí học hiện đại.

Một trong hai điểm ánh sáng này liên hệ với đời sống thông linh thấp và cảm dục, còn điểm kia được khơi dậy sức sống nhờ dòng năng lượng đi vào từ trung tâm đầu.

24. Đây là một thông tin hết sức quan trọng. Việc trung tâm đầu tham gia khơi dậy sức sống cho điểm cao hơn trong các điểm của từng thái dương có thể gợi ý rằng trung tâm này sẽ được kích thích đầy đủ vào thời điểm lần điểm đạo thứ hai, khi có thể nhận thấy “một thể trí được soi sáng và trí thông tuệ tinh thần”.

Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng các trung tâm trên cơ hoành chỉ có một điểm năng lượng sinh động, trong khi các trung tâm dưới từng thái dương cũng chỉ có một điểm, nhưng chính từng thái dương lại có hai điểm năng lượng năng động—một điểm rất cổ xưa và đã thức tỉnh, biểu hiện đời sống của thể cảm dục hay thể thông linh thấp, còn điểm kia đang chờ linh hồn đưa vào hoạt động hữu thức.

25. Điều này hết sức thú vị. Chúng ta hãy nhớ rằng thể cảm dục là một hiện thể thống nhất, trong khi thể xác và thể trí đều chia thành hai phần. Thế nhưng luân xa liên hệ trực tiếp với thể cảm dục lại có hai điểm năng lượng sinh động bên trong, trong khi các luân xa khác (một số liên hệ trực tiếp với thể xác và thể trí) chỉ có một điểm.

26. Sự khác biệt về tuổi của hai điểm ánh sáng sinh động này rất thú vị. Chỉ trong thời gian tương đối gần đây của lịch sử nhân loại, điểm cao hơn trong hai điểm ấy mới bắt đầu đi vào hoạt động.

27. Chúng ta được cho biết rằng trung tâm cao hơn trong hai trung tâm được “linh hồn đưa vào hoạt động hữu thức” và, trước đó,

into livingness by the inflow from the head centre". The conclusion to be drawn is that, in this instance, the soul is working through the head center.

28. One thing is certain—the higher of the two centers is awakened only when soul culture is proceeding.

When this has happened, the awakening to the higher issues of life makes the disciple sensitive to the higher "psychic gift waves" (as the Tibetan occultists call them) of the spiritual world.

29. The awakening of the higher of the two solar plexus points corresponds with an awakening to the "higher issues of life". An individual for whom the awakening is occurring is at least an aspirant.

30. We also learn that sensitivity to the higher "psychic gift waves" definitely involves the solar plexus. We can imagine that such waves are, as part of their usefulness, transmutative of the emotional/astral condition.

All this is a somewhat new concept for the average esotericist and theosophist, and is one of the new items of information which disciples (in preparation for initiation) are [115] told.

31. DK is confirming that those for whom He is writing these instructions are in preparation for initiation.

32. The initiation meant is not the first, since all those in the group (except one) had taken the Initiation of the Birth. It is, reasonably, the second initiation that is meant.

rằng nó được "khơi dậy sức sống nhờ dòng năng lượng tuôn vào từ trung tâm đầu". Kết luận rút ra là trong trường hợp này, linh hồn đang hoạt động thông qua trung tâm đầu.

28. Có một điều chắc chắn—trung tâm cao hơn trong hai trung tâm chỉ thức tỉnh khi sự tu dưỡng linh hồn đang diễn ra.

Khi điều này xảy ra, sự thức tỉnh trước những vấn đề cao hơn của cuộc sống khiến đệ tử trở nên nhạy cảm với những "làn sóng ân tứ thông linh" cao hơn (theo cách gọi của các nhà huyền bí học Tây Tạng) từ thế giới tinh thần.

29. Sự thức tỉnh của điểm cao hơn trong hai điểm tòng thái dương tương ứng với sự thức tỉnh trước "những vấn đề cao cả hơn của cuộc sống". Một cá nhân đang trải qua sự thức tỉnh ấy ít nhất cũng là một người chí nguyện.

30. Chúng ta cũng biết rằng sự nhạy cảm với những "làn sóng thiên bẩm thông linh" cao hơn chắc chắn có sự tham gia của tòng thái dương. Chúng ta có thể hình dung rằng một phần công dụng của những làn sóng ấy là chuyển hoá trạng thái cảm xúc/cảm dục.

Tất cả những điều này là một quan niệm khá mới đối với nhà bí truyền học và người theo Thông Thiên Học thông thường, và là một trong những thông tin mới mà các đệ tử (đang chuẩn bị cho điểm đạo) [115] được truyền dạy.

31. Chân sư DK đang xác nhận rằng những người mà Ngài viết các huấn thị này cho đang chuẩn bị cho điểm đạo.

32. Cuộc điểm đạo được nói đến không phải là lần thứ nhất, vì tất cả những người trong nhóm (trừ một người) đều đã trải qua Cuộc Điểm Đạo Giáng Sinh. Có cơ sở để cho rằng điều được nói đến là lần điểm đạo thứ hai.

33. It may be useful to reflect upon whether the awakening of the higher solar plexus point corresponds to that period of development in which the building of the antahkarana may be successfully undertaken.

34. There would seem to be a correlation between the dual sign Gemini, the two points within the solar plexus center and the building of the antahkarana (with its two initial points of focus—the mental unit and the manasic permanent atom.

This truth lies behind the method of meditation which I shall seek to give you, and which is divided into two parts—one aspect or technique will cover approximately the first six months, and the other the second six months. This dual meditation is a group meditation and will have primarily a group effect. This fact must be most carefully recognised by each disciple.

35. The Tibetan is preparing the ground for the offering of the first two group meditations (really one meditation) which appear in DINA II.

36. The group under training was the New Seed Group consisting of twenty-four chelas. Through the instructions released to them, DK was offering a new type of intensive group training. The instructions obviously were intended to have utility far into the future.

I would have you ponder most earnestly upon this imparted information. The meditation which I wish to assign will be divided into two parts:

Stage I. A stage wherein there is a lifting of the energy of the heart centre to the head by means of directed, controlled aspiration—

33. Có thể hữu ích khi suy ngẫm liệu sự thức tỉnh của điểm từng thái dương cao hơn có tương ứng với giai đoạn phát triển mà việc xây dựng antahkarana có thể được tiến hành thành công hay không.

34. Đường như có một mối tương quan giữa dấu hiệu kép Song Tử, hai điểm bên trong trung tâm từng thái dương và việc xây dựng antahkarana (với hai tiêu điểm ban đầu của nó—đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas.

Chân lý này là nền tảng của phương pháp tham thiền mà Tôi sẽ cố gắng trao cho các bạn, gồm hai phần—một phương diện hay kỹ thuật sẽ kéo dài khoảng sáu tháng đầu, và phần kia dành cho sáu tháng sau. Bài thiền kép này là một bài thiền nhóm và chủ yếu sẽ tạo tác động lên nhóm. Mỗi đệ tử phải nhận biết sự thật này hết sức cẩn trọng.

35. Chân sư Tây Tạng đang chuẩn bị nền tảng để trao hai bài thiền nhóm đầu tiên (thực ra là một bài thiền) xuất hiện trong DINA II.

36. Nhóm đang được huấn luyện là Nhóm Hạt Giống Mới gồm hai mươi bốn đệ tử. Thông qua những huấn thị trao cho họ, Chân sư DK đang đưa ra một hình thức huấn luyện nhóm chuyên sâu mới. Rõ ràng các huấn thị này nhằm mang lại lợi ích lâu dài trong tương lai.

Tôi mong các bạn suy ngẫm hết sức nghiêm túc về thông tin được truyền đạt này. Bài thiền mà Tôi muốn giao sẽ chia thành hai phần:

Giai đoạn I. Một giai đoạn trong đó năng lượng của trung tâm tim được nâng lên đầu nhờ khát vọng có định hướng và được kiểm

deliberately stimulated, mentally appreciated, and emotionally propelled. I am here choosing my words with care for their symbolic import.

37. If love-wisdom is to be achieved, the energy of the heart center must be lifted into the head.

38. We note that “directed, controlled aspiration” is the chosen means of “lifting” energy.

39. What does it mean that aspiration can be “directed” and “controlled”? May we say that the ‘target’ of the aspiration is clearly visualized and that the aspirational stream is not allowed to diverge towards other objectives?

40. How does one stimulate aspiration? Perhaps it is done by reminding oneself of the value of that which is desired.

41. How does one mentally appreciate aspiration? In order for this to occur, the Attitude of the Observer must be assumed and the spiritual value of one’s aspiration must be realized even as one is engaged in the act of aspiring. This will require a dual focus of consciousness.

42. How does one propel aspiration emotionally? May we say that aspiration arises from a pool of emotional intensity? One has to want with some intensity that towards which one aspires. We may also think of the ‘motions’ (‘e-motions’) arising within the astral body as coordinated and directed. They are not simply allowed random and uncontrolled expression. The energy of emotion is made to serve a higher purpose.

Stage II. Next, the deliberate dispatch of spiritual energy to the solar plexus, through

soát—được chủ ý kích thích, được nhận thức bằng trí tuệ và được cảm xúc thúc đẩy. Ở đây, Tôi chọn từ ngữ cẩn thận vì ý nghĩa biểu tượng của chúng.

37. Để đạt được Bác Ái – Minh Triết, năng lượng của trung tâm tim phải được nâng lên đầu.

38. Chúng ta lưu ý rằng “khát vọng có định hướng và được kiểm soát” là phương tiện được chọn để “nâng” năng lượng lên.

39. Việc khát vọng có thể được “định hướng” và “kiểm soát” có nghĩa là gì? Liệu có thể nói rằng “đích nhắm” của khát vọng được hình dung rõ ràng và dòng khát vọng không được phép chuyển hướng sang những mục tiêu khác?

40. Làm thế nào để kích thích khát vọng? Có lẽ bằng cách tự nhắc mình về giá trị của điều mình mong muốn.

41. Làm thế nào để nhận thức giá trị của khát vọng bằng trí tuệ? Muốn vậy, phải giữ Thái Độ của Người Quan Sát và nhận ra giá trị tinh thần của khát vọng ngay trong khi đang khát vọng. Điều này sẽ đòi hỏi tâm thức có một tiêu điểm kép.

42. Làm thế nào để thúc đẩy khát vọng bằng cảm xúc? Liệu có thể nói rằng khát vọng nảy sinh từ một nguồn cảm xúc mãnh liệt? Người ta phải mong muốn điều mình khát vọng với một mức độ mãnh liệt nào đó. Chúng ta cũng có thể nghĩ rằng những “chuyển động” (“cảm xúc”) nảy sinh trong thể cảm dục được phối hợp và định hướng. Chúng không đơn thuần được phép biểu lộ ngẫu nhiên và thiếu kiểm soát. Năng lượng cảm xúc được hướng vào việc phục vụ một mục đích cao hơn.

Giai đoạn II. Tiếp theo là chủ ý truyền năng lượng tinh thần đến từng thái dương bằng

an act of the will; this will result in the awakening of the hitherto quiescent point of force which lies behind (or rather within) the active and awakened centre.

một hành động của ý chí; điều này sẽ đánh thức điểm mãnh lực vốn tĩnh lặng từ trước đến nay, nằm phía sau (hay đúng hơn là bên trong) trung tâm đang hoạt động và đã thức tỉnh.

43. The word “dispatch” suggests control, directness and speed. The “spiritual energy” is not allowed to ‘trickle down’ towards the solar plexus, but is sent directly.

43. Từ “truyền” gợi đến sự kiểm soát, tính trực tiếp và tốc độ. Năng lượng tinh thần không được để “nhỏ giọt” xuống từng thái dương mà được truyền thẳng đến đó.

44. The energy dispatched is sent from the head center. This dispatching does not simply happen. It is made to happen through an act of the will.

44. Năng lượng được truyền đi xuất phát từ trung tâm đầu. Việc truyền này không tự nhiên xảy ra. Một hành động của ý chí làm cho nó xảy ra.

45. An important occult hint is here given concerning the location or position of the ‘higher’ point of light within the solar plexus. There are a few ways to conceive the ‘location’ of the quiescent point of force relative to the long awakened point of force. One can think of it as ‘above’, ‘behind’ or ‘within’ the “active and awakened centre”. The Tibetan seems to be suggesting that the true position of the higher point is “within”. Perhaps both the words “behind” and “within” should be pondered in this regard.

45. Ở đây có một gợi ý huyền bí quan trọng về vị trí của điểm ánh sáng “cao hơn” bên trong từng thái dương. Có vài cách hình dung “vị trí” của điểm mãnh lực tĩnh lặng so với điểm mãnh lực đã thức tỉnh từ lâu. Có thể nghĩ rằng nó ở “bên trên”, “phía sau” hoặc “bên trong” “trung tâm đang hoạt động và đã thức tỉnh”. Chân sư Tây Tạng dường như đang gợi ý rằng vị trí thực sự của điểm cao hơn là “bên trong”. Có lẽ nên suy ngẫm cả hai từ “phía sau” và “bên trong” về phương diện này.

It will be apparent to you that the first stage is occupied with what is regarded esoterically as the “withdrawal to the centre of inspiration” and it is to this withdrawal that I call you all today, prior to the definite and detailed group work—later to be outlined.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng giai đoạn thứ nhất liên quan đến điều mà huyền bí học xem là “rút về trung tâm cảm hứng”, và hôm nay Tôi kêu gọi tất cả các bạn thực hiện sự rút về này trước khi tiến hành công việc nhóm cụ thể và chi tiết—sẽ được phác thảo sau.

46. The Tibetan proceeds with caution. His chelas are to approach the new meditation(s) step by step, habituating themselves to preliminary phases before passing on to succeeding phases.

46. Chân sư Tây Tạng tiến hành một cách thận trọng. Các đệ tử của Ngài phải tiếp cận bài thiền hoặc các bài thiền mới từng bước một, làm quen với các giai đoạn sơ bộ trước khi chuyển sang những giai đoạn tiếp theo.

Under cyclic law there are periods of outgoing and of withdrawing, of progressing in service towards the periphery of activity and also of a conscious

Theo định luật chu kỳ, có những thời kỳ hướng ra và rút vào, tiến ra phụng sự đến tận chu vi hoạt động, cũng như hữu thức thu tâm thức khỏi vòng ngoài và lại tập

abstraction of the consciousness from the outer circle and its centering again at the very heart of life. It is to this retreating within that I summon you—a retreat which must be continued and consciously held until the next Full Moon of May.

47. Two modes of procedure are discussed—one centrifugal and the other centripetal. The Tibetan focuses on the centripetal approach—a movement from the periphery to the center. By doing this He assures Himself that His chelas can access the central point of inspiration.

48. The “retreat” towards the center to which He summons His students corresponds with the approach of the “higher interlude” of the year, climaxing at the May Full Moon.

You might regard it as the individual phase of alignment and of preparation to which each of you is called, and called prior to participation in the group meditation with which you will [116] be occupied for the remainder of the year, after May.

49. The first phase of the process is “individual” and is considered a preparation for the “group” meditation later to be followed.

50. There is no point proceeding unless a firm foundation has been laid. In relation to progress on the Path of Occultism, this is a principle ever to be remembered. One cannot build the occult life on a shaky foundation.

Stage II and its successful issue will be largely dependent upon the success achieved during Stage I.

Stage I itself is divided into two parts, and to these I now call your attention. The first part of Stage I is a short dynamic

trung tâm thức ngay tại tâm điểm của sự sống. Tôi kêu gọi các bạn thực hiện sự lui vào bên trong ấy—một sự lui vào cần được tiếp tục và duy trì một cách có ý thức cho đến kỳ Trăng Tròn tháng Năm sắp tới.

47. Hai cách tiến hành được bàn đến—một cách ly tâm và cách kia hướng tâm. Chân sư Tây Tạng tập trung vào cách tiếp cận hướng tâm—một chuyển động từ chu vi vào trung tâm. Bằng cách này, Ngài bảo đảm rằng các đệ tử của Ngài có thể tiếp cận điểm cảm hứng trung tâm.

48. Sự “lui về” trung tâm mà Ngài kêu gọi các đạo sinh thực hiện tương ứng với thời điểm “khoảng chuyển tiếp cao” của năm đang đến gần, đạt đỉnh vào kỳ Trăng Tròn tháng Năm.

Các bạn có thể xem đây là giai đoạn chỉnh hợp và chuẩn bị của cá nhân mà mỗi người được kêu gọi thực hiện, trước khi tham gia bài thiền nhóm sẽ [116] chiếm phần công việc của các bạn trong thời gian còn lại của năm, sau tháng Năm.

49. Giai đoạn đầu tiên của tiến trình mang tính “cá nhân” và được xem là sự chuẩn bị cho bài thiền “nhóm” sẽ thực hành sau đó.

50. Tiếp tục tiến bước sẽ không có ý nghĩa gì nếu chưa đặt được nền tảng vững chắc. Đối với sự tiến bộ trên Con Đường Huyền Bí Học, đây là một nguyên khí cần luôn ghi nhớ. Không thể xây dựng đời sống huyền bí trên một nền tảng lung lay.

Giai đoạn II và kết quả thành công của nó sẽ phụ thuộc phần lớn vào thành công đạt được trong Giai đoạn I.

Chính Giai đoạn I lại chia thành hai phần, và giờ đây Tôi muốn các bạn chú ý đến hai phần ấy. Phần thứ nhất của Giai đoạn I là

meditation, carried out every morning with the greatest regularity.

51. The key ingredient in all occult meditation (especially in the earlier phases) is regularity. Regularity promotes a reliable re-patterning of energies.

52. That which is short is not necessarily without power. In fact, short dynamic meditations may be more powerful than those that are longer and more diffuse.

The second part is a **reflective process or cultivated recognition** which will serve to condition your day's activity. This conditioning attitude should be one of a constant recollection of purpose and objective, and a process of what has been called "intentional living."

53. We are given to understand the importance of "recollection of purpose and objective" if there is to be "intentional living".

54. What is "recollection"? Shall we say a constant reminding of oneself so that one remains conscious of exactly what one is doing?

55. If we are subject to maya, we simply do and, in the doing, remain unconscious of that which we are doing. Intentional living must be conscious living.

It connotes the effort to live consciously at the centre and then to work outward from there in radiatory, magnetic activity. I am not here speaking symbolically but literally for it is all a question of the focus of consciousness.

56. A true occultist lives ever "at the centre". The secrets of the occult life are there to be

một bài thiền ngắn, năng động, thực hiện mỗi sáng với sự đều đặn cao nhất.

51. Yếu tố then chốt trong mọi sự tham thiền huyền bí (đặc biệt ở những giai đoạn đầu) là tính đều đặn. Tính đều đặn thúc đẩy việc tái lập mô hình năng lượng một cách ổn định.

52. Điều ngắn gọn không nhất thiết thiếu sức mạnh. Thực ra, những bài thiền ngắn, năng động có thể mạnh mẽ hơn những bài dài và phân tán hơn.

Phần thứ hai là một **tiến trình suy ngẫm hay sự nhận biết được vun bồi**, sẽ góp phần định hình hoạt động trong ngày của các bạn. Thái độ tạo ảnh hưởng này cần bao gồm việc luôn ghi nhớ mục đích và mục tiêu, cùng một tiến trình từng được gọi là "sống có chủ đích".

53. Chúng ta được giúp thấu hiểu tầm quan trọng của việc "nhớ lại mục đích và mục tiêu" nếu muốn "sống có chủ đích".

54. "Nhớ lại" là gì? Liệu có thể nói đó là việc thường xuyên tự nhắc mình để luôn nhận biết chính xác điều mình đang làm?

55. Nếu chịu sự chi phối của ảo lực, chúng ta chỉ hành động và trong khi hành động vẫn không nhận biết điều mình đang làm. Sống có chủ đích phải là sống có ý thức.

Điều này hàm ý nỗ lực sống một cách có ý thức tại trung tâm, rồi từ đó hoạt động hướng ra ngoài bằng sự tỏa chiếu và từ tính. Ở đây, Tôi không nói theo nghĩa biểu tượng mà theo nghĩa đen, vì tất cả đều là vấn đề tiêu điểm của tâm thức.

56. Một nhà huyền bí học chân chính luôn sống "tại trung tâm". Những bí mật của đời

found.

57. The greater the centralization, the greater the radiatory and magnetic activity.

58. The masses of humanity are engaged in what might be called 'peripheral living'. The student of occultism learns to disengage from that swirl of maya and find his way to the center of awareness.

If this attitude can be constantly held until the Full Moon of May, the individual seeds within the group periphery (could we symbolically call it the seed pod or sheath?) will become living and potent units of energy (spiritual energy) and the succeeding period of group interrelation and group activity will be correspondingly potent.

59. The Tibetan uses an image which we may find suggestive as we think of our individual development and its relation to the development of the group.

60. We are given a sequence:

First there must be created "living and potent units of energy (spiritual energy)" within the group periphery.

Secondly, these living potent units of energy must be rightly related to each other producing a period of "group interrelation and group activity".

61. In relation to our group life, each of us in an individual seed within a group seed pod or sheath. Each of us must achieve a necessary degree of intensification before we can be related to each other in such a manner that a true and vital group will be created. There is no true group life unless the units involved have been individually vitalized. This bears consideration.

sống huyền bí có thể được tìm thấy ở đó.

57. Càng tập trung tại trung tâm, hoạt động phát xạ và từ tính càng mạnh.

58. Đại đa số nhân loại đang sống theo cách có thể gọi là "sống ở ngoại vi". Đạo sinh huyền bí học cách thoát khỏi vòng xoáy ảo lực ấy và tìm đường đến trung tâm nhận biết.

Nếu có thể liên tục duy trì thái độ này cho đến kỳ Trăng Tròn tháng Năm, những hạt giống cá nhân bên trong chu vi nhóm (theo nghĩa biểu tượng, liệu chúng ta có thể gọi đó là vỏ quả hay lớp bọc hạt giống chăng?) sẽ trở thành những đơn vị năng lượng sống động và mạnh mẽ (năng lượng tinh thần), và thời kỳ liên hệ cùng hoạt động nhóm tiếp theo sẽ có uy lực tương ứng.

59. Chân sư Tây Tạng sử dụng một hình ảnh có thể gợi nhiều suy ngẫm khi chúng ta nghĩ về sự phát triển cá nhân và mối liên hệ của nó với sự phát triển của nhóm.

60. Chúng ta được chỉ ra một trình tự:

Trước hết, phải tạo ra "những đơn vị năng lượng sống động và mạnh mẽ (năng lượng tinh thần)" bên trong chu vi nhóm.

Thứ hai, những đơn vị năng lượng sống động, mạnh mẽ này phải liên hệ đúng đắn với nhau, tạo nên một thời kỳ "tương quan nhóm và hoạt động nhóm".

61. Xét trong đời sống nhóm của chúng ta, mỗi người là một hạt giống riêng biệt trong quả chứa hạt hay lớp vỏ bọc hạt của nhóm. Mỗi người phải đạt được một mức độ tăng cường cần thiết trước khi có thể liên hệ với nhau theo cách tạo nên một nhóm chân chính và đầy sức sống. Không thể có đời sống nhóm chân chính nếu từng đơn vị tham gia chưa được tiếp sinh lực. Điều này

đáng để suy xét.

In the furtherance of this process, leading to radiatory and magnetic living, the method suggested is as follows:

62. We see that one of the main objectives of the meditation offered is to produce “radiatory and magnetic living” for both the individual and the group.

STAGE I

1. Reflective alignment of soul and personality, using the creative imagination in the process. This is a “feeling” or astral activity.

63. Although “feeling” can be ascribed to the heart (and, really, to any of the vehicles), it is most commonly ascribed to the astral nature.

64. How are we to know when the soul and personality are actually aligned? We facilitate this process through the use of the creative imagination, but when alignment actually occurs there is a certain feel to it. When the correct feeling emerges, we know that the intended alignment has been achieved.

65. Each meditator will have to determine the nature of the “feeling” for himself or herself.

66. The fact that the alignment process is “reflective” shows that the observing consciousness is involved. One becomes the observer of the process in which one is engaged. The necessity for a dual focus in consciousness occurs in many occult processes: there is the observer at the center and, also, the one who actively engages in a specific interior process.

Để thúc đẩy tiến trình dẫn đến lối sống tỏa chiếu và có từ tính này, phương pháp được đề nghị như sau:

62. Chúng ta thấy rằng một trong những mục tiêu chính của bài thiền được trao là tạo ra “lối sống phát xạ và có từ tính” cho cả cá nhân lẫn nhóm.

GIAI ĐOẠN I

1. Chỉnh hợp linh hồn và phạm ngã qua suy ngẫm, sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo trong tiến trình này. Đây là một hoạt động “cảm nhận”, hay hoạt động cảm dục.

63. Mặc dù “cảm nhận” có thể được quy cho tim (và thực ra cho bất kỳ hiện thể nào), nó thường được quy cho bản chất cảm dục nhất.

64. Làm thế nào để biết khi nào linh hồn và phạm ngã thực sự được chỉnh hợp? Chúng ta hỗ trợ tiến trình này bằng cách sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo, nhưng khi sự chỉnh hợp thực sự diễn ra, nó có một cảm nhận đặc trưng. Khi cảm nhận đúng dần xuất hiện, chúng ta biết rằng sự chỉnh hợp mong muốn đã đạt được.

65. Mỗi người hành thiền sẽ phải tự xác định bản chất của “cảm nhận” ấy.

66. Việc tiến trình chỉnh hợp có tính “suy ngẫm” cho thấy tâm thức quan sát có tham gia. Người thực hành trở thành người quan sát chính tiến trình mình đang tham gia. Nhiều tiến trình huyền bí đòi hỏi sự tập trung kép trong tâm thức: có người quan sát ở trung tâm, đồng thời có người tích cực tham gia một tiến trình nội tâm cụ thể.

2. Assumed relation of solar plexus, heart and head, and the focus of the assuming consciousness to be in the region of the ajna centre. This is done mentally.

67. We have an interesting formulation: an “assuming consciousness” which assumes a relation between the solar plexus, heart and head. When there is an assuming consciousness, doubt is not allowed to enter. One “acts as if” and affirms the validity of the assumption.

68. The assumption is not an astral activity. Instead, it requires the assent of the often doubting mind.

69. One centers one’s attention in the region of the ajna center as one affirms the relation between the solar plexus, heart and head. Again, the creative imagination can be used.

3. When this has been achieved and realised, there follows next the concentration of aspiration and of thought in the heart centre, imagining it to be just between the shoulder blades. It must be recognised that the concentration of thought energy is definitely there.

70. Although the directions seem simple, it is necessary to think about what they really mean.

71. An act of concentration is asked for, and both aspiration and thought are to be concentrated. Naturally, it is important for the meditator to have an experiential understanding of the difference between aspiration and thought.

72. The inner dynamic which we call aspiration and the inner dynamic we call thought are to be recognized and

2. Hình dung mối liên hệ giữa từng thái dương, tim và đầu, và hình dung tiêu điểm của tâm thức đang thực hiện điều ấy nằm trong vùng trung tâm ajna. Việc này được thực hiện bằng trí tuệ.

67. Chúng ta có một cách diễn đạt thú vị: một “tâm thức đang giả định” giả định có mối liên hệ giữa từng thái dương, tim và đầu. Khi có một tâm thức đang giả định, sự nghi ngờ không được phép xen vào. Người thực hành “hành động như thể” và khẳng định tính xác thực của giả định ấy.

68. Việc giả định không phải là một hoạt động cảm dục. Thay vào đó, nó đòi hỏi sự chấp thuận của thể trí vốn thường nghi ngờ.

69. Người thực hành tập trung sự chú ý vào vùng trung tâm ajna khi khẳng định mối liên hệ giữa từng thái dương, tim và đầu. Một lần nữa, có thể sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo.

3. Khi đã đạt được và nhận biết điều này, tiếp theo là tập trung khát vọng và tư tưởng vào trung tâm tim, tưởng tượng trung tâm này nằm ngay giữa hai bả vai. Phải nhận biết rằng năng lượng tư tưởng tập trung đúng tại đó.

70. Mặc dù các chỉ dẫn có vẻ đơn giản, vẫn cần suy nghĩ về ý nghĩa thực sự của chúng.

71. Chỉ dẫn yêu cầu một hành động tập trung, và cả khát vọng lẫn tư tưởng đều phải được tập trung. Dĩ nhiên, điều quan trọng là người hành thiền phải thấu hiểu qua trải nghiệm sự khác biệt giữa khát vọng và tư tưởng.

72. Cần nhận biết và tập trung động lực nội tâm mà chúng ta gọi là khát vọng cùng động lực nội tâm mà chúng ta gọi là tư tưởng

concentrated or focussed within the heart center. This will give the sense of both thinking within the heart and of aspiring within the heart. If this is effectively done the solar plexus will be linked with the heart and so will the ajna center.

73. If the concentration of thought energy is to be definitely within the heart, there must be a visualizing and feeling of the heart center as thought is occurring.

74. While it is not so difficult to talk about what it is to occur, each will have to experiment for himself or herself until some facility is gained.

4. Then follows the conscious and pictorial (or imaginative) withdrawal of the heart's aspiration, life and [117] devotion into the centre above the head (the thousand-petalled lotus), and its conscious focussing there.

75. We note that DK is speaking of the "heart's aspiration" and not of the aspiration of the solar plexus. It would be an act of useful discrimination to distinguish (experientially) between the aspiration of the solar plexus and the aspiration of the heart.

76. One can do this by focusing first within the solar plexus and activating aspiration from that center, and then focusing with the heart and again activating aspiration. The difference in the 'feel' of the two processes should be noted. The nature of the heart as a "group organ" may thereby be noted.

77. We note that within the heart are to be found "aspiration, life and devotion". That "life" is to be found within the heart is readily recognized. As for "aspiration and devotion", they are often associated with the solar plexus. We have spoken of the

trong trung tâm tim. Điều này sẽ đem lại cảm nhận vừa suy nghĩ trong tim, vừa khát vọng trong tim. Nếu thực hiện hiệu quả, từng thái dương sẽ liên kết với tim, và trung tâm ajna cũng vậy.

73. Để năng lượng tư tưởng thực sự tập trung trong tim, cần hình dung và cảm nhận trung tâm tim trong lúc tư tưởng diễn ra.

74. Tuy nói về những gì sẽ xảy ra không quá khó, mỗi người vẫn phải tự thử nghiệm cho đến khi đạt được một mức độ thuần thực nào đó.

4. Tiếp theo là hữu thức rút khát vọng, sự sống và [117] lòng sùng tín của tim vào trung tâm phía trên đầu (hoa sen nghìn cánh), bằng hình ảnh (hay sự tưởng tượng), và hữu thức tập trung chúng tại đó.

75. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang nói về "khát vọng của tim", chứ không phải khát vọng của từng thái dương. Phân biệt qua trải nghiệm giữa khát vọng của từng thái dương và khát vọng của tim sẽ là một hành động phân biện hữu ích.

76. Có thể làm điều này bằng cách trước tiên tập trung trong từng thái dương và khơi dậy khát vọng từ trung tâm ấy, rồi tập trung trong tim và một lần nữa khơi dậy khát vọng. Cần lưu ý sự khác biệt trong "cảm nhận" về hai tiến trình. Qua đó cũng có thể nhận biết bản chất của tim như một "cơ quan nhóm".

77. Chúng ta lưu ý rằng trong tim có "khát vọng, sự sống và lòng sùng tín". Việc "sự sống" hiện diện trong tim là điều dễ nhận biết. Còn "khát vọng và lòng sùng tín" thường gắn với từng thái dương. Chúng ta đã nói về sự tương phản giữa khát vọng tập

contrast between the aspiration centered in the heart or in the solar plexus, and a similar distinction must be made between the devotion of the solar plexus and the devotion of the heart.

78. We note that the thousand petalled lotus is located “above the head”. In this process, the energy of the heart is being drawn into the head. As this is done, the twelve-petalled greater lotus within the head center may be visualized as receiving the up-drawn aspiration, life and devotion of the heart.

79. It is well to bear in mind the ancient adage, “energy follows thought”. Wherever thought or attention are concentrated, energy will follow.

5. When this stage has been reached, and the conscious recognition of place and activity is being gently yet surely held, then sound the Sacred Word, OM, very softly three times, breathing out and towards:

80. The Tibetan is trying to avoid the undue application of force; thus He emphasizes the word “gently”. If there were an attempt to force the holding of energy within any particular center, the very process of forcing would attract attention and prevent the proper focusing.

81. We note that it is the “conscious recognition of place and activity” that is to be held. The sense of place gives focus in space. The required activity is not scattered in many locations, but focussed within the required place.

82. The sounding of the OM is to be audible but soft. On other occasions, an inaudible sounding is required.

83. When one breathes the OM out towards a particular focus or target, the creative

trung trong tim và khát vọng tập trung trong từng thái dương; cũng cần phân biệt tương tự giữa lòng sùng tín của từng thái dương và lòng sùng tín của tim.

78. Chúng ta lưu ý rằng hoa sen nghìn cánh nằm “phía trên đầu”. Trong tiến trình này, năng lượng của tim đang được rút vào đầu. Khi thực hiện điều đó, có thể hình dung hoa sen lớn mười hai cánh bên trong trung tâm đầu đang tiếp nhận khát vọng, sự sống và lòng sùng tín được rút lên từ tim.

79. Nên ghi nhớ câu châm ngôn cổ: “năng lượng theo sau tư tưởng”. Tư tưởng hay sự chú ý tập trung ở đâu, năng lượng sẽ theo đến đó.

5. Khi đã đạt đến giai đoạn này, và đang duy trì sự nhận biết hữu thức về vị trí cùng hoạt động một cách nhẹ nhàng nhưng vững chắc, hãy xướng Linh Từ Thiêng Liêng, OM, thật khẽ ba lần, thở ra và hướng tới:

80. Chân sư Tây Tạng đang cố tránh việc vận dụng mãnh lực quá mức; do đó, Ngài nhấn mạnh từ “nhẹ nhàng”. Nếu cố ép giữ năng lượng trong bất kỳ trung tâm cụ thể nào, chính tiến trình cưỡng ép ấy sẽ thu hút sự chú ý và ngăn cản việc tập trung đúng cách.

81. Chúng ta lưu ý rằng điều cần duy trì là “sự nhận biết có ý thức về vị trí cùng hoạt động”. Cảm nhận về vị trí tạo ra một tiêu điểm trong không gian. Hoạt động cần thiết không phân tán ở nhiều nơi mà tập trung trong vị trí được yêu cầu.

82. Việc xướng linh từ OM phải đủ nghe nhưng nhẹ nhàng. Vào những dịp khác, chỉ dẫn yêu cầu xướng thầm.

83. Khi thở linh từ OM ra hướng đến một tiêu điểm hay đích đến cụ thể, dĩ nhiên phải

imagination must naturally be employed.

a. The Soul.

b. The Hierarchy.

c. Humanity.

These three recognised factors now constitute a definite and linked triangle of force.

84. Each meditator will have his particular way of visualizing or designating the factors in this triangle.

85. It may be facilitative to 'see' the three factors as linked in triangular formation.

6. Then say with heartfelt intent (consider the significance of those two words) the invocation which I gave you in my communication in September, 1939:

86. We note the words "heartfelt intent". There is a type of intent in which the mind alone is engaged. There is also an intent which engages the heart. One must practice heartfelt intent.

The sons of men are one and I am one with them.

87. This is the fundamental recognition of unity. We might say that every true server of humanity will, to some degree, recognize the truth of this statement.

I seek to love, not hate;

I seek to serve and not exact due service;

I seek to heal, not hurt.

vận dụng sự tưởng tượng sáng tạo.

a. Linh hồn.

b. Thánh đoàn.

c. Nhân loại.

Giờ đây, ba yếu tố được nhận biết này tạo thành một tam giác mãnh lực rõ rệt và liên kết.

84. Mỗi người hành thiền sẽ có cách riêng để hình dung hoặc xác định các yếu tố trong tam giác này.

85. Việc "thấy" ba yếu tố liên kết thành một tam giác có thể giúp tiến trình thuận lợi hơn.

6. Sau đó, với chủ ý xuất phát từ tận đáy lòng (hãy suy xét thâm nghĩa của hai từ ấy), hãy đọc lời khấn cầu mà Tôi đã trao cho các bạn trong thông điệp tháng Chín năm 1939:

86. Chúng ta lưu ý cụm từ "chủ ý xuất phát từ trái tim". Có một loại chủ ý chỉ có thể trí tham gia. Cũng có một loại chủ ý huy động cả trái tim. Cần thực hành chủ ý xuất phát từ trái tim.

Những người con của nhân loại là một, và tôi là một với họ.

87. Đây là sự nhận biết căn bản về tính hợp nhất. Chúng ta có thể nói rằng mọi người phụng sự nhân loại chân chính đều sẽ nhận biết chân lý của lời khẳng định này ở một mức độ nào đó.

Tôi tìm cách yêu thương mà không thù ghét;

Tôi tìm cách phụng sự và không đòi hỏi sự phục vụ đáp lại;

Tôi tìm cách chữa lành, không gây tổn

thương.

88. The soul seeks to love, serve and heal. The personality in some of its different modes of expression can hurt, exact due service and hate.

88. Linh hồn tìm cách yêu thương, phụng sự và chữa lành. Trong một số phương thức biểu lộ khác nhau, phạm ngã có thể gây tổn thương, đòi hỏi sự phục vụ đáp lại và thù ghét.

89. Our past is called to our attention and contrasted with the future we will experience when we merge fully into soulful living.

89. Chúng ta được nhắc chú ý đến quá khứ của mình và đối chiếu nó với tương lai mà chúng ta sẽ trải nghiệm khi hoàn toàn hòa vào đời sống thấm nhuần linh hồn.

Let pain bring due reward of light and love.

Cầu xin sự khổ đau đem lại phần thưởng thích đáng của ánh sáng và tình thương.

90. This is ever the way on our planet, which is so much under the sway of the fourth ray of Harmony through Conflict. It seems that on our planet there has been no other way for the mass of humanity to progress except through pain.

90. Trên hành tinh của chúng ta, con đường luôn là như vậy, vì hành tinh chịu ảnh hưởng rất mạnh của cung bốn, Hải Hòa qua Xung Đột. Dường như trên hành tinh của chúng ta, đông đảo nhân loại chưa từng có con đường tiến bộ nào khác ngoài việc đi qua đau khổ.

91. Pain sensitizes the human being and breaks the hold of selfishness.

91. Đau khổ làm con người nhạy cảm hơn và phá vỡ sự khống chế của tính ích kỷ.

92. Pain signals a deviation from the pattern of beauty intended by the Lords of Karma. Thus, pain encourages adherence to archetype. The measure of pain is the measure of deviation from archetype.

92. Đau khổ báo hiệu sự lệch khỏi mô hình vẻ đẹp mà các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả đã định. Do đó, đau khổ khuyến khích việc tuân theo nguyên mẫu. Mức độ đau khổ chính là mức độ lệch khỏi nguyên mẫu.

Let the soul control the outer form and life and all events,

Cầu xin linh hồn chế ngự ngoại thể, và cuộc sống và mọi biến cố,

93. This is true in the life of the initiate and increasingly true in the life of disciples.

93. Điều này đúng trong đời sống của điểm đạo đồ và ngày càng đúng trong đời sống của các đệ tử.

And bring to light the love which underlies the happenings of the time.

Và đưa ra ánh sáng tình thương vốn ẩn dưới những diễn biến của thời đại.

94. The consciousness is often deluded by outer occurrences. If one knows the Plan (and somewhat the Purpose), one can sense

94. Tâm thức thường bị những sự việc bên ngoài đánh lừa. Nếu biết Thiên Cơ (và phần nào Thiên Ý), người ta có thể cảm nhận sự

the magnetic realignment of energies and forces which indicates that love is at work beneath the outer movements.

tái chỉnh hợp từ tính của các năng lượng và mãnh lực, cho thấy tình thương đang hoạt động bên dưới những chuyển động bên ngoài.

95. If we affirm to ourselves that love underlies the happenings of the time, we shall more readily be able to detect that love.

95. Nếu tự khẳng định rằng tình thương ẩn sau những diễn biến của thời đại, chúng ta sẽ dễ nhận ra tình thương ấy hơn.

Let vision come and insight.

Cầu xin tầm nhìn tinh thần đến cùng sự thông hiểu.

96. We need vision and understanding of the Plan.

96. Chúng ta cần có tầm nhìn và sự thấu hiểu về Thiên Cơ.

Let the future stand revealed.

Cầu xin tương lai tỏ rõ.

97. We are speaking of the future that the Plan intends. Even a hint of this coming revelation will provide great incentive, and towards an ever fuller vision of this revealed future we may powerfully aspire.

97. Chúng ta đang nói về tương lai mà Thiên Cơ hướng đến. Ngay cả một gợi ý về sự mặc khải sắp đến này cũng sẽ tạo động lực lớn lao, và chúng ta có thể khát vọng mãnh liệt hướng đến một tầm nhìn ngày càng đầy đủ hơn về tương lai được mặc khải ấy.

Let inner union demonstrate and outer cleavages be gone.

Cầu xin sự kết hợp nội tâm biểu dương và các chia rẽ bên ngoài tan biến.

98. Inner union always exists, but it must demonstrate tangibly. The second aspect triumphs over the often divisive third aspect.

98. Sự hợp nhất bên trong luôn tồn tại, nhưng phải biểu lộ một cách cụ thể. Phương diện thứ hai chiến thắng phương diện thứ ba vốn thường gây chia rẽ.

Let love prevail.

Cầu xin tình thương chế ngự.

99. Solar fire will prevail over fire by friction, harmony over discord, unity over all separateness, and love over hate. The soul of humanity prevails over its personality.

99. Lửa Thái dương sẽ thắng Lửa ma sát, hài hòa sẽ thắng bất hòa, hợp nhất sẽ thắng mọi tính chia rẽ, và tình thương sẽ thắng thù ghét. Linh hồn của nhân loại thắng phạm ngã của nhân loại.

Let all men love.

Cầu xin mọi người yêu thương.

100. This is the great goal and will indicate that our present humanity is making its transition into the fifth kingdom of nature, the kingdom of souls.

100. Đây là mục tiêu lớn lao và sẽ cho thấy nhân loại hiện nay của chúng ta đang chuyển tiếp vào giới thứ năm của tự nhiên, giới linh hồn.

7. Endeavour throughout the day to continue holding this recollection steady and work always in due remembrance of the morning's meditation.

101. The realizations attained in morning meditation are to be sustained. A new realization and rhythm are being imposed upon consciousness and upon life as ordinarily lived.

102. Obviously, if we could achieve that continuity of memory which would link our high moments of soul realization with the ordinary processes of living, soul infusion would more rapidly occur.

This activity should take only a few minutes, but if it is carried out with a fully awakened consciousness and with the [118] most carefully focussed attention, the results may be most potent and effective—far more so than you may think.

103. The implication is that meditation is sometimes carried on with a consciousness which is not “fully awakened”. The alertness of the meditator is required.

104. Master DK is a Master. He knows far more than we can know of inner dynamics and processes. We can see that that which is simple may be powerful. Ours is the task to take Him at His word and do as He suggests.

The meditation should take less than ten minutes, after you have succeeded in familiarising yourself with the process; firm foundations will thus be laid for the group work and the group meditation, which I intend to give you in May, when I will give you your personal and group instructions.

7. Suốt ngày, hãy cố gắng tiếp tục giữ vững sự ghi nhớ này và luôn làm việc trong sự tưởng nhớ đúng mức đến bài thiền buổi sáng.

101. Cần duy trì những nhận biết đạt được trong lúc tham thiền buổi sáng. Một nhận biết và nhịp điệu mới đang được áp đặt lên tâm thức và lên đời sống thường ngày.

102. Hiển nhiên, nếu có thể đạt được sự liên tục của ký ức để nối liền những thời khắc cao đẹp khi nhận biết linh hồn với những tiến trình sinh hoạt thường ngày, chúng ta sẽ được linh hồn thấm nhuần nhanh hơn.

Hoạt động này chỉ nên kéo dài vài phút, nhưng nếu thực hiện với tâm thức hoàn toàn tỉnh thức và với [118] sự chú tâm được tập trung hết sức cẩn thận, kết quả có thể rất mạnh mẽ và hữu hiệu—hơn nhiều so với những gì các bạn có thể nghĩ.

103. Hàm ý ở đây là đôi khi người ta tham thiền với một tâm thức chưa “hoàn toàn tỉnh thức”. Người hành thiền cần có sự tỉnh táo.

104. Chân sư DK là một Chân sư. Ngài biết về các động lực và tiến trình bên trong nhiều hơn rất nhiều so với khả năng hiểu biết của chúng ta. Chúng ta có thể thấy rằng điều đơn giản vẫn có thể mạnh mẽ. Nhiệm vụ của chúng ta là tin lời Ngài và làm theo những gì Ngài gợi ý.

Sau khi các bạn đã làm quen với tiến trình, bài thiền nên kéo dài dưới mười phút; như vậy, những nền tảng vững chắc sẽ được đặt cho công việc nhóm và bài thiền nhóm mà Tôi dự định trao cho các bạn vào tháng Năm, khi Tôi ban những huấn thị cá nhân và nhóm.

105. We have completed our discussion of the individual portion of the meditation. This is to be mastered before the portion concerning the group is to be attempted.

106. The requirements are clear; practice will prove the value of the method.

At the time of the Full Moon each month—dating from the time that you receive these instructions and until further notice—I would ask you to work as follows:

107. Master DK now offers a specific Full Moon approach which we analyze for hints and revelations.

1. Group yourselves, all twenty-four of you, symbolically, pictorially and imaginatively around your Teacher, and—with Him—face the East, standing in a semi-circle slightly behind Him.

108. The number twenty-four is important as it is the number of Shamballa.

109. The East is always, symbolically, the place of illumination and revelation, for it is the place of the rising Sun.

110. The Teacher, according to His spiritual status, stands slightly ahead of the group.

111. The group is formed in a semi-circle which symbolizes the chalice of reception.

2. Then stretching out your hands in blessing, say together with solemn, voiced intent the formula or Mantram of Unification, beginning “The sons of men are one,” which you have been using each morning in your personal meditation. Throw the power of your focussed thought and will into and behind the words.

105. Chúng ta đã hoàn tất phần thảo luận về phần tham thiền cá nhân. Cần thành thạo phần này trước khi thử thực hành phần dành cho nhóm.

106. Các yêu cầu đã rõ; thực hành sẽ chứng minh giá trị của phương pháp.

Vào thời điểm Trăng Tròn mỗi tháng—kể từ khi các bạn nhận được những huấn thị này cho đến khi có thông báo tiếp theo—Tôi muốn các bạn làm việc như sau:

107. Giờ đây, Chân sư DK đưa ra một phương pháp tiếp cận cụ thể vào dịp Trăng Tròn; chúng ta phân tích phương pháp ấy để tìm những gợi ý và mặc khải.

1. Cả hai mươi bốn người hãy tập hợp quanh huấn sư của mình bằng biểu tượng, hình ảnh và sự tưởng tượng, rồi cùng Ngài hướng về phương Đông, đứng thành một hình bán nguyệt hơi lùi phía sau Ngài.

108. Con số hai mươi bốn quan trọng vì đó là con số của Shamballa.

109. Về mặt biểu tượng, phương Đông luôn là nơi của sự soi sáng và mặc khải, vì đó là nơi Mặt Trời mọc.

110. Theo địa vị tinh thần của Ngài, huấn sư đứng hơi tiến lên phía trước nhóm.

111. Nhóm đứng thành hình bán nguyệt, tượng trưng cho chiếc chén tiếp nhận.

2. Sau đó, dang tay ban phúc lành, hãy cùng nhau đọc thành tiếng, với chủ ý trang nghiêm, công thức hay Mantram Hợp Nhất, bắt đầu bằng “Những người con của nhân loại là một,” mà các bạn vẫn dùng mỗi sáng trong bài thiền cá nhân. Hãy dồn quyền năng của tư tưởng và ý chí tập trung vào những lời ấy, làm sức mạnh nâng đỡ chúng.

112. It is effective to stretch forth the hands in blessing. This gesture can be performed both inwardly and outwardly. There seems to be hint that this meditation can be performed in a strictly interior manner, but that it can also be physicalized to aid the participating chela in the imagination of the process.

113. We note the call for “solemn, voiced intent”. There is a need for great seriousness; solemnity allows no distractions to enter the process.

114. There is to be concentration upon the voice (even if the meditation is performed only imaginatively). The sound of the voice may also be used if the process is performed in a more physical manner.

115. We can see that this section of the meditation is to be performed dynamically as indicated by the phrase “throw the power of your focussed thought and will into and behind the words”.

3. Stand then together in the light which streams ever from the East and see it pouring through the Master to each of you, entering by the head centre, passing from thence to the heart centre, and then from the heart it is directed by an act of the focussed will— expressed and propelled forth consciously—to the quiescent point of dim light within the solar plexus.

116. This is a potent phase of the visualization. The great Light streams from the East. For our purposes, it can be considered the Light of Hierarchy or even the Light of Shamballa.

117. The Master is the transformer of that Light, and the focus through which it can

112. Đưa hai tay ra ban phúc là một cử chỉ có hiệu quả. Có thể thực hiện cử chỉ này cả bên trong lẫn bên ngoài. Dường như có một gợi ý rằng bài tham thiền này có thể được thực hiện hoàn toàn trong nội tâm, nhưng cũng có thể biểu hiện qua động tác thể xác để giúp người đệ tử tham gia hình dung tiến trình.

113. Chúng ta lưu ý lời kêu gọi có “chủ ý trang nghiêm được cất thành lời”. Cần hết sức nghiêm túc; sự trang nghiêm không cho phép bất cứ điều gì gây phân tâm xen vào tiến trình.

114. Cần tập trung vào giọng nói (ngay cả khi chỉ thực hiện bài tham thiền trong sự tưởng tượng). Cũng có thể sử dụng âm thanh của giọng nói nếu thực hiện tiến trình theo cách có nhiều hoạt động thể xác hơn.

115. Chúng ta có thể thấy rằng phần này của bài tham thiền phải được thực hiện một cách năng động, như cụm từ “đồn sức mạnh của tư tưởng và ý chí đã tập trung vào trong và đằng sau những lời ấy” cho thấy.

3. Sau đó, hãy cùng nhau đứng trong ánh sáng luôn tuôn chảy từ phương Đông và thấy ánh sáng ấy tuôn qua Chân sư đến từng người trong các bạn, đi vào qua trung tâm đầu, từ đó xuống trung tâm tim, rồi từ tim, bằng một hành động của ý chí tập trung— được biểu lộ và hữu thức thúc đẩy hướng ra—ánh sáng được dẫn đến điểm ánh sáng mờ đang tĩnh lặng trong tùng thái dương.

116. Đây là một giai đoạn mạnh mẽ của sự hình dung. Ánh sáng vĩ đại tuôn chảy từ phương Đông. Trong phạm vi thực hành của chúng ta, có thể xem đó là Ánh sáng của Thánh đoàn hoặc thậm chí là Ánh sáng của Shamballa.

117. Chân sư là Đấng chuyển đổi Ánh sáng ấy và là tiêu điểm mà qua đó ánh sáng có thể

reach the group.

đến với nhóm.

118. The manner in which the light is to enter the disciple (and the path it is to take within his energy system) is interesting and important. The first point of entry is the head center. The next point is the heart center. From there it is propelled to the quiescent point of vital light within the solar plexus.

118. Cách ánh sáng đi vào đệ tử (và con đường nó đi trong hệ thống năng lượng của y) rất thú vị và quan trọng. Điểm đi vào đầu tiên là trung tâm đầu. Điểm tiếp theo là trung tâm tim. Từ đó, ánh sáng được đẩy đến điểm sinh quang đang tĩnh lặng bên trong từng thái dương.

119. Earlier we read that the head is to activate the quiescent point in the solar plexus, but now we see that this activation is to proceed through the heart center.

119. Trước đó, chúng ta đã đọc rằng đầu phải kích hoạt điểm tĩnh lặng trong từng thái dương, nhưng giờ đây chúng ta thấy rằng việc kích hoạt này phải diễn ra qua trung tâm tim.

120. Once the light is centered in the heart, the focussed will is engaged to propel it to the 'higher' solar plexus point. We note that the quiescent point (though described as a center of vital light) is relatively "dim".

120. Một khi ánh sáng đã tập trung trong tim, ý chí đã tập trung được vận dụng để đẩy ánh sáng đến điểm "cao hơn" của từng thái dương. Chúng ta lưu ý rằng điểm tĩnh lặng này (dù được mô tả là một trung tâm sinh quang) tương đối "mờ nhạt".

121. In considering the manner of relating of the heart and higher solar plexus (as here presented), we note that the work proceeds from the top down. This phase of the mediation is, therefore, not aspirational work, but the work of the will. Aspiration is up-reaching; will is imposed from above or from within.

121. Khi xem xét cách liên kết tim với phần cao hơn của từng thái dương (như trình bày ở đây), chúng ta lưu ý rằng công việc tiến hành từ trên xuống. Do đó, giai đoạn này của bài tham thiền là công việc của ý chí, không phải công việc của khát vọng. Khát vọng vươn lên; ý chí tác động từ trên xuống hoặc từ bên trong ra.

4. Then, withdrawing again to the head centre, endeavour consciously to see the three centres (head, heart and solar plexus) linked together so that the heads of all the group members are thinking as one and the hearts of the group members are loving as one.

4. Sau đó, lại rút về trung tâm đầu, hãy cố gắng hữu thức thấy ba trung tâm (đầu, tim và từng thái dương) liên kết với nhau, sao cho đầu của mọi thành viên trong nhóm cùng suy nghĩ như một và tim của các thành viên cùng yêu thương như một.

122. In point 3, we were working within the heart. Now, again, we are to work within the head.

122. Ở mục 3, chúng ta làm việc trong tim. Giờ đây, một lần nữa, chúng ta phải làm việc trong đầu.

123. We see that the suggested visualization is meant to produce a group

123. Chúng ta thấy rằng sự hình dung được đề nghị nhằm tạo ra tính hợp nhất của

unity in which there can be united group thought and united group love.

124. We are to visualize this process successfully achieved. We can understand the power of this meditation/visualization to bring about group unification.

Your aspiration also (through the spiritual awakening of the solar plexus) will then surge upwards as one spontaneous movement. This will in due time create a magnetic field of light and life, within which the New Group of World Servers will live, mature and come to fruition.

125. In point 3, there was an imposition of higher light from the Source, through the Master, via the head center and then via the heart center (through an act of will) to the quiescent point within the solar plexus. We note that this was imposition from above.

126. The imposition will have a reflex action. If the imposition is successfully accomplished, there will be an up-surfing of aspiration, and it will occur in “one spontaneous movement”. We are reminded of Master Morya’s analogy of the “pump”. The greater the downward pressure the greater the resultant up-surfing.

127. We can see that the proposed meditation is meant to be of service to the New Group of World Servers. Within the NGWS is to be found an occult center. The Tibetan seems to be engaging His group of chelas in processes related to the functioning of this occult center.

128. The NGWS is not yet complete in its form and inner structure. Much necessary growth lies before it. DK is showing how this meditation to be performed at the time

nhóm, trong đó có thể có tư tưởng nhóm hợp nhất và tình thương nhóm hợp nhất.

124. Chúng ta phải hình dung tiến trình này đã thành tựu. Chúng ta có thể thấu hiểu sức mạnh của bài tham thiền/sự hình dung này trong việc đem lại sự hợp nhất nhóm.

Khi ấy, khát vọng của các bạn cũng sẽ dâng lên như một chuyển động tự phát duy nhất (thông qua sự thức tỉnh tinh thần của từng thái dương). Đến thời điểm thích hợp, điều này sẽ tạo nên một trường từ tính của ánh sáng và sự sống, trong đó Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ sống, trưởng thành và đơm hoa kết quả.

125. Ở mục 3, ánh sáng cao hơn từ Cội Nguồn được truyền xuống qua Chân sư, qua trung tâm đầu rồi qua trung tâm tim (bằng một hành động của ý chí) đến điểm tĩnh lặng bên trong từng thái dương. Chúng ta lưu ý rằng đây là một tác động áp đặt từ trên xuống.

126. Tác động áp đặt ấy sẽ tạo ra một phản ứng ngược chiều. Nếu thực hiện thành công tác động ấy, khát vọng sẽ dâng lên trong “một chuyển động tự phát duy nhất”. Chúng ta nhớ đến phép tương đồng về “máy bơm” của Chân sư Morya. Áp lực hướng xuống càng lớn thì sự dâng lên do nó tạo ra càng mạnh.

127. Chúng ta có thể thấy rằng bài tham thiền được đề xuất nhằm phụng sự Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Bên trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có một trung tâm huyền bí. Dường như Chân sư Tây Tạng đang đưa nhóm đệ tử của Ngài tham gia những tiến trình liên quan đến hoạt động của trung tâm huyền bí này.

128. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chưa hoàn chỉnh về hình tướng và cấu trúc bên trong. Nhóm còn cần tăng trưởng rất nhiều. Chân sư DK đang chỉ ra cách sử dụng

of the Full Moon may be utilized to promote the necessary growth and development within this world-wide subjective group.

[119]

Keep the whole process, my brother, very simple and uncomplicated in your mind. If you will follow the above instructions with the simplicity of a little child, you will bring about a situation wherein work will be possible. Look not for results. Yours is to do the outlined work and this, when rightly done, makes the due result inevitable.

129. As we can see from the analysis offered, it is possible to note subtleties in the process offered by the Tibetan. While such subtleties may be recognized, those who perform the meditation are to perform it in all simplicity. The many aspects of the work are to blend into a simple and flowing process which will deliver inevitable results when rightly performed.

130. The intelligent aspirant of the modern age may tend to overcomplicate simple processes. He may also constantly look for the results in which he is so fundamentally interested. Master DK advises simplicity and trust with an expectation of success.

But as I told you before, "it is the inner life of reflection and the outer life of expressed love which will determine the success of the needed group relation and the potency of its future work" in the service of humanity.

131. DK expects His chelas to follow the process in all simplicity. Before closing He reminds them of the fundamentals.

bài tham thiền thực hiện vào thời điểm Trăng Tròn này để thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển cần thiết trong nhóm chủ quan có phạm vi toàn thế giới ấy.

[119]

Huynh đệ của tôi, hãy giữ toàn bộ tiến trình thật đơn giản và không phức tạp trong trí các bạn. Nếu tuân theo những huấn thị trên với sự đơn sơ của một trẻ nhỏ, các bạn sẽ tạo nên một hoàn cảnh trong đó công việc có thể thực hiện. Đừng tìm kiếm kết quả. Phần việc của các bạn là thực hiện công việc đã phác thảo, và khi thực hiện đúng, kết quả thích đáng tất yếu sẽ đến.

129. Như có thể thấy từ phần phân tích đã trình bày, chúng ta có thể nhận ra những điểm tinh tế trong tiến trình mà Chân sư Tây Tạng đưa ra. Dù có thể nhận biết những điểm tinh tế ấy, những người thực hiện bài tham thiền vẫn phải thực hành một cách hoàn toàn đơn giản. Nhiều phương diện của công việc phải hòa vào một tiến trình đơn giản và trôi chảy, tất yếu đem lại kết quả khi thực hiện đúng.

130. Người chí nguyện thông minh của thời hiện đại có thể có khuynh hướng làm những tiến trình đơn giản trở nên quá phức tạp. Y cũng có thể liên tục tìm kiếm những kết quả mà y hết sức quan tâm. Chân sư DK khuyên giữ sự đơn giản và lòng tin, với niềm mong đợi thành công.

Nhưng như Tôi đã nói với các bạn trước đây, "chính đời sống suy ngẫm bên trong và đời sống biểu lộ tình thương bên ngoài sẽ quyết định sự thành công của mối quan hệ nhóm cần thiết và uy lực của công việc tương lai của nhóm" trong việc phụng sự nhân loại.

131. Chân sư DK mong đợi các đệ tử của Ngài thực hiện tiến trình một cách hoàn toàn đơn giản. Trước khi kết thúc, Ngài nhắc

họ về những điều căn bản.

132. Two things are needed to produce successful group relations and potent group work. These two are

132. Cần hai điều để tạo ra những mối liên hệ nhóm thành công và công việc nhóm mạnh mẽ. Hai điều ấy là

The inner life of reflection

Đời sống suy ngẫm bên trong

An outer life of expressed love

Đời sống biểu lộ tình thương bên ngoài

133. The fundamentals are simple though often evaded. Many of the chelas were very introverted. For them the inner life of reflection was somewhat natural; the outer life of expressed love, however, required practice.

133. Những điều căn bản tuy đơn giản nhưng thường bị né tránh. Nhiều đệ tử rất hướng nội. Với họ, đời sống suy ngẫm bên trong phần nào là tự nhiên; tuy nhiên, đời sống biểu lộ tình thương bên ngoài đòi hỏi thực hành.

MEDITATION PART II [120-125] – BÀI THIỀN PHẦN II [120-125]

In the last instruction, I started you on the first part of the new meditation. The completed meditation involves the process of relating heart and head and then—by an act of the will—linking up both with the quiescent point within the solar plexus—that point of which nothing has as yet been taught (though the necessity for such a point was obvious in the work of transferring energy) but which is of vital significance in all preparation for initiation.

Trong huấn thị trước, Tôi đã hướng dẫn các bạn bắt đầu phần thứ nhất của bài thiền mới. Bài thiền hoàn chỉnh bao gồm tiến trình liên kết tim với đầu, rồi—bằng một hành động của ý chí—nối kết cả hai với điểm tĩnh lặng trong từng thái dương—điểm mà cho đến nay chưa có điều gì được giảng dạy (dù sự cần thiết của một điểm như thế đã hiển nhiên trong công việc chuyển dịch năng lượng), nhưng lại có tầm nghĩa thiết yếu trong mọi sự chuẩn bị cho điểm đạo.

134. DK tells us again His discussion of the quiescent point within the solar plexus offers a new piece of information.

134. Chân sư DK một lần nữa cho chúng ta biết rằng phần thảo luận của Ngài về điểm tĩnh lặng bên trong từng thái dương đưa ra một thông tin mới.

135. We note that the quiescent point is “within” the solar plexus; we are naturally interested in the exact location of this point, though it can probably be better felt (at this point in our development) than visually located.

135. Chúng ta lưu ý rằng điểm tĩnh lặng nằm “bên trong” từng thái dương; dĩ nhiên, chúng ta quan tâm đến vị trí chính xác của điểm này, dù có lẽ ở giai đoạn phát triển hiện tại, chúng ta cảm nhận nó tốt hơn là xác định vị trí bằng sự hình dung.

136. DK tells us that the necessity for the quiescent point was “obvious in the work of transferring energy”. When we think about it, do we find that it was obvious for us, and if so why?

137. We note that until the point in time when this teaching was released, nothing had been taught of this quiescent point of vital light—a kind of ‘higher’ solar plexus center..

138. We note also the implication that only for those in preparation for initiation is this quiescent center of “vital significance”. Whether we are speaking of the first or second initiation can be debated; we may say with some assuredness, however, that the center is certainly of significance in the training of those preparing for the second initiation.

That is as far as I took you in the last meditation but to it must be added the individual meditation which will aid in group integration and in the unfoldment of the individual disciple.

139. DK has here been recapitulating what He has given in the earlier instruction—Part I.

140. It cannot be said that the individual meditations He gave were unimportant, for they are considered to be an aid in group integration. It is simply that the group meditations are to be considered more important, though neither type of meditation can stand entirely by itself.

You will have noted, I am sure, that in the meditation assigned for daily use, I did not carry it forward to where the will is exerted and the energy in the head is driven to the

136. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng sự cần thiết của điểm tĩnh lặng đã “hiển nhiên trong công việc chuyển dịch năng lượng”. Khi suy nghĩ về điều này, chúng ta có thấy rằng nó đã hiển nhiên đối với mình không, và nếu có thì tại sao?

137. Chúng ta lưu ý rằng cho đến thời điểm giáo huấn này được công bố, chưa có giáo huấn nào nói về điểm sinh quang tĩnh lặng này—một dạng trung tâm từng thái dương “cao hơn”.

138. Chúng ta cũng lưu ý hàm ý rằng chỉ đối với những người đang chuẩn bị cho điểm đạo, trung tâm tĩnh lặng này mới có “thâm nghĩa sống còn”. Có thể tranh luận xem chúng ta đang nói về lần điểm đạo thứ nhất hay lần điểm đạo thứ hai; tuy nhiên, chúng ta có thể khá chắc chắn mà nói rằng trung tâm này quả thực có thâm nghĩa trong việc huấn luyện những người đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai.

Đó là mức Tôi đã dẫn các bạn đến trong bài thiền trước, nhưng cần bổ sung vào đó bài thiền cá nhân, sẽ trợ giúp sự tích hợp nhóm và sự khai mở của từng đệ tử.

139. Ở đây, Chân sư DK đang tóm lược lại những gì Ngài đã trao trong huấn thị trước—Phần I.

140. Không thể nói rằng những bài tham thiền cá nhân Ngài đã trao là không quan trọng, vì chúng được xem là phương tiện hỗ trợ sự tích hợp nhóm. Chỉ đơn giản là cần xem các bài tham thiền nhóm quan trọng hơn, dù không loại tham thiền nào có thể hoàn toàn đứng riêng.

Tôi tin chắc các bạn đã lưu ý rằng, trong bài thiền được giao để thực hành hằng ngày, Tôi chưa đưa bài thiền đến chỗ vận dụng ý chí và đẩy năng lượng trong đầu xuống trung

quiescent centre in the solar plexus. You will have noted also that at the time of the Full Moon and in group formation, plus direct contact with myself, you were permitted together to link heart, head and solar plexus. Once a month and then only through the protective magnetic field of the group life can you complete the meditation.

141. DK speaks of His rather reserved and measured approach to His impartation of the full meditation process.

142. We remember from the earlier instruction that the energy of the head reached the quiescent point in the solar plexus via the heart center, from which center the will was applied.

143. Here DK speaks of driving the head center energy into the quiescent centre in the solar plexus.

The Full Moon work will remain as already assigned for the remainder of the year, but we will complete the meditation and I will now outline for you Stage II in the group meditation. The first half should now be so familiar to you that it will be automatic in its doing and should take only a [120] few minutes to complete.

144. When a meditation is familiar, it can be completed as effectively in a few minutes as in many.

It is in the nature of a preface to the one I am now seeking to assign. It should leave each of you (if carrying it forward to a right conclusion) with the consciousness and heart energy focussed in the head.

145. One of the chief objectives of the first phase of the meditation was to raise the consciousness and heart energy to the

tâm tĩnh lặng ở từng thái dương. Các bạn cũng đã lưu ý rằng vào thời điểm Trăng Tròn, khi tập hợp thành nhóm và có thêm sự tiếp xúc trực tiếp với Tôi, các bạn mới được phép cùng nhau liên kết tim, đầu và từng thái dương. Mỗi tháng một lần, và chỉ thông qua trường từ tính bảo vệ của sự sống nhóm, các bạn mới có thể hoàn tất bài thiền.

141. Chân sư DK nói về cách tiếp cận khá dè dặt và có chừng mực của Ngài khi truyền đạt toàn bộ tiến trình tham thiền.

142. Chúng ta nhớ từ huấn thị trước rằng năng lượng của đầu đi qua trung tâm tim để đến điểm tĩnh lặng trong từng thái dương, và ý chí được vận dụng từ trung tâm tim ấy.

143. Ở đây, Chân sư DK nói về việc dẫn năng lượng của trung tâm đầu vào trung tâm tĩnh lặng trong từng thái dương.

Công việc Trăng Tròn sẽ giữ nguyên như đã giao trong thời gian còn lại của năm, nhưng chúng ta sẽ hoàn chỉnh bài thiền, và giờ đây Tôi sẽ phác thảo cho các bạn Giai đoạn II của bài thiền nhóm. Đến nay, nửa đầu hẳn đã quen thuộc với các bạn đến mức có thể thực hiện tự động và chỉ mất [120] vài phút để hoàn tất.

144. Khi một bài tham thiền đã trở nên quen thuộc, việc hoàn tất bài thiền trong vài phút có thể đạt hiệu quả ngang với việc dành nhiều thời gian hơn.

Phần này có tính chất mở đầu cho bài thiền mà giờ đây Tôi đang muốn giao. Khi hoàn tất phần ấy (nếu thực hiện đến kết thúc đúng đắn), mỗi người trong các bạn cần có tâm thức và năng lượng tim tập trung trong đầu.

145. Một trong những mục tiêu chính của giai đoạn đầu của bài tham thiền là nâng tâm thức và năng lượng tim lên đầu—nơi

head—the place from which all truly occult meditation must proceed.

The activity of the true spiritual man has not been aroused, and when it is, the effect on the downflow of energy from the head centre will be threefold:

146. We are speaking of the arousal of the true spiritual man (the soul). This had not yet been accomplished in the first phase of the meditation.

147. It is as if the true spiritual man works from the head center.

1. The awakened point in the solar plexus will become extremely active and—if the work is correctly done—it will make that point also exceedingly magnetic, gathering all the energies of all the centres below the diaphragm (except the one at the base of the spine), and this involves the sacral centre and other little focal points of energy, up into the solar plexus. There they must be held steady until such time as the man is ready to deal with them occultly.

148. The meditation stimulates not only the quiescent point but the already awakened point within the solar plexus—the point of ancient origin.

149. The awakened point is to become highly magnetized so that all the energies below the diaphragm (except, at this stage, the energies of the base of the spine) may be gathered into the solar plexus center.

150. It is significant that the energies of the base of the spine are excluded as the base center is to be fully awakened only in the later days of spiritual development.

151. We note the inclusive nature of the solar plexus as it gathers the energy of a

khởi phát của mọi sự tham thiền huyền bí đích thực.

Hoạt động của con người tinh thần chân chính chưa được khơi dậy, và khi được khơi dậy, nó sẽ tạo tác động tam phân lên dòng năng lượng tuôn xuống từ trung tâm đầu:

146. Chúng ta đang nói về việc khơi dậy con người tinh thần đích thực (linh hồn). Điều này vẫn chưa hoàn thành trong giai đoạn đầu của bài tham thiền.

147. Có thể nói con người tinh thần đích thực hoạt động từ trung tâm đầu.

1. Điểm đã thức tỉnh trong tùng thái dương sẽ trở nên hết sức năng động và—if công việc được thực hiện đúng—điểm ấy cũng sẽ có từ tính cực mạnh, thu hút lên tùng thái dương toàn bộ năng lượng của tất cả các trung tâm dưới cơ hoành (ngoại trừ trung tâm ở đáy cột sống), bao gồm trung tâm xương cụt và những tiêu điểm năng lượng nhỏ khác. Tại đó, chúng phải được giữ ổn định cho đến khi con người sẵn sàng xử lý chúng theo phương pháp huyền bí.

148. Bài tham thiền kích thích cả điểm tĩnh lặng lẫn điểm đã thức tỉnh trong tùng thái dương—điểm có nguồn gốc từ xa xưa.

149. Điểm đã thức tỉnh phải trở nên có từ tính mạnh mẽ để có thể thu gom toàn bộ năng lượng dưới cơ hoành (ngoại trừ năng lượng ở đáy cột sống trong giai đoạn này) vào trung tâm tùng thái dương.

150. Việc loại trừ các năng lượng ở đáy cột sống có ý nghĩa quan trọng, vì trung tâm đáy cột sống chỉ được đánh thức hoàn toàn trong những giai đoạn muộn của sự phát triển tinh thần.

151. Chúng ta lưu ý bản chất bao gồm của tùng thái dương khi nó thu gom năng lượng

number of little focal points of energy which need not be specified for purposes of this meditation.

152. We note that the energies gathered into the solar plexus must not be simply dealt with but must be dealt with “occultly”; this probably means that they are to be directed from the head center.

2. The unawakened or quiescent point of light in the solar plexus comes slowly to life and to a state of new vibratory activity. Its magnetic field steadily increases and widens until it contacts the periphery of the magnetic field surrounding the heart centre.

153. As the process goes forward we note its bridging nature.

154. One of the major points of the exercise is to arouse the quiescent point to a new level of activity, but at first that level cannot equal the stimulation received by the already awakened center. The quiescent center comes only slowly to life.

155. In this process we are dealing with the expansion of chakric spheres of activity, their gradual contact and eventual interpenetration. What we have described here is the manner in which the solar plexus energies are raised to the heart center.

3. When the two above stages are completed, then comes a lengthy process of transference. The solar plexus is the clearing house between the lower energies and the higher. This process is in itself dual:

156. Once the two centers (the quiescent point/center and heart center) have made contact, a lengthy process of transference begins. All lower energies must pass

từ một số tiêu điểm năng lượng nhỏ mà chúng ta không cần nêu cụ thể cho mục đích của bài tham thiền này.

152. Chúng ta lưu ý rằng các năng lượng được thu gom vào từng thái dương không thể chỉ được xử lý theo cách thông thường, mà phải được xử lý “theo phương pháp huyền bí”; có lẽ điều này có nghĩa là phải điều khiển chúng từ trung tâm đầu.

2. Điểm ánh sáng chưa thức tỉnh hay đang tĩnh lặng trong từng thái dương dần dần trở nên sống động và đi vào một trạng thái hoạt động rung động mới. Trường từ tính của nó đều đặn gia tăng và mở rộng cho đến khi tiếp xúc với chu vi của trường từ tính bao quanh trung tâm tim.

153. Khi tiến trình tiếp diễn, chúng ta nhận thấy bản chất bắc cầu của nó.

154. Một trong những điểm chính của bài tập là khơi dậy điểm tĩnh lặng lên một cấp độ hoạt động mới, nhưng lúc đầu cấp độ ấy chưa thể sánh với mức kích thích mà trung tâm đã thức tỉnh nhận được. Trung tâm tĩnh lặng chỉ dần dần trở nên sống động.

155. Trong tiến trình này, chúng ta đang đề cập đến sự mở rộng các khối cầu hoạt động của luân xa, sự tiếp xúc dần dần và cuối cùng là sự thâm nhập lẫn nhau của chúng. Điều chúng ta mô tả ở đây là cách các năng lượng từng thái dương được nâng lên trung tâm tim.

3. Khi hai giai đoạn trên hoàn tất, tiếp theo là một tiến trình chuyển dịch kéo dài. Từng thái dương là trạm trung chuyển giữa các năng lượng thấp và các năng lượng cao. Chính tiến trình này có hai mặt:

156. Khi hai trung tâm (điểm/trung tâm tĩnh lặng và trung tâm tim) đã tiếp xúc với nhau, một tiến trình chuyển dịch lâu dài bắt đầu. Mọi năng lượng thấp đều phải đi qua

through the solar plexus on the way to the higher centers.

157. The process of transference is now described in two phases.

a. The two points within the solar plexus field of activity become definitely related to each other, and the lower sacral and material energies are transferred into the hitherto quiescent point of light, now awakened and intensifying in quality and potency.

158. It is important for the transference process that the two points within the solar plexus become related to each other.

159. The energies below the solar plexus are here referred to as “lower sacral and material energies” and these are transferred not only into the awakened point within the solar plexus but to the hitherto quiescent but now awakened point.

160. The now awakening higher point is “intensifying in quality and potency”. It can be seen that one of the objectives of this meditation is to transform the higher point from one that has responded only slowly into one that is far more fully awakened and interactive with the heart center.

b. The concentrated energies **in the new centre** within the periphery of the solar plexus are then lifted by an act of the will into the heart centre and from thence to the head.

161. The lower center within the solar plexus, long awakened, has been greatly stimulated and has received still lower energies into its sphere of activity; this has been followed by a transference of those energies into the now rapidly awakening

tùng thái dương trên đường đến các trung tâm cao.

157. Giờ đây, tiến trình chuyển dịch được mô tả qua hai giai đoạn.

a. Hai điểm trong trường hoạt động của từng thái dương thiết lập mối liên hệ rõ rệt với nhau, và các năng lượng thấp của xương cùng cùng các năng lượng vật chất được chuyển vào điểm ánh sáng vốn tĩnh lặng cho đến lúc ấy, nay đã thức tỉnh và đang gia tăng phẩm tính cùng uy lực.

158. Việc hai điểm trong từng thái dương thiết lập mối liên hệ với nhau có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình chuyển dịch.

159. Ở đây, các năng lượng bên dưới từng thái dương được gọi là “các năng lượng xương cùng và vật chất thấp”, và chúng được chuyển dịch không chỉ vào điểm đã thức tỉnh trong từng thái dương mà còn vào điểm vốn tĩnh lặng cho đến lúc này nhưng nay đã thức tỉnh.

160. Điểm cao hơn hiện đang thức tỉnh “gia tăng về phẩm tính và uy lực”. Có thể thấy rằng một trong những mục tiêu của bài tham thiền này là chuyển đổi điểm cao hơn từ một điểm chỉ đáp ứng chậm chạp thành một điểm thức tỉnh đầy đủ hơn nhiều và tương tác với trung tâm tim.

b. Sau đó, bằng một hành động của ý chí, các năng lượng tập trung **trong trung tâm mới** bên trong chu vi từng thái dương được nâng lên trung tâm tim và từ đó lên đầu.

161. Trung tâm thấp hơn trong từng thái dương, vốn đã thức tỉnh từ lâu, được kích thích mạnh mẽ và đã tiếp nhận các năng lượng còn thấp hơn vào khối cầu hoạt động của nó; tiếp theo là sự chuyển dịch những năng lượng ấy vào điểm cao hơn trong từng thái dương, hiện đang thức tỉnh nhanh

higher point within the solar plexus.

162. We note that the Tibetan begins to call the higher point a “new centre”.

163. This is followed by a transference of energies (gathered into the higher point) into the heart center itself, and this by an act of will. Once transference into the heart center is achieved, there is a further willful transference of energies into the head center.

164. We note that in this transference process, the energies of the will are being more actively employed than in the first part of the meditation (given in the earlier instruction)

In this triple transference of the lower energies to the solar plexus, to the heart and finally to the head, we have a [121] pictorial and symbolic presentation within the life experience of the disciple of the interrelation and eventual transference of energy from the personality (symbolised by the solar plexus) to the soul (symbolised by the heart centre) and from the soul to the Monad (symbolised by the head centre).

165. The symbolical nature of the triple transference is elucidated. The solar plexus stands for the personality, the heart center for the soul and the head center for the personality. Eventually, and over a long period of time, this greater transference (symbolized by the lesser) is completed.

166. From an astrological perspective, we might consider the transference as one from Mars/Moon to Jupiter, and eventually to Vulcan/Sun. The Sun may also be found active at the heart center. The whole process is directed, symbolically, by Venus at the

chóng.

162. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng bắt đầu gọi điểm cao hơn là một “trung tâm mới”.

163. Tiếp theo là sự chuyển dịch các năng lượng (đã thu gom vào điểm cao hơn) vào chính trung tâm tim, và điều này diễn ra bằng một hành động của ý chí. Khi đã chuyển dịch vào trung tâm tim, các năng lượng lại tiếp tục được chuyển dịch lên trung tâm đầu bằng ý chí.

164. Chúng ta lưu ý rằng trong tiến trình chuyển dịch này, các năng lượng của ý chí được vận dụng tích cực hơn so với phần đầu của bài tham thiền (được trình bày trong huấn thị trước)

Trong sự chuyển dịch tam phân này của các năng lượng thấp lên từng thái dương, lên tim và cuối cùng lên đầu, chúng ta có một [121] sự trình bày bằng hình ảnh và biểu tượng, ngay trong kinh nghiệm sống của đệ tử, về mối tương quan và sự chuyển dịch năng lượng sau cùng từ phạm ngã (do từng thái dương biểu trưng) đến linh hồn (do trung tâm tim biểu trưng), và từ linh hồn đến chân thần (do trung tâm đầu biểu trưng).

165. Bản chất biểu tượng của sự chuyển dịch tam phân được làm sáng tỏ. Từng thái dương đại diện cho phạm ngã, trung tâm tim cho linh hồn và trung tâm đầu cho phạm ngã. Cuối cùng, qua một thời gian dài, sự chuyển dịch lớn hơn này (do sự chuyển dịch nhỏ hơn tượng trưng) sẽ hoàn tất.

166. Từ góc nhìn chiêm tinh học, chúng ta có thể xem sự chuyển dịch này là từ Sao Hỏa/Mặt Trăng đến Sao Mộc, và cuối cùng đến Vulcan/Mặt Trời. Mặt Trời cũng có thể hoạt động tại trung tâm tim. Về mặt biểu tượng, toàn bộ tiến trình do Sao Kim tại

ajna center.

These correspondences are of value as they are an argument for the factual nature of the process and they also enable the aspirant to grasp somewhat the nature of the undertaking to which he is committed.

222. We might say, 'committed *over time*'. Note that the one affecting the transfer is called an "aspirant", but let it be remembered that every true aspirant has taken the first initiation.

Certain aspects of relationship, therefore, emerge into the consciousness of the disciple and at this point in his training the following four relations are of major importance:

167. When we are subjected to a process of training, it is not enough that we simply perform certain required actions; it is also required that we somewhat understand the place of those actions within the larger scheme of things.

1. The relation of the energies, found below the diaphragm and corresponding to the personality life (motivated by desire), and the higher energies found above the diaphragm and motivated by the soul.

168. Symbolically (and, in fact, actually) the diaphragm is the great dividing line between personal and transpersonal (i.e., soul) energies.

169. It is important to note when attempting to understand personality life that it is motivated by desire. In this respect, the energy of desire and the energy of soul are great opposites. We might say that the energies of soul are the energies of love. Astrologically we are dealing with the

trung tâm ajna điều khiển.

Những sự tương ứng này có giá trị vì chúng là luận cứ cho tính thực tế của tiến trình, đồng thời giúp người chí nguyện phần nào nắm bắt bản chất của công việc mà y đã cam kết thực hiện.

222. Chúng ta có thể nói, 'đã cam kết *qua thời gian*'. Hãy lưu ý rằng người thực hiện sự chuyển dịch được gọi là một "người chí nguyện", nhưng cần nhớ rằng mọi người chí nguyện đích thực đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

Do đó, một số phương diện của mối quan hệ xuất hiện trong tâm thức đệ tử, và ở thời điểm này trong quá trình huấn luyện, bốn mối quan hệ sau có tầm quan trọng chủ yếu:

167. Khi trải qua một tiến trình huấn luyện, chúng ta không thể chỉ thực hiện một số hành động theo yêu cầu; chúng ta còn phải phần nào thấu hiểu vị trí của những hành động ấy trong trật tự rộng lớn hơn của vạn vật.

1. Mối quan hệ giữa các năng lượng dưới cơ hoành, tương ứng với đời sống phàm ngã (do dục vọng thúc đẩy), và các năng lượng cao hơn trên cơ hoành, do linh hồn thúc đẩy.

168. Về mặt biểu tượng (và trên thực tế cũng vậy), cơ hoành là đường phân chia lớn giữa các năng lượng cá nhân và các năng lượng siêu cá nhân (tức là các năng lượng linh hồn).

169. Khi cố gắng thấu hiểu sự sống phàm ngã, cần lưu ý rằng dục vọng là động lực thúc đẩy sự sống ấy. Về phương diện này, năng lượng dục vọng và năng lượng linh hồn là hai đối cực lớn. Chúng ta có thể nói rằng các năng lượng linh hồn là các năng lượng bác ái. Về mặt chiêm tinh học, chúng

contrast between Mars (desire) and soul/love (Venus)

These are as yet in the case of the average aspirant, practically entirely quiescent and only become a realised activity as the soul establishes increasing control over the disciple.

170. It is quite a statement that the higher energies of soul are almost entirely quiescent in the case of the average aspirant. Does DK mean the type of aspirant who has already taken the first initiation? If so He is letting us know how much we have yet to accomplish.

2. The relation between the two points within the solar plexus itself.

171. Again we note that the two points of vital light are “within” the solar plexus.

These are symbolic also of the personality-soul relationship.

172. We have been given two methods of symbolizing the personality and soul relationship. The first has related to the centers below and above the diaphragm. The second is, in a way, even more specific, and relates to the two points within the solar plexus—the lower representing the personality and the higher the soul.

One point is awakened, as to the lower life of man; the other point is awakening, as in the case of the aspirant, or is totally awakened as is the case of the pledged disciple, prior to the second initiation.

173. The little section immediately above is entirely explicit. The average non-aspiring man will have the lower point awakened.

ta đang đề cập đến sự tương phản giữa Sao Hỏa (dục vọng) và linh hồn/bác ái (Sao Kim)

Đối với người chí nguyện thông thường, các năng lượng cao này cho đến nay hầu như vẫn hoàn toàn tĩnh lặng, và chỉ trở thành hoạt động được nhận biết khi linh hồn ngày càng thiết lập sự kiểm soát đối với đệ tử.

170. Nhận định rằng các năng lượng cao của linh hồn gần như hoàn toàn tĩnh lặng nơi người chí nguyện trung bình quả là đáng chú ý. Chân sư DK có muốn nói đến kiểu người chí nguyện đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất không? Nếu vậy, Ngài đang cho chúng ta biết mình còn phải hoàn thành nhiều đến mức nào.

2. Mối quan hệ giữa hai điểm ngay trong từng thái dương.

171. Một lần nữa, chúng ta lưu ý rằng hai điểm ánh sáng sinh lực nằm “bên trong” từng thái dương.

Hai điểm này cũng biểu trưng cho mối quan hệ phàm ngã–linh hồn.

172. Chúng ta đã được trao hai cách biểu tượng hóa mối liên hệ giữa phàm ngã và linh hồn. Cách thứ nhất liên quan đến các trung tâm bên dưới và bên trên cơ hoành. Theo một nghĩa nào đó, cách thứ hai còn cụ thể hơn và liên quan đến hai điểm trong từng thái dương—điểm thấp hơn đại diện cho phàm ngã, điểm cao hơn đại diện cho linh hồn.

Một điểm đã thức tỉnh đối với đời sống thấp của con người; điểm kia đang thức tỉnh, như trường hợp người chí nguyện, hoặc đã hoàn toàn thức tỉnh, như trường hợp đệ tử đã cam kết trước lần điểm đạo thứ hai.

173. Đoạn ngắn ngay trên đây hoàn toàn rõ ràng. Nơi người bình thường chưa có khát vọng, điểm thấp hơn đã thức tỉnh. Đối với

For the aspirant the higher point is awakening but not fully awakened. For the pledged disciple prior to the second initiation (a disciple who is likely to be, as well, an accepted disciple) the higher point is “totally awakened”. This confirms the thought earlier expressed that the process of vivifying the higher vital point is very much related to the process of preparing for the second initiation.

174. It has sometimes been thought that the higher vital point is associated with two of the ten petals of the solar plexus, whereas the lower is associated with eight. Were this the case, the relation of the higher point to the second initiation would receive yet another analogical confirmation.

3. The relation between the solar plexus and the heart. This is of great importance and serves to clarify the mind of the aspirant because it is symbolic again of the immediate present problem of the personality and the soul.

175. This is one of the key developmental relationships, and is one on which AAB was also working.

176. To contemplate the fundamental relationship between solar plexus and heart does, indeed, offer great clarification for the mind of the aspirant. The fundamental pair of opposites in the life of the aspirant (namely soul and personality) is most clearly symbolized by the contrast between these two centers (heart and solar plexus).

4. The relation between the ajna centre (between the eyebrows) and the thousand-petalled lotus. When these two centres are correctly related to each other, then the man can take the third initiation at which time the potency of the Monad can begin to make its presence felt, linking heart and

người chí nguyện, điểm cao hơn đang thức tỉnh nhưng chưa thức tỉnh hoàn toàn. Đối với người đệ tử đã cam kết trước lần điểm đạo thứ hai (một đệ tử có lẽ cũng là một đệ tử được chấp nhận), điểm cao hơn đã “hoàn toàn thức tỉnh”. Điều này xác nhận ý đã nêu trước đó rằng tiến trình tiếp sinh lực cho điểm sinh lực cao hơn có liên hệ rất chặt chẽ với tiến trình chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai.

174. Đôi khi người ta cho rằng điểm sinh lực cao hơn liên kết với hai trong số mười cánh hoa của tầng thái dương, trong khi điểm thấp hơn liên kết với tám cánh. Nếu đúng như vậy, mối liên hệ giữa điểm cao hơn với lần điểm đạo thứ hai sẽ có thêm một sự xác nhận qua phép tương đồng.

3. Mối quan hệ giữa tầng thái dương và tim. Điều này hết sức quan trọng và giúp làm sáng tỏ thể trí của người chí nguyện, vì một lần nữa nó biểu trưng cho vấn đề hiện tại trước mắt của phạm ngã và linh hồn.

175. Đây là một trong những mối liên hệ then chốt trong quá trình phát triển, và cũng là một mối liên hệ mà Bà AAB đang nỗ lực phát triển.

176. Quả thật, việc chiêm ngưỡng mối liên hệ căn bản giữa tầng thái dương và tim giúp thể trí của người chí nguyện sáng tỏ rất nhiều. Cặp đối cực căn bản trong đời sống người chí nguyện (tức linh hồn và phạm ngã) được biểu trưng rõ nhất qua sự tương phản giữa hai trung tâm này (tim và tầng thái dương).

4. Mối quan hệ giữa trung tâm ajna (giữa hai chân mày) và hoa sen nghìn cánh. Khi hai trung tâm này liên hệ đúng đắn với nhau, con người có thể tiếp nhận lần điểm đạo thứ ba; khi ấy, uy lực của chân thần có thể bắt đầu biểu lộ sự hiện diện, liên kết tim, đầu và

head and solar plexus.

tùng thái dương.

177. This is the final of the series of relationships. In this relation the ajna center plays the role of the personality and the thousand-petalled lotus of the soul/spirit.

177. Đây là mối liên hệ cuối cùng trong loạt mối liên hệ này. Trong mối liên hệ ấy, trung tâm ajna đóng vai trò phàm ngã, còn hoa sen nghìn cánh đóng vai trò linh hồn/tinh thần.

178. We note that it is not only relationship that is required but correct relationship if an individual is to take the third initiation.

178. Chúng ta lưu ý rằng để một người có thể trải qua lần điểm đạo thứ ba, điều cần thiết không chỉ là mối liên hệ, mà là mối liên hệ đúng đắn.

179. At the third initiation the potency of the monad makes its presence felt in a noticeable way. We are being told that a correct linking of ajna and crown center is necessary if the presence of monadic potency is to become a significant factor in the conscious life of the disciple.

179. Tại lần điểm đạo thứ ba, uy lực của chân thần biểu lộ sự hiện diện một cách rõ rệt. Chúng ta được cho biết rằng sự liên kết đúng đắn giữa ajna và trung tâm đỉnh đầu là điều cần thiết để sự hiện diện của uy lực chân thần trở thành một yếu tố có ý nghĩa trong đời sống hữu thức của người đệ tử.

180. It is interesting and important that monadic potency acts by linking "heart, head and solar plexus. Presumably this linking is not complete until the monadic potency becomes effective.

180. Điều thú vị và quan trọng là uy lực chân thần hoạt động bằng cách liên kết "tim, đầu và tùng thái dương. Có lẽ sự liên kết này chưa hoàn tất cho đến khi uy lực chân thần bắt đầu phát huy hiệu lực.

[122]

[122]

There is an intermediate stage in which the heart and the ajna centre become aligned and related. This stage is omitted from the enumeration given above owing to the fact that it is of a sevenfold nature and the method of transition and of transference is dependent upon the ray quality. One new item of information comes naturally here.

Có một giai đoạn trung gian trong đó tim và trung tâm ajna trở nên chỉnh hợp và liên hệ với nhau. Giai đoạn này không được đưa vào phần liệt kê trên vì nó có bản chất thất phân, và phương pháp chuyển tiếp cùng chuyển dịch phụ thuộc vào phẩm tính cung. Một thông tin mới tự nhiên được nêu ra ở đây.

181. The Tibetan is offering us a new item of information concerning the linking of the heart and ajna centers. This can be presumed as an intermediate linking before heart and head are entirely linked.

181. Chân sư Tây Tạng đang cung cấp cho chúng ta một thông tin mới về sự liên kết giữa trung tâm tim và trung tâm ajna. Có thể xem đây là một sự liên kết trung gian trước khi tim và đầu được liên kết hoàn toàn.

182. We are dealing with an item of some complexity, as the stage or method of

182. Chúng ta đang đề cập đến một vấn đề khá phức tạp, vì giai đoạn hay phương pháp

linking ajna and heart is of a sevenfold nature. We can assume that DK often leaves out details which would be too complex for His students to handle effectively.

183. As the majority of people are uncertain of their ray energies, the stage omitted would not be of much use to them.

The throat centre is not included in these relationships between centres above the diaphragm as it is to them what the sacral centre is to the solar plexus—a point of pure creative activity, set in motion by the interplay of the other centres but particularly is the throat centre energised and actuated eventually by the sacral centre itself. It is an effect or result of relation more than anything else.

184. If we study the section above closely, we shall see that it too offers new items of information.

185. To follow the analogy, if the throat center is set in motion by the interplay of other centers, this may also be true of the sacral center (its lower correspondence).

186. An important analogy is given: the throat center is to the higher centers (those above the diaphragm) what the sacral center is to the solar plexus.

Three other items of interest might here be mentioned. First, the throat centre is brought into real activity by the direct action of the soul, via the head centre, in conjunction with the raising of the energy of the sacral centre simultaneously. This is analogous to the fact that the solar plexus is brought into real constructive usefulness by the direct action of the soul, via the heart

liên kết ajna và tim có bản chất thất phân. Chúng ta có thể cho rằng Chân sư DK thường lược bỏ những chi tiết quá phức tạp khiến các đạo sinh của Ngài khó vận dụng hiệu quả.

183. Vì đa số mọi người chưa chắc chắn về các năng lượng cung của mình, giai đoạn được lược bỏ sẽ không hữu ích nhiều cho họ.

Trung tâm cổ họng không nằm trong những mối quan hệ giữa các trung tâm trên cơ hoành này, vì đối với chúng, trung tâm ấy có vai trò như trung tâm xương cùng đối với từng thái dương—một điểm hoạt động sáng tạo thuần túy, được sự tương tác của các trung tâm khác khởi động; nhưng đặc biệt, cuối cùng chính trung tâm xương cùng tiếp sinh lực và thúc đẩy trung tâm cổ họng hoạt động. Hơn bất cứ điều gì khác, nó là một hệ quả hay kết quả của mối quan hệ.

184. Nếu nghiên cứu kỹ đoạn trên, chúng ta sẽ thấy rằng đoạn ấy cũng cung cấp những thông tin mới.

185. Theo phép tương đồng này, nếu sự tương tác của các trung tâm khác khởi động trung tâm cổ họng, thì điều đó cũng có thể đúng với trung tâm xương cùng (đối phần tương ứng thấp hơn của nó).

186. Một phép tương đồng quan trọng được đưa ra: vai trò của trung tâm cổ họng đối với các trung tâm cao hơn (những trung tâm trên cơ hoành) cũng giống vai trò của trung tâm xương cùng đối với từng thái dương.

Ở đây có thể đề cập thêm ba điều đáng chú ý. Thứ nhất, tác động trực tiếp của linh hồn qua trung tâm đầu, kết hợp với việc đồng thời nâng năng lượng của trung tâm xương cùng, đưa trung tâm cổ họng vào hoạt động thực sự. Điều này tương tự với việc tác động trực tiếp của linh hồn qua trung tâm tim đưa từng thái dương vào trạng thái hữu ích

centre.

187. The esoteric revelations continue. The higher chakras here discussed are brought into “real” activity by the direct action of the soul. In the case of the throat center the soul works via the head center (a first ray center). The process involves the sacral center as well, for its energies are raised to the throat simultaneously with the direct action of the soul upon the throat center via the head center.

188. Another important analogy is given. The solar plexus center is compared to the throat center. The activation of the solar plexus is also stimulated from the head center but, this time, via the heart center.

189. Thus, in this short section we are given principal means of activation of the throat and solar plexus centers. The section should be pondered.

That is why people who work creatively usually have first ray personalities at the time that the throat centre becomes dynamically active for the first time.

190. How are we to know the point at which throat center becomes dynamically active for the first time? Only through an examination of previous incarnations is this possible.

191. We may draw an inference: since one must be at least an aspirant if one is to have a first ray personality, it can be said that one must be at least an aspirant when the throat center becomes dynamically active for the first time.

192. The first ray personality fits well with a process in which the throat center is activated via the head center—a first ray

mang tính xây dựng thực sự.

187. Những sự mặc khải huyền bí tiếp tục. Tác động trực tiếp của linh hồn đưa các luân xa cao hơn đang được bàn đến ở đây vào hoạt động “thực sự”. Trong trường hợp trung tâm cổ họng, linh hồn hoạt động thông qua trung tâm đầu (một trung tâm cùng một). Tiến trình này cũng bao gồm trung tâm xương cùng, vì năng lượng của nó được nâng lên cổ họng đồng thời với tác động trực tiếp của linh hồn lên trung tâm cổ họng thông qua trung tâm đầu.

188. Một phép tương đồng quan trọng khác được đưa ra. Trung tâm tùng thái dương được so sánh với trung tâm cổ họng. Sự kích hoạt tùng thái dương cũng được kích thích từ trung tâm đầu, nhưng lần này thông qua trung tâm tim.

189. Như vậy, trong đoạn ngắn này, chúng ta được trao những phương thức chủ yếu để kích hoạt trung tâm cổ họng và trung tâm tùng thái dương. Cần suy ngẫm về đoạn này.

Đó là lý do những người hoạt động sáng tạo thường có phàm ngã cùng một vào thời điểm trung tâm cổ họng lần đầu tiên hoạt động năng động.

190. Làm sao chúng ta biết được thời điểm trung tâm cổ họng lần đầu tiên hoạt động mạnh mẽ? Chỉ có thể biết điều này thông qua việc xem xét những kiếp nhập thể trước.

191. Chúng ta có thể rút ra một suy luận: vì ít nhất phải là người chí nguyện mới có thể có phàm ngã cùng một, nên có thể nói rằng khi trung tâm cổ họng lần đầu tiên hoạt động mạnh mẽ, người ấy ít nhất phải là một người chí nguyện.

192. Phàm ngã cùng một rất phù hợp với một tiến trình trong đó trung tâm cổ họng được kích hoạt thông qua trung tâm đầu—

center.

193. We must also pause to enquire what it means for the throat center to become “dynamically active” as opposed to simply active. Does “dynamically active” mean purposefully or willfully active?

Secondly, the solar plexus centre is awakened by the inflow of energy of a dual nature—the energies of the heart and the head, working synchronously. This is a correspondence to the dual energy which constitutes the essential nature of the soul—atma-buddhi, or spiritual will and spiritual love.

194. 250. DK elaborates on the awakening of the solar plexus center. He has just said that it is awakened by the soul working through the heart center. Now he adds that the solar plexus is awakened by the energy of both the heart and head working synchronously (presumably with the soul working through both).

195. We learn a new way to regard the constitution of the soul. It is dual in nature; its dual energy is described as atma-buddhi or spiritual will and spiritual love.

196. The word “spiritual” alerts us to the fact that we are speaking of the spiritual triad, and that the essential energies of the soul are the energies of the spiritual triad.

The third soul energy, manas or mental energy is related more directly to the throat centre. Thirdly, it might be stated that the awakening of the centre at the base of the spine is the result of an act of the will directed from the head and resulting in the elevation of all the energies to the head, just as the solar plexus was awakened and

một trung tâm cùng một.

193. Chúng ta cũng phải dừng lại để tìm hiểu việc trung tâm cổ họng trở nên “hoạt động mạnh mẽ” có nghĩa gì, so với việc chỉ hoạt động đơn thuần. “Hoạt động mạnh mẽ” có nghĩa là hoạt động có chủ đích hay bằng ý chí chăng?

Thứ hai, dòng năng lượng có bản chất kép—năng lượng của tim và đầu hoạt động đồng bộ—đánh thức trung tâm tùng thái dương. Điều này tương ứng với năng lượng kép tạo nên bản chất cốt yếu của linh hồn—atma-Bồ đề, hay ý chí tinh thần và tình thương tình thần.

194. 250. Chân sư DK trình bày thêm về sự thức tỉnh của trung tâm tùng thái dương. Ngài vừa nói rằng linh hồn hoạt động thông qua trung tâm tim để đánh thức trung tâm ấy. Giờ đây, Ngài bổ sung rằng năng lượng của cả tim lẫn đầu hoạt động đồng bộ sẽ đánh thức tùng thái dương (có lẽ linh hồn hoạt động thông qua cả hai).

195. Chúng ta học được một cách nhìn mới về cấu tạo của linh hồn. Linh hồn có bản chất kép; năng lượng kép của nó được mô tả là atma-Bồ đề hay ý chí tinh thần và bác ái tinh thần.

196. Từ “tinh thần” giúp chúng ta nhận ra rằng mình đang nói về Tam Nguyên Tinh Thần, và các năng lượng cốt yếu của linh hồn là các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần.

Năng lượng thứ ba của linh hồn, manas hay năng lượng trí tuệ, liên hệ trực tiếp hơn với trung tâm cổ họng. Thứ ba, có thể nói rằng sự thức tỉnh của trung tâm ở đáy cột sống là kết quả của một hành động ý chí hướng từ đầu xuống, dẫn đến việc nâng tất cả các năng lượng lên đầu, cũng như tùng thái dương đã được đánh thức và năng lượng

energy was carried to the heart—also by an act of the will. The energy of the solar plexus, that great clearing house for personality energy, must be carried always to the heart.

197. The three essential soul energies are atma, buddhi and manas. The essential soul is the spiritual triad.

198. DK goes on to describe the awakening of the energy at the base of the spine even though its true and complete awakening comes only at the fifth initiation. (cf. R&I 340)

199. It seems that the awakening of the energies at the base of the spine is impulsed directly from the head center to the base center. The result is not only the elevation of basal energies but the elevation of all lower energies into the head.

200. Basal energies must definitely be carried to the head. The contrast between Pluto representing the basal center and Vulcan representing the head center shed much light on this dynamic.

201. DK stresses the point that the energies of the awakened solar plexus must always be carried to the heart. At least this is their 'first stop'. Eventually, all energies must be carried to the head as the final point of synthesis.

202. We must not overlook the fact that in all these transferences, the energy of the will is involved. To apply visualization is one thing; to apply visualization plus the will is another.

Here I would again caution you and call attention to my earlier statement that all stimulation of the solar plexus and all focus upon that centre carries with it definite

được đưa lên tim—cũng bằng một hành động của ý chí. Năng lượng của tầng thái dương, trạm trung chuyển lớn của năng lượng phàm ngã, phải luôn được đưa lên tim.

197. Ba năng lượng cốt yếu của linh hồn là atma, Bồ đề và manas. Về bản chất cốt yếu, linh hồn là Tam Nguyên Tinh Thần.

198. Chân sư DK tiếp tục mô tả sự thức tỉnh của năng lượng ở đáy cột sống, dù sự thức tỉnh đích thực và hoàn toàn của nó chỉ diễn ra tại lần điểm đạo thứ năm. (xem R&I 340)

199. Dường như sự thức tỉnh của các năng lượng ở đáy cột sống nhận xung lực trực tiếp từ trung tâm đầu đến trung tâm đáy cột sống. Kết quả không chỉ là nâng các năng lượng đáy cột sống lên, mà còn nâng mọi năng lượng thấp lên đầu.

200. Các năng lượng đáy cột sống nhất thiết phải được đưa lên đầu. Sự tương phản giữa Sao Diêm Vương, đại diện cho trung tâm đáy cột sống, và Vulcan, đại diện cho trung tâm đầu, làm sáng tỏ nhiều điều về động lực này.

201. Chân sư DK nhấn mạnh rằng các năng lượng của tầng thái dương đã thức tỉnh phải luôn được đưa lên tim. Ít nhất đây là 'điểm dừng đầu tiên' của chúng. Cuối cùng, mọi năng lượng đều phải được đưa lên đầu, điểm tổng hợp sau cùng.

202. Chúng ta không được bỏ qua thực tế rằng trong tất cả những sự chuyển dịch này, năng lượng của ý chí đều tham gia. Vận dụng sự hình dung là một việc; vận dụng sự hình dung kết hợp với ý chí lại là một việc khác.

Ở đây, Tôi muốn một lần nữa cảnh báo các bạn và lưu ý đến lời Tôi đã nói trước đây rằng mọi sự kích thích tầng thái dương và mọi sự tập trung vào trung tâm ấy đều

danger, and [123] disciples are enjoined to exercise wise control over the emotional nature.

203. In this rather extensive meditation process, DK definitely includes the solar plexus as a focus of attention.

204. He also warns of the dangers involved in doing so. As a disciple one cannot allow oneself to be “carried away” by the emotional nature (which may become stimulated in the course of carrying out the suggested meditative process).

A decentralised attitude as regards personality reactions and a steadily deepening love of humanity will safeguard disciples at this stage—the stage of seeking to fit themselves for the first or the second initiation.

261. We now learn that the meditative processes being suggested are useful in preparation for *either* the first or second initiation.

205. The accumulated information, however, seems to suggest that the meditation has rather more applicability to the preparation for the second degree.

206. The safeguards given should be noted: decentralization and a deepening love of humanity. To become subject to emotion is to become subject to the personality, for the solar plexus (the seat of emotion) is the symbol of the personality. One cannot be carried away by emotion or become subject to emotionalism if one holds a decentralized attitude.

207. As for a deepening love of humanity, it will place the emphasis upon the heart center and will thus assist the transference from solar plexus to heart. It will prevent the aspirant from becoming “too full of

mang theo nguy hiểm rõ rệt, và [123] các đệ tử được yêu cầu kiểm soát bản chất cảm xúc một cách minh triết.

203. Trong tiến trình tham thiền khá bao quát này, Chân sư DK rõ ràng đưa tòng thái dương vào làm một tiêu điểm chú ý.

204. Ngài cũng cảnh báo về những nguy hiểm đi kèm khi làm như vậy. Là một đệ tử, người ta không thể để bản chất cảm xúc “cuốn đi” (bản chất ấy có thể bị kích thích trong quá trình thực hành tiến trình tham thiền được đề nghị).

Thái độ phi tập trung vào bản thân đối với các phản ứng của phạm ngã và tình thương nhân loại ngày càng sâu sắc sẽ bảo vệ các đệ tử ở giai đoạn này—giai đoạn tìm cách làm cho mình thích hợp với lần điểm đạo thứ nhất hoặc thứ hai.

261. Giờ đây, chúng ta biết rằng các tiến trình tham thiền được đề xuất hữu ích cho việc chuẩn bị cho *hoặc* lần điểm đạo thứ nhất hoặc lần điểm đạo thứ hai.

205. Tuy nhiên, những thông tin đã tích lũy dường như cho thấy bài thiền này thích hợp hơn với việc chuẩn bị cho cấp điểm đạo thứ hai.

206. Cần lưu ý những biện pháp bảo vệ đã nêu: phi tập trung vào bản thân và tình thương nhân loại ngày càng sâu sắc. Chịu sự chi phối của cảm xúc là chịu sự chi phối của phạm ngã, vì tòng thái dương (nơi ngự trị của cảm xúc) là biểu tượng của phạm ngã. Người ta không thể bị cảm xúc cuốn đi hoặc sa vào trạng thái đa cảm nếu giữ thái độ phi tập trung vào bản thân.

207. Về tình thương nhân loại ngày càng sâu sắc, tình thương ấy sẽ đặt trọng tâm vào trung tâm tim và nhờ đó hỗ trợ sự chuyển dịch từ tòng thái dương lên tim. Nó sẽ ngăn người chí nguyện trở nên “quá tự mãn về

himself”.

We will now continue with the second phase of the meditation. It was carried to the point wherein you were asked to say as a soul the great Mantram of Unification.

208. We now resume the actual meditative instructions. The foregoing was in the nature of explanation.

STAGE II

1. Repeat rapidly Stage I, taking not more than five minutes in so doing. Lift your consciousness and relate the head and the heart. Repeat thoughtfully the mantram which eventually leads to the realisation of unity.

209. The meditator has become habituated to the first stage of the meditation and may derive full value from using it with relative brevity.

210. We have in DK’s short sentence above a summary of the essence of what is required in the first phase of the meditation.

2. With the focus of the consciousness then in the head, summon the Will to your aid and by an act of the will carry the energy focussed in the head to the solar plexus. To facilitate this process, you can use the following formula:

211. Now the will is definitely summoned—a thing that was not done in the first phase of the meditation. The Will (note the capitals) may be considered a higher force, seemingly external to the disciple but really deeply internal.

212. We should not forget that as the Will is

bản thân”.

Giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục giai đoạn thứ hai của bài thiền. Bài thiền đã được đưa đến chỗ các bạn được yêu cầu đọc Mantram Hợp Nhất vĩ đại với tư cách linh hồn.

208. Giờ đây, chúng ta trở lại những chỉ dẫn thực hành tham thiền. Phần trước mang tính giải thích.

GIAI ĐOẠN II

1. Nhanh chóng lặp lại Giai đoạn I, dành không quá năm phút cho việc này. Nâng tâm thức lên và liên kết đầu với tim. Lặp lại một cách suy ngẫm mantram cuối cùng sẽ dẫn đến sự chứng nghiệm hợp nhất.

209. Người hành thiền đã quen với giai đoạn thứ nhất của bài thiền và có thể nhận được đầy đủ giá trị của giai đoạn này dù thực hiện trong thời gian tương đối ngắn.

210. Trong câu ngắn gọn trên của Chân sư DK, chúng ta có một bản tóm lược điều cốt yếu cần thực hiện trong giai đoạn thứ nhất của bài thiền.

2. Khi tiêu điểm của tâm thức ở trong đầu, hãy triệu dụng Ý Chí để trợ giúp và bằng một hành động của ý chí, đưa năng lượng tập trung trong đầu đến từng thái dương. Để tạo thuận lợi cho tiến trình này, các bạn có thể dùng công thức sau:

211. Giờ đây, ý chí được triệu thỉnh một cách dứt khoát—điều chưa được thực hiện trong giai đoạn thứ nhất của bài thiền. Có thể xem Ý Chí (hãy lưu ý cách viết hoa) là một mãnh lực cao hơn, dường như ở bên ngoài người đệ tử nhưng thực ra lại ở sâu bên trong.

212. Chúng ta không nên quên rằng khi Ý

carried to the solar plexus, the heart center can be involved.

213. We note that certain mantric formulas are useful in facilitating energy transferences.

a. I am the soul. And also love I am. Above all else I am both will and fixed design.

214. When the mantram says “above all else”, it may be considered to be referring to the monadic level (the level on which “fixed design” appears in greatest purity—at least with respect to the microcosmic evolution of man).

b. My will is now to lift the lower self into the light divine. This light I am.

215. In doing this one is lifting the solar plexus energy, the seat of the lower self. The “light divine” can be found both in the heart center and in the head center.

216. One is identifying with the energies of the higher centers.

c. Therefore, I must descend to where the lower self awaits my coming. That which desires to lift and that which cries aloud for lifting are now at-one. Such is my will.

217. The lower self awaiting the coming of the true identity may be considered the accumulated energies of the solar plexus prepared for elevation.

218. Whenever we see the word “cry”, the emotional nature is implied and thus the solar plexus. It is the energies of the solar plexus center which cry aloud for lifting.

Chỉ được đưa xuống từng thái dương, trung tâm tim có thể tham gia vào tiến trình này.

213. Chúng ta lưu ý rằng một số công thức mantram hữu ích trong việc tạo thuận lợi cho những sự chuyển dịch năng lượng.

a. Tôi là linh hồn. Và tôi cũng là tình thương. Trên hết, tôi vừa là ý chí vừa là chủ đích kiên định.

214. Khi mantram nói “trên hết”, có thể hiểu rằng câu ấy đề cập đến cấp độ chân thần (cấp độ mà “ý định kiên định” xuất hiện trong sự thuần khiết cao nhất—ít nhất là xét về sự tiến hoá tiểu thiên địa của con người).

b. Giờ đây, ý chí của tôi là nâng phàm ngã vào ánh sáng thiêng liêng. Tôi là ánh sáng này.

215. Khi làm điều này, người ta đang nâng năng lượng từng thái dương lên; đó là nơi ngự trị của phàm ngã. Có thể tìm thấy “ánh sáng thiêng liêng” cả trong trung tâm tim lẫn trung tâm đầu.

216. Người ta đang đồng hoá với năng lượng của các trung tâm cao hơn.

c. Vì vậy, tôi phải đi xuống nơi phàm ngã đang chờ tôi đến. Điều muốn nâng lên và điều lớn tiếng kêu cầu được nâng lên giờ đây là một. Ý chí của tôi là như vậy.

217. Có thể xem phàm ngã đang chờ bản sắc chân thực đến là những năng lượng tích lũy trong từng thái dương đã sẵn sàng để được nâng lên.

218. Bất cứ khi nào thấy từ “khẩn cầu”, chúng ta đều hiểu rằng bản chất cảm xúc được hàm ý, và do đó là từng thái dương. Chính những năng lượng của trung tâm từng thái dương cất tiếng khẩn cầu được

nâng lên.

219. The mantram facilitates the gathering of all lower energies centered in the solar plexus into the head center.

219. Mantram tạo thuận lợi cho việc thu gom tất cả những năng lượng thấp đang tập trung trong từng thái dương vào trung tâm đầu.

Whilst saying these mantric words (taken from a very ancient disciples' manual) vision pictorially the process of focussing—demanding—descending and at-one-ing.

Trong khi đọc những lời mantram này (trích từ một cẩm nang đệ tử rất cổ xưa), hãy hình dung bằng hình ảnh tiến trình tập trung—đòi hỏi—đi xuống và hợp nhất làm một.

220. The main action of the mantram is reduced to a few words “focussing—demanding—descending and at-one-ing”.

220. Hoạt động chính của mantram được cô đọng trong vài từ “tập trung—yêu cầu—đi xuống và hợp nhất”.

3. Pause here and endeavour to feel and sense the initiatory vibration or embryonic interplay which is being established between the awakened and the awakening points within the solar plexus. This can be done, but it involves an act of slow concentration.

3. Dừng lại ở đây và cố gắng cảm nhận và cảm biết rung động khởi đầu hay sự tương tác phôi thai đang được thiết lập giữa điểm đã thức tỉnh và điểm đang thức tỉnh trong từng thái dương. Có thể làm được điều này, nhưng nó đòi hỏi một hành động tập trung chậm rãi.

221. The next activity is a kind of feeling activity requiring “slow” concentration. The interplay between the two points of vital light is to be felt. There will be a difference in the sensations associated with the awakened and awakening points.

221. Hoạt động tiếp theo là một dạng hoạt động cảm nhận đòi hỏi sự tập trung “chậm rãi”. Cần cảm nhận sự tương tác giữa hai điểm ánh sáng sinh động. Sẽ có sự khác biệt giữa những cảm giác gắn với điểm đã thức tỉnh và điểm đang thức tỉnh.

222. The interplay is not actively established; it is simply “initiatory” and “embryonic”. The sensing of this interplay cannot be rushed.

222. Sự tương tác chưa được thiết lập một cách tích cực; nó chỉ mới “khởi phát” và “phôi thai”. Không thể vội vàng trong việc cảm nhận sự tương tác này.

4. Then sound the OM twice from the head centre, [124] knowing yourself to be the soul which is breathing it forth.

4. Sau đó, xướng OM hai lần từ trung tâm đầu, [124] biết mình là linh hồn đang thở ra âm thanh ấy.

223. The soul is the actor in this entire meditation process. One can sound the OM identified as a personality or as a soul. One must feel and know the difference.

223. Linh hồn là chủ thể hành động trong toàn bộ tiến trình tham thiền này. Người ta có thể xướng linh từ OM khi đồng hoá với phạm ngã hoặc với linh hồn. Cần cảm nhận và biết rõ sự khác biệt.

224. Initially, the “act as if” attitude serves here; it will give way to the sense of being the soul.

Believe this sound, carried on the breath of will and love, as capable of stimulating the solar plexus in the right way and able to transmute the lower energies so that they will be pure enough to be carried first of all to the awakening point and from that point eventually to the heart centre.

225. While identified as the soul sounding the OM and breathing it forth, one engages in an act of belief, allowing no doubt to enter. This act of belief empowers the sound. The sound is carried on the breath of will and love.

226. We note that only if the energies of the ‘lower’ solar plexus are sufficiently “pure” can be they carried first to the awakening point and thence to the heart.

227. This phase of the meditation is really an act of transmutation. The factor of belief is a transmutative factor.

228. We also note the use of the word “eventually” which suggests that the up-drawn energies will reach the heart center but not immediately.

5. As you vision the energies of the solar plexus being carried up the spine to the heart centre (situated, as you know, between the shoulder blades) I would ask you to breathe out the OM again into the solar plexus but this time, having done so, draw the focussed energy up the spine towards the head.

229. The up-drawing of solar plexus rises first to the heart. Once this is accomplished,

224. Ban đầu, thái độ “hành động như thể” hữu ích ở đây; rồi nó sẽ nhường chỗ cho cảm nhận mình là linh hồn.

Hãy tin rằng âm thanh này, được mang trên hơi thở của ý chí và tình thương, có khả năng kích thích từng thái dương đúng cách và có thể chuyển hoá các năng lượng thấp để chúng đủ tinh khiết, trước hết được đưa đến điểm đang thức tỉnh, rồi cuối cùng từ điểm ấy đến trung tâm tim.

225. Trong khi đồng hoá với linh hồn đang xướng linh từ OM và thở ra linh từ ấy, người ta thực hiện một hành động tin tưởng, không để bất kỳ nghi ngờ nào xen vào. Hành động tin tưởng này tiếp sức mạnh cho âm thanh. Âm thanh được chuyên chở trên hơi thở của ý chí và tình thương.

226. Chúng ta lưu ý rằng chỉ khi những năng lượng của phần từng thái dương ‘thấp’ đủ “tinh khiết”, chúng mới có thể được đưa trước hết đến điểm đang thức tỉnh, rồi từ đó đến tim.

227. Giai đoạn này của bài thiền thực sự là một hành động chuyển hoá. Yếu tố tin tưởng là một yếu tố chuyển hoá.

228. Chúng ta cũng lưu ý việc sử dụng từ “cuối cùng”, hàm ý rằng những năng lượng được kéo lên sẽ đến trung tâm tim, nhưng không phải ngay lập tức.

5. Khi hình dung các năng lượng của từng thái dương được đưa lên dọc cột sống đến trung tâm tim (như các bạn biết, nằm giữa hai bả vai), Tôi muốn các bạn lại thở ra OM vào từng thái dương, nhưng lần này, sau khi làm như vậy, hãy kéo năng lượng đã tập trung lên dọc cột sống hướng về đầu.

229. Năng lượng từng thái dương được kéo lên trước hết đến tim. Khi điều này đã hoàn

one (acting as the soul) breathes the OM into the solar plexus, but draws the solar plexus energy towards the head.

230. DK reiterates the position of the heart center and reminds us that the solar energy much be carried up the spine. Some meditators might be inclined to forget this.

The vibration thus established will carry the energy to the heart, for it has to pass through that centre in the spine on its way to the head. In the early stages that is as far as it may go, but later it will pass through the heart, leaving its due quota of energy, and finally reach the head centre.

231. The energy being carried upwards towards the head will pass through the heart (a second time).

232. DK notes the sequential nature of the process. When the meditation is first used (or is used by a less advanced meditator), the solar plexus energy may only reach the heart. Later it will pass through the heart (depositing a necessary quota of energy) and finally reach the head.

233. If we think carefully, we will find the Tibetan relating (in a most scientific way) chakras important for discipleship.

6. Then focus yourself in the heart, believing that a triangle of energy has been formed between the head, the heart and the solar plexus. Vision it then as composed of the energy of light, something resembling a triangle of neon light. The colour of this neon light so-called will be dependent upon the ray of the soul.

234. We see how very occult this

tất, người ta (hành động với tư cách linh hồn) thở ra linh từ OM vào từng thái dương, nhưng kéo năng lượng từng thái dương về phía đầu.

230. Chân sư DK nhắc lại vị trí của trung tâm tim và nhắc chúng ta rằng năng lượng từng thái dương phải được đưa lên dọc cột sống. Một số người hành thiền có thể có khuynh hướng quên điều này.

Rung động được thiết lập theo cách ấy sẽ đưa năng lượng đến tim, vì trên đường lên đầu, năng lượng phải đi qua trung tâm ấy trong cột sống. Trong những giai đoạn đầu, năng lượng có thể chỉ đi xa đến đó, nhưng về sau nó sẽ đi qua tim, để lại phần năng lượng thích đáng, rồi cuối cùng đến trung tâm đầu.

231. Năng lượng được đưa lên về phía đầu sẽ đi qua tim (lần thứ hai).

232. Chân sư DK lưu ý tính tuần tự của tiến trình. Khi mới thực hành bài thiền này (hoặc khi một người hành thiền ít tiến bộ hơn thực hành), năng lượng từng thái dương có thể chỉ đến được tim. Về sau, nó sẽ đi qua tim (để lại một phần năng lượng cần thiết) rồi cuối cùng đến đầu.

233. Nếu suy nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy Chân sư Tây Tạng đang liên kết (một cách hết sức khoa học) những luân xa quan trọng đối với địa vị đệ tử.

6. Sau đó, tập trung mình trong tim, tin rằng một tam giác năng lượng đã hình thành giữa đầu, tim và từng thái dương. Rồi hình dung tam giác ấy gồm năng lượng ánh sáng, có phần giống một tam giác ánh sáng đèn nê-ông. Màu của cái gọi là ánh sáng nê-ông này sẽ phụ thuộc vào cung linh hồn.

234. Chúng ta thấy bài thiền này thực sự

meditation actually is. Earlier we learned that the method of relating heart to ajna center was sevenfold. Now we learn that the color of the soul ray (vivid in its “neon” nature) is to be used to link the three centers involved—solar plexus, heart and head.

235. The ‘believing visualization’ requested is undertaken once the attention is focused in the heart center.

236. One can imagine that the energy of the soul ray unites these three centers via the expedient of this type of visualization.

7. Then again repeat the Mantram of Unification, beginning “The sons of men are one...”

8. Standing, therefore, in the centre of the heart see the energy of your group brothers as the radiating spokes of a great wheel of light. This wheel has twenty-four spokes and at the centre of the wheel, like the hub of the wheel, can be found your Master (D.K.). Then slowly with love, mention aloud the names of each of your group brothers, not omitting yourself.

237. Each section of this meditation is powerfully occult. The great wheel of light is Shamballic in its nature as it is composed of twenty-four spokes. Master DK is seen as vitalizing and sustaining the whole.

238. The phase of naming and loving follows and it is of vital importance. This entire meditation is meant to stimulate the love energy within the group.

239. It is significant that one’s own name must be included and, accordingly, love sent towards oneself (not as a special person) but simply as a member of the

mang tính huyền bí sâu sắc đến mức nào. Trước đó, chúng ta đã biết rằng phương pháp liên kết tim với trung tâm ajna là thất phân. Giờ đây, chúng ta biết rằng cần dùng màu sắc của cung linh hồn (rực sáng với tính chất “nê-ông”) để liên kết ba trung tâm liên quan—tùng thái dương, tim và đầu.

235. Việc ‘hình dung với lòng tin’ được yêu cầu sẽ bắt đầu khi sự chú ý đã tập trung trong trung tâm tim.

236. Có thể hình dung rằng năng lượng của cung linh hồn hợp nhất ba trung tâm này thông qua phương tiện là kiểu hình dung này.

7. Sau đó, lại đọc Mantram Hợp Nhất, bắt đầu bằng “Những người con của nhân loại là một...”

8. Vì vậy, đứng ở trung tâm tim, hãy thấy năng lượng của các huynh đệ trong nhóm như những nan hoa tỏa ra của một bánh xe ánh sáng lớn. Bánh xe này có hai mươi bốn nan hoa, và tại trung tâm bánh xe, như trục bánh xe, là Chân sư của các bạn (Chân sư DK). Sau đó, chậm rãi và với tình thương, hãy đọc thành tiếng tên từng huynh đệ trong nhóm, không bỏ sót chính mình.

237. Mỗi phần của bài thiền này đều mang tính huyền bí mạnh mẽ. Bánh xe ánh sáng vĩ đại có bản chất Shamballa vì nó gồm hai mươi bốn nan hoa. Chân sư DK được hình dung là Đấng tiếp sinh lực và duy trì toàn thể.

238. Tiếp theo là giai đoạn xưng tên và yêu thương, có tầm quan trọng thiết yếu. Toàn bộ bài thiền này nhằm kích thích năng lượng tình thương trong nhóm.

239. Việc phải bao gồm cả tên của chính mình mang thâm nghĩa, và theo đó, tình thương được gửi đến bản thân (không phải như một người đặc biệt) mà đơn giản như

group.

240. The naming is to occur “aloud”, which is interesting. Naming aloud establishes the group love and unity upon the physical plane.

9. Then see this wheel as actively moving and scintillating, and thus serving humanity through its focussed radiation. This radiation is the radiation of love.

241. Perhaps we can visualize the wheel moving in two directions—turning upon itself.

242. What is visualized is an act of group service.

All the above is purely symbolic but carried out as a [125]visualisation process for some months—consistently and consciously—it will create a state of mind and of awareness which will be enduring because “as a man thinketh, so is he.”

243. One can imagine that this visualization would create the potent sense of a vibrant, serving group. The symbolism employed will create the consciousness of which it is symbolic.

10. Then close with the new Invocation and also with the Gayatri, with its emphasis upon one’s duty.

OM OM OM

244. The “new Invocation” is, in this case, Stanza II of the Great Invocation. Stanza III, with which we are so familiar, had not yet been given out.

This meditation process is relatively simple

một thành viên của nhóm.

240. Việc xưng tên phải diễn ra “thành tiếng”, một điều thú vị. Xưng tên thành tiếng thiết lập tình thương và sự hợp nhất của nhóm trên cõi hồng trần.

9. Sau đó, hãy thấy bánh xe này đang chuyển động năng động và lấp lánh, qua đó phụng sự nhân loại bằng sự tỏa chiếu tập trung. Sự tỏa chiếu này là sự tỏa chiếu của tình thương.

241. Có lẽ chúng ta có thể hình dung bánh xe chuyển động theo hai hướng—tự quay quanh mình.

242. Điều được hình dung là một hành động phụng sự nhóm.

Tất cả những điều trên hoàn toàn mang tính biểu tượng, nhưng nếu thực hiện như một [125]tiến trình hình dung trong vài tháng—một cách kiên trì và có ý thức—nó sẽ tạo nên một trạng thái trí tuệ và nhận biết bền vững, vì “con người suy nghĩ thế nào thì trở thành thế ấy”.

243. Có thể hình dung rằng sự hình dung này sẽ tạo ra một cảm nhận mạnh mẽ về một nhóm tràn đầy sức sống và đang phụng sự. Hệ biểu tượng được sử dụng sẽ tạo ra tâm thức mà nó tượng trưng.

10. Sau đó, kết thúc bằng lời Khẩn Nguyên mới và cả bài Gayatri, với sự nhấn mạnh đến bốn phận của mỗi người.

OM OM OM

244. Trong trường hợp này, “bài Khẩn Nguyên mới” là Bài kệ II của Đại Khẩn Nguyên. Bài kệ III, vốn rất quen thuộc với chúng ta, khi ấy vẫn chưa được công bố.

Tiến trình tham thiền này tương đối đơn

if you familiarise yourself with its stages for a few weeks. Much of the above is explanatory in nature and can be dispensed with when you can follow the process automatically.

245. This is a most important comment, because a study of this meditation process will reveal it as not entirely simple, but rather subtle and intricate. Yet the complexities will disappear through familiarization.

246. The explanations seem to encumber the process until they are well digested.

I will now proceed to give you each your personal instructions and individual meditation. This meditation should be done at some time of the day which is not the time chosen for the group meditation. I do not want the two meditations done together at the same time, for I do not want your personality problems and your possible glimmers to be interjected into the group consciousness.

247. This is a wise piece of advice. The group meditation must remain undisturbed by personal issues.

Beware of doing this because the task of each of you is hard enough without being complicated by the personal problems of some distressed brother in the group.

248. We are to realize how we could complicate each other's way through the interjection of our personal problems into the group field.

249. From this perspective, impersonality becomes a group responsibility.

giản nếu các bạn làm quen với các giai đoạn của nó trong vài tuần. Phần lớn những điều trên có tính chất giải thích và có thể lược đi khi các bạn có thể tự động thực hiện tiến trình.

245. Đây là một nhận xét hết sức quan trọng, vì việc nghiên cứu tiến trình thiền này sẽ cho thấy nó không hoàn toàn đơn giản, mà khá tinh tế và phức tạp. Tuy nhiên, những điều phức tạp sẽ biến mất khi đã quen thuộc.

246. Những lời giải thích dường như làm tiến trình thêm nặng nề cho đến khi chúng được lĩnh hội thấu đáo.

Giờ đây, Tôi sẽ tiếp tục trao cho từng người những huấn thị cá nhân và bài thiền riêng. Bài thiền này cần được thực hiện vào một thời điểm trong ngày khác với thời điểm đã chọn cho bài thiền nhóm. Tôi không muốn hai bài thiền được thực hiện cùng lúc, vì Tôi không muốn các vấn đề phàm ngã và những ảo cảm có thể có của các bạn xen vào tâm thức nhóm.

247. Đây là một lời khuyên sáng suốt. Bài thiền nhóm phải duy trì được sự bình ổn, không chịu xáo trộn từ những vấn đề cá nhân.

Hãy thận trọng đừng làm điều này, vì nhiệm vụ của mỗi người trong các bạn vốn đã đủ khó khăn, không cần bị làm phức tạp thêm bởi các vấn đề cá nhân của một huynh đệ đang khốn khổ trong nhóm.

248. Chúng ta cần nhận ra mình có thể làm cho con đường của nhau thêm phức tạp như thế nào khi đưa những vấn đề cá nhân vào trường năng lượng của nhóm.

249. Từ góc nhìn này, tính phi cá nhân trở thành một trách nhiệm đối với nhóm.

In giving you your personal instructions, I shall speak with complete frankness and shall not spare you either praise or blame. If you resent what I may say, then it will simply indicate the power of your personality to react unfavourably to the truth and will consequently point out to you an area of blindness and of weakness in your consciousness.

250. In describing His intention to be utterly frank, DK begins the process of frankness.

251. Resentment is a personal reaction and often hides a weakness of which the resenting one is unaware.

You will be thereby the gainer and will be able to grasp somewhat more clearly the nature of the battle which you have to fight.

252. DK seeks to see us freed of illusions. He knows that each of us has a battle to fight. We gain by learning the location and nature of our battleground. Reactivity is an important clue.

Khi trao cho các bạn những huấn thị cá nhân, Tôi sẽ nói hoàn toàn thẳng thắn, không dè dặt lời khen hay lời chê. Nếu các bạn bất bình trước những gì Tôi có thể nói, điều ấy chỉ cho thấy sức mạnh của phạm ngã khiến các bạn phản ứng bất lợi trước sự thật, và do đó sẽ chỉ ra một vùng mù quáng và yếu đuối trong tâm thức các bạn.

250. Khi mô tả ý định hoàn toàn thẳng thắn của Ngài, Chân sư DK bắt đầu thực hiện sự thẳng thắn ấy.

251. Sự bất bình là một phản ứng cá nhân và thường che giấu một điểm yếu mà người bất bình không nhận biết.

Nhờ đó, các bạn sẽ được lợi và có thể phân nào nắm bắt rõ hơn bản chất của cuộc chiến mà mình phải chiến đấu.

252. Chân sư DK mong thấy chúng ta thoát khỏi các ảo tưởng. Ngài biết rằng mỗi người trong chúng ta đều có một cuộc chiến phải chiến đấu. Chúng ta được lợi khi biết vị trí và bản chất chiến trường của mình. Khuynh hướng phản ứng là một manh mối quan trọng.

MEDITATION PART III [126-128] – BÀI THIỀN PHẦN III [126-128]

169. DK comments on the use of the group meditation assigned.

As individuals, many of you have used regularly (and profited thereby) the meditation which I gave you thus far in this series of instructions. But speaking generally, the group as a whole has not given as much attention and thought to the processes outlined in the two parts of the one [126] meditation, as I had hoped and

169. Chân sư DK bình luận về việc thực hành bài thiền nhóm đã giao.

Với tư cách cá nhân, nhiều người trong các bạn đã đều đặn thực hành (và nhờ đó được lợi từ) bài thiền mà Tôi đã trao cho các bạn cho đến nay trong loạt huấn thị này. Nhưng nhìn chung, toàn thể nhóm chưa dành đủ sự chú ý và suy ngẫm cho các tiến trình được phác thảo trong hai phần của cùng một [126] bài thiền, như Tôi đã hy vọng và yêu

asked. I would ask you, therefore, to renew your activity along this line from now until May, when—if you work with tension and achieve results—I can give you another meditation which will climax the work done and bring another centre into activity.

170. DK is speaking of Meditation I/II. The meditation process could not be considered successful if only individuals benefited from it. The group as a whole would have to benefit to a reasonable degree and this has not happened.

171. We see that DK is, through the meditation process, activating certain chakras. The chakras involved in meditation I/II are the solar plexus, heart and head, with some attention to the ajna center in certain parts of the meditation.

172. We see that the Master is attentive to the group's progress and will not offer a new mediation unless the intent of the meditation presently in use is reasonably fulfilled.

173. Always the Full Moon in May is considered the climactic point of achievement.

There is little that I can do with you until this meditation work has been patiently and regularly done and produced effective results—from my point of view. I shall not be able to give you another meditation unless you strive afresh, and together, at the daily process outlined by me.

174. What to do when there has been a relative failure? Strive afresh!

175. This brief injunction is also an answer to many of our little failures. No defeat is

cầu. Vì vậy, Tôi muốn các bạn đổi mới hoạt động theo hướng này từ nay đến tháng Năm, khi ấy—nếu các bạn làm việc với sự tập trung nhất tâm và đạt kết quả—Tôi có thể trao cho các bạn một bài thiền khác, đưa công việc đã làm đến đỉnh điểm và đưa thêm một trung tâm vào hoạt động.

170. Chân sư DK đang nói về Bài thiền I/II. Không thể xem tiến trình tham thiền là thành công nếu chỉ các cá nhân được lợi ích từ đó. Toàn nhóm phải được lợi ích ở một mức độ thích đáng, và điều này chưa xảy ra.

171. Chúng ta thấy rằng thông qua tiến trình tham thiền, Chân sư DK đang khơi hoạt một số luân xa. Những luân xa liên quan trong Bài thiền I/II là tùng thái dương, tim và đầu, với sự chú ý phần nào dành cho trung tâm ajna trong một số phần của bài thiền.

172. Chúng ta thấy Chân sư quan tâm đến sự tiến bộ của nhóm và sẽ không trao một bài thiền mới trừ khi mục đích của bài thiền đang thực hành đã được hoàn thành ở mức độ thích đáng.

173. Trăng Tròn tháng Năm luôn được xem là cao điểm của thành tựu.

Tôi có thể làm rất ít với các bạn chừng nào công việc tham thiền này chưa được thực hiện kiên nhẫn, đều đặn và tạo ra những kết quả hữu hiệu—theo quan điểm của Tôi. Tôi sẽ không thể trao cho các bạn một bài thiền khác trừ khi các bạn lại cùng nhau nỗ lực thực hiện tiến trình hằng ngày mà Tôi đã phác thảo.

174. Phải làm gì khi đã có một sự thất bại tương đối? Hãy nỗ lực trở lại!

175. Lời khuyên ngắn gọn này cũng là câu trả lời cho nhiều thất bại nhỏ của chúng ta.

permanent and fresh striving leads towards eventual success.

176. DK has hopes for His group, but they are as an instrument unready. They have not upheld their part and He, on His side, is limited until they do.

This meditation is one of the most important of the steps I shall ever ask you to take in these early preparatory stages of your work. It must precede the more definite training which may be possible if you persevere in the work outlined.

177. DK is still referring to the preliminary meditation—Meditation I/II.

178. We note that a Master builds carefully leaving nothing to chance. Unless the necessary foundational work is done, His hands are tied.

I would remind you that this is my last effort with you in this incarnation and on the physical plane.

179. Again the reminder, and indeed, it was the case. AAB's health was precarious¹ and Master DK knew He had only so many years to work through her as an instrument allowing Him to contact His chelas on the physical plane.

180. The suggestion is, however, that work would continue beyond the veil as it did for PDW and CDP.

You have put your hand to the plough and there is no turning back for any of you, but

Không có thất bại nào là vĩnh viễn, và nỗ lực mới sẽ dẫn đến thành công sau cùng.

176. Chân sư DK đặt hy vọng vào nhóm của Ngài, nhưng với tư cách một công cụ, họ vẫn chưa sẵn sàng. Họ chưa làm tròn phần việc của mình, và về phía Ngài, Ngài vẫn bị giới hạn cho đến khi họ làm được điều đó.

Bài thiền này là một trong những bước quan trọng nhất mà Tôi sẽ yêu cầu các bạn thực hiện trong những giai đoạn chuẩn bị ban đầu của công việc. Nó phải đi trước sự huấn luyện cụ thể hơn, vốn có thể trở nên khả thi nếu các bạn kiên trì trong công việc đã phác thảo.

177. Chân sư DK vẫn đang đề cập đến bài thiền sơ bộ—Bài thiền I/II.

178. Chúng ta lưu ý rằng một Chân sư xây dựng cẩn thận, không để điều gì tùy thuộc vào may rủi. Nếu công việc nền tảng cần thiết chưa hoàn tất, Ngài đành bó tay.

Tôi muốn nhắc các bạn rằng đây là nỗ lực cuối cùng của Tôi với các bạn trong kiếp sống này và trên cõi hồng trần.

179. Một lần nữa là lời nhắc nhở ấy, và quả thực tình hình là như vậy. Sức khỏe của AAB rất mong manh² và Chân sư DK biết Ngài chỉ còn chừng ấy năm để làm việc thông qua Bà như một công cụ cho phép Ngài tiếp xúc với các đệ tử của Ngài trên cõi hồng trần.

180. Tuy nhiên, điều được gợi ý là công việc sẽ tiếp tục bên kia bức màn, như đã diễn ra đối với PDW và CDP.

Các bạn đã đặt tay vào cày, và không ai trong các bạn có thể quay lui, nhưng yếu tố thời

¹ không chắc chắn, bấp bênh, mong manh; hiểm nghèo, gieo neo

² không chắc chắn, bấp bênh, mong manh; hiểm nghèo, gieo neo

the time factor is determined by each of you and not by me.

181. Again, a reference to the time equation. The eventual outcome is sure, but a greater or lesser amount of time may be employed to achieve desired results and this employment of time depends upon the chela(s).

There may be times in the process of training you and preparing you for initiation when you may temporarily fail to understand the reasons for the requests I may make and for the requirements presented to you. Forget not that the aspirant to the Mysteries proceeds blindly in the early stages; only after the third initiation do the scales fall from his eyes. Therefore, follow obediently (though voluntarily) my requests as I endeavour to teach you the ancient rules.

182. The Master offers sound advice to those who may not know *why* they have to follow His advice. He reminds them that they cannot yet truly see. Such sight will only occur after the third degree, ruled by Venus (in one respect) and thus related to sight and the ajna center.

183. DK is asking for voluntary obedience—the will to obey. It does not seem too much to ask.

Will you also, at this point, study anew the teaching I gave in the earlier instructions on the theme of Visualisation and explained why it is the secret of all true meditation work in its earlier stages? I seek not to repeat, but that teaching is needed by you at this stage. (Discipleship in the New Age, Vol. I. Pages 89-91.)

184. It is clear that a renewed

gian do từng người trong các bạn quyết định, không phải do Tôi.

181. Một lần nữa, đây là lời đề cập đến phương trình thời gian. Kết quả cuối cùng là chắc chắn, nhưng có thể cần nhiều hay ít thời gian hơn để đạt những kết quả mong muốn, và việc sử dụng thời gian này tùy thuộc vào người đệ tử hoặc các đệ tử.

Trong tiến trình huấn luyện và chuẩn bị các bạn cho điểm đạo, có thể có những lúc các bạn tạm thời không thấu hiểu lý do của những yêu cầu Tôi đưa ra và những đòi hỏi đặt trước các bạn. Đừng quên rằng người chí nguyện hướng đến các Bí Pháp tiến bước trong mù tối ở những giai đoạn đầu; chỉ sau lần điểm đạo thứ ba, những lớp vảy mới rơi khỏi mắt y. Vì vậy, hãy tuân theo các yêu cầu của Tôi một cách vâng phục (dù là tự nguyện), trong khi Tôi cố gắng dạy các bạn những quy luật cổ xưa.

182. Chân sư đưa ra lời khuyên xác đáng cho những người có thể chưa biết *vì sao* họ phải theo lời khuyên của Ngài. Ngài nhắc họ rằng họ chưa thể thực sự thấy. Khả năng thấy như vậy chỉ xuất hiện sau cấp điểm đạo thứ ba, do Sao Kim cai quản (xét theo một phương diện), và vì thể liên hệ với thị giác và trung tâm ajna.

183. Chân sư DK đang yêu cầu sự vâng phục tự nguyện—ý chí vâng phục. Đường như đó không phải là một đòi hỏi quá mức.

Vào lúc này, các bạn cũng hãy nghiên cứu lại giáo huấn Tôi đã trao trong những huấn thị trước về chủ đề Hình Dung, trong đó Tôi giải thích vì sao đây là bí quyết của mọi công việc tham thiền chân chính trong những giai đoạn đầu. Tôi không muốn lặp lại, nhưng các bạn cần giáo huấn ấy ở giai đoạn này. (Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I. Trang 89-91.)

184. Rõ ràng là cần thấu hiểu lại sự hình

understanding of visualization is required for the kind of work to be assigned. It is also clear that the earlier instructions have not been fully assimilated.

In connection with your Full Moon work, I seek to change the process which has been followed by you for so long—the process of entering my study and there contacting me. I will give you another symbolic process which will follow five stages:

185. We are about to be given another powerful Full Moon meditation.

186. Perhaps the previously assigned Full Moon meditation has done its work.

187. We note that the processes offered for visualization are symbolic, but no less potent for being so.

[127]

(1. At the time of the Full Moon (covering five days) picture to yourselves an ocean of blue and upon the horizon can be seen slowly rising a blazing sun.

188. The colors again are blue and yellow—colors often associated with Master DK.

189. The ocean can be conceived as the Ocean of Wisdom. The Sun is the Sun of Wisdom.

(2. Picture yourself as throwing yourself into the ocean, free of all encumbrances, worries, anxieties and cares, and as swimming towards a rowboat, lying midway between you and the rising Sun.

190. One throws oneself into the great Ocean of Wisdom, symbolically dropping

đụng để thực hiện loại công việc sắp được giao. Cũng rõ ràng là những huấn thị trước chưa được lĩnh hội đầy đủ.

Liên quan đến công việc Trăng Tròn của các bạn, Tôi muốn thay đổi tiến trình mà các bạn đã thực hiện bấy lâu nay—tiến trình đi vào phòng làm việc của Tôi và tiếp xúc với Tôi tại đó. Tôi sẽ trao cho các bạn một tiến trình biểu tượng khác gồm năm giai đoạn:

185. Chúng ta sắp được trao một bài thiền Trăng Tròn mạnh mẽ khác.

186. Có lẽ bài thiền Trăng Tròn đã giao trước đây đã hoàn thành công việc của nó.

187. Chúng ta lưu ý rằng những tiến trình được đưa ra để hình dung đều mang tính biểu tượng, nhưng không vì thế mà kém hiệu lực.

[127]

1. Vào thời điểm Trăng Tròn (kéo dài năm ngày), hãy hình dung một đại dương xanh thẳm, và trên đường chân trời có thể thấy một mặt trời rực cháy đang từ từ mọc lên.

188. Một lần nữa, những màu sắc là xanh lam và vàng—những màu thường gắn với Chân sư DK.

189. Có thể hình dung đại dương này là Đại Dương Minh Triết. Mặt Trời là Mặt Trời Minh Triết.

2. Hãy hình dung mình lao xuống đại dương, thoát khỏi mọi vướng bận, lo lắng, âu lo và phiền muộn, rồi bơi về phía một chiếc thuyền chèo nằm giữa các bạn và Mặt Trời đang mọc.

190. Người ta lao mình vào Đại Dương Minh Triết bao la, về mặt biểu tượng là buông bỏ

all that prevents wisdom from entering the consciousness.

191. The rowboat may well be a ‘group vehicle’ intended to help the swimmers reach the Sun.

As you swim, you become aware of your group brothers, also swimming in the same direction. You recognise, know and love each other.

192. The band of brothers (as swimmers) is recognized and all are moving forward through their own exertion.

193. The bond of love unites the swimmers.

()3. Then visualise yourself as climbing into the boat. When all of the group are in, then see yourselves as each grasping an oar, and together, rhythmically and steadily, rowing towards the rising Sun. There is harmony of stroke, of purpose and of direction.

194. We have here an example of the “united breath and the unified rhythm”

195. The boat has now become a vehicle of approach to Wisdom and to the Master.

196. Each group member enters the boat, and each has a task to perform—rowing. The rowing is rhythmic and harmonious. The group is united in its purpose and direction. Such a visualization, of course, strengthens the sense of purpose and direction.

()4. Then see—between you and the rising Sun—a figure moving toward you. It will be myself (the Master D.K.), coming from the light, in your direction. In the clear pathway of the light you can see me distinctly. You

tất cả những gì ngăn mình triết đi vào tâm thức.

191. Chiếc thuyền chèo rất có thể là một ‘hiện thể nhóm’ nhằm giúp những người đang bơi đến được Mặt Trời.

Khi bơi, các bạn nhận biết những huynh đệ trong nhóm cũng đang bơi cùng hướng. Các bạn nhận ra, biết và yêu thương nhau.

192. Đoàn huynh đệ (trong vai những người đang bơi) được nhận ra, và tất cả đều tiến về phía trước bằng nỗ lực của chính mình.

193. Mối dây tình thương hợp nhất những người đang bơi.

3. Sau đó, hãy hình dung mình trèo lên thuyền. Khi tất cả thành viên trong nhóm đã lên thuyền, hãy thấy mỗi người nắm lấy một mái chèo, rồi cùng nhau chèo về phía Mặt Trời đang mọc, nhịp nhàng và đều đặn. Có sự hài hòa trong nhịp chèo, mục đích và phương hướng.

194. Ở đây, chúng ta có một ví dụ về “hơi thở hợp nhất và nhịp điệu thống nhất”.

195. Giờ đây, con thuyền đã trở thành một hiện thể để tiếp cận Minh Triết và Chân sư.

196. Mỗi thành viên trong nhóm bước vào thuyền, và mỗi người đều có một nhiệm vụ phải thực hiện—chèo thuyền. Việc chèo thuyền diễn ra nhịp nhàng và hòa hợp. Nhóm hợp nhất trong mục đích và phương hướng. Dĩ nhiên, sự hình dung như thế củng cố ý thức về mục đích và phương hướng.

4. Sau đó, giữa các bạn và Mặt Trời đang mọc, hãy thấy một hình người đang tiến về phía các bạn. Đó sẽ là Tôi (Chân sư DK), từ ánh sáng đi về phía các bạn. Trên con đường ánh sáng trong trẻo, các bạn có thể thấy Tôi

see me together.

rõ ràng. Các bạn cùng nhau thấy Tôi.

197. Master DK is a representative of the Light of Wisdom, the Light of Hierarchy.

197. Chân sư DK là một đại diện của Ánh Sáng Minh Triết, Ánh Sáng của Thánh đoàn.

()5. Then say, inaudibly, yet as a group:

5. Sau đó, hãy đọc thầm, nhưng với tư cách một nhóm:

198. This inaudibility preserves concentration and unanimity.

198. Việc không phát thành tiếng này duy trì sự tập trung và đồng tâm nhất trí.

“Into the light we move, beckoned thereto by thee. Out of the dark we come, driven thereto by the soul of all. Up from the earth we spring and into the ocean of light we plunge. Together we come. Together we move, guided and led by the soul we serve and by thee, the Master we know. The Master within and the Master without are One. That One are we. The One is all—my soul, thy soul, the Master and the soul of all.”

“Chúng con tiến vào ánh sáng, theo lời vẫy gọi của Ngài. Chúng con ra khỏi bóng tối, do linh hồn của tất cả thôi thúc. Từ đất, chúng con bật lên và lao vào đại dương ánh sáng. Chúng con cùng nhau đến. Chúng con cùng nhau tiến bước, được linh hồn mà chúng con phụng sự và Ngài, Chân sư mà chúng con biết, hướng dẫn và dẫn dắt. Chân sư bên trong và Chân sư bên ngoài là Một. Chúng con là Đấng Duy Nhất ấy. Đấng Duy Nhất là tất cả—linh hồn con, linh hồn Ngài, Chân sư và linh hồn của tất cả.”

199. The mantram is beautiful and potent in the evocation of unity.

199. Mantram này đẹp đẽ và có sức mạnh gợi lên sự hợp nhất.

200. The soul of all is a driving force. It is this soul, in all, which is to be served.

200. Linh hồn của tất cả là một mãnh lực thúc đẩy. Chính linh hồn này, hiện diện trong tất cả, là điều cần được phụng sự.

201. The group members have risen from materiality and the ocean is the Ocean of Light.

201. Các thành viên trong nhóm đã vươn lên khỏi tính vật chất, và đại dương ấy là Đại Dương Ánh Sáng.

202. All occurs in concert; all move together. The group is not only driven by the soul of all but guided and led by that soul. There is no “my soul or thy soul” but only the One Soul.

202. Mọi việc đều diễn ra trong sự phối hợp; tất cả cùng tiến bước. Nhóm không chỉ do linh hồn của tất cả thúc đẩy mà còn được linh hồn ấy hướng dẫn và dẫn dắt. Không có “linh hồn tôi hay linh hồn bạn”, mà chỉ có Linh Hồn Duy Nhất.

203. This is a great fusion formula; the group is fused with itself, with the soul of all, with Master DK and with the Sun of Wisdom (the Sun as represented in this

203. Đây là một công thức dung hợp vĩ đại; nhóm dung hợp trong nội bộ, với linh hồn của tất cả, với Chân sư DK và với Mặt Trời Minh Triết (Mặt Trời như được thể hiện

visualization).

If you will each of you do this on the five days of the Full Moon (as earlier detailed), you will produce a group fusion of purpose which is for you the next desired step. You have worked at a group fusion in love; some success is apparent. Now work at the united evocation of the will.

204. The new visualization is offering another step beyond “a group fusion in love”. In addition a “united evocation of the will” is attempted. Even a brief reading of the meditation will suggest how potently it will evoke a sense of group will and purpose.

Each month send in your Full Moon report. I would ask you to do this each month, embodying your Full Moon report [128] and your meditation report into one unit because the activity of reporting is of real service in centralising your thought and therefore your life within the group life.

205. We are given a more than adequate reason for reporting monthly meditative progress.

It is simply in the nature of a symbolic happening—a symbol of your progress, your purpose, your contribution and your cooperation, and all from the group angle.

206. DK discusses the nature of the symbolism. It is amazing how much inner progress can be made through the right meditative use of symbolism.

207. We note that the symbolism suggested is simple but powerfully evocative.

Therein lies its value. The so-called

trong sự hình dung này).

Nếu mỗi người trong các bạn thực hiện điều này trong năm ngày Trăng Tròn (như đã trình bày chi tiết trước đây), các bạn sẽ tạo nên sự dung hợp nhóm về mục đích, là bước tiếp theo mà các bạn mong muốn đạt tới. Các bạn đã nỗ lực hướng đến sự dung hợp nhóm trong tình thương; một mức độ thành công đã thể hiện rõ. Giờ đây, hãy cùng nhau gọi lên ý chí.

204. Sự hình dung mới đưa ra một bước tiến xa hơn “sự dung hợp của nhóm trong tình thương”. Ngoài ra, nhóm còn nỗ lực “cùng nhau gọi lên ý chí”. Dù chỉ đọc lướt bài thiền, chúng ta cũng có thể nhận thấy bài thiền sẽ gọi lên mạnh mẽ biết bao ý thức về ý chí và mục đích của nhóm.

Mỗi tháng, hãy gửi báo cáo Trăng Tròn của các bạn. Tôi muốn các bạn làm điều này hằng tháng, kết hợp báo cáo Trăng Tròn [128] và báo cáo tham thiền thành một bản, vì hoạt động báo cáo thực sự giúp tập trung tư tưởng, và do đó cả đời sống của các bạn, trong sự sống nhóm.

205. Chúng ta nhận được một lý do hết sức thỏa đáng để báo cáo tiến bộ tham thiền hằng tháng.

Nó đơn giản có tính chất một sự kiện biểu tượng—một biểu tượng cho sự tiến bộ, mục đích, đóng góp và hợp tác của các bạn, tất cả đều từ góc độ nhóm.

206. Chân sư DK bàn về bản chất của hệ biểu tượng. Thật đáng kinh ngạc khi việc sử dụng đúng đắn các biểu tượng trong tham thiền có thể đem lại biết bao tiến bộ bên trong.

207. Chúng ta lưu ý rằng hệ biểu tượng được đề xuất tuy đơn giản nhưng có sức gợi lên mạnh mẽ.

Chính ở đó có giá trị của nó. Cái gọi là

informative aspect of these reports is relatively negligible as such to groups like this. But the symbolic usefulness is great and has a definite group usefulness.

208. The reports are not principally for the sharing of knowledge. Reporting as a *group activity* is what is of importance.

One suggestion I will make. At the time of your Full Moon Approach to me, endeavour to have in your consciousness the words from Formula One (given in Section Three): "Upon the stream, between the two extremes, there floats the eye of vision. "

209. DK links Formula One to the meditation/visualization He proposes. We can see that the "eye of vision" may be considered as the soul, and its symbol the Sun.

You need to remember that from one point of view these symbols are related to the antahkarana, that line between two points, and that as you build the antahkarana in your own lives so will be the growth of your understanding of the formula.

210. As preparation for initiation depends upon the building of the antahkarana, it can be said that *all* the formulas found in DINA II contribute to this process.

211. The symbolism in Formula One, however, is particularly suggestive of the process.

212. It is suggested that the building and use of the antahkarana is necessary for the understanding of the formulas. The antahkarana is the gateway to the activation of the intuition, without which there can be no true understanding of these rather abstruse formulas.

phương diện cung cấp thông tin của những báo cáo này, xét riêng về mặt ấy, tương đối không đáng kể đối với những nhóm như thế này. Nhưng giá trị biểu tượng của chúng rất lớn và đem lại lợi ích rõ rệt cho nhóm.

208. Mục đích chính của các báo cáo không phải là chia sẻ tri thức. Điều quan trọng là việc báo cáo như một *hoạt động nhóm* .

Tôi sẽ đưa ra một gợi ý. Vào lúc các bạn Tiếp Cận Tôi trong kỳ Trăng Tròn, hãy cố gắng giữ trong tâm thức những lời từ Công Thức Một (được trình bày trong Mục Ba): "Trên dòng chảy, giữa hai cực, con mắt linh thị nổi trôi."

209. Chân sư DK liên kết Công Thức Một với bài thiền/sự hình dung mà Ngài đề xuất. Chúng ta có thể thấy rằng "con mắt linh thị" có thể được xem là linh hồn, và biểu tượng của nó là Mặt Trời.

Các bạn cần nhớ rằng, từ một góc nhìn, những biểu tượng này liên hệ với antahkarana, đường nối giữa hai điểm, và khi các bạn xây dựng antahkarana trong chính cuộc sống của mình, sự thấu hiểu công thức cũng sẽ tăng trưởng tương ứng.

210. Vì việc chuẩn bị cho điểm đạo phụ thuộc vào sự xây dựng antahkarana, có thể nói rằng *tất cả* các công thức trong DINA II đều góp phần vào tiến trình này.

211. Tuy nhiên, hệ biểu tượng trong Công Thức Một đặc biệt gợi đến tiến trình này.

212. Điều này gợi ý rằng việc xây dựng và sử dụng antahkarana là cần thiết để thấu hiểu các công thức. Antahkarana là cửa ngõ dẫn đến sự kích hoạt trực giác; thiếu trực giác, không thể thực sự thấu hiểu những công thức khá khó hiểu này.

As you progress upon the “way of the chela,” so will grow your power. Use the formula actively as far as you can and do not rest satisfied with just attempting to understand some of its significances.

213. Understanding the formula is not equivalent to right utilization of the formula. Beyond mere understanding lies the opportunity for a dynamic entry into the energy of the symbol.

It has a magical import, and when understanding is coupled with the use of the will, this formula constitutes a Word of Power of magical service.

214. The magical nature of the formulas is suggested.

215. Understanding must be coupled with will, though understanding must necessarily precede will.

216. Let us ponder the words, “Word of Power of magical service”. The formulas are not simply formulas for initiation, but formulas by means of which one may serve *magically*. This means serving with added power and effectiveness supported by the power inherent in the formulas.

217. These formulas are powerful, living patterns of energy.

Khi tiến bước trên “con đường đệ tử”, quyền năng của các bạn cũng sẽ phát triển. Hãy tích cực sử dụng công thức trong khả năng của mình, và đừng bằng lòng với việc chỉ cố gắng thấu hiểu một vài thâm nghĩa của nó.

213. Thấu hiểu công thức không đồng nghĩa với việc sử dụng công thức đúng đắn. Vượt xa sự thấu hiểu đơn thuần là cơ hội bước vào năng lượng của biểu tượng một cách mạnh mẽ.

Công thức có ý nghĩa huyền thuật, và khi sự thấu hiểu kết hợp với việc sử dụng ý chí, công thức này trở thành một Quyền năng từ phục vụ bằng huyền thuật.

214. Bản chất huyền thuật của các công thức được gợi ra.

215. Sự thấu hiểu phải kết hợp với ý chí, dù nhất thiết phải có sự thấu hiểu trước ý chí.

216. Chúng ta hãy suy ngẫm về những lời “Quyền năng từ dùng để phụng sự bằng huyền thuật”. Các công thức không chỉ là công thức dành cho điểm đạo, mà còn là những công thức nhờ đó người ta có thể phụng sự *bằng huyền thuật*. Điều này hàm ý phụng sự với quyền năng và hiệu quả gia tăng, nhờ sự hỗ trợ của quyền năng vốn có trong các công thức.

217. Những công thức này là các mô hình năng lượng sống động, đầy quyền năng.

MEDITATION PART IV [128-131] – BÀI THIỀN PHẦN IV [128-131]

As I have studied the meditation work of each of you (and both you and I know

Khi nghiên cứu công việc tham thiền của từng người trong các bạn (và cả các bạn lẫn

whether it has been faithfully followed or not), I have become aware of a basic need and that is the need for Alignment.

218. The Master is closely observant of the work He has assigned. There is an Eye that sees the truth.

You need a more direct contact between heart-head-soul. This, necessarily, in preparation for a still higher contact. The two parts of the exercise you have been following since the new seed group was organised have not done what was intended and only three of you have profited adequately from that work.

219. This is a moment of sober assessment. The need is simple and basic—a better alignment, especially between heart, head and soul.

220. DK informs His group that this preliminary alignment is needed if there is to be a still higher contact.

221. His evaluation of the group's use of Meditation I/II is that the intended results have not been achieved.

I am, therefore, giving you a very simple alignment exercise which I would ask you to follow together until further notice. I emphasise the word together and shall continue so doing in the hope that the group [129] will move forward with a uniform procedure for this will produce the greatest and most rapid results.

222. A hint is given regarding our own progress: uniform procedure produces the greatest and most rapid results.

223. DK wants to avoid the strictly individual approach to these meditations as such an approach will only inhibit group

Tôi đều biết công việc ấy có được thực hiện trung thành hay không), Tôi nhận ra một nhu cầu căn bản, đó là nhu cầu Chỉnh Hợp.

218. Chân sư theo dõi sát sao công việc Ngài đã giao. Có một Con Mắt nhìn thấy sự thật.

Các bạn cần sự tiếp xúc trực tiếp hơn giữa tim–đầu–linh hồn. Tất nhiên, điều này nhằm chuẩn bị cho một sự tiếp xúc còn cao hơn nữa. Hai phần của bài tập mà các bạn đã thực hiện kể từ khi nhóm hạt giống mới được tổ chức chưa đạt được điều dự định, và chỉ ba người trong các bạn thu được lợi ích đầy đủ từ công việc ấy.

219. Đây là lúc đánh giá một cách tỉnh táo. Nhu cầu ấy đơn giản và căn bản—một sự chỉnh hợp tốt hơn, đặc biệt giữa tim, đầu và linh hồn.

220. Chân sư DK cho nhóm của Ngài biết rằng cần có sự chỉnh hợp sơ bộ này để có thể đạt được một sự tiếp xúc còn cao hơn nữa.

221. Ngài đánh giá rằng việc nhóm sử dụng Bài Thiền I/II chưa đạt được những kết quả dự định.

Vì vậy, Tôi đang trao cho các bạn một bài tập chỉnh hợp rất đơn giản mà Tôi muốn các bạn cùng nhau thực hiện cho đến khi có thông báo tiếp theo. Tôi nhấn mạnh từ cùng nhau và sẽ tiếp tục làm như vậy, với hy vọng nhóm [129] sẽ tiến lên theo một tiến trình thống nhất, vì điều này sẽ tạo ra những kết quả lớn nhất và nhanh nhất.

222. Một gợi ý được đưa ra về sự tiến bộ của chính chúng ta: phương thức thống nhất đem lại những kết quả lớn nhất và nhanh nhất.

223. Chân sư DK muốn tránh cách tiếp cận hoàn toàn cá nhân đối với các bài thiền này, vì cách tiếp cận như thế sẽ chỉ cản trở sự tiến

progress.

It is good for you to have in mind that the better you do this exercise and the quicker and closer your alignment, the better will be the group alignment.

224. The individual disciple is given direct responsibility for the alignment to be achieved by the group as a whole.

The exercise is so short and simple that you may regard it as too elementary. I assure you that it will reward any constant effort.

225. However, the implication is that the exercise given will not reward fitful effort.

226. There is always a danger in the assigning of apparently simple meditations. Eager and ambitious aspirants may not want to practice them simply because they are simple! Yet, power and simplicity often go together.

It had been my intention to give another meditation, involving another centre, but the results of the work done do not warrant this.

227. DK hinted at this when first telling the group that they had not yet achieved the desired results from Meditation I/II.

Perhaps a better alignment may lead to a more constant application and a more direct and understanding occult obedience.

I would ask you, therefore, to do this simple alignment exercise every day.

228. The implication in this section is that the group has not followed instructions obediently. Occult obedience need not necessarily and exclusively mean obedience

bộ của nhóm.

Các bạn nên ghi nhớ rằng, càng thực hiện bài tập này tốt và sự chỉnh hợp của mỗi người càng nhanh chóng, chặt chẽ, thì sự chỉnh hợp nhóm càng tốt.

224. Mỗi đệ tử nhận trách nhiệm trực tiếp đối với sự chỉnh hợp mà toàn nhóm cần đạt được.

Bài tập ngắn và đơn giản đến mức các bạn có thể xem nó là quá sơ đẳng. Tôi bảo đảm với các bạn rằng mọi nỗ lực bền bỉ đều sẽ được đền đáp.

225. Tuy nhiên, hàm ý ở đây là bài tập này sẽ không đem lại thành quả nếu chỉ nỗ lực thất thường.

226. Việc giao những bài thiền có vẻ đơn giản luôn tiềm ẩn một nguy cơ. Những người chí nguyện hăng hái và đầy tham vọng có thể không muốn thực hành chúng chỉ vì chúng đơn giản! Tuy nhiên, quyền năng và sự đơn giản thường đi đôi với nhau.

Tôi đã định trao một bài thiền khác, liên quan đến một trung tâm khác, nhưng kết quả của công việc đã thực hiện chưa đủ để biện minh cho điều này.

227. Chân sư DK đã gợi ý điều này khi lần đầu cho nhóm biết rằng họ chưa đạt được kết quả mong muốn từ Bài Thiền I/II.

Có lẽ sự chỉnh hợp tốt hơn có thể dẫn đến việc thực hành đều đặn hơn và sự vâng phục huyền bí trực tiếp hơn, có sự thấu hiểu hơn.

Vì vậy, Tôi muốn các bạn thực hiện bài tập chỉnh hợp đơn giản này mỗi ngày.

228. Hàm ý trong phần này là nhóm chưa tuân thủ các huấn thị. Sự tuân phục huyền môn không nhất thiết chỉ có nghĩa là tuân phục Chân sư. Người ta nói rằng điều đó có

to the Master. It is said to mean obedience to the soul, but since the soul and the Master (and the disciple) are *one*, obedience to the Master is a definite part of occult obedience.

I. Start with the point of soul focus of which you know much theoretically and can know more practically. This falls into three stages:

229. The Master asks for a transition from theory to practice.

230. The **accepted disciple must be capable of soul focus at will.**

(1). Raise the consciousness into the head.

231. Presumably this means the etheric head.

(2). Carry the thought or consciousness upward through the astral body and the mind to the soul.

232. This 'upward' movement is symbolic, though each vehicle does somewhat extend above and beyond the vehicle immediately 'lower'.

(3). Identify the personality consciousness with the soul consciousness, and realise that they are one.

233. One must isolate both types of consciousness. The soul consciousness has been established. From this vantage point one may 'descend' into the personality consciousness seeing it as a sub-aspect or sub-ray of the soul consciousness.

234. Establishing soul consciousness before dealing with the personality guarantees that the personality will be dealt with in the right manner.

nghĩa là tuân phục linh hồn; nhưng vì linh hồn và Chân sư (và đệ tử) là *một*, nên tuân phục Chân sư là một phần rõ rệt của sự tuân phục huyền môn.

I. Bắt đầu từ điểm tập trung của linh hồn, điều mà các bạn biết nhiều về mặt lý thuyết và có thể biết nhiều hơn qua thực hành. Phần này gồm ba giai đoạn:

229. Chân sư yêu cầu chuyển từ lý thuyết sang thực hành.

230. **Đệ tử được chấp nhận phải có khả năng tập trung nơi linh hồn theo ý muốn.**

1. Nâng tâm thức lên đầu.

231. Có lẽ điều này muốn nói đến phần đầu dĩ thái.

2. Đưa tư tưởng hay tâm thức đi lên qua thể cảm dục và thể trí đến linh hồn.

232. Sự chuyển động "hướng lên" này mang tính biểu tượng, dù mỗi hiện thể quả có phần vươn lên cao hơn và vượt ra ngoài hiện thể ngay bên "dưới".

3. Đồng hoá tâm thức phàm ngã với tâm thức linh hồn, và nhận ra rằng cả hai là một.

233. Người ta phải phân định riêng cả hai loại tâm thức. Tâm thức linh hồn đã được xác lập. Từ vị thế này, người ta có thể "đi xuống" tâm thức phàm ngã, thấy nó như một phương diện phụ hay cung phụ của tâm thức linh hồn.

234. Việc xác lập tâm thức linh hồn trước khi xử lý phàm ngã bảo đảm rằng phàm ngã sẽ được xử lý đúng cách.

II. From that point, definitely and consciously, assume the attitude of the Observer. This also involves three stages:

235. The Observer is close to the soul. There are different Observers depending upon the 'spiritual altitude' the meditator is capable of achieving.

(1). Observe the personality and consider it from the angle of the etheric body.

236. All aspects of the personality are observed, but the etheric body (as transmitter of a number of different energies) is in this case considered of foremost importance.

(2). Consciously throw soul energy down into the centre at the base of the spine.

237. This is done through the imagination. Notice that definite work with the centers is being assigned, but also note that this whole process is occurring under the Master's supervision.

Then raise it slowly, via the five centres and the two head centres (ajna and highest head centre), up into the soul body.

238. All of the seven major centers are involved in this uplifting. The spleen is a minor center and is not involved.

This produces, when correctly done, a vivifying of the sutratma [the life thread] and links the personality and soul into one blended unit. It is what might be called the acme of alignment.

239. It is the sutratma which vivifies with life all chakras. This active visualization activates the sutratma and increases soul personality fusion.

II. Từ điểm ấy, hãy dứt khoát và hữu thức giữ thái độ của Người Quan Sát. Phần này cũng gồm ba giai đoạn:

235. Người Quan Sát gần với linh hồn. Có những Người Quan Sát khác nhau tùy theo "độ cao tinh thần" mà người hành thiền có khả năng đạt tới.

1. Quan sát phạm ngã và xem xét nó từ góc độ thể dĩ thái.

236. Mọi phương diện của phạm ngã đều được quan sát, nhưng trong trường hợp này, thể dĩ thái (với vai trò truyền dẫn nhiều năng lượng khác nhau) được xem là có tầm quan trọng hàng đầu.

2. Một cách có ý thức, đưa năng lượng linh hồn xuống trung tâm ở đáy cột sống.

237. Điều này được thực hiện qua sự tưởng tượng. Hãy lưu ý rằng công việc cụ thể với các trung tâm đang được giao, nhưng cũng cần lưu ý rằng toàn bộ tiến trình này diễn ra dưới sự giám sát của Chân sư.

Rồi từ từ nâng năng lượng ấy lên, qua năm trung tâm và hai trung tâm ở đầu (ajna và trung tâm cao nhất ở đầu), vào thể linh hồn.

238. Cả bảy trung tâm chính đều tham gia vào sự nâng lên này. Trung tâm lá lách là một trung tâm phụ và không tham gia.

Khi thực hiện đúng, điều này tiếp sinh lực cho sinh mệnh tuyến [sợi dây sự sống] và liên kết phạm ngã với linh hồn thành một đơn vị hòa quyện. Có thể gọi đây là đỉnh cao của sự chỉnh hợp.

239. Chính sinh mệnh tuyến tiếp sinh lực cho mọi luân xa. Sự hình dung chủ động này kích hoạt sinh mệnh tuyến và tăng cường sự dung hợp linh hồn-phạm ngã.

240. If we consider the union of the extremes of soul and the base of the spine (including all intervening centers aligned and actively involved), we realize why the process here given is justifiably called “the acme of alignment”.

241. However, what if the Monad were added to the alignment? It would seem that, for man, the ultimate “acme of alignment” would demand an aligned relationship between the highest (the Monad) and the lowest.

()3. Then endeavour to throw the attention of the united soul-personality toward the Spiritual Triad.

242. Again, this must be performed using creative visualization.

243. Soul-personality alignment is not sufficient; a still higher aspect of the nature (wherein the Divine Plan is appreciated impersonally) must be included.

[130]

III. Reflect upon the antahkarana and its relation to soul-personality and the Monad.

244. Now we see the Monad included, with the spiritual triad serving as the bridge to this highest aspect.

In your personal instructions this year, I am not going to be explicit nor am I going to give you each an individual meditation. The time for that is past. You have had much along that line.

245. Accepted disciples should be able to intuitively create meditations which will be useful for them.

240. Nếu xem xét sự hợp nhất giữa hai cực là linh hồn và đáy cột sống (bao gồm tất cả các trung tâm ở giữa đã chỉnh hợp và tích cực tham gia), chúng ta nhận ra vì sao tiến trình nêu ở đây được gọi một cách xác đáng là “đỉnh cao của sự chỉnh hợp”.

241. Tuy nhiên, nếu Chân Thần cũng được đưa vào sự chỉnh hợp thì sao? Đường như, đối với con người, “đỉnh cao của sự chỉnh hợp” tối hậu đòi hỏi một mối quan hệ chỉnh hợp giữa phần cao nhất (Chân Thần) và phần thấp nhất.

3. Sau đó, cố gắng hướng sự chú tâm của linh hồn-phạm ngã đã hợp nhất về phía Tam Nguyên Tinh Thần.

242. Một lần nữa, điều này phải được thực hiện bằng sự hình dung sáng tạo.

243. Sự chỉnh hợp linh hồn-phạm ngã chưa đủ; còn phải bao gồm một phương diện cao hơn nữa của bản chất (nơi Thiên Cơ được nhận thức một cách vô ngã).

[130]

III. Suy ngẫm về antahkarana và mối liên hệ của nó với linh hồn-phạm ngã và chân thần.

244. Giờ đây, chúng ta thấy Chân Thần được đưa vào, với Tam Nguyên Tinh Thần đóng vai trò cầu nối đến phương diện cao nhất này.

Trong các huấn thị cá nhân dành cho các bạn năm nay, Tôi sẽ không trình bày tường tận, cũng không trao cho mỗi người một bài thiền riêng. Thời gian dành cho việc ấy đã qua. Các bạn đã nhận được nhiều điều theo hướng đó.

245. Các đệ tử được chấp nhận cần có khả năng dùng trực giác để tạo ra những bài thiền hữu ích cho mình.

I am going to revert to an aspect of the old system of training and give you hints and brief injunctions, leaving you to do your own interpreting, to make right application and to profit or fail to profit as seems best to you.

246. DK wanted to develop a newer method of hinting, but seeing that the group (as a whole) failed to benefit from it as much as He has hoped, He utilizes a the older tried and true method.

247. The hints given as injunctions were, it turns out, extremely rich and evocative.

These injunctions will take the form of six statements, sentences or aphorisms which will contain for you a particular message at which you can arrive if you will take each of them into your daily meditation.

248. Imagine what is required of a Master to create so many injunctions accurately specified for each chela's particular needs.

You have a year in which to do this and can, therefore, make the six statements into six seed thoughts for meditation, or reflective brooding—one for each month for six months. Then repeat with the thought in view that during the second six months you will do what you can to make the effects of the previous period of reflection, a dynamic factor in your life.

249. We see, therefore, that the first six months are dedicated to understanding and the last six months to the application of the will.

250. We see that at this stage of the group's development, DK was intending to

Tôi sẽ trở lại một phương diện của hệ thống huấn luyện cũ, trao cho các bạn những gợi ý và chỉ thị ngắn gọn, để các bạn tự diễn giải, áp dụng đúng đắn, và tùy theo cách mình cho là tốt nhất mà thu được lợi ích hoặc không.

246. Chân sư DK muốn phát triển một phương pháp gợi ý mới hơn, nhưng khi thấy toàn nhóm chưa hưởng lợi từ phương pháp ấy nhiều như Ngài đã hy vọng, Ngài sử dụng phương pháp cũ đã được kiểm chứng là hữu hiệu.

247. Hóa ra, những gợi ý được trao dưới hình thức lời huấn thị vô cùng phong phú và giàu sức gợi mở.

Những chỉ thị này sẽ có hình thức sáu phát biểu, câu văn hoặc cách ngôn, chứa đựng một thông điệp riêng dành cho các bạn mà các bạn có thể khám phá nếu đưa từng câu vào việc tham thiền hằng ngày.

248. Hãy hình dung một Chân sư cần làm những gì để tạo ra nhiều lời huấn thị như thế, được xác định chính xác cho những nhu cầu riêng của từng đệ tử.

Các bạn có một năm để làm việc này; do đó, có thể dùng sáu phát biểu ấy làm sáu tư tưởng hạt giống để tham thiền hoặc suy ngẫm sâu lắng—mỗi tháng một câu trong sáu tháng. Sau đó hãy lặp lại, với ý định rằng trong sáu tháng sau, các bạn sẽ làm hết sức để biến những tác động của thời kỳ suy ngẫm trước thành một yếu tố năng động trong đời mình.

249. Vì vậy, chúng ta thấy rằng sáu tháng đầu dành cho sự thấu hiểu và sáu tháng cuối dành cho việc vận dụng ý chí.

250. Chúng ta thấy rằng ở giai đoạn phát triển này của nhóm, Chân sư DK dự định

communicate with them less often than He did during the DINA I stage of instruction.

Thus you will externalise the results of the preceding cycle of spiritual and mental brooding.

251. The first approach to the statements necessitates the soft line rays and especially the second and fourth rays.

252. The second approach utilizes hard line rays for the purposes of manifestation.

In this way, your subjective realisation can become an objective happening. Do this exercise each morning at the close of the alignment work, endeavouring to hold the mind steady in the light and to achieve as far as you can the brooding quality of the soul when in deep meditation.

253. The alignment exercise is to have immediate application in helping to shed light on the six injunctions or seed thoughts.

This will not be easy at first, but if you adhere faithfully to instructions, **[again, they are in need of a reminder]** you will consciously realise sure gain. I suggest ten minutes' brooding each day (**with pencil in hand if you so prefer**) and then—during the day—keep the seed thought or statement in what is called “the back of the mind.” There it can gestate.

254. Here is DK's sanction for that method of meditation which includes a writing implement ready to hand.

In this way you will not only arrive at the meaning of your personal injunctions, hints or instructions (for that is what they may prove to be when you arrive at their

liên lạc với họ ít thường xuyên hơn so với giai đoạn huấn thị trong DINA I.

Như vậy, các bạn sẽ ngoại hiện những kết quả của chu kỳ suy ngẫm sâu lắng về tinh thần và trí tuệ trước đó.

251. Cách tiếp cận đầu tiên với các phát biểu đòi hỏi những cung thuộc tuyến mềm, đặc biệt là cung hai và cung bốn.

252. Cách tiếp cận thứ hai sử dụng những cung thuộc tuyến cứng nhằm mục đích biểu hiện.

Bằng cách này, sự nhận biết chủ quan của các bạn có thể trở thành một sự kiện khách quan. Hãy thực hiện bài tập này mỗi sáng vào cuối phần chỉnh hợp, cố gắng giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng và, trong khả năng của mình, đạt đến phẩm tính suy ngẫm sâu lắng của linh hồn khi ở trong thiền định sâu.

253. Bài tập chỉnh hợp cần được áp dụng ngay để giúp soi sáng sáu lời huấn thị hay tư tưởng hạt giống.

Ban đầu, điều này sẽ không dễ, nhưng nếu trung thành tuân theo các huấn thị, **[một lần nữa, họ cần được nhắc nhở]** các bạn sẽ nhận biết rõ sự tiến bộ chắc chắn. Tôi đề nghị mỗi ngày dành mười phút suy ngẫm sâu lắng (**cầm bút chì nếu các bạn thích**), rồi—trong suốt ngày—giữ tư tưởng hạt giống hoặc phát biểu ấy ở nơi được gọi là “phía sau thể trí”. Ở đó, nó có thể được ấp ủ.

254. Đây là sự chấp thuận của Chân sư DK đối với phương pháp tham thiền có sẵn dụng cụ viết trong tầm tay.

Bằng cách này, các bạn không chỉ khám phá ý nghĩa của những chỉ thị, gợi ý hoặc huấn thị riêng dành cho mình (vì chúng có thể tỏ ra là như thế khi các bạn nắm được ý nghĩa

intended meaning),

255. DK is speaking of the real power of the six injunctions. They may become hints or instructions, once their meaning is fathomed.

but you will at the same time learn to cultivate the “double life pattern” of the pledged disciple.

256. We note that DK is speaking to accepted disciples but continues to speak of the patterns which pertain to living the life of pledged discipleship.

257. One often reads of the dual life of discipleship; here is an expansion of the idea and a greater specification: “the double life pattern” of the pledged disciple.

258. The so-called “back of the mind” is utilized in living this “double life pattern”.

He carries on with the lower mind and the higher mind simultaneously, and the stream of spiritual [131] thought and activity consciously flows whilst the outer pattern of his life proceeds with increasing usefulness.

259. DK’s wording immediately above suggests reference to Formula One.

260. It is clear that the ability to utilize the lower and higher minds simultaneously is a requirement of pledged discipleship. The higher alignment must be secured before the lower focus is activated; otherwise there may be a falling away from the higher alignment and a preoccupation with lower concerns.

Here are the six statements* for each of you,

chủ định của chúng),

255. Chân sư DK đang nói về quyền năng thực sự của sáu lời huấn thị. Một khi thấu triệt ý nghĩa của chúng, chúng có thể trở thành những gợi ý hay chỉ dẫn.

mà đồng thời còn học cách vun bồi “mô hình đời sống kép” của người đệ tử đã cam kết.

256. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang nói với các đệ tử được chấp nhận nhưng vẫn tiếp tục nói về những mô hình liên quan đến việc sống đời sống của địa vị đệ tử đã lập nguyện.

257. Người ta thường đọc về đời sống kép của địa vị đệ tử; ở đây, ý tưởng ấy được mở rộng và xác định cụ thể hơn: “mô hình đời sống kép” của người đệ tử đã lập nguyện.

258. Nơi được gọi là “phía sau thể trí” được sử dụng khi sống theo “mô hình đời sống kép” này.

Y đồng thời hoạt động bằng hạ trí và thượng trí, và dòng tư tưởng cùng hoạt động tinh thần [131] tuôn chảy một cách có ý thức, trong khi khuôn mẫu đời sống bên ngoài của y ngày càng trở nên hữu ích.

259. Cách diễn đạt ngay trên của Chân sư DK gợi đến Công Thức Một.

260. Rõ ràng, khả năng sử dụng đồng thời hạ trí và thượng trí là một yêu cầu của địa vị đệ tử đã lập nguyện. Phải bảo đảm sự chỉnh hợp cao hơn trước khi kích hoạt sự tập trung ở cấp thấp hơn; nếu không, người ta có thể rời khỏi sự chỉnh hợp cao hơn và mải mê với những mối bận tâm thấp hơn.

Đây là sáu phát biểu [viii]* dành cho mỗi

and I will take you alphabetically as usual.

người trong các bạn, và như thường lệ, Tôi sẽ lần lượt theo thứ tự chữ cái.

261. This DK did according to the real names of the disciples and not according to the three or four words found in their Developmental Formulas.

261. Chân sư DK làm điều này theo tên thật của các đệ tử, chứ không theo ba hay bốn từ trong các Công Thức Phát Triển của họ.

One word I would add: Seek not to interpret and understand your brother's instructions. Telepathic interplay, unrealised, naturally exists among you and your thought and interpretations (based on insufficient knowledge) would undoubtedly impinge upon your brother's mind. This could not fail to have effects.

Tôi muốn thêm một lời: Đừng tìm cách diễn giải và thấu hiểu các huấn thị dành cho huynh đệ của mình. Giữa các bạn tự nhiên có sự tương tác viễn cảm mà các bạn không nhận biết, và tư tưởng cùng những cách diễn giải của các bạn (dựa trên sự hiểu biết chưa đầy đủ) chắc chắn sẽ tác động đến thể trí của huynh đệ mình. Điều này không thể không gây ra tác động.

262. This is a definite warning for preserving the integrity of group process.

262. Đây là một lời cảnh báo rõ ràng nhằm gìn giữ tính toàn vẹn của tiến trình nhóm.

263. As all the disciples in the New Seed Group have now passed on, we are at liberty to ponder all of the many injunctions with profit, for they have a universal as well as specifically individual aspect.

263. Vì tất cả các đệ tử trong Nhóm Hạt Giống Mới giờ đây đều đã qua đời, chúng ta có thể tự do suy ngẫm và hưởng lợi từ tất cả những lời huấn thị phong phú ấy, vì chúng vừa có phương diện phổ quát vừa có phương diện dành riêng cho từng cá nhân.

264. The members of such a group have to learn the occult equivalent of minding their own business.

264. Các thành viên của một nhóm như thế phải học cách chỉ lo việc của mình theo ý nghĩa huyền môn.

You might interpret wrongly and in any case you know not my intentions where your brother is concerned.

Các bạn có thể diễn giải sai, và trong bất cứ trường hợp nào, các bạn cũng không biết những ý định của Tôi đối với huynh đệ mình.

265. Thus, humility is required.

265. Vì vậy, cần có lòng khiêm nhường.

Your thought might emphasise a concrete meaning whereas I might have in view a totally different application. Keep your mind, therefore, off your brother's instructions.

Tư tưởng của các bạn có thể nhấn mạnh một ý nghĩa cụ thể, trong khi Tôi có thể nhắm đến một cách áp dụng hoàn toàn khác. Vì vậy, hãy giữ thể trí mình khỏi các huấn thị dành cho huynh đệ.

266. Nothing could be more explicit. DK and

266. Không gì có thể rõ ràng hơn. Chân sư

His disciples are working in a subtle world where subtleties can have a powerful effect.

Your duty lies in the daily releasing of steady illumined love, free from all criticism.

267. This, let us remember, is our constant duty towards each other. How many of us have instinctively critical minds? Let us examine for ourselves how it stands with us.

It is not your duty to aid your brother to become a better occultist and disciple. That is his concern, his soul's concern and mine.

268. There is almost humor in this. Disciples are so ready to mind each other's business—a subtle form of pride and perceived superiority to others.

Many of the hints given and the sentences in which they are embodied are taken from an old Book of Rules for disciples. Some are directly from me, your Master, and are applicable to your problems or your duty.

269. DK explains the sources of the injunctions—some from an “old Book of Rules” and some of His own invention.

270. Reading these injunctions is well worth the time. They are profound. If one reads simultaneously (and carefully) the instructions intended for any one disciple, one can see why the particular six injunctions were directed to him or her.

DK và các đệ tử của Ngài đang hoạt động trong một thế giới vi tế, nơi những điều vi tế có thể tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ.

Bổn phận của các bạn là hằng ngày tuôn tỏa tình thương vững bền, sáng suốt, không có bất kỳ sự chỉ trích nào.

267. Chúng ta hãy nhớ rằng đây là bổn phận thường xuyên của chúng ta đối với nhau. Có bao nhiêu người trong chúng ta có thể trí mang khuynh hướng chỉ trích theo bản năng? Chúng ta hãy tự xem xét mình đang ở tình trạng nào.

Giúp huynh đệ mình trở thành một nhà huyền bí học và một đệ tử tốt hơn không phải là bổn phận của các bạn. Đó là việc của người ấy, của linh hồn người ấy và của Tôi.

268. Điều này gần như mang nét hài hước. Các đệ tử quá sẵn lòng xen vào chuyện của nhau—một hình thức vi tế của lòng kiêu hãnh và ý nghĩ cho rằng mình cao hơn người khác.

Nhiều gợi ý và những câu văn diễn đạt chúng được trích từ một quyển Sách Quy Luật cổ dành cho các đệ tử. Một số đến trực tiếp từ Tôi, Chân sư của các bạn, và áp dụng cho những vấn đề hoặc bổn phận của các bạn.

269. Chân sư DK giải thích nguồn gốc của các huấn lệnh—một số từ một “Quyển Quy Luật cổ” và một số do chính Ngài đặt ra.

270. Dành thời gian đọc những huấn lệnh này là điều rất đáng làm. Chúng rất sâu sắc. Nếu đồng thời đọc kỹ những huấn thị dành cho một đệ tử cụ thể, chúng ta có thể thấy vì sao sáu huấn lệnh ấy lại dành riêng cho người đệ tử đó.

MEDITATION PART V [132-141] – THAM THIỀN PHẦN V [132-141]

The meditation work assigned to you thus far falls into three parts:

- a. The stage of raising the energy of the heart centre into the head centre.
- b. The stage of sending energy from the head centre to the solar plexus centre.
- c. A definite and planned process of alignment.

1. This is DK's way of summarizing the substance of Meditation I/II and Meditation III.

2. Various stages were involved in the process but the essence is here.

3. The union of heart and mind is promoted by the raising of the energy of the heart center into the head center.

4. Working towards the conquest of desire by will is one of the purposes of the second part (point "b"). In occultism, all processes must be directed from the head.

5. The third part (part "c") is simply the top to bottom alignment given by the Tibetan to increase the strength and quality of group alignment.

I found, as you know, that the great need of the group was to develop the relatively simple attitude of instantaneous relation to or contact with the soul, and through the soul [132] with the Master and His Ashram. I therefore assigned an alignment exercise when I last communicated with you, and this I did in lieu of more abstruse meditation practices.

Công việc tham thiền đã giao cho các bạn đến nay gồm ba phần:

a. Giai đoạn nâng năng lượng từ trung tâm tim lên trung tâm đầu.

b. Giai đoạn đưa năng lượng từ trung tâm đầu đến trung tâm từng thái dương.

c. Một tiến trình chỉnh hợp rõ ràng và có hoạch định.

1. Đây là cách Chân sư DK tóm lược nội dung cốt yếu của Bài thiền I/II và Bài thiền III.

2. Tiến trình này bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng phần cốt yếu nằm ở đây.

3. Việc nâng năng lượng từ trung tâm tim lên trung tâm đầu thúc đẩy sự hợp nhất giữa trái tim và thể trí.

4. Nỗ lực dùng ý chí để chế ngự dục vọng là một trong những mục đích của phần thứ hai (điểm "b"). Trong huyền bí học, mọi tiến trình đều phải được điều khiển từ đầu.

5. Phần thứ ba (phần "c") chỉ đơn giản là sự chỉnh hợp từ trên xuống dưới mà Chân sư Tây Tạng đưa ra nhằm tăng cường sức mạnh và phẩm tính của sự chỉnh hợp nhóm.

Như các bạn biết, Tôi nhận thấy nhu cầu lớn của nhóm là phát triển một thái độ tương đối đơn giản: tức thời thiết lập mối liên hệ hoặc tiếp xúc với linh hồn, và qua linh hồn [132] với Chân sư và ashram của Ngài. Vì vậy, trong lần liên lạc gần nhất với các bạn, Tôi đã giao một bài tập chỉnh hợp thay cho những phương pháp tham thiền khó hiểu hơn.

6. DK tells again of His reason for assigning the Alignment Meditation.

7. We should impress upon ourselves that if there is an “instantaneous relation to or contact with the soul” there can easily result such contact with the Master and His Ashram. But the alignment with the soul is the first great necessity.

This **meditation is intended** to bring about three most definite results:

a. The interrelation of the seven centres, and therefore an uninterrupted flow of energy.

8. The first result is definitely microcosmic; it concerns the condition of the chakric system within each individual group member.

9. DK discovered that His chelas did not have an uninterrupted flow of energy between the seven centers.

b. The interplay of energy between the members of this group in my Ashram, via the seven centres. The group thoughtform will have in it seven points of energetic life, the energies of which will be contributed by the group members. This etheric form of the group life will be an expression of the sum total of the seven types of energy as each individual member utilises them.

10. The second intended result would concern the group as a whole, and would relate the members of the group more successfully, via the seven centers within each individual member.

11. DK speaks interestingly of animating the “seven points of energetic life” within the group thoughtform. We might say that each of the centers in this thoughtform is

6. Chân sư DK lại nói về lý do Ngài giao Bài thiền Chính hợp.

7. Chúng ta nên khắc sâu vào tâm trí rằng nếu có “mối liên hệ hoặc tiếp xúc tức khắc với linh hồn”, thì sự tiếp xúc như thế với Chân sư và Ashram của Ngài có thể dễ dàng diễn ra. Nhưng sự chỉnh hợp với linh hồn là điều thiết yếu lớn lao đầu tiên.

Bài **thiền này nhằm** tạo ra ba kết quả hết sức rõ rệt:

a. Mối liên hệ qua lại giữa bảy trung tâm, và do đó một dòng năng lượng tuôn chảy liên tục.

8. Kết quả đầu tiên rõ ràng thuộc tiểu thiên địa; nó liên quan đến tình trạng của hệ thống luân xa bên trong mỗi thành viên nhóm.

9. Chân sư DK nhận thấy các đệ tử của Ngài chưa có một dòng năng lượng không gián đoạn giữa bảy trung tâm.

b. Sự tương tác năng lượng giữa các thành viên của nhóm này trong ashram của Tôi, qua bảy trung tâm. Hình tư tưởng của nhóm sẽ có trong nó bảy điểm sự sống năng động, với năng lượng do các thành viên trong nhóm đóng góp. Hình tượng dĩ thái này của sự sống nhóm sẽ biểu hiện tổng thể bảy loại năng lượng theo cách mỗi thành viên sử dụng chúng.

10. Kết quả dự kiến thứ hai sẽ liên quan đến toàn thể nhóm, và sẽ giúp các thành viên trong nhóm liên hệ với nhau hiệu quả hơn, thông qua bảy trung tâm bên trong mỗi thành viên.

11. Chân sư DK nói một cách thú vị về việc làm sống động “bảy điểm sự sống đầy năng lượng” bên trong hình tư tưởng của nhóm. Chúng ta có thể nói rằng mỗi trung tâm

fed by the seven centers within the group members.

12. These are occult matters. DK speaks of an “etheric form of group life” as an “expression of the sum total of the seven types of energy as each individual member utilises them”. These seven types of energy are supported by seven composite centers formed of the chakric energy of all group members.

13. We are dealing with an amalgamation of many individual chakras into seven major centers or chakras which vitalize the “group thoughtform”. On these matters it would be wise to ponder.

c. The fusion, consciously and deliberately engineered, of the individual soul with the group soul, and later with the Hierarchy—via my Ashram.

14. The final result is fusion, of the individual soul with the group soul, with the Ashram and finally with Hierarchy via DK’s Ashram.

15. We can see that a number of very esoteric results were expected from the use of this apparently simple alignment exercise.

To do this work correctly, we will start with the premise that “energy follows thought.” This is the first and most fundamental, as well as the most ancient, premise of the esotericist. The second is related to the first and will have a place in our considerations. It states that “the eye, opened by thought, directs the energy in motion.”

16. DK is discussing the meditation work in

trong hình tư tưởng này đều nhận sự nuôi dưỡng từ bảy trung tâm bên trong các thành viên nhóm.

12. Đây là những vấn đề huyền bí. Chân sư DK nói về một “hình tượng dĩ thái của sự sống nhóm” như một “biểu hiện của tổng thể bảy loại năng lượng theo cách mỗi thành viên sử dụng chúng”. Bảy loại năng lượng này được nâng đỡ bởi bảy trung tâm tổng hợp, hình thành từ năng lượng luân xa của tất cả các thành viên nhóm.

13. Chúng ta đang bàn đến sự kết hợp nhiều luân xa cá nhân thành bảy trung tâm hay luân xa chính, vốn tiếp sinh lực cho “hình tư tưởng của nhóm”. Suy ngẫm về những vấn đề này là điều khôn ngoan.

c. Sự dung hợp, được thực hiện một cách có ý thức và có chủ định, của linh hồn cá nhân với hồn nhóm, rồi về sau với Thánh đoàn—qua ashram của Tôi.

14. Kết quả cuối cùng là sự dung hợp của linh hồn cá nhân với Hồn nhóm, với Ashram và cuối cùng với Thánh đoàn thông qua Ashram của Chân sư DK.

15. Chúng ta có thể thấy rằng việc sử dụng bài tập chỉnh hợp có vẻ đơn giản này được kỳ vọng sẽ tạo ra một số kết quả rất huyền bí.

Để thực hiện công việc này đúng đắn, chúng ta sẽ bắt đầu với tiền đề rằng “năng lượng theo sau tư tưởng.” Đây là tiền đề đầu tiên, căn bản nhất, đồng thời cũng cổ xưa nhất của nhà bí truyền học. Tiền đề thứ hai liên quan đến tiền đề thứ nhất và sẽ có một vị trí trong những điều chúng ta xem xét. Tiền đề ấy phát biểu rằng “con mắt, được tư tưởng mở ra, định hướng năng lượng đang chuyển động.”

16. Chân sư DK đang bàn về công việc tham

terms of two ancient aphorisms:

a. “energy follows thought”

b. “the eye, opened by thought, directs the energy in motion”.

17. These aphorisms are related directly to the use of Formula One.

18. The eye which is opened by thought, relates to the gradual opening of the third eye through the right kind of occult meditation.

Disciples, during the early stages of their training, are apt to regard energy as a pool or a reservoir upon which they can learn to draw, thus appropriating a quota of that energy for their need, their service and their use.

19. DK speaks of a limited conception of energy often held by disciples in the early stages of their training.

But energy is fluid and in motion; we live in a veritable sea of moving forces, qualified in countless ways, conditioned by countless minds, misdirected oft, directed wisely sometimes, yet all of them perforce finding place in the mind content of the One in Whom we live and move and have our being, and outside Whose range of influence naught can be.

20. DK offers a more sophisticated view of energy—constantly in motion instead of retained in an accessible pool. The vision is one of extraordinary complexity, but this is what the inner sight of the Master reveals.

thiền dựa trên hai châm ngôn cổ:

a. “năng lượng đi theo tư tưởng”

b. “con mắt, được tư tưởng khai mở, điều khiển năng lượng đang vận động”.

17. Những châm ngôn này liên quan trực tiếp đến việc sử dụng Công thức Một.

18. Con mắt được tư tưởng khai mở liên quan đến sự khai mở dần dần của con mắt thứ ba thông qua loại tham thiền huyền bí đúng đắn.

Trong những giai đoạn đầu của quá trình huấn luyện, các đệ tử thường có khuynh hướng xem năng lượng như một hồ chứa hay một nguồn dự trữ mà họ có thể học cách rút lấy, qua đó thu nhận một phần năng lượng ấy để đáp ứng nhu cầu, phụng sự và sử dụng.

19. Chân sư DK nói về một quan niệm hạn hẹp về năng lượng mà các đệ tử thường có trong những giai đoạn đầu của việc huấn luyện.

Nhưng năng lượng có tính linh động và luôn chuyển động; chúng ta sống trong một biển mãnh lực chuyển động thực sự, mang vô số phẩm tính, chịu ảnh hưởng của vô số thể trí, thường bị định hướng sai, đôi khi được định hướng sáng suốt, nhưng tất cả đều tất yếu có chỗ trong nội dung thể trí của Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn, và ngoài phạm vi ảnh hưởng của Ngài không gì có thể tồn tại.

20. Chân sư DK đưa ra một cái nhìn tinh tế hơn về năng lượng—liên tục vận động thay vì được giữ trong một hồ chứa có thể tiếp cận. Cảnh tượng ấy vô cùng phức tạp, nhưng đó chính là điều thị giác nội tại của Chân sư mặc khải.

21. This “One in Whom we live and move and have our being” is presumably the One About Whom Naught May Be Said, for DK frequently speaks of energy streams which are cosmic and lie far outside the scope of the Logos of our solar system.

22. We note that streams of energy are qualified and directed by minds. This is an important hint. Our thinking changes the nature of energy and conditions the nature and direction of its flow.

Disciples have, for aeons, been using the energies and forces found in the three worlds for personality ends and for the furthering of their major interests, whatever those may be.

23. This represents past procedure.

They have [133] learnt somewhat to lay hold and use a measure of soul energy, thereby enlightening their way, improving their spiritual expression in the three worlds and serving a little.

24. DK is speaking of the average disciple and offering, between the lines, a slight critique regarding intensity of service.

25. It appears that the use of soul energy has not resulted in powerful effects—at least in the realm of service.

They are also beginning to grasp the significance of intention and of purpose, whilst an inner programme is slowly conditioning their daily lives.

26. Here DK speaks of a tentative approach to the first aspect of divinity, which He references through the words “intention” and “purpose”.

21. “Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu” này có lẽ là Đấng Bất Khả Tư Nghị, vì Chân sư DK thường nói về những dòng năng lượng mang tính vũ trụ và nằm rất xa ngoài phạm vi của Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta.

22. Chúng ta lưu ý rằng các thể trí phú cho những dòng năng lượng các phẩm tính và điều khiển chúng. Đây là một gợi ý quan trọng. Tư duy của chúng ta làm thay đổi bản chất của năng lượng, đồng thời định hình bản chất và hướng chảy của nó.

Suốt nhiều đại kỳ, các đệ tử đã sử dụng những năng lượng và mãnh lực trong ba cõi giới cho các mục đích của phàm ngã và để thúc đẩy những mối quan tâm chính của mình, bất kể đó là gì.

23. Điều này thể hiện cách thức thực hiện trong quá khứ.

Họ đã [133] phần nào học được cách nắm bắt và sử dụng một lượng năng lượng linh hồn, nhờ đó soi sáng đường đi, cải thiện sự biểu hiện tinh thần trong ba cõi giới và phụng sự được đôi chút.

24. Chân sư DK đang nói về người đệ tử trung bình và kín đáo đưa ra một lời phê bình nhẹ về mức độ phụng sự.

25. Dường như việc sử dụng năng lượng linh hồn chưa tạo ra những tác động mạnh mẽ—ít nhất là trong lĩnh vực phụng sự.

Họ cũng bắt đầu nắm bắt thâm nghĩa của ý định và mục đích, trong khi một chương trình bên trong đang dần định hình đời sống hằng ngày của họ.

26. Ở đây, Chân sư DK nói về một sự tiếp cận còn dè dặt với phương diện thứ nhất của thiên tính, mà Ngài đề cập qua các từ “ý định” và “mục đích”.

27. If a disciple is living according to an inner programme, some degree of intention and purpose is to found influencing.

There comes, however, a point—a point which it is now your duty and privilege to grasp—wherein another source of energy, of inspiration and of light can be made available to disciples and can be used for service. That is the energy of the Forces of Light, originating in the Ashram and emanating thence; you stand as yet upon the periphery of the Ashram but can avail yourselves of these energies.

28. The energies thus far available have been relatively microcosmic. Now DK alerts His chelas to the possibility of utilizing the “energy of the Forces of Light originating in the Ashram and emanating thence”.

29. These are group energies and altogether more powerful than anything the disciple has encountered.

30. DK is alerting His chelas to their right to access and use such energies; they are entitled to do so because they stand upon the periphery of the Ashram.

The force of the Ashram must be “routed” through the soul (if such a word is permissible). The disciple has therefore to learn the esoteric significance of a most familiar symbol—that of the Triangle and the Square.

31. If soul alignment is properly accomplished, Ashramic energies can be “routed” to the disciple in the three worlds via the soul. Thus, the fundamental importance of the alignment between soul, mind and brain.

27. Nếu một đệ tử đang sống theo một chương trình nội tại, thì có thể nhận thấy ý định và mục đích đang có ảnh hưởng ở một mức độ nào đó.

Tuy nhiên, sẽ đến một thời điểm—một thời điểm mà giờ đây các bạn có bốn phận và đặc ân nắm bắt—khi một nguồn năng lượng, cảm hứng và ánh sáng khác có thể trở nên sẵn có cho các đệ tử và được sử dụng để phụng sự. Đó là năng lượng của các Mãnh Lực Ánh Sáng, bắt nguồn từ ashram và phát xạ từ đó; hiện nay các bạn vẫn đứng ở ngoại vi ashram nhưng có thể sử dụng những năng lượng này.

28. Những năng lượng có thể tiếp cận từ trước đến nay tương đối thuộc về tiểu thiên địa. Giờ đây, Chân sư DK lưu ý các đệ tử của Ngài về khả năng sử dụng “năng lượng của các Mãnh Lực Ánh Sáng bắt nguồn từ Ashram và phát xạ từ đó”.

29. Đây là những năng lượng nhóm và mạnh mẽ hơn hẳn bất cứ điều gì người đệ tử từng gặp.

30. Chân sư DK đang lưu ý các đệ tử của Ngài về quyền tiếp cận và sử dụng những năng lượng ấy; họ có quyền làm như vậy vì họ đứng ở ngoại vi của Ashram.

Mãnh lực của ashram phải được “dẫn truyền” qua linh hồn (nếu có thể dùng từ như vậy). Do đó, người đệ tử phải học thâm nghĩa huyền bí của một biểu tượng hết sức quen thuộc—Tam Giác và Hình Vuông.

31. Nếu sự chỉnh hợp với linh hồn được thực hiện đúng đắn, các năng lượng ashram có thể được “dẫn truyền” đến người đệ tử trong ba cõi giới qua linh hồn. Vì vậy, sự chỉnh hợp giữa linh hồn, thể trí và bộ não có tầm quan trọng nền tảng.

32. The “Triangle” is, of course, the symbol for the soul and for its inspiring sources, the spiritual triad and, even, conceivably, the Monad.

33. The “Square” is the personality within the three worlds.

34. But these are only the preliminary meanings.

This has hitherto signified to him the threefold soul and the fourfold personality, or if he is advanced enough in knowledge, the Spiritual Triad  and the fourfold personality .

35. DK recounts the past significance of these symbols.

Now he must view it in another light and learn to know it as the triplicity of the Ashram, the soul and the disciple himself, with the square representing humanity, the fourth kingdom in nature.

36. A more advanced interpretation of these symbols is presented—the one with which the members of Hierarchy deal.

37. Let us ponder the Triangle as the “triplicity of the Ashram, the soul and the disciple himself” and the “square representing humanity”. Such an image raises the whole relationship to the planetary level.

This is consequently a great decentralising symbol, and around it your new meditation will be built.

38. Decentralization is, we realize, a great need for all disciples. Pondering the symbol

32. Dĩ nhiên, “Tam Giác” là biểu tượng của linh hồn và những nguồn truyền cảm hứng cho linh hồn: Tam Nguyên Tinh Thần và thậm chí, có thể hình dung là cả Chân thân.

33. “Hình Vuông” là phạm ngã trong ba cõi giới.

34. Nhưng đây chỉ là những ý nghĩa sơ khởi.

Cho đến nay, đối với y, biểu tượng này hàm ý linh hồn tam phân và phạm ngã tứ phân, hoặc nếu y đã đủ tiến bộ về tri thức, là Tam Nguyên Tinh Thần  và phạm ngã tứ phân .

35. Chân sư DK nhắc lại ý nghĩa trước đây của những biểu tượng này.

Giờ đây, y phải nhìn biểu tượng ấy dưới một ánh sáng khác và học cách nhận biết nó là bộ ba gồm ashram, linh hồn và chính người đệ tử, còn hình vuông tượng trưng cho nhân loại, giới thứ tư trong tự nhiên.

36. Một cách diễn giải tiến bộ hơn về những biểu tượng này được trình bày—cách diễn giải mà các thành viên của Thánh đoàn đề cập đến.

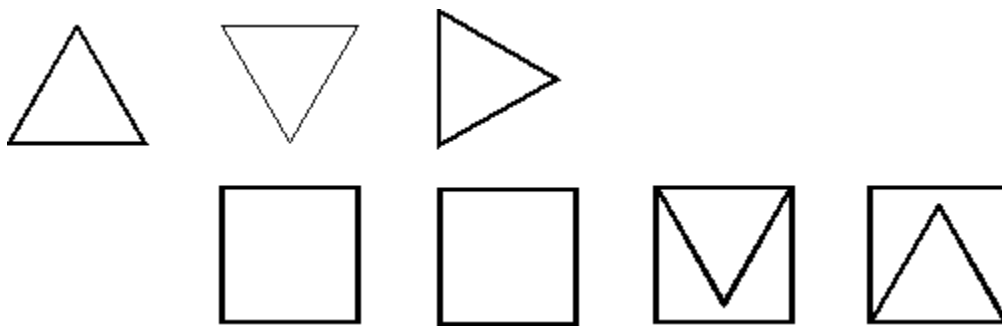
37. Chúng ta hãy suy ngẫm về Tam Giác như “bộ ba gồm Ashram, linh hồn và chính người đệ tử” và “hình vuông tượng trưng cho nhân loại”. Một hình ảnh như thế nâng toàn bộ mối liên hệ lên cấp độ hành tinh.

Vì vậy, đây là một biểu tượng có sức mạnh lớn giúp phi tập trung vào bản thân, và bài thiền mới của các bạn sẽ được xây dựng quanh biểu tượng ấy.

38. Chúng ta nhận ra rằng việc phi tập trung vào bản thân là một nhu cầu lớn đối với mọi

in a manner strictly microcosmic will not serve to decentralize. It is the broadened perspective which reveals the disciple as but a tiny part of a much greater whole.

This meditation, if carefully followed, can and will bring about basic changes in your lives. The symbol is capable of being arranged in several ways, and all of them have to be mastered factually by the disciple—theoretically, visually, practically, intuitionally and factually. Each of these words will convey a specific meaning, and rightly apprehended will bring about changes in the disciple's life, in his service, and therefore in his effect within the Ashram.



39. The meditation under discussion, Meditation IV, is one of the most powerful in DINA II. DK is spending much time to prepare for its fullest possible understanding. The purpose of the meditation, of course, is to bring about transformation—“basic changes in your lives”, as DK puts it.

40. The several ways of viewing the Triangle and the Square are also to be considered:

a. Theoretically

b. Visually

đệ tử. Suy ngẫm về biểu tượng này chỉ trong phạm vi tiểu thiên địa sẽ không giúp phi tập trung vào bản thân. Chính góc nhìn mở rộng mới cho thấy người đệ tử chỉ là một phần nhỏ bé của một tổng thể lớn lao hơn nhiều.

Nếu tuân theo cẩn thận, bài thiền này có thể và sẽ tạo ra những thay đổi căn bản trong đời sống các bạn. Biểu tượng có thể được sắp xếp theo nhiều cách, và người đệ tử phải thực sự làm chủ tất cả những cách ấy—về lý thuyết, bằng thị giác, trong thực hành, bằng trực giác và trên thực tế. Mỗi từ này sẽ truyền đạt một ý nghĩa riêng, và khi được lĩnh hội đúng đắn, sẽ tạo ra những thay đổi trong đời sống người đệ tử, trong việc phụng sự của y, và do đó trong tác động của y bên trong ashram.

39. Bài thiền đang được bàn đến, Bài thiền IV, là một trong những bài thiền mạnh mẽ nhất trong DINA II. Chân sư DK đang dành nhiều thời gian để chuẩn bị cho sự thấu hiểu bài thiền này một cách trọn vẹn nhất có thể. Dĩ nhiên, mục đích của bài thiền là tạo ra sự chuyển đổi—“những thay đổi căn bản trong đời sống của các bạn”, như cách Chân sư DK diễn đạt.

40. Cũng cần xem xét những cách nhìn khác nhau về Tam Giác và Hình Vuông:

a. Về lý thuyết

b. Bằng thị giác

c. Practically

d. Intuitionally

e. Factually

41. Each of these methods refers to understanding or apprehension from a different level of the human energy system.

42. Let us apply ourselves to a consideration of these words as we ponder the remainder of what DK has to say in His preparatory note to this meditation.

[134]

Let me now, brother of mine, outline for you the line of thinking which should be pursued by you as you seek to penetrate into the true significance of this symbol which is the theme of your meditation. It constitutes a normal development from the work already done.

43. We are launching into an analysis of Meditation IV. The first two or three meditations (depending upon how you count them, for Meditations I and II go together) have prepared the way.

In the first two meditations given, you dealt with the centres of the etheric body, and were therefore dealing with the personality, the “city which stands foursquare.”

44. This quaternary can be related to the four cosmic ethers and the “Four Gates of Shamballa”.

45. A “city” is an organized system of energies.

You were next enjoined to practise alignment, thereby arriving at the recognition, and in some cases the contact,

c. Qua thực hành

d. Bằng trực giác

e. Trên thực tế

41. Mỗi phương pháp này đề cập đến sự thấu hiểu hoặc lĩnh hội từ một cấp độ khác nhau của hệ thống năng lượng con người.

42. Chúng ta hãy chuyên tâm xem xét những từ này khi suy ngẫm phần còn lại trong lời dẫn nhập của Chân sư DK cho bài thiền này.

[134]

Giờ đây, huynh đệ của tôi, hãy để Tôi phác thảo cho các bạn hướng suy tư cần theo đuổi khi tìm cách thâm nhập thâm nghĩa đích thực của biểu tượng này, vốn là chủ đề tham thiền của các bạn. Đây là một bước phát triển bình thường từ công việc đã thực hiện.

43. Chúng ta đang bắt đầu phân tích Bài thiền IV. Hai hoặc ba bài thiền đầu tiên (tùy theo cách các bạn đếm, vì Bài thiền I và II đi cùng nhau) đã chuẩn bị con đường.

Trong hai bài thiền đầu tiên được trao, các bạn đã làm việc với những trung tâm của thể dĩ thái, và do đó làm việc với phạm ngã, “thành đô có bốn cạnh bằng nhau”.

44. Bộ bốn này có thể được liên hệ với bốn dĩ thái vũ trụ và “Bốn Cổng của Shamballa”.

45. Một “thành phố” là một hệ thống năng lượng có tổ chức.

Tiếp đó, các bạn được chỉ thị thực hành chỉnh hợp, qua đó đi đến sự nhận biết, và trong một số trường hợp là sự tiếp xúc, với

with the spiritual triplicity, which is that which “hovers over the square and radiates the energy of light into this waiting field of active thought.”

46. This triplicity is the soul for some and the spiritual triad for those who are more advanced.

47. The “waiting field of active thought” is, of course, the concrete mind. Let us remember that the concrete mind also has four dimensions and, so, may be called a “square”.

You will note that the entire process is therefore kept in the realm of the non-material and that the physical brain is not, at this stage, at all involved.

48. Although the square is symbolically the personality, the entirety of the personality (all its vehicles) is not involved. The personality, however, has its center on the concrete mental plane, so from this perspective the personality is involved.

You, as you seek to meditate, are thinking on planes of mental perception; you are focussed there, and the brain is held throughout this period in a state of waiting and attentive quiescence.

49. If interaction with the senses is not proceeding, then the brain can be considered quiescent. As well, some kinds of rather random, dissociated thinking (if we can call it thinking) are simply the result of brain activity and have no real connection with the conscious use of the mental faculty

The disciple has—as oft I have told you—to master the process of carrying on a dual thinking process, wherein he is preserving a continuity of mental impression and a constant activity connected with daily

bộ ba tinh thần, vốn là cái “lơ lửng bên trên hình vuông và tỏa năng lượng ánh sáng vào trường tư tưởng năng động đang chờ đợi này”.

46. Đối với một số người, bộ ba này là linh hồn, còn đối với những người tiến bộ hơn thì đó là Tam Nguyên Tinh Thần.

47. Dĩ nhiên, “trường tư tưởng đang hoạt động và chờ đợi” là trí cụ thể. Chúng ta hãy nhớ rằng trí cụ thể cũng có bốn chiều, và vì vậy có thể được gọi là một “hình vuông”.

Do đó, các bạn sẽ nhận thấy toàn bộ tiến trình luôn nằm trong lĩnh vực phi vật chất, và ở giai đoạn này, bộ não hồng trần hoàn toàn chưa tham gia.

48. Mặc dù hình vuông tượng trưng cho phạm ngã, nhưng toàn bộ phạm ngã (tất cả các hiện thể của nó) không tham gia. Tuy nhiên, phạm ngã có trung tâm trên cõi hạ trí, nên từ góc nhìn này, phạm ngã có tham gia.

Khi tìm cách tham thiền, các bạn đang suy tư trên các cõi nhận thức trí tuệ; các bạn tập trung ở đó, và trong suốt thời gian này, bộ não được giữ trong trạng thái tĩnh lặng, chờ đợi và chú tâm.

49. Nếu sự tương tác với các giác quan không diễn ra, thì có thể xem bộ não là tĩnh lặng. Ngoài ra, một số kiểu tư duy khá ngẫu nhiên, rời rạc (nếu chúng ta có thể gọi đó là tư duy) chỉ đơn giản là kết quả của hoạt động bộ não và không có mối liên hệ thực sự nào với việc sử dụng năng lực trí tuệ một cách có ý thức

Như Tôi đã thường nói với các bạn, người đệ tử phải làm chủ tiến trình tư duy kép, trong đó ý duy trì liên tục ấn tượng trí tuệ cùng một hoạt động thường xuyên gắn với đời sống hằng ngày và việc phụng sự. Đến đúng

living and service. This is registered in due course by the brain. This is of major importance and one of the objectives which should provide you with ample opportunity for effort during the coming year's work.

50. DK is working on helping the chelas establish a kind of dual consciousness involving both mind and brain. The concentration at first is on the mind, with the brain receiving the necessary impressions in due course.

51. Daily living and service require the functioning of the brain but one can focus on the plane of mental perception and retain quiescence in the brain.

This threefold spiritual reality (which is the "impressing agent") is the goal of the presented meditation work.

52. Recognition of the spiritual triad as the "impressing agent" is the goal of the meditation work here presented.

It is not in this case the soul, whose impression upon the mind is that of love, its manifestation and its place in the Plan of the Hierarchy.

53. Soul impression of this kind is ruled by Venus, a planet of love and mind.

54. The soul impresses the mind (and, thence, brain) with:

a. Love

b. The manifestation of love

c. The place of love in the Plan of Hierarchy

lúc, bộ não sẽ ghi nhận điều này. Đây là điều hết sức quan trọng và là một trong những mục tiêu sẽ đem lại cho các bạn nhiều cơ hội nỗ lực trong công việc của năm tới.

50. Chân sư DK đang giúp các đệ tử thiết lập một loại tâm thức kép có sự tham gia của cả thể trí lẫn bộ não. Ban đầu, sự tập trung hướng vào thể trí, còn bộ não tiếp nhận những ấn tượng cần thiết vào lúc thích hợp.

51. Đời sống hằng ngày và việc phụng sự đòi hỏi bộ não phải hoạt động, nhưng chúng ta có thể tập trung trên cõi tri giác trí tuệ mà vẫn duy trì sự tĩnh lặng trong bộ não.

Thực tại tinh thần tam phân này (vốn là "tác nhân tạo ấn tượng") là mục tiêu của công việc tham thiền được trình bày.

52. Nhận biết Tam Nguyên Tinh Thần là "tác nhân tạo ấn tượng" chính là mục tiêu của công việc tham thiền được trình bày ở đây.

Trong trường hợp này, đó không phải là linh hồn, với ấn tượng tác động lên thể trí là tình thương, sự biểu hiện của tình thương và vị trí của nó trong Thiên Cơ của Thánh đoàn.

53. Ấn tượng linh hồn thuộc loại này do Sao Kim cai quản, một hành tinh của tình thương và trí tuệ.

54. Linh hồn tạo ấn tượng lên thể trí (và từ đó lên bộ não) bằng:

a. Tình thương

b. Sự biểu hiện của tình thương

c. Vị trí của tình thương trong Thiên Cơ của Thánh đoàn

The source of the impression to which you now seek to be sensitive is the Spiritual Triad, and the quality of the impression is the will, as it implements divine purpose.

55. Although the spiritual triad is triple in nature and contains the qualities of mind, love and will, it is the will which is its primary quality, for the spiritual triad is to be considered as the personality of the Monad—the representative of the will aspect in the constitution of man.

I am therefore indicating a far more advanced stage, and I do so for two reasons: One is that for years the effort of all of you has been towards the registering of soul contact and the expression of loving understanding; you are familiar with what the Hierarchy (of which my Ashram is a part) seeks to accomplish, and there is nothing to be gained by a constant reiteration of the familiar.

56. DK is indicating the need for more advanced work because His chelas are already well familiar (at least theoretically) with the nature of soul impression. Such impression promotes “loving understanding”.

I am, secondly, [135] outlining procedures, meditations and objectives which will be of use to those who come after you and who will be the hierarchy of workers at the close of this century and during the first quarter of the coming century.

57. DK is telling us that the work He is outlining in this instruction is meant for such as we are—those coming into the fullness of their service at the end of the twentieth century and the beginning of the twenty-first.

58. We can see that, in the writing of this

Nguồn ấn tượng mà giờ đây các bạn tìm cách trở nên nhạy cảm là Tam Nguyên Tinh Thần, và phẩm tính của ấn tượng ấy là ý chí khi thực hiện thiên ý.

55. Mặc dù Tam Nguyên Tinh Thần có bản chất tam phân và chứa đựng các phẩm tính trí tuệ, tình thương và ý chí, nhưng ý chí là phẩm tính chủ yếu của nó, vì Tam Nguyên Tinh Thần cần được xem là phạm ngã của Chân thần—đại diện cho phương diện ý chí trong cấu tạo của con người.

Vì vậy, Tôi đang chỉ ra một giai đoạn tiến bộ hơn nhiều, và Tôi làm vậy vì hai lý do: Thứ nhất, trong nhiều năm, mọi nỗ lực của các bạn đều hướng đến việc ghi nhận sự tiếp xúc với linh hồn và biểu lộ sự thấu hiểu đầy tình thương; các bạn đã quen thuộc với những gì Thánh đoàn (mà ashram của Tôi là một phần) tìm cách hoàn thành, và việc liên tục nhắc lại điều quen thuộc sẽ không mang lại lợi ích gì.

56. Chân sư DK đang chỉ ra nhu cầu về công việc tiến bộ hơn vì các đệ tử của Ngài đã rất quen thuộc (ít nhất về mặt lý thuyết) với bản chất của ấn tượng linh hồn. Ấn tượng như thế thúc đẩy “sự thấu hiểu đầy tình thương”.

Thứ hai, Tôi [135] đang phác thảo những phương thức, bài thiền và mục tiêu sẽ hữu ích cho những người đến sau các bạn, những người sẽ tạo thành hàng ngũ có thứ bậc của những người hoạt động vào cuối thế kỷ này và trong một phần tư đầu của thế kỷ tới.

57. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng công việc Ngài phác thảo trong huấn thị này dành cho những người như chúng ta—những người bước vào giai đoạn phụng sự trọn vẹn vào cuối thế kỷ hai mươi và đầu thế kỷ hai mươi mốt.

58. Chúng ta có thể thấy rằng khi viết tài liệu

material, the Master is fulfilling at least two purposes simultaneously.

I stated that one significance of this symbol is that it stands for the triplicity of

(1). The Ashram,

(2). The soul on its own plane,

(3). The disciple upon the physical plane,

59. A brief review. The disciple is considered to include the physical man. He is not considered only as a psychological entity.

whilst the square represents humanity; that this is frequently spoken of as the “city which stands foursquare,” and is familiarly referred to in modern literature and discussions as the “city of man.”

60. The “city which stands foursquare” and the “city of man” are equivalent terms. What, then, is the meaning of the “Holy City”?

In considering the higher point of the triangle, which is the Ashram, I would remind you that radiation from Shamballa enters the triangle at that point and that, through the Ashram, will, purpose and strength can pour.

61. The Tibetan helps us envision the Triangle by placing the Ashram at its highest point. Presumably, then, the soul would be on the right and the disciple on the left.

62. DK is informing us that the Ashram can be considered a conduit not only for the energies of Hierarchy but for the “radiation of Shamballa”. If we ever wondered how we would place ourselves in alignment with

này, Chân sư đang đồng thời thực hiện ít nhất hai mục đích.

Tôi đã nói rằng một ý nghĩa của biểu tượng này là nó tượng trưng cho bộ ba gồm

1. Ashram,

2. Linh hồn trên cõi riêng của nó,

3. Người đệ tử trên cõi hồng trần,

59. Ôn lại đôi nét. Đệ tử được xem là bao gồm cả con người hồng trần. Ý không được xem chỉ như một thực thể tâm lý.

trong khi hình vuông tượng trưng cho nhân loại; nhân loại thường được nói đến như “thành đô có bốn cạnh bằng nhau”, và trong văn liệu cùng những cuộc thảo luận hiện đại, thường được gọi là “thành đô của con người”.

60. “Thành phố vuông vức” và “thành phố của con người” là những thuật ngữ tương đương. Vậy “Thánh Thành” có ý nghĩa gì?

Khi xem xét đỉnh cao nhất của tam giác, tức ashram, Tôi muốn nhắc các bạn rằng bức xạ từ Shamballa đi vào tam giác tại điểm ấy, và qua ashram, ý chí, thiên ý cùng sức mạnh có thể tuôn đổ.

61. Chân sư Tây Tạng giúp chúng ta hình dung Tam Giác bằng cách đặt ashram ở đỉnh cao nhất của nó. Như vậy, có lẽ linh hồn sẽ ở bên phải và đệ tử ở bên trái.

62. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng có thể xem ashram là một kênh dẫn không chỉ cho các năng lượng của Thánh đoàn mà còn cho “bức xạ của Shamballa”. Nếu chúng ta từng tự hỏi làm thế nào để chỉnh hợp với các năng

Shamballic energies, one answer is here given—by right alignment with the Ashram.

This is a relatively new achievement within the Ashrams of the Masters. In the major group Ashram (which is the Hierarchy itself) this reaction to impression from Shamballa is arrived at as the energy pours in, via the two Great Lords, the Manu and the Christ. It is also registered by Their senior disciples, the Chohans and initiates of the sixth initiation, such as the Masters Morya and Koot Hoomi. Lately the Master R. has taken the position of Mahachohan, and that achievement has carried the entering force down into the ranks of those Masters Who have taken the fifth initiation thus enabling Them to step down this Shamballa force to Their individual Ashrams. This happening has produced a tremendous stimulation with all the attendant opportunities, manifestations, and dangers. Masters such as myself have had to learn to handle this great potency, and at the same time to make as much of it as we can (safely and wisely) available to our senior disciples.

63. We are told of great hierarchical changes in relation to the energy of Shamballa.

64. Usually, in relation to hierarchical circles, the energy of Shamballa has poured only through the Manu and the Christ, but lately (when exactly?—1925 or thereabouts?) Master R., now the Mahachohan, has begun to receive the Shamballa energy in a new way. This has meant that the Shamballa energy is now working its way down, through lesser initiates and disciples. Members of the various Ashrams are now in an enhanced position to receive it.

lượng Shamballa, thì ở đây có một câu trả lời—bằng sự chỉnh hợp đúng đắn với ashram.

Đây là một thành tựu tương đối mới trong các ashram của các Chân sư. Trong ashram nhóm chủ yếu (chính là Thánh đoàn), sự đáp ứng này với ấn tượng từ Shamballa hình thành khi năng lượng tuôn vào qua hai Đấng Chúa Tể Vĩ Đại, Đức Manu và Đức Christ. Các đệ tử cao cấp của Các Ngài, các Đấng Chohan và những điểm đạo đồ đã trải qua lần điểm đạo thứ sáu, như Chân sư Morya và Chân sư Koot Hoomi, cũng ghi nhận năng lượng ấy. Gần đây, Chân sư R. đã đảm nhận cương vị Mahachohan, và thành tựu ấy đã đưa mãnh lực đang tuôn vào xuống hàng ngũ các Chân sư đã trải qua lần điểm đạo thứ năm, nhờ đó giúp Các Ngài giảm cường độ mãnh lực Shamballa này để đưa vào các ashram riêng của mình. Sự kiện này đã tạo ra một sự kích thích mãnh liệt cùng tất cả những cơ hội, biểu hiện và nguy hiểm đi kèm. Những Chân sư như Tôi đã phải học cách vận dụng quyền năng lớn lao này, đồng thời đưa nó đến với các đệ tử cao cấp của mình trong mức độ tối đa có thể (một cách an toàn và sáng suốt).

63. Chúng ta được cho biết về những thay đổi lớn trong Thánh đoàn liên quan đến năng lượng Shamballa.

64. Thông thường, trong các giới của Thánh đoàn, năng lượng Shamballa chỉ tuôn đổ qua Đức Manu và Đức Christ, nhưng gần đây (chính xác là khi nào?—năm 1925 hay vào khoảng đó?), Chân sư R., hiện là Đức Mahachohan, đã bắt đầu tiếp nhận năng lượng Shamballa theo một cách mới. Điều này có nghĩa là năng lượng Shamballa hiện đang dần đi xuống qua các điểm đạo đồ và đệ tử ở cấp thấp hơn. Giờ đây, các thành viên thuộc những ashram khác nhau có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp nhận năng lượng ấy.

65. The line of descent from three to five is apparent in the description above.

66. Master DK suggests that it is a difficult energy to handle and that even He has had to learn how to do so.

67. All these developments are definitely part of the Externalization process.

It might be said symbolically that “the point of the triangle is based in the courts of Heaven (Shamballa) and from that point two streams of power pour forth into the [136] realm of soul and into the heart of the disciple. Thus is the Triad formed; then are the energies related unto the world of men; thus can the will of God appear, and thus can the Great Lord Who guards the Council Chamber of this sphere of solar Life carry His purpose to the holy groups (the Ashrams. A.A.B.), and thence into the minds of men, and this because their hearts are safeguarded by the fire of love.” Ponder upon this ancient writing: It refers to the cycle immediately confronting us, of which the work I am at this time seeking to do is but a tiny living part.

68. DK offers a quotation from the Old Commentary. It is potent and occult.

69. The upper point of the Triangle represents, therefore, both the Ashram and the Shamballic influence which now pours through the Ashram.

70. The two streams of power from Shamballa (and through the Ashram) pour into the two other points of the Triangle—representing the soul and the disciple (especially the “heart of the disciple”).

71. The whole process relates to the

65. Đường đi xuống từ ba đến năm thể hiện rõ trong phần mô tả trên.

66. Chân sư DK cho biết đây là một năng lượng khó vận dụng và ngay cả Ngài cũng đã phải học cách làm điều đó.

67. Tất cả những diễn biến này chắc chắn đều là một phần của tiến trình Ngoại Hiện.

Có thể nói một cách biểu tượng rằng “đỉnh tam giác đặt nền nơi các triều đình Thiên Giới (Shamballa), và từ điểm ấy, hai dòng quyền năng tuôn vào [136] cõi linh hồn và vào trái tim người đệ tử. Như vậy Tam nguyên tinh thần hình thành; rồi các năng lượng liên kết với thế giới loài người; nhờ đó ý chí của Thượng đế có thể biểu hiện, và nhờ đó Đấng Chúa Tể Vĩ Đại, Đấng gìn giữ Phòng Hội Đồng của khối cầu Sự Sống Thái Dương này, có thể truyền thiên ý của Ngài đến các nhóm thiêng liêng (các ashram. A.A.B.), rồi từ đó vào thể trí con người, và điều này có được là vì trái tim họ được lửa tình thương bảo vệ.” Hãy suy ngẫm về đoạn văn cổ này: Nó đề cập đến chu kỳ ngay trước mắt chúng ta, mà công việc Tôi đang tìm cách thực hiện vào lúc này chỉ là một phần sống động nhỏ bé trong đó.

68. Chân sư DK đưa ra một đoạn trích từ Cổ Luận. Đoạn này đầy uy lực và mang tính huyền bí.

69. Vì vậy, đỉnh trên của Tam Giác biểu thị cả ashram lẫn ảnh hưởng Shamballa hiện đang tuôn đổ qua ashram.

70. Hai dòng quyền năng từ Shamballa (và qua ashram) tuôn vào hai đỉnh còn lại của Tam Giác—biểu thị linh hồn và đệ tử (đặc biệt là “trái tim của đệ tử”).

71. Toàn bộ tiến trình liên quan đến sự biểu

manifestation of the Will of God on Earth. Via this arrangement Sanat Kumara carries His purpose to the Ashrams and from thence into the hearts and minds of men. We note that this is only possible if the “hearts are safeguarded from the fire of love”. Love is the great safeguard.

72. We note that Shamballa (or the Earth) is referred to as a “sphere of solar Life”. Indeed, Sanat Kumara is a solar being and a direct disciple of the Solar Logos. The process indicated by the Triangle and the Square is thus a way for solar influence to reach the “city that stands foursquare” (humanity considered in its lunar aspect).

73. Master DK, in all humility, refers to the work He is trying to do “as but a tiny living part” of the process to which the Old Commentary selection refers.

Therefore, as you prepare for the meditation process which you will undertake during this coming year, start by a consideration of the Ashram of the Hierarchy itself, of its relation to Shamballa, of its constitution, formed as it is of many Ashrams.

74. To prepare for Meditation IV broad considerations are required; decentralizing in their effect, they take us far beyond preoccupation with the little self.

75. We are to consider:

- a. The Ashram of Hierarchy itself
- b. The relation of Hierarchy to Shamballa
- c. The constitution of Hierarchy formed of

hiện của Ý Chí của Thượng Đế trên Trái Đất. Qua sự sắp xếp này, Đức Sanat Kumara truyền mục đích của Ngài đến các ashram, rồi từ đó vào trái tim và thể trí của con người. Chúng ta lưu ý rằng điều này chỉ có thể xảy ra nếu “trái tim được ngọn lửa tình thương bảo vệ”. Tình thương là sự bảo vệ lớn lao.

72. Chúng ta lưu ý rằng Shamballa (hay Trái Đất) được gọi là một “khối cầu thuộc Sự Sống Thái Dương”. Quả thực, Đức Sanat Kumara là một Đấng thuộc thái dương và là đệ tử trực tiếp của Thái dương Thượng đế. Do đó, tiến trình mà Tam Giác và Hình Vuông biểu thị là một con đường để ảnh hưởng thái dương đến được “thành phố vuông vức” (nhân loại xét theo phương diện thái âm).

73. Với tất cả sự khiêm nhường, Chân sư DK nói đến công việc Ngài đang cố gắng thực hiện như “chỉ là một phần sống động nhỏ bé” của tiến trình mà đoạn trích Cổ Luận đề cập.

Vì vậy, khi chuẩn bị cho tiến trình tham thiền mà các bạn sẽ thực hiện trong năm tới, hãy bắt đầu bằng việc xem xét ashram của chính Thánh đoàn, mối liên hệ của ashram ấy với Shamballa, và cấu trúc của nó, vốn gồm nhiều ashram.

74. Để chuẩn bị cho Bài Thiền IV, cần có những suy xét rộng lớn; với tác dụng giúp chúng ta phi tập trung vào bản thân, những suy xét ấy đưa chúng ta vượt xa sự bận tâm về bản ngã nhỏ bé.

75. Chúng ta cần xem xét:

- a. Ashram của chính Thánh đoàn
- b. Mối quan hệ của Thánh đoàn với Shamballa
- c. Cơ cấu của Thánh đoàn do nhiều ashram

many Ashrams

Some of these are working under the Chohans; others are working under the Masters, and some are embryonic as yet, being gathered slowly together by Adepts of the fourth initiation.

76. The term “Adept” appears to have at least two significances: it usually refers to an initiate of the fifth degree but can, as in this case, refer to the initiate of the fourth degree.

77. Three classes of Ashrams are mentioned: those supervised by Chohans, by Masters and by Adepts of the fourth degree. The Ashrams of the Chohans are naturally inclusive of these other Ashrams.

Will you endeavour to realise the factual nature of this great, living, spiritual organism?

78. The Hierarchy and its Ashrams are to be seen as a “great, living, spiritual organism”. This is to become a vivid image in our minds and, increasingly, a reality.

It constantly “substands” or underlies the world organisation. See it as a growing, vital reality, of such life and potency that it can break through or break up all limiting outer organisations and, by the very force of its interior life, eventually externalise itself.

79. The Ashram is the primary organization substanding all organizations which seek to represent it and substanding the world organization as a whole.

80. A method of ashramic externalization is

hợp thành

Một số ashram hoạt động dưới sự chỉ đạo của các Đấng Chohan; những ashram khác hoạt động dưới sự chỉ đạo của các Chân sư, và một số vẫn còn ở dạng phôi thai, đang dần được các chân sư đã trải qua lần điểm đạo thứ tư tập hợp lại.

76. Thuật ngữ “Chân sư” dường như có ít nhất hai ý nghĩa: thông thường, thuật ngữ này chỉ một điểm đạo đồ bậc năm, nhưng cũng có thể chỉ điểm đạo đồ bậc bốn, như trong trường hợp này.

77. Ba loại ashram được đề cập: những ashram do các Chohan, các Chân sư và các Chân sư bậc bốn giám sát. Các ashram của các Chohan đương nhiên bao gồm những ashram khác này.

Các bạn hãy cố gắng nhận ra tính thực hữu của cơ thể tinh thần sống động vĩ đại này.

78. Cần nhìn nhận Thánh đoàn và các ashram của Thánh đoàn như một “cơ thể tinh thần vĩ đại, sống động”. Điều này cần trở thành một hình ảnh sống động trong thể trí chúng ta và ngày càng trở thành một thực tại.

Nó luôn “nâng đỡ từ bên dưới” hay làm nền tảng cho tổ chức thế giới. Hãy nhìn nó như một thực tại đầy sinh lực đang tăng trưởng, mang sự sống và quyền năng lớn lao đến mức có thể xuyên phá hoặc phá vỡ mọi tổ chức bên ngoài gây giới hạn và, bằng chính mãnh lực của sự sống bên trong, cuối cùng tự ngoại hiện

79. Ashram là tổ chức nền tảng nâng đỡ mọi tổ chức tìm cách đại diện cho nó và làm nền tảng cho toàn bộ tổ chức thế giới.

80. Ở đây, một phương pháp ngoại hiện của

here given; externalization will occur because of the “very force of its [the Ashram’s] interior life”.

81. This is another way of saying that the soul of humanity will break through into manifestation and will overpower and reorganize the personality of humanity.

This coming externalisation of the groups which constitute the Ashrams of the Masters (not yet of the Chohans, because they are still basically too potent) will be a gradual process, but it will in time restore the Mysteries, bring the first two initiations into a relative prominence as integral parts of the coming world religion, familiarise the whole of mankind with the fact of the subjective world, and finally bring the most developed of the sons of men into a faint glimmer of understanding of the essential Reality underlying all phenomena, and give some grasp of the purpose of Shamballa and the will of the Lord of the World.

82. A powerful sentence is offered describing the coming externalization of the groups which constitute the Ashrams of the Masters.

83. It would be well for us to bear in mind that the Ashrams of the Chohans are not yet externalizing because they are too powerful.

84. This externalization will have a number of effects which we can tabulate for clarity:

a. The externalization will restore the Mysteries

b. The externalization will bring the first two initiations into a relative prominence as integral parts of the coming world

ashram được đưa ra; sự ngoại hiện sẽ xảy ra nhờ “chính mãnh lực của sự sống bên trong [ashram]”.

81. Đây là một cách khác để nói rằng linh hồn nhân loại sẽ xuyên phá để đi vào biểu hiện, sẽ chế ngự và tổ chức lại phạm ngã nhân loại.

Sự ngoại hiện sắp tới của các nhóm tạo thành những ashram của các Chân sư (chưa phải của các Đấng Chohan, vì về căn bản, Các Ngài vẫn còn quá hùng mạnh) sẽ là một tiến trình dần dần, nhưng theo thời gian sẽ khôi phục các Bí Pháp, đưa hai lần điểm đạo đầu tiên đến một vị trí tương đối nổi bật như những thành phần không thể tách rời của tôn giáo thế giới sắp tới, giúp toàn thể nhân loại làm quen với sự thật về thế giới chủ quan, và cuối cùng đưa những người phát triển nhất trong số những người con của nhân loại đến một tia thấu hiểu le lói về Thực Tại cốt yếu làm nền tảng cho mọi hiện tượng, đồng thời giúp họ phần nào nắm bắt thiên ý của Shamballa và ý chí của Đức Chúa Tể Thế Giới.

82. Một câu đầy uy lực được đưa ra để mô tả sự ngoại hiện sắp tới của các nhóm hợp thành những ashram của các Chân sư.

83. Chúng ta nên ghi nhớ rằng các ashram của các Chohan chưa ngoại hiện vì quá mạnh.

84. Sự ngoại hiện này sẽ có một số tác động mà chúng ta có thể liệt kê cho rõ:

a. Sự ngoại hiện sẽ phục hồi các Bí Pháp

b. Sự ngoại hiện sẽ đưa hai lần điểm đạo đầu tiên lên một vị trí tương đối nổi bật như những phần không thể tách rời của tôn giáo

religion

c. The externalization will familiarize the whole of mankind with the fact of the subjective world.

d. The externalization will bring the most developed of the sons of men into a faint glimmer of understanding of the essential Reality underlying all phenomena

e. The externalization will give some grasp of the purpose of Shamballa and the will of the Lord of the World.

Humanity has now reached a point of development where there is a definite grasp of the Plan of the Hierarchy—call it brotherhood, sharing, internationalism, unity or what you will. This is a growing and factual apprehension and is a general recognition [137] by the thinkers and esotericists of the world, by the religious people of enlightenment, by broad minded statesmen, and even today by the man in the street; divine purpose, however, implemented or engineered by the divine will, eludes as yet the most advanced.

85. We are told that humanity is coming into some grasp of the Plan.

86. Such terms as the following indicate this grasp:

a. brotherhood

b. sharing

c. internationalism

d. unity

87. While the Plan is capable of being

thế giới tương lai

c. Sự ngoại hiện sẽ giúp toàn thể nhân loại quen với thực tại của thế giới chủ quan.

d. Sự ngoại hiện sẽ đem lại cho những người con phát triển nhất của nhân loại một tia thấu hiểu mờ nhạt về Thực Tại cốt yếu nằm bên dưới mọi hiện tượng

e. Sự ngoại hiện sẽ đem lại một phần nhận thức về mục đích của Shamballa và ý chí của Đức Chúa Tể Thế Giới.

Giờ đây, nhân loại đã đạt đến một điểm phát triển mà tại đó có sự nắm bắt rõ rệt về Thiên Cơ của Thánh đoàn—hãy gọi đó là tình huynh đệ, sự chia sẻ, chủ nghĩa quốc tế, sự hợp nhất hay bất cứ tên gọi nào các bạn muốn. Đây là một sự lĩnh hội thực sự đang tăng trưởng, một sự thừa nhận phổ biến [137] trong giới tư tưởng gia và các nhà bí truyền học trên thế giới, những người có tôn giáo đã giác ngộ, các chính khách có tư tưởng rộng mở, và ngày nay ngay cả người dân bình thường; tuy nhiên, thiên ý, do ý chí thiêng liêng thực hiện hoặc triển khai, vẫn vượt ngoài sự nắm bắt của những người tiên bộ nhất.

85. Chúng ta được cho biết rằng nhân loại đang phần nào nắm bắt được Thiên Cơ.

86. Những thuật ngữ sau đây cho thấy sự nắm bắt ấy:

a. tình huynh đệ

b. sự chia sẻ

c. tinh thần quốc tế

d. sự hợp nhất

87. Trong khi những con người tiên bộ

grasped in various degrees by advanced human beings of many kinds, divine purpose cannot be grasped. It is held close within the confines of Shamballa. Essentially it is: "The unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara. (R&I 241)

The work of the next few centuries will bring about changes in this respect, and these changes will be brought about by the work done in the Ashrams of the Masters, guided by the Ashrams of the Chohans, welded together in the great Ashram of the Hierarchy itself, and moving ever into closer relation with the great Council Chamber of Sanat Kumara, the Lord of the World, in Shamballa.

88. DK seems to be suggesting that something of the Divine Purpose will come to be known by those of sufficient advancement due to the work of the externalizing Ashrams guided and inspired by the Ashrams of the Chohans and by the Hierarchy as a whole, itself moving into ever closer relationship with Shamballa.

89. Thus, the Plan is now coming into view and some aspects of the Divine Purpose will come into view later, as Shamballa, through various mediating extensions, comes into closer rapport with humanity.

This has to be brought about on Earth by disciples, acting under instructions such as I now give you and by their prompt collaboration with their Masters. The doing of this will invoke the creative imagination of the disciple, and this, in its turn, will be conditioned and controlled by the illumined mind.

90. The responsibility of the disciples in this chain of externalization is given. It is the

thuộc nhiều loại khác nhau có thể nắm bắt Thiên Cơ ở những mức độ khác nhau, thì Thiên Ý vẫn chưa thể nắm bắt được. Thiên Ý được giữ kín trong phạm vi Shamballa. Về bản chất, đó là: "Mục đích chưa được biết đến, chưa được nhìn thấy và chưa được nghe đến của Đức Sanat Kumara. (R&I 241)

Công việc trong vài thế kỷ tới sẽ tạo ra những thay đổi về mặt này, và những thay đổi ấy sẽ đến từ công việc trong các ashram của các Chân sư, dưới sự hướng dẫn của các ashram của các Đấng Chohan, hợp nhất trong ashram vĩ đại của chính Thánh đoàn, và ngày càng tiến đến mối liên hệ mật thiết hơn với Phòng Hội Đồng vĩ đại của Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới, tại Shamballa.

88. Dường như Chân sư DK muốn nói rằng những người đã tiến bộ đủ mức sẽ biết được phần nào Thiên Ý nhờ công việc của các ashram đang ngoại hiện, dưới sự hướng dẫn và truyền cảm hứng của các ashram của các Chohan và của toàn thể Thánh đoàn, trong khi chính Thánh đoàn cũng ngày càng tiến vào mối quan hệ mật thiết hơn với Shamballa.

89. Như vậy, hiện nay Thiên Cơ đang dần hiện rõ, và một số phương diện của Thiên Ý sẽ hiện rõ về sau, khi Shamballa, qua các phần mở rộng làm trung gian khác nhau, thiết lập sự giao hòa mật thiết hơn với nhân loại.

Trên Trái Đất, các đệ tử phải thực hiện điều này bằng cách hành động theo những huấn thị như Tôi đang trao cho các bạn và hợp tác mau mắn với các Chân sư của mình. Việc thực hiện điều này sẽ khơi dậy sự tưởng tượng sáng tạo của người đệ tử, rồi đến lượt nó, sự tưởng tượng ấy sẽ chịu ảnh hưởng và sự kiểm soát của thể trí được soi sáng.

90. Trách nhiệm của các đệ tử trong chuỗi ngoại hiện này được nêu rõ. Bốn phận của

duty of the disciples to promptly collaborate with their Masters who are inspired by the still higher centers mentioned.

91. If this happens the creative imagination will be stimulated and through that imagination something of Shamballa and its effects can be conceived. This is dealt with somewhat in R&I 124:

One thing only will I add to the above and to the elucidation of the significance of Rule V. The clue to all this esoteric work demanded by Shamballa is to be found in the development of the Art of Visualisation. Through visualisation, three expressions of the human consciousness will become possible:

1. The antahkarana can be built and the shining of the Triad be definitely seen. Such will be the new vision—an outcome of the development of the *sense of vision*.

2. Groups, large wholes and major syntheses will also be visualised, and this will lead to a definite expansion of consciousness. Thus the *sense of synthesis* will be unfolded.

3. All creative art will be fostered by this training, and the new art of the future in all departments of creativity will be rapidly developed as the training proceeds. The unfoldment of the sense of vision and of the sense of synthesis, through visualisation, will lead to a *sense of livingness in form*. (R&I 124)

A second stage comes when the disciple, having considered the Ashram as outlined above, and having thereby imaginatively “fixed” the fact of Shamballa in his consciousness, turns his thoughts to the

các đệ tử là kịp thời cộng tác với các Chân sư của mình, những Đấng nhận cảm hứng từ các trung tâm còn cao hơn đã được đề cập.

91. Nếu điều này xảy ra, sự tưởng tượng sáng tạo sẽ được kích thích, và qua sự tưởng tượng ấy, có thể hình dung phần nào về Shamballa cùng các tác động của Shamballa. Điều này được bàn đến phần nào trong R&I 124:

Tôi chỉ bổ sung một điều vào phần trên và vào phần làm sáng tỏ thâm nghĩa của Quy Luật V. Có thể tìm thấy manh mối của toàn bộ công việc nội môn mà Shamballa đòi hỏi trong sự phát triển Nghệ Thuật Hình Dung. Qua sự hình dung, ba biểu hiện của tâm thức con người sẽ trở nên khả thi:

1. Có thể xây dựng antahkarana và nhìn thấy rõ ánh tỏa rạng của Tam nguyên tinh thần. Đó sẽ là linh thị mới—kết quả của sự phát triển *khả năng linh thị*.

2. Các nhóm, những tổng thể rộng lớn và những sự tổng hợp chủ yếu cũng sẽ được hình dung, và điều này sẽ dẫn đến một sự mở rộng tâm thức rõ rệt. Như vậy, *ý thức tổng hợp* sẽ khai mở.

3. Sự rèn luyện này sẽ thúc đẩy mọi nghệ thuật sáng tạo, và nghệ thuật mới của tương lai trong mọi lĩnh vực sáng tạo sẽ phát triển nhanh chóng khi sự rèn luyện tiếp diễn. Sự khai mở khả năng linh thị và ý thức tổng hợp, thông qua sự hình dung, sẽ dẫn đến *cảm thức về sự sống động trong hình tượng*. (R&I 124)

Giai đoạn thứ hai đến khi người đệ tử, sau khi xem xét ashram như đã phác thảo ở trên và nhờ đó dùng sự tưởng tượng để “khắc sâu” sự thật về Shamballa vào tâm thức mình, hướng tư tưởng đến Thánh đoàn hoặc

Hierarchy or to the soul.

92. DK is proceeding to outline the process of Meditation IV. Our first consideration has been the nature of Shamballa and the Great Ashram as the Ashram of Shamballa. Now attention is to be turned to the Hierarchy and the soul.

Remember always that the Hierarchy is simply the world of souls, that it is consciously aware of the Plan, sensitive to the purpose, and creatively and constantly impressing humanity with the aim in view of expanding the human consciousness. Of this your soul—in its pure nature—is a part.

93. A simple definition of Hierarchy as the “world of souls” is given, with the reminder that each of us as a soul is a member of Hierarchy. Of course, that which is a member is the “soul—in its pure nature...”

94. What does Hierarchy do:

a. It is consciously aware of the Plan

b. It is sensitive to purpose

c. It is creatively and constantly impressing humanity

d. Its aim is to expand human consciousness

95. This catalogue of activities informs us of the manner in which we can be expected to work as we come closer to approximating Hierarchy in our consciousness.

You will therefore think of the Hierarchy; you will attempt to vision its work, and you will endeavour to relate yourself to my

đến linh hồn.

92. Chân sư DK đang tiếp tục phác họa tiến trình của Bài Thiển IV. Điều đầu tiên chúng ta xem xét là bản chất của Shamballa và của ashram vĩ đại với tư cách là ashram của Shamballa. Giờ đây, cần hướng sự chú ý đến Thánh đoàn và linh hồn.

Hãy luôn nhớ rằng Thánh đoàn đơn giản là thế giới các linh hồn, rằng Thánh đoàn nhận biết Thiển Cơ một cách có ý thức, nhạy cảm với thiên ý, và không ngừng tác động lên nhân loại một cách sáng tạo nhằm mở rộng tâm thức con người. Linh hồn các bạn—trong bản chất thuần khiết của nó—là một phần của thế giới ấy.

93. Một định nghĩa đơn giản về Thánh đoàn như “thế giới của các linh hồn” được đưa ra, cùng lời nhắc rằng mỗi chúng ta, với tư cách một linh hồn, đều là thành viên của Thánh đoàn. Dĩ nhiên, thành viên ấy là “linh hồn—trong bản chất thuần khiết của nó...”

94. Thánh đoàn làm gì:

a. Thánh đoàn nhận biết một cách hữu thức về Thiển Cơ

b. Thánh đoàn nhạy cảm với mục đích

c. Thánh đoàn liên tục truyền ấn tượng đến nhân loại một cách sáng tạo

d. Mục tiêu của Thánh đoàn là mở rộng tâm thức con người

95. Danh mục hoạt động này cho chúng ta biết cách thức làm việc mà chúng ta cần thực hiện khi tâm thức của mình ngày càng tiến gần hơn đến tâm thức của Thánh đoàn.

Vì vậy, các bạn sẽ nghĩ đến Thánh đoàn; các bạn sẽ cố gắng hình dung công việc của Thánh đoàn, và nỗ lực liên kết mình với

Ashram by an act of faith and of will which is, in this case, the sublimation of the personal self-will; you will also take your position as a conscious, integral part of my Ashram, and consequently of the Hierarchy. Such is the duty of all disciples. You have had much instruction as to the Ashram and I need not further enlarge.

ashram của Tôi bằng một hành động của đức tin và ý chí, mà trong trường hợp này là sự thăng hoa của ý chí riêng thuộc cá nhân; các bạn cũng sẽ xác lập vị trí của mình như một phần hữu thức, không thể tách rời của ashram Tôi, và do đó của Thánh đoàn. Đó là bổn phận của mọi đệ tử. Các bạn đã nhận được nhiều huấn thị về ashram, nên Tôi không cần nói thêm.

96. Five acts are required at this stage of the meditation:

96. Ở giai đoạn tham thiền này, cần thực hiện năm hành động:

a. Thinking of the Hierarchy

a. Nghĩ về Thánh đoàn

b. Visioning the work of the Hierarchy

b. Hình dung công việc của Thánh đoàn

c. Relating to Master DK's Ashram by an act of faith and will

c. Liên kết với ashram của Chân sư DK bằng một hành động của đức tin và ý chí

d. Taking a position as an integral part of DK's Ashram

d. Xác lập vị trí như một phần không thể tách rời của ashram Chân sư DK

e. Thus taking a position as an integral part of the Hierarchy

e. Qua đó, xác lập vị trí như một phần không thể tách rời của Thánh đoàn

97. Note the method of relating oneself to the Ashram of Master DK; it involves both faith and will (if not direct knowledge).

97. Hãy lưu ý phương pháp liên kết với ashram của Chân sư DK; phương pháp ấy đòi hỏi cả đức tin lẫn ý chí (nếu chưa có hiểu biết trực tiếp).

98. It is important to understand the nature of the will involved; in this case, the will necessitated for relation to DK's Ashram is "the sublimation of the personal self-will". This type of will is individual in nature but impersonal (divorced from personal desire).

98. Cần thấu hiểu bản chất của ý chí liên quan ở đây; trong trường hợp này, ý chí cần thiết để liên kết với ashram của Chân sư DK là "sự thăng hoa của ý chí riêng thuộc phạm ngã". Loại ý chí này mang bản chất cá nhân nhưng có tính vô ngã (tách khỏi dục vọng cá nhân).

99. We note that if the meditator is capable of taking a position as an integral part of DK's Ashram, he will also be taking a position as an integral part of the Hierarchy, for the Ashram of DK (or of any Master) is incorporated in the Hierarchy.

99. Chúng ta lưu ý rằng nếu người hành thiền có khả năng xác lập vị trí như một phần không thể tách rời của ashram Chân sư DK, thì y cũng sẽ xác lập vị trí như một phần không thể tách rời của Thánh đoàn, vì ashram của Chân sư DK (hay của bất kỳ Chân sư nào) đều nằm trong Thánh đoàn.

100. It is the duty of all disciples to stand in this position.

The **third point of the triangle** (as far as your work in this meditation is concerned) comes into the light of your reflective consideration. You will now turn your attention to yourself, the soul, the conscious disciple in preparation for that expansion of consciousness which is the next step in [\[138\]](#) your spiritual unfoldment, leading eventually to initiation.

101. One of the points in the Triangle is the soul on its own plane. The third point is the disciple-as-soul.

102. When considering oneself, the disciple-as-soul, one is to think of oneself in preparation for one's next spiritual unfoldment, leading eventually to initiation.

This reflective consideration you do, not from the angle of the consciousness of your imperfections, qualifications or capacities, your failures or your successes, but entirely from the angle of cooperation with the Plan, with the divine Will and Purpose. It is with these highest aspects that the disciple is asked to cooperate.

103. The manner in which we are to consider ourselves is given. We are not to become personal about ourselves. Rather we are to see ourselves (as souls) in relation to our cooperation with the Plan, with Divine Will and Purpose.

104. Thus, when thinking of ourselves as disciples, we think of ourselves as souls-in-incarnation.

105. This reminds one of the formula given

100. Đứng ở vị trí này là bổn phận của mọi đệ tử.

Điểm thứ ba của tam giác (trong phạm vi công việc của các bạn ở bài thiền này) đi vào ánh sáng suy xét của các bạn. Giờ đây, các bạn sẽ hướng sự chú tâm vào chính mình, linh hồn, người đệ tử hữu thức đang chuẩn bị cho sự mở rộng tâm thức vốn là bước kế tiếp trong [\[138\]](#) sự khai mở tinh thần của mình, cuối cùng dẫn đến điểm đạo.

101. Một trong các đỉnh của Tam Giác là linh hồn trên cõi riêng của nó. Đỉnh thứ ba là đệ tử với tư cách linh hồn.

102. Khi xem xét chính mình, đệ tử với tư cách linh hồn cần nghĩ về mình như đang chuẩn bị cho sự khai mở tinh thần tiếp theo, cuối cùng dẫn đến điểm đạo.

Các bạn thực hiện sự suy xét này không từ góc độ nhận biết những bất toàn, phẩm chất hay năng lực, những thất bại hoặc thành công của mình, mà hoàn toàn từ góc độ hợp tác với Thiên Cơ, với Ý Chí thiêng liêng và Thiên Ý. Chính với những phương diện cao nhất này mà người đệ tử được yêu cầu hợp tác.

103. Cách thức chúng ta cần xem xét chính mình được nêu rõ. Chúng ta không nên nhìn bản thân từ góc độ cá nhân. Thay vào đó, chúng ta cần nhìn bản thân (như những linh hồn) trong mối liên hệ với sự hợp tác của mình với Thiên Cơ, với Ý Chí thiêng liêng và Thiên Ý.

104. Như vậy, khi nghĩ về mình như những đệ tử, chúng ta nghĩ về mình như những linh hồn đang nhập thể.

105. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến công

in EP II: Alignment, Crisis, Light, Revelation, Integration. The Light reveals all the disciple's imperfections. Revelation, however, reveals the Divine Plan, and it is in relation to the Plan that we are to view our own nature.

thức được đưa ra trong EP II: Chính hợp, Khủng hoảng, Ánh sáng, Sự mặc khải, Sự tích hợp. Ánh sáng phơi bày mọi bất toàn của đệ tử. Tuy nhiên, Sự mặc khải làm hiển lộ Thiên Cơ, và chúng ta cần nhìn bản chất của chính mình trong mối liên hệ với Thiên Cơ.

It is not possible for the individual disciple in any Ashram to cooperate in all phases of the Master's work, and it is not possible for you, for instance, to cooperate in every phase of the work in my Ashram which I have outlined in my pamphlets (and which has been summarised in the one entitled My Work).

Một đệ tử riêng lẻ trong bất cứ ashram nào cũng không thể hợp tác trong mọi phương diện công việc của Chân sư; chẳng hạn, các bạn không thể hợp tác trong mọi phương diện công việc tại ashram Tôi mà Tôi đã phác thảo trong các tập sách nhỏ (và đã tóm lược trong tập mang tên Công Việc của Tôi).

106. A wise note regarding our limitations is introduced. Disciples can become overly enthusiastic and spread themselves too thin to be effective in service.

106. Một lưu ý minh triết về những giới hạn của chúng ta được đưa ra. Các đệ tử có thể trở nên quá nhiệt tình và dàn trải sức lực đến mức không còn phụng sự hiệu quả.

But it is possible for you to choose some phase of that plan and give it your paramount attention.... These activities can—if adequately and strongly carried forward—aid in the esoteric work of the world and the exoteric rehabilitation of right human relations....

Nhưng các bạn có thể chọn một phương diện của kế hoạch ấy và dành cho nó sự chú tâm cao nhất.... Những hoạt động này—nếu được tiến hành đầy đủ và mạnh mẽ—có thể hỗ trợ công việc nội môn của thế giới và việc khôi phục những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người về mặt ngoại môn....

107. This is sound advice. There are some ellipses where the editor has deleted certain phrases.

107. Đây là lời khuyên xác đáng. Có một số dấu chấm lửng ở những chỗ biên tập viên đã lược bỏ một số cụm từ.

108. As always, the Tibetan is working upon rendering his chelas more effective servers.

108. Như thường lệ, Chân sư Tây Tạng đang nỗ lực giúp các đệ tử của Ngài trở thành những người phụng sự hiệu quả hơn.

The **fourth stage of the meditation** work is concerned with the square which—for the purposes of our work—we will simply regard as the field of service and of experience—experience in work and not individual life experience.

Giai đoạn thứ tư của công việc tham thiền liên quan đến hình vuông mà—vì mục đích công việc của chúng ta—chúng ta sẽ đơn giản xem là lĩnh vực phụng sự và kinh nghiệm—kinh nghiệm trong công việc chứ không phải kinh nghiệm đời sống cá nhân.

109. DK takes His chelas beyond self-concern. The square has wider implications

109. Chân sư DK đưa các đệ tử của Ngài vượt khỏi sự bận tâm về bản thân. Hình vuông có

than the “individual life experience”. It relates to the entire field of service within humanity and the planet.

You will note that this description of the meditation work, which I am asking you to carry forward for a year at least, is based upon the three previous meditations; these sought to bring the etheric body with its various force centres into such a condition that it could become receptive to impression, and cooperate thereafter actively; through the alignment exercise you endeavoured to bring that organised instrument of service into contact with the source of inspiration and the source of impression, i.e., the Ashram and the soul.

110. DK is careful to emphasize continuity. The previous three meditations led sequentially to the possibility of performing Meditation IV in the correct manner.

111. DK reviews the purpose of the previous meditations:

a. To bring the various force centers of the etheric body into such a condition that that body could be receptive to impression

b. To bring the rightly organized etheric body (as an instrument of service) “into contact with the source of inspiration and the source of impression, i.e., the Ashram and the soul”

112. The etheric body must be in a certain effective condition if it is to be receptive to the kind of impression to be cultivated in Meditation IV.

Now we are in a position (theoretically at least and dependent individually upon the successful action of all work previously done) to begin the task of bringing through the inspiration and impression consciously,

hàm ý rộng hơn “trải nghiệm đời sống cá nhân”. Nó liên quan đến toàn bộ lĩnh vực phụng sự trong nhân loại và trên hành tinh.

Các bạn sẽ nhận thấy phần mô tả công việc tham thiền này, mà Tôi yêu cầu các bạn thực hiện ít nhất trong một năm, dựa trên ba bài thiền trước; những bài thiền ấy nhằm đưa thể dĩ thái cùng các trung tâm mãnh lực khác nhau của nó vào một trạng thái có thể tiếp nhận ấn tượng và sau đó hợp tác tích cực; qua bài tập chỉnh hợp, các bạn đã cố gắng đưa công cụ phụng sự có tổ chức ấy tiếp xúc với nguồn cảm hứng và nguồn ấn tượng, tức ashram và linh hồn.

110. Chân sư DK chú trọng nhấn mạnh tính liên tục. Ba bài thiền trước đã tuần tự dẫn đến khả năng thực hiện Bài Thiền IV đúng cách.

111. Chân sư DK ôn lại mục đích của các bài thiền trước:

a. Đưa các trung tâm mãnh lực khác nhau của thể dĩ thái vào một trạng thái sao cho thể này có thể tiếp nhận ấn tượng

b. Đưa thể dĩ thái được tổ chức đúng đắn (như một công cụ phụng sự) “tiếp xúc với nguồn cảm hứng và nguồn ấn tượng, tức là ashram và linh hồn”

112. Thể dĩ thái phải ở trong một trạng thái hoạt động hữu hiệu nhất định để có thể tiếp nhận loại ấn tượng cần được vun bồi trong Bài thiền IV.

Giờ đây, chúng ta đã ở vào vị thế (ít nhất về lý thuyết, và đối với từng người còn tùy thuộc vào kết quả thành công của mọi công việc trước đây) để bắt đầu nhiệm vụ truyền dẫn cảm hứng và ấn tượng một cách có ý

by determined contact with their sources. I will therefore briefly outline the work, asking you to do it after close study of all that I have written above:

113. The purpose of Meditation IV is actually to bring through “the inspiration and impression consciously, by determined contact with their sources”.

114. All meditations up to this point have been preparatory, and Meditation IV is the first “working” meditation which extends beyond the microcosmic field, whether of the individual or the group. The sources of inspiration and impression are actually to be accessed and utilized.

115. The following outline refers specifically to the procedures to be followed in Meditation IV.

[139]

I. The Stage of Recognition.

(1). Recognition of your pledged discipleship.

(2). Recognition of your equipment, gratefully rendered.

(3). Recognition of your achieved alignment.

(4). Recognition of the soul, the source of love-wisdom.

(5). Recognition of the Hierarchy.

116. We begin by acknowledging the major factors to be utilized in this meditation process.

117. We remind ourselves of our pledge and

thức, bằng sự tiếp xúc kiên định với các nguồn ấy. Vì vậy, Tôi sẽ phác thảo ngắn gọn công việc, và yêu cầu các bạn thực hiện sau khi đã nghiên cứu kỹ mọi điều Tôi viết ở trên:

113. Mục đích của Bài thiền IV thực sự là truyền dẫn “cảm hứng và ấn tượng một cách có ý thức, bằng sự tiếp xúc kiên định với các nguồn của chúng”.

114. Mọi bài thiền cho đến thời điểm này đều mang tính chuẩn bị, và Bài thiền IV là bài thiền “thực hành” đầu tiên vượt ra ngoài phạm vi tiểu thiên địa, dù của cá nhân hay của nhóm. Các nguồn cảm hứng và ấn tượng phải thực sự được tiếp cận và vận dụng.

115. Phác thảo sau đây đề cập cụ thể đến những trình tự cần tuân theo trong Bài thiền IV.

[139]

I. Giai Đoạn Nhận Biết.

1. Nhận biết địa vị đệ tử đã cam kết của mình.

2. Nhận biết những gì mình được trang bị, với lòng biết ơn.

3. Nhận biết sự chỉnh hợp mình đã đạt được.

4. Nhận biết linh hồn, nguồn bác ái-minh triết.

5. Nhận biết Thánh đoàn.

116. Chúng ta bắt đầu bằng việc thừa nhận những yếu tố chính sẽ được vận dụng trong tiến trình tham thiền này.

117. Chúng ta tự nhắc mình về lời nguyện

of the equipment with which we are working. Our attitude regarding the equipment is one of gratitude rather than criticism (which would focus the consciousness too personally).

118. We recognize the alignment achieved which is really a brief review of Meditation III.

119. We recognize and thus access the soul and do the same for Hierarchy, accessing its energy to the degree possible for any one of us.

All this should be done very rapidly, holding the consciousness steadily in the mind, and not in the head.

120. Some meditations call for a head focus; this one calls for focus in the mind. In sections above DK spoke of mental focus accompanied by a quiescent brain. This is the state to be achieved.

121. The lower aspects of the personality will respond automatically. The microcosmic quaternary to be used in this case, are the four levels of the concrete mental plane.

It presupposes an immediate mental focussing of the disciple at the very beginning of his meditation work.

122. By the time this meditation can be rightly used, the disciple has achieved the ability to focus mentally at will.

II. The Stage of Consideration.

(1). Of the Ashram as a whole, i.e., of the Hierarchy as the Ashram of Sanat Kumara. You will see, through the use of the creative

và trang cụ mà chúng ta đang sử dụng để làm việc. Thái độ của chúng ta đối với trang cụ là biết ơn thay vì phê phán (vì phê phán sẽ khiến tâm thức tập trung quá nhiều vào cá nhân).

118. Chúng ta nhận biết sự chỉnh hợp đã đạt được; điều này thực chất là ôn lại ngắn gọn Bài thiền III.

119. Chúng ta nhận biết và qua đó tiếp cận linh hồn, rồi làm điều tương tự với Thánh đoàn, tiếp cận năng lượng của Thánh đoàn trong mức độ mà mỗi người chúng ta có thể đạt được.

Tất cả những điều này cần được thực hiện rất nhanh, giữ tâm thức vững vàng trong thể trí, không phải trong đầu.

120. Một số bài thiền đòi hỏi sự tập trung trong đầu; bài thiền này đòi hỏi sự tập trung trong thể trí. Trong các phần trên, Chân sư DK đã nói đến sự tập trung trí tuệ đi kèm với một bộ não tĩnh lặng. Đây là trạng thái cần đạt được.

121. Các phương diện thấp của phạm ngã sẽ tự động đáp ứng. Trong trường hợp này, bộ tứ tiểu thiên địa được sử dụng là bốn cấp độ của cõi hạ trí.

Điều này giả định rằng người đệ tử lập tức tập trung trí tuệ ngay khi bắt đầu công việc tham thiền.

122. Đến khi có thể sử dụng đúng đắn bài thiền này, người đệ tử đã đạt được khả năng tập trung trong thể trí theo ý muốn.

II. Giai Đoạn Xem Xét.

1. Về ashram như một toàn thể, tức về Thánh đoàn như ashram của Sanat Kumara. Qua việc sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo,

imagination, all the Ashrams in close contact with Shamballa as:

các bạn sẽ thấy mọi ashram đều liên hệ mật thiết với Shamballa như sau:

123. The use of the imagination is indispensable and actually puts one in rapport with that which is visualized.

123. Việc sử dụng sự tưởng tượng là điều không thể thiếu và thực sự đưa chúng ta vào mối giao cảm với điều mà chúng ta hình dung.

124. All the seven great Ashrams are to be visualized. Hierarchy, itself, is to be considered an Ashram—the Ashram of Sanat Kumara.

124. Cần hình dung cả bảy ashram lớn. Chính Thánh đoàn phải được xem là một ashram—ashram của Sanat Kumara.

125. We are entering a very large perspective and will work our way 'down'.

125. Chúng ta đang bước vào một tầm nhìn rất rộng lớn và sẽ từng bước đi 'xuống'.

a. Responsive to the Purpose, implemented by the Ashrams of the Chohans.

a. Đáp ứng với Thiên Ý mà các ashram của các Đấng Chohan thực hiện.

126. The Chohans work more readily with Purpose than can the Masters of the Wisdom. Chohans are on intimate terms with the Monad; they are, in fact, identified as Monad, and the Monad is, in its pure essence, a 'member' of Shamballa.

126. Các Đấng Chohan làm việc với Thiên Ý dễ dàng hơn các Chân sư Minh Triết. Các Đấng Chohan có mối liên hệ mật thiết với chân thần; thực ra, Các Ngài đồng nhất mình là chân thần, và chân thần, trong bản chất tinh thuần của nó, là một 'thành viên' của Shamballa.

127. We imagine all Ashrams as responsive to Purpose. This must simply be an act of imagination, as we have no real idea of what Shamballic Purpose actually is.

127. Chúng ta tưởng tượng mọi ashram đều đáp ứng với Thiên Ý. Đây chỉ có thể là một hành động tưởng tượng, vì chúng ta chưa có ý niệm thực sự nào về Thiên Ý của Shamballa thực chất là gì.

b. Impressed by the energy of Will as the great Ashram energises its component parts—the various Ashrams within its periphery of influence.

b. Tiếp nhận ấn tượng từ năng lượng Ý Chí khi ashram vĩ đại truyền năng lượng cho các thành phần cấu tạo nên nó—những ashram khác nhau trong phạm vi ảnh hưởng của nó.

128. The energy of Shamballic Will pours through the great Ashram and thus reaches the various Ashrams. We have been shown how this is now happening through the Manu, the Christ and, newly, through the Master R.

128. Năng lượng Ý Chí của Shamballa tuôn qua ashram lớn và nhờ đó đến với các ashram khác nhau. Chúng ta đã được chỉ cho thấy điều này hiện đang diễn ra như thế nào qua Đức Manu, Đức Christ và, gần đây, qua Chân sư R.

c. Vitalising the initiates and disciples who

c. Tiếp sinh lực cho các điểm đạo đồ và đệ tử

are affiliated with the Masters and working in Their Ashrams.

có liên hệ với các Chân sư và đang làm việc trong các ashram của Các Ngài.

129. It is the energy of Life that is pouring from the highest center, Shamballa, and thus carrying new vitality.

129. Chính năng lượng Sự Sống đang tuôn đổ từ trung tâm cao nhất, Shamballa, và nhờ đó mang đến sinh lực mới.

130. Initiates and disciples, therefore, stand in the line of reception of this stream of vitalizing Life.

130. Vì vậy, các điểm đạo đồ và đệ tử đứng trên tuyến tiếp nhận dòng Sự Sống tiếp sinh lực này.

d. Reaching out, through the accepted and pledged disciples, into the world of men.

d. Vươn đến thế giới loài người qua các đệ tử được chấp nhận và đã cam kết.

131. Eventually, even the world of men is reached. There is a chain of command, so to speak, and the great energy emanating from Shamballa flows through all groups within the chain in ever-lessening degree. Yet it flows.

131. Cuối cùng, ngay cả thế giới loài người cũng được chạm đến. Có thể nói, có một chuỗi chỉ huy, và năng lượng lớn lao phát ra từ Shamballa chảy qua mọi nhóm trong chuỗi ấy với mức độ giảm dần. Tuy vậy, năng lượng ấy vẫn tuôn chảy.

Then you will say with purpose and determination:

Sau đó, các bạn sẽ nói với chủ đích và quyết tâm:

“I strive towards comprehension. Thy will, not mine, be done.”

“Tôi nỗ lực đạt đến sự lĩnh hội. Xin cho ý chí của Ngài được thực hiện, thay vì ý chí của tôi.”

132. The comprehension necessitated is wide and embraces the greatest organizations upon our planet.

132. Sự lĩnh hội cần có ở đây rất rộng lớn và bao quát những tổ chức lớn lao nhất trên hành tinh chúng ta.

133. Unless we have this wide planetary comprehension, relating to the sixth Kingdom of Nature (that of the Planetary Lives) we will not be in a position to say with illumined acquiescence, “Thy will, not mine, be done”.

133. Nếu không có sự lĩnh hội rộng lớn ở tầm hành tinh này, liên quan đến Giới thứ sáu trong Tự Nhiên (giới của Các Sự Sống Hành tinh), chúng ta sẽ không thể nói với sự thuận nhận được soi sáng rằng: “Cầu cho ý chí của Ngài được thực hiện, chứ không phải ý chí của tôi”.

134. We are, in saying this, making application to the Monad—our “Father in Heaven”—that aspect of our nature which dwells within the “Courts of Shamballa”.

134. Khi nói điều này, chúng ta đang thỉnh cầu chân thần—“Cha trên Trời” của chúng ta—phương diện trong bản chất chúng ta vốn ngự trong “các Triều Đình của Shamballa”.

135. For Meditation IV, this first phase represents the high point of inspiration, which works its way through all the lesser points in descent.

All the above section of your meditation work concerns purpose, will and the “destiny” of Shamballa, to use an old occult phrase.

136. Shamballa knows the whence and whither of this planet. “Destiny” is related to that first ray type of motion we call “progress onward”. In this first phase of the meditation we are concerned with great eventualities and the ultimate relation of our planet to great stellar sources such as the Solar Logos and Sirius.

137. In this first phase of meditation we will be subject to the great ideas which contain some glimmer of our planetary destiny.

138. We remember that the term “destiny” is also associated with the Monad: each of us has a “monadic destiny”.

(2). Of the world of souls which is the Hierarchy in relation to this world of men, and of in relation [140] to Shamballa as in the first part. This involves:

139. We now ponder the “world of souls”—Hierarchy, not as the one Great Ashram, but in relation to the world of men, i.e., to the souls in incarnation.

140. We are contemplating Hierarchy as a “downward gazing” rather than “upward gazing” Soul. Hierarchy gazes upwards to Shamballa but upwards to humanity.

135. Đối với Bài thiền IV, giai đoạn đầu tiên này biểu thị đỉnh cao của cảm hứng, từ đó cảm hứng đi xuống qua mọi điểm thấp hơn.

Toàn bộ phần tham thiền trên của các bạn liên quan đến thiên ý, ý chí và “vận mệnh” của Shamballa, theo cách dùng một cụm từ huyền bí cổ.

136. Shamballa biết hành tinh này từ đâu đến và sẽ đi về đâu. “Thiên mệnh” liên quan đến loại chuyển động thuộc cung một mà chúng ta gọi là “tiến về phía trước”. Trong giai đoạn đầu tiên của bài thiền này, chúng ta quan tâm đến những kết cục lớn lao và mối liên hệ tối hậu của hành tinh chúng ta với những nguồn tinh tú vĩ đại như Thái dương Thượng đế và Sirius.

137. Trong giai đoạn đầu tiên của bài thiền này, chúng ta sẽ chịu ảnh hưởng của những ý tưởng lớn lao chứa đựng chút ánh sáng le lói về thiên mệnh hành tinh của chúng ta.

138. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ “thiên mệnh” cũng gắn với chân thần: mỗi người chúng ta đều có một “thiên mệnh chân thần”.

2. Về thế giới các linh hồn, tức Thánh đoàn, trong mối liên hệ với thế giới loài người này, chứ không phải trong mối liên hệ [140] với Shamballa như ở phần đầu. Điều này bao gồm:

139. Giờ đây, chúng ta suy ngẫm về “thế giới linh hồn”—Thánh đoàn, xét trong mối liên hệ với thế giới loài người, tức là với các linh hồn đang nhập thể, thay vì như một Ashram Vĩ Đại duy nhất.

140. Chúng ta đang chiêm ngưỡng Thánh đoàn như một Linh Hồn “nhìn xuống” thay vì “nhìn lên”. Thánh đoàn nhìn lên Shamballa nhưng cũng nhìn lên nhân loại.

a. A study of the nature of the hierarchical effort, as it is expressed through love.

a. Nghiên cứu bản chất nỗ lực của Thánh đoàn khi nỗ lực ấy biểu hiện qua tình thương.

141. DK has described above the nature of Hierarchy as the distributor of the energy of love.

141. Ở trên, Chân sư DK đã mô tả bản chất của Thánh đoàn như bên phân phối năng lượng bác ái.

142. The entire enterprise of Hierarchy is motivated by love. Until we, too, are entirely motivated by love, we shall not know what it means to be members of Hierarchy.

142. Toàn bộ công cuộc của Thánh đoàn đều do bác ái thúc đẩy. Chừng nào chúng ta chưa hoàn toàn được bác ái thúc đẩy như vậy, chúng ta sẽ chưa biết làm thành viên của Thánh đoàn có nghĩa là gì.

b. A conscious identification with the Plan.

b. Đồng hoá với Thiên Cơ một cách có ý thức.

143. Hierarchy is consciously identified with Plan even if not, entirely, with Purpose, which even its members cannot fathom in depth.

143. Thánh đoàn đồng hoá một cách có ý thức với Thiên Cơ, dù chưa hoàn toàn đồng hoá với Thiên Ý, điều mà ngay cả các thành viên của Thánh đoàn cũng không thể dò thấu.

144. When our minds and hearts are full of the Plan we shall be closer to participation in Hierarchy.

144. Khi thể trí và trái tim chúng ta tràn đầy Thiên Cơ, chúng ta sẽ tiến gần hơn đến việc tham gia vào Thánh đoàn.

c. Dedication to the work originating in the Ashram with which you know yourself to be in touch, seeing it all as an integral part of the hierarchical work.

c. Hiến mình cho công việc bắt nguồn từ ashram mà các bạn biết mình đang tiếp xúc, nhìn toàn bộ công việc ấy như một phần không thể tách rời trong công việc của Thánh đoàn.

145. The focus becomes more specific. We are to focus on the Ashram of which we know ourselves to be a part.

145. Trọng tâm trở nên cụ thể hơn. Chúng ta cần tập trung vào ashram mà chúng ta biết mình là một thành viên.

146. Those who were members of Master DK's group of chelas (in the New Seed Group) knew themselves to be members of His Ashram, however peripheral their position.

146. Những người thuộc nhóm đệ tử của Chân sư DK (trong Nhóm Hạt Giống Mới) biết mình là thành viên ashram của Ngài, dù vị trí của họ có ở xa trung tâm đến đâu.

147. Modern students may or may not know with which Ashram they are now or will eventually be affiliated. But because they are studying the works of Master DK, it is a

147. Các đạo sinh ngày nay có thể biết hoặc chưa biết mình hiện có liên hệ, hay cuối cùng sẽ có liên hệ, với ashram nào. Nhưng vì họ đang nghiên cứu các tác phẩm của Chân

reasonable assumption that they are linked to Him (at least temporarily) and may imagine that it is His Ashram to which they are closely related.

148. It is important to keep any separative thinking from appearing. Ashrams are not really separate from Hierarchy. Each Ashram is integral to Hierarchy and must be conceived within the context of the hierarchical Whole.

Then you will say with love and aspiration:

149. We are now focussing on the second aspect of divinity, whereas in the first section of the meditation, our focus was on the first aspect.

150. Love and aspiration, of course, accord with the second aspect.

“I strive towards understanding. Let wisdom take the place of knowledge in my life.”

151. The second ray is the ray of “Loving-Understanding”.

152. The second ray is the ray of “Love-Wisdom”.

153. Love-Wisdom and Loving-Understanding are to supersede and yet utilize the knowledge associated with the third aspect of divinity.

154. This whole section of the meditation involves the heart center just as the first section involved the head center.

155. When the heart in the head is utilized, both sections are related.

(3). Of yourself as a unit in my Ashram. This

sư DK, nên có thể giả định hợp lý rằng họ có liên kết với Ngài (ít nhất là tạm thời), và họ có thể tưởng tượng rằng chính ashram của Ngài là nơi họ có mối liên hệ mật thiết.

148. Cần ngăn không cho bất kỳ tư tưởng chia rẽ nào xuất hiện. Các ashram thực sự không tách biệt khỏi Thánh đoàn. Mỗi ashram là một phần không thể tách rời của Thánh đoàn và phải được quan niệm trong bối cảnh Toàn Thể Thánh đoàn.

Sau đó, các bạn sẽ nói với tình thương và khát vọng:

149. Giờ đây, chúng ta tập trung vào phương diện thứ hai của thiên tính, trong khi ở phần đầu của bài thiền, trọng tâm của chúng ta là phương diện thứ nhất.

150. Dĩ nhiên, tình thương và khát vọng phù hợp với phương diện thứ hai.

“Tôi nỗ lực đạt đến sự thấu hiểu. Xin cho minh triết thay thế tri thức trong đời tôi.”

151. Cung hai là cung của “Bác Ái – Thấu Hiểu”.

152. Cung hai là cung của “Bác Ái – Minh Triết”.

153. Bác Ái – Minh Triết và Bác Ái – Thấu Hiểu phải thay thế, đồng thời vẫn vận dụng, tri thức gắn liền với phương diện thứ ba của thiên tính.

154. Toàn bộ phần này của bài thiền liên quan đến trung tâm tim, cũng như phần đầu liên quan đến trung tâm đầu.

155. Khi trung tâm tim trong đầu được vận dụng, cả hai phần đều liên kết với nhau.

3. Về chính mình như một đơn vị trong

will involve:

156. The following is the more individual phase of the meditation and relates to the third aspect of divinity.

a. Recognising which aspect of my planned work you are equipped to do.

157. The Urge to Formulate a Plan relates to the third method of inducing soul control (see EP II 241)

158. A disciple cannot fulfill all aspects of a Master's planned work and thus, this section of the meditation asks for sharp focussing.

159. Do we, each of us, know which aspect of the Master's planned work we are equipped to do?

b. Determining how to do it.

160. The meditation becomes very practical and almost concrete. Here the concrete mind will be involved in the handling of specifics.

c. Considering the factor of preparation for eventual initiation, as a means of increasing your capacity for hierarchical cooperation.

161. All disciples (especially accepted disciples) are in training for initiation. We are to consider this fact and think about the mode of preparation in which we are engaged, never forgetting that we become initiated not for our own sakes, but for the more effective helping of a needy world.

162. As initiates our capacity to cooperate

ashram của Tôi. Điều này sẽ bao gồm:

156. Phần tiếp theo là giai đoạn mang tính cá nhân hơn của bài thiền và liên quan đến phương diện thứ ba của thiên tính.

a. Nhận biết mình có đủ khả năng thực hiện phương diện nào trong công việc đã hoạch định của Tôi.

157. Thôi Thúc Hình Thành Một Kế Hoạch liên quan đến phương pháp thứ ba nhằm tạo nên sự kiểm soát của linh hồn (xem EP II 241)

158. Một đệ tử không thể thực hiện mọi phương diện trong công việc mà một Chân sư đã hoạch định; vì vậy, phần này của bài thiền đòi hỏi sự tập trung cao độ.

159. Mỗi người chúng ta có biết mình có đủ trang cụ để thực hiện phương diện nào trong công việc mà Chân sư đã hoạch định không?

b. Xác định cách thực hiện công việc ấy.

160. Bài thiền trở nên rất thiết thực và gần như cụ thể. Ở đây, trí cụ thể sẽ tham gia xử lý các chi tiết.

c. Xem xét yếu tố chuẩn bị cho cuộc điểm đạo cuối cùng sẽ đến, như một phương tiện gia tăng khả năng hợp tác với Thánh đoàn.

161. Mọi đệ tử (đặc biệt là các đệ tử được chấp nhận) đều đang được huấn luyện để điểm đạo. Chúng ta cần xem xét sự kiện này và suy nghĩ về cách thức chuẩn bị mà mình đang thực hiện, luôn nhớ rằng chúng ta được điểm đạo để giúp đỡ hiệu quả hơn một thế giới đang cần trợ giúp, chứ không phải vì lợi ích riêng của mình.

162. Là các điểm đạo đồ, khả năng hợp tác

with the Hierarchy will be greatly increased. We must hold firmly to such selfless motivations.

d. Energising by light, faith, love and power, the spiritual centre within which you serve and the ashramic projects for which you accept responsibility. In this instance it can be the Arcane School and the Service Activities.

163. Now comes a stage of practical vitalization and energizing. We direct energy into practical, 'this-world' activities of our choice.

164. Naturally, given the identity of the group of chelas supervised by Master DK, the activities chosen would be related to the Lucis Trust and its Service Activities.

165. We may choose as we wish, but let us be certain that our choices are worthy.

You will then say:

"I strive towards cooperation. Let the Master of my life, the soul, and likewise the One I seek to serve, throw light through me on others."

166. We work for inner and outer cooperation—cooperation with each other, with other disciples on other rays and of other persuasions, and with the world of men as well as with the world of souls.

167. We are to become light bearers. This we can do by being channels for the light of the soul (who is the "first Master" of our life) and also for the One whom we seek to serve.

của chúng ta với Thánh đoàn sẽ gia tăng rất nhiều. Chúng ta phải giữ vững những động cơ vô ngã như vậy.

d. Dùng ánh sáng, đức tin, tình thương và quyền năng để truyền năng lượng cho trung tâm tinh thần mà các bạn đang phụng sự và các dự án của ashram mà các bạn nhận trách nhiệm. Trong trường hợp này, đó có thể là Trường Arcane và các Hoạt Động Phụng Sự.

163. Giờ đây đến giai đoạn tiếp sinh lực và truyền năng lượng một cách thiết thực. Chúng ta hướng năng lượng vào những hoạt động thiết thực 'trong thế gian này' do mình lựa chọn.

164. Dĩ nhiên, xét đến nhóm đệ tử do Chân sư DK giám sát là nhóm nào, những hoạt động được lựa chọn hẳn sẽ liên quan đến Lucis Trust và các Hoạt Động Phụng Sự của tổ chức này.

165. Chúng ta có thể lựa chọn theo ý mình, nhưng hãy chắc chắn rằng những lựa chọn của chúng ta là xứng đáng.

Sau đó, các bạn sẽ nói:

"Tôi nỗ lực hướng đến sự hợp tác. Xin cho Chân sư của đời tôi, linh hồn, cùng Đấng mà tôi tìm cách phụng sự, chiếu ánh sáng qua tôi đến những người khác."

166. Chúng ta nỗ lực vì sự hợp tác bên trong và bên ngoài—hợp tác với nhau, với các đệ tử khác thuộc các cung khác và có những quan điểm khác, với thế giới loài người cũng như với thế giới linh hồn.

167. Chúng ta cần trở thành những người mang ánh sáng. Chúng ta có thể làm được điều này bằng cách trở thành những kênh dẫn ánh sáng của linh hồn (vốn là "Chân sư đầu tiên" của đời chúng ta), đồng thời cũng là những kênh dẫn ánh sáng của Đấng mà

chúng ta tìm cách phụng sự.

168. Who is this “One”? The Master of the Ashram with which we are affiliated? One of the Chohans? The Christ? The Lord of the World? It is for us to interpret this term as seems most fitting.

168. “Đấng” này là ai? Chân sư của ashram mà chúng ta có liên hệ? Một trong các Đấng Chohan? Đức Christ? Đức Chúa Tể Thế Giới? Chúng ta cần tự diễn giải thuật ngữ này theo cách mình thấy phù hợp nhất.

III. The Stage of Fixed Determination.

III. Giai Đoạn Quyết Tâm Kiên Định.

(1). A reflection upon the distinction between Purpose, Will and Intention.

1. Suy ngẫm về sự khác biệt giữa Thiên Ý, Ý Chí và Ý Định.

169. As we reflect upon this distinction, let us contemplate the three aspects of divinity.

169. Khi suy ngẫm về sự khác biệt này, chúng ta hãy chiêm ngưỡng ba phương diện của thiên tính.

170. Different students have divided the three factors differently. Almost all associate Intention with the third aspect, but some associate Purpose with the first aspect and some with the second, while others associate Will with the first aspect and some others with the second.

170. Các đạo sinh khác nhau đã phân chia ba yếu tố này theo những cách khác nhau. Hầu như tất cả đều liên hệ Ý Định với phương diện thứ ba, nhưng một số liên hệ Thiên Ý với phương diện thứ nhất, một số với phương diện thứ hai, trong khi những người khác liên hệ Ý Chí với phương diện thứ nhất và một số khác nữa với phương diện thứ hai.

171. To me it makes most sense in this second ray solar system, to associate Purpose with the second aspect and Will with the second.

171. Đối với tôi, trong hệ mặt trời thuộc cung hai này, hợp lý nhất là liên hệ Thiên Ý với phương diện thứ hai và Ý Chí với phương diện thứ hai.

172. Purpose is divine pattern to be manifested, the “Fixed Design” and the second ray is the “Ray of the Divine Pattern”.

172. Thiên Ý là mô hình thiêng liêng cần được biểu hiện, là “Thiết Kế Cố Định”, và cung hai là “Cung của Mô Hình Thiêng Liêng”.

173. Other arguments contrary to this one may be equally valid.

173. Những lập luận khác trái với lập luận này có thể cũng có giá trị tương đương.

(2). A period of complete focussed silence as you seek to present an unobstructed channel for the inflow of light, love and strength from the Hierarchy.

2. Một khoảng thời gian hoàn toàn im lặng và tập trung, trong khi các bạn tìm cách tạo một đường dẫn thông suốt cho ánh sáng, tình thương và sức mạnh từ Thánh đoàn tuôn vào.

174. In silence the maximum of energy can

174. Trong im lặng, năng lượng có thể tuôn

flow. Silence removes obstructions to infusion from the higher worlds.

175. Thus, this section calls for empowerment through “complete focussed silence”.

A statement made by you, the soul, the disciple, to the personality:

176. The correct stating of this mantram calls for a definite state of identification as soul. We do not conceive ourselves to be the personality. We are the disciple and the disciple is essentially the soul—the soul-in-incarnation (though not yet the soul on its own plane).

[141]

“In the centre of the will of God I stand.

Naught shall deflect my will from His.

I implement that will by love.

I turn towards the field of service.

I, the Triangle divine, work out that will

Within the square and serve my fellowmen.”

177. This is the great Mantram of Will.

178. The Will emanates from the Center and in that Center we seek to stand— “in spiritual being”.

179. The characteristic of true spiritual will is its ‘non-deflectability’.

180. If will is not implemented by love it

chảy ở mức tối đa. Im lặng loại bỏ những chướng ngại đối với sự thấm nhuần từ các cõi cao.

175. Vì vậy, phần này đòi hỏi việc tiếp nhận quyền năng qua “sự im lặng hoàn toàn và tập trung”.

Một lời khẳng định do các bạn, linh hồn, người đệ tử, nói với phàm ngã:

176. Việc xướng đúng mantram này đòi hỏi một trạng thái xác định trong đó chúng ta đồng nhất mình là linh hồn. Chúng ta không quan niệm mình là phàm ngã. Chúng ta là đệ tử, và đệ tử về bản chất là linh hồn—linh hồn đang nhập thể (dù chưa phải là linh hồn trên cõi riêng của nó).

[141]

“Tôi đứng trong trung tâm ý chí của Thượng đế.

Không gì có thể khiến ý chí tôi lệch khỏi ý chí Ngài.

Tôi thực hiện ý chí ấy bằng tình thương.

Tôi hướng về lĩnh vực phụng sự.

Tôi, Tam Giác thiêng liêng, thực thi ý chí ấy

Trong hình vuông và phụng sự đồng loại.”

177. Đây là Mantram Ý Chí vĩ đại.

178. Ý Chí phát ra từ Trung Tâm, và chúng ta tìm cách đứng trong Trung Tâm ấy— “trong bản thể tinh thần”.

179. Đặc tính của ý chí tinh thần chân chính là ‘không thể bị làm lệch hướng’.

180. Nếu không được thực thi bằng tình

turns unnecessarily destructive. In our solar system the direct application of will does not occur; will is always buffered by love.

181. If we are sufficiently loving, we can serve. In an attitude of will-infused love, or love-infused will we turn towards the square of service.

182. I identify now as the Triangle—whether as the spiritual triad or perhaps, in some cases, as the threefold Monad.

183. I am not the personality, the quadruplicity. I am the Triangle—the soul, the triad, the Monad. One may also conceive of the Ashram, the soul and the disciple as the soul-in-incarnation.

184. Armed with these great potencies drawn from the inner reservoirs of my own nature (nested in the Ashram), I serve humanity as a whole.

If you can do this work correctly, you will not only greatly increase your own realisation, service and understanding, but you will definitely be cooperating in the task of externalising the Ashram and furthering the work of the Hierarchy (from the foundation angle in relation to the New Age), and so aid in bringing in the new civilisation, the new world attitudes and the new world religion.

185. We see how remarkably potent Meditation IV can be if it is rightly understood and executed according to the Master's instructions.

186. It is a meditation to assist with the “externalising of the Ashram”.

thương, ý chí sẽ trở nên hủy diệt một cách không cần thiết. Trong hệ mặt trời của chúng ta, ý chí không được áp dụng trực tiếp; tình thương luôn làm dịu tác động của ý chí.

181. Nếu có đủ tình thương, chúng ta có thể phụng sự. Với thái độ tình thương thấm nhuần ý chí, hay ý chí thấm nhuần tình thương, chúng ta hướng về hình vuông phụng sự.

182. Giờ đây, tôi đồng nhất mình là Tam Giác—dù là tam nguyên tinh thần hay có lẽ, trong một số trường hợp, là chân thân tam phân.

183. Tôi không phải là phạm ngã, bộ tứ. Tôi là Tam Giác—linh hồn, tam nguyên tinh thần, chân thân. Cũng có thể quan niệm ashram, linh hồn và người đệ tử như linh hồn đang nhập thể.

184. Với những quyền năng lớn lao này, được rút ra từ các nguồn dự trữ bên trong bản chất của chính tôi (nằm trong ashram), tôi phụng sự toàn thể nhân loại.

Nếu có thể thực hiện công việc này đúng đắn, các bạn không chỉ gia tăng đáng kể sự nhận biết, việc phụng sự và sự thấu hiểu của mình, mà còn thực sự hợp tác trong nhiệm vụ ngoại hiện ashram và thúc đẩy công việc của Thánh đoàn (từ góc độ đặt nền móng liên quan đến Kỷ Nguyên Mới), qua đó góp phần khai mở nền văn minh mới, những thái độ mới của thế giới và tôn giáo thế giới mới.

185. Chúng ta thấy Bài thiền IV có thể mang sức mạnh phi thường đến mức nào nếu được thấu hiểu đúng đắn và thực hiện theo huấn thị của Chân sư.

186. Đây là một bài thiền nhằm hỗ trợ việc “ngoại hiện ashram”.

187. Meditation IV can contribute to the following results:

- a. The externalising of the Ashram
- b. The furthering of the work of the Hierarchy, as it attempts to create a foundation for civilization in the New Age
- c. Bringing in the new civilization
- d. Bringing in new world attitudes
- e. Bringing in the new world religion.

188. Let us ponder the magnificent possibilities and apply ourselves to the dynamic performance of this meditation—Meditation IV.

187. Bài thiền IV có thể góp phần đem lại những kết quả sau:

- a. Sự ngoại hiện ashram
- b. Thúc đẩy công việc của Thánh đoàn khi Thánh đoàn nỗ lực tạo dựng nền tảng cho nền văn minh trong Kỷ Nguyên Mới
- c. Đưa vào nền văn minh mới
- d. Đưa vào những thái độ mới trên thế giới
- e. Đưa vào tôn giáo thế giới mới.

188. Chúng ta hãy suy ngẫm về những khả năng huy hoàng ấy và chuyên tâm thực hiện bài thiền này—Bài thiền IV—một cách đầy năng lực.

MEDITATION PART VI (141-148) – THAM THIỀN PHẦN VI (141-148)

PART VI

The meditation given you in your last instruction had several objectives in view. It was **a preliminary meditation to a wide scheme for a particular kind of developing meditation**, greatly needed by disciples, prior to unfolding a unique kind of ashramic sensitivity.

231. DK is speaking of Meditation IV, so important and so frequently used by disciples to relate their individual and group life to the Hierarchy and to Shamballa.

232. Meditation IV prepares the way to the unfolding of “a unique kind of ashramic sensitivity”.

233. We all recognize the breadth of

PHẦN VI

Bài thiền trao cho các bạn trong huấn thị vừa qua nhằm đến một số mục tiêu. Đó là **bài thiền sơ bộ cho một chương trình rộng lớn nhằm phát triển một loại tham thiền đặc biệt**, rất cần thiết cho các đệ tử trước khi khai mở một loại nhạy cảm độc đáo đối với ashram.

231. Chân sư DK đang nói về Bài thiền IV, một bài thiền rất quan trọng mà các đệ tử thường xuyên sử dụng để liên kết đời sống cá nhân và đời sống nhóm của mình với Thánh đoàn và Shamballa.

232. Bài thiền IV chuẩn bị cho sự khai mở “một loại nhạy cảm ashram độc đáo”.

233. Tất cả chúng ta đều nhận ra tầm bao quát của Bài thiền IV—một phạm vi phi

Meditation IV—extraordinary in scope.

It was intended, first of all, to give you (if you worked with faithfulness) a growing sense of planetary relationship, from the subjective angle, and above all, from the angle of “intelligent supervision”—a phrase which will mean more to you later.

234. How vast is our sense of “planetary relationship”?

235. “Intelligent supervision” is “intelligent super-vision”—a perspective from a point of view entirely above that of the personality.

A true grasp of the implications and intentions behind this meditation would develop in the disciple’s consciousness a realisation of a living world of Intelligences, linked together from Sanat Kumara downwards until the chain of Hierarchy reaches the individual disciple, leading him to a later realisation that he too is but a link, and that there are those whom he also must reach and relate to the world of realities and awaken to their responsibilities.

236. Another meaning of “Intelligent supervision” is hinted: there are a ladder of supervising Intelligences (from Sanat Kumara downwards through Hierarchy until at last the individual disciple is reached). The meditation is useful in helping us understanding who these Intelligences are, how they are linked, and how we, as disciples may rightly relate to them.

237. We ourselves, as disciples, are ‘supervising intelligences’ to some.

In the training of all disciples, **one of the**

thường.

Trước hết, bài thiền ấy nhằm đem lại cho các bạn (nếu các bạn thực hành trung thành) một cảm nhận ngày càng sâu sắc về mối liên hệ hành tinh từ góc độ chủ quan, và trên hết, từ góc độ “giám sát thông tuệ”—một cụm từ mà về sau sẽ có ý nghĩa nhiều hơn đối với các bạn.

234. Cảm nhận của chúng ta về “mối liên hệ hành tinh” rộng lớn đến đâu?

235. “Sự giám sát bằng trí tuệ” là “tầm nhìn từ trên cao bằng trí tuệ”—một cách nhìn từ vị trí hoàn toàn cao hơn vị trí của phàm ngã.

Việc thực sự nắm bắt những hàm ý và ý định đằng sau bài thiền này sẽ phát triển trong tâm thức người đệ tử sự nhận biết về một thế giới sống động gồm các Đấng Thông Tuệ, liên kết với nhau từ Sanat Kumara xuống cho đến khi chuỗi liên kết của Thánh đoàn vươn đến từng người đệ tử, dẫn y đến sự nhận biết về sau rằng chính y cũng chỉ là một mắt xích, và có những người mà y cũng phải vươn đến, liên kết họ với thế giới các thực tại và đánh thức họ trước những trách nhiệm của mình.

236. Một ý nghĩa khác của “sự giám sát bằng trí tuệ” được gợi mở: có một thang bậc các Đấng Trí Tuệ giám sát (từ Sanat Kumara xuống qua Thánh đoàn cho đến cuối cùng là từng đệ tử). Bài thiền giúp chúng ta thấu hiểu các Đấng Trí Tuệ này là ai, Các Ngài liên kết với nhau ra sao, và chúng ta, với tư cách đệ tử, có thể liên hệ đúng đắn với Các Ngài như thế nào.

237. Chính chúng ta, với tư cách đệ tử, cũng là những ‘trí tuệ giám sát’ đối với một số người.

Trong việc huấn luyện mọi đệ tử, **một trong**

goals is to make the world of phenomena recede into the background of consciousness whilst the world of meaning becomes more vital and real.

238. Should this become the case, there would be concern not only with *what* is happening but with the *meaning* of what is happening. There would be a preoccupation not so much with the event in itself as with the meaning and implications of event.

239. The World of Meaning is the world of perceived relations between contents of consciousness.

This world, in its turn, is the antechamber to the world of causes, where conscious relationship can be established with the Initiator.

240. We have the following sequence:

- a. The world of phenomena, leads to
- b. The world of meaning, which leads to
- c. The world of causes, which leads to
- d. The world of significance

241. It is clear that the Initiator—whether the Christ or Sanat Kumara—lives in the World of Causes.

[142]

The second purpose of the meditation was to bring to light the fact that the disciple (as an outpost of the Ashram as a functioning soul) must be oriented to humanity in a more definite manner;

242. The disciple is a functioning soul who is an “outpost of the Ashram”.

những mục tiêu là khiến thế giới hiện tượng lùi vào hậu cảnh của tâm thức, trong khi thế giới của ý nghĩa trở nên sống động và chân thực hơn.

238. Nếu điều này xảy ra, người ta sẽ quan tâm không chỉ đến *điều* đang diễn ra mà còn đến *ý nghĩa* của điều đang diễn ra. Mỗi quan tâm sẽ tập trung vào ý nghĩa và hàm ý của sự kiện nhiều hơn là chính sự kiện ấy.

239. Thế giới của ý nghĩa là thế giới của những mối liên hệ được nhận biết giữa các nội dung của tâm thức.

Đến lượt nó, thế giới này là tiền sảnh dẫn vào thế giới nguyên nhân, nơi có thể thiết lập mối liên hệ hữu thức với Đấng Điểm đạo.

240. Chúng ta có trình tự sau:

- a. Thế giới hiện tượng dẫn đến
- b. Thế giới của ý nghĩa, dẫn đến
- c. Thế giới nguyên nhân, dẫn đến
- d. Thế giới của thâm nghĩa

241. Rõ ràng Đấng Điểm đạo—dù là Đức Christ hay Sanat Kumara—đều sống trong Thế giới Nguyên nhân.

[142]

Mục đích thứ hai của bài thiền là làm sáng tỏ sự thật rằng người đệ tử (với tư cách một tiền đồn của ashram, một linh hồn đang hoạt động) phải hướng về nhân loại một cách rõ rệt hơn;

242. Đệ tử là một linh hồn đang hoạt động, một “tiền đồn của ashram”.

243. If the “Highest and the Lowest” are to meet, disciples in training must have an intelligent and effective impact upon humanity.

the purpose of such orientation is that the **“life of the triangles may penetrate the area of the square and produce the inevitable consequence, the germinating of ideas and the flowering of the new civilisation and culture.”** So has one of the Masters expressed the purpose of certain phases of the ashramic work, **particularly that connected with meditation.**

244. As souls we are the triangles; as personalities we are the square. If the life of the triangles penetrates the area of the square, the ideas brought from the world of the triangles will germinate within the consciousness of the square and (as seeds) bring about “the flowering of the new civilization and culture”.

245. The work of the disciple is with ideas gathered from the World of Causes. When these ideas reach humanity and are rightly assimilated, they will bring about the needed changes. Ideas change the worlds.

246. It is in our meditative work that we can bring the triangles into the square.

Another Master has explained the purpose of the hierarchical intent as the **“merging of the higher with the lower triangle and their fusion in the square.”**

247. This can be interpreted in more ways than one. If the higher triangle is the soul and the lower personality, then we would say that the soul-infused personality must find its place of expression within the square which represents both humanity

243. Nếu “Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất” phải gặp nhau, các đệ tử đang được huấn luyện phải tác động lên nhân loại một cách thông minh và hiệu quả.

mục đích của sự định hướng ấy là để **“sự sống của các tam giác có thể thâm nhập vào khu vực hình vuông và tạo ra hệ quả tất yếu: những ý tưởng nảy mầm và nền văn minh cùng văn hóa mới nở hoa”**. Một trong các Chân sư đã diễn đạt như vậy về mục đích của một số phương diện công việc ashram, **đặc biệt là phương diện liên quan đến tham thiền.**

244. Là linh hồn, chúng ta là các tam giác; là phàm ngã, chúng ta là hình vuông. Nếu sự sống của các tam giác thâm nhập khu vực hình vuông, những ý tưởng được mang đến từ thế giới các tam giác sẽ nảy mầm trong tâm thức của hình vuông và (như những hạt giống) tạo ra “sự đơm hoa của nền văn minh và văn hóa mới”.

245. Công việc của đệ tử là làm việc với các ý tưởng thu nhận từ Thế giới Nguyên nhân. Khi những ý tưởng này đến với nhân loại và được đồng hóa đúng đắn, chúng sẽ tạo ra những thay đổi cần thiết. Các ý tưởng làm thay đổi các thế giới.

246. Chính trong công việc tham thiền, chúng ta có thể đưa các tam giác vào hình vuông.

Một Chân sư khác đã giải thích mục đích trong ý định của Thánh đoàn là **“sự hòa nhập của tam giác cao với tam giác thấp và sự dung hợp của chúng trong hình vuông”**.

247. Có thể diễn giải điều này theo nhiều cách. Nếu tam giác cao là linh hồn và tam giác thấp là phàm ngã, thì chúng ta có thể nói rằng phàm ngã được linh hồn thấm nhuần phải tìm được nơi biểu lộ trong hình vuông, vốn tượng trưng cho cả nhân loại lẫn

and the physical plane, the world of normal experience.

248. The higher triangle could also be the triad and the soul, and the square could be the square of the personality life—both of the individual and humanity.

The Masters view the work of Their disciples from this symbolic angle.

249. As the Masters work within the worlds of significance and of causes, it is natural that they would see all concrete phenomena in terms of patterned relationships.

250. An entire life cycle is represented as a geometric symbol.

251. The disciples of the Master are *charted* in symbolic terms.

The disciple who reaps the benefit of this last suggested meditation becomes—through an enlargement of his consciousness and the greater scope of his vision— **“a sower of the seed within the world of men”**; he distributes ideas, **living and potential**, in the field of the world, and these he receives from two sources:

252. DK is informing us of the benefits of the successful use of Meditation IV.

253. The purpose of the use of this meditation is to become a sower in the field of the world of those seeds which are ideas.

254. Ideas can be so necessitous for the moment that they are destined for immediate unfoldment; ideas sown can also be potential—destined for a future unfoldment.

255. DK gives us two sources for the ideas

cõi hồng trần, thế giới của kinh nghiệm thông thường.

248. Tam giác cao cũng có thể là Tam nguyên tinh thần và linh hồn, còn hình vuông có thể là hình vuông của đời sống phàm ngã—của cả cá nhân lẫn nhân loại.

Các Chân sư nhìn công việc của các đệ tử mình từ góc độ biểu tượng này.

249. Vì các Chân sư làm việc trong các thế giới thâm nghĩa và nguyên nhân, nên đương nhiên Các Ngài nhìn mọi hiện tượng cụ thể theo những mối liên hệ có mô hình.

250. Cả một chu kỳ sống được biểu thị bằng một biểu tượng hình học.

251. Các đệ tử của Chân sư được *lập sơ đồ* bằng các biểu tượng.

Người đệ tử thu được lợi ích từ bài thiền vừa được đề nghị này sẽ trở thành—qua sự mở rộng tâm thức và phạm vi tầm nhìn rộng lớn hơn—**“người gieo hạt giống trong thế giới loài người”**; y phân phối những ý tưởng **sống động và đầy tiềm năng** trên cánh đồng thế giới, và nhận chúng từ hai nguồn:

252. Chân sư DK đang cho chúng ta biết những lợi ích của việc sử dụng thành công Bài thiền IV.

253. Mục đích của việc sử dụng bài thiền này là trở thành người gieo trên cánh đồng thế gian những hạt giống vốn là các ý tưởng.

254. Những ý tưởng có thể cần thiết cho thời điểm hiện tại đến mức chúng được định sẵn để khai mở ngay lập tức; các ý tưởng được gieo cũng có thể còn tiềm tàng—được định sẵn để khai mở trong tương lai.

255. Chân sư DK nêu cho chúng ta hai

which the sower sows

nguồn của những ý tưởng mà người gieo hạt gieo xuống

1. His own soul, as his intuition awakens.

1. Linh hồn của chính y, khi trực giác của y thức tỉnh.

256. One source of ideas of soul intuition. We remember that the buddhic plane is really the source of intuition, but the causal body receives these intuitions and passes them to the lighted mind of the meditating personality.

256. Một nguồn ý tưởng là trực giác linh hồn. Chúng ta nhớ rằng cõi Bồ đề mới thực sự là nguồn của trực giác, nhưng thể nguyên nhân tiếp nhận những trực giác này rồi chuyển chúng đến thể trí được soi sáng của phạm ngã đang tham thiền.

2. The Ashram, as he grasps more of its purposes and becomes accustomed to assimilating its teachings. This takes time.

2. Ashram, khi y nắm bắt nhiều hơn các mục đích của ashram và quen với việc tiếp thu những giáo huấn của nó. Điều này cần thời gian.

257. Apparently a higher source of ideas is the Ashram itself, as ashramic purpose is grasped and ashramic teaching assimilated.

257. Đường như một nguồn ý tưởng cao hơn là chính ashram, khi mục đích của ashram được nắm bắt và giáo huấn của ashram được đồng hóa.

258. The sowing of the new ideas of is major importance in bringing about necessary changes in the consciousness of humanity.

258. Việc gieo những ý tưởng mới có tầm quan trọng lớn trong việc tạo ra những thay đổi cần thiết trong tâm thức nhân loại.

Still another objective of this meditation was to bring the disciple to the point where his interest (evoked through the stages of recognition and consideration) would lead him to a realisation of the need for the evocation of the Will, the first faint indications of which I called that of “fixed determination.” In the above statements you have the goals which I had in mind when assigning the meditation last year.

Một mục tiêu khác nữa của bài thiền này là đưa người đệ tử đến chỗ mà mối quan tâm của y (được khơi dậy qua các giai đoạn nhận biết và xem xét) dẫn y đến sự nhận biết về nhu cầu khơi dậy Ý Chí, mà những dấu hiệu mờ nhạt đầu tiên của nó Tôi gọi là “quyết tâm kiên định”. Những phát biểu trên trình bày các mục tiêu mà Tôi đã nhắm đến khi giao bài thiền năm ngoái.

259. There were three principal stages in the assignment:

259. Bài tập được giao có ba giai đoạn chính:

a. Recognition

a. Nhận biết

b. Consideration

b. Suy xét

c. And the evocation of the Will through

c. Và gọi lên Ý chí thông qua “quyết tâm kiên

“fixed determination”

260. We see that it is characteristic of the way the Tibetan works that He assigns a meditation, gives time for its pondering and utilization and only later explains the purpose of the assigned meditation.

It is hard, I know, for the neophyte at any stage along the Path to grasp the necessity for engendering (to use an unusual word in this connection) a magnetised area of thought upon which the higher impressions can play, yet **persistence in the daily recognition and consideration, accompanied by a fixed determination to bring the life and service into conformity with the revealing relations will [143] (almost unexpectedly) produce great and transforming results.**

261. The value of Meditation IV is its contribution to “engendering a magnetized area of thought upon which the higher impressions can play”. We remember the attitude of the member of the Ashram who seeks to reflect the higher impressions, reflect upon that which has been reflected, and to transmit his reflections to humanity.

262. The practice of daily recognition and consideration followed by “a fixed determination to bring the life and service into conformity with the revealing relations will...produce great and transforming results”. The life of the disciple, we see, will be changed by reflective meditation. The relations of the “supervising Intelligences” when revealed and realized through reflection, will produce the necessary transformations in consciousness.

The Masters waste not Their time or yours in assigning needless exercises;

định”

260. Chúng ta thấy một nét đặc trưng trong cách làm việc của Chân sư Tây Tạng: Ngài giao một bài thiền, dành thời gian cho việc suy ngẫm và sử dụng bài thiền ấy, rồi mãi sau mới giải thích mục đích của nó.

Tôi biết rằng người sơ cơ ở bất kỳ giai đoạn nào trên Đường Đạo cũng khó nắm bắt sự cần thiết phải gây dựng (dùng một từ khác thường trong ngữ cảnh này) một vùng tư tưởng được từ hóa để những ấn tượng cao siêu có thể tác động lên đó; tuy nhiên, **sự kiên trì nhận biết và xem xét hằng ngày, đi cùng quyết tâm kiên định đưa đời sống và việc phụng sự vào sự phù hợp với những mối liên hệ đang được hé lộ, sẽ [143] (gần như bất ngờ) tạo ra những kết quả lớn lao và có sức chuyển đổi.**

261. Giá trị của Bài thiền IV nằm ở sự đóng góp của nó vào việc “sản sinh một vùng tư tưởng được từ hóa, nơi các ấn tượng cao hơn có thể tác động”. Chúng ta nhớ đến thái độ của thành viên ashram, người tìm cách phản chiếu các ấn tượng cao hơn, suy ngẫm về những gì đã được phản chiếu, rồi truyền những suy ngẫm của mình đến nhân loại.

262. Việc thực hành nhận biết và suy xét hằng ngày, tiếp theo bằng “quyết tâm kiên định đưa đời sống và sự phụng sự hòa hợp với những mối liên hệ đang được mặc khải, sẽ...tạo ra những kết quả lớn lao, có sức chuyển đổi”. Chúng ta thấy rằng tham thiền suy ngẫm sẽ làm thay đổi đời sống của đệ tử. Khi những mối liên hệ của các “Đấng Trí Tuệ giám sát” được mặc khải và nhận biết qua suy ngẫm, chúng sẽ tạo ra những chuyển đổi cần thiết trong tâm thức.

Các Chân sư không lãng phí thời gian của Các Ngài hay của các bạn để giao những bài tập không cần thiết;

263. If only the exercises would be followed, as, unfortunately, they were not to any great extent.

the disciple who **faithfully and with a definitely unbroken rhythm** follows his instructions, can expect to see effects of a surprising and lasting nature within himself, and consequently within his environment.

264. The key to attainment is faithfulness in the following of the prescribed meditations. They must be followed not only faithfully, but “with a definitely unbroken rhythm”. This is no mean achievement given the irregularity of life in the modern western world.

265. It is indicated that if effects occur within the individual they will surely appear within the individual's environment. Transformation of the environment, as must be obvious, begins with the transformation of oneself.

It is not upon the results, however, that you are asked to focus, but simply upon the themes presented for your use and consideration.

266. Again, obviously, the results will take care of themselves if there is regular application to the prescribed themes.

In the earlier stages of your training the emphasis was laid upon the form side, upon the achieving of alignment (still most necessary),

267. At one point the Tibetan discovered that He had to interrupt the sequence of meditations He planned to assign in order to improve the quality of alignment of the individuals in His group. To do this, He assigned a Meditation on Alignment—

263. Giá mà các bài tập ấy được thực hành, vì đáng tiếc là chúng đã không được thực hành bao nhiêu.

người đệ tử trung thành tuân theo các huấn thị **với một nhịp điệu thực sự liên tục** có thể trông đợi thấy những tác động đáng kinh ngạc và bền vững trong chính mình, và do đó trong môi trường chung quanh.

264. Chìa khóa của sự thành tựu là chuyên cần thực hành các bài thiền đã được chỉ định. Phải thực hành chúng không chỉ chuyên cần mà còn “với một nhịp điệu nhất định không gián đoạn”. Đây là một thành tựu đáng kể, xét đến sự thất thường của đời sống trong thế giới phương Tây hiện đại.

265. Đoạn văn cho thấy rằng nếu những tác động xuất hiện trong cá nhân, chúng chắc chắn sẽ xuất hiện trong môi trường của cá nhân ấy. Hiển nhiên, sự chuyển đổi môi trường bắt đầu từ sự chuyển đổi chính mình.

Tuy nhiên, điều các bạn được yêu cầu tập trung vào đơn giản là những chủ đề đã trình bày để các bạn sử dụng và xem xét, chứ không phải các kết quả.

266. Một lần nữa, rõ ràng các kết quả sẽ tự đến nếu thường xuyên thực hành theo những chủ đề đã được chỉ định.

Trong những giai đoạn huấn luyện trước đây, trọng tâm đặt vào phương diện hình tướng, vào việc đạt sự chỉnh hợp (vẫn hết sức cần thiết),

267. Có lúc, Chân sư Tây Tạng nhận thấy Ngài phải tạm ngừng chuỗi bài thiền mà Ngài dự định giao để cải thiện phẩm tính chỉnh hợp của từng người trong nhóm của Ngài. Để làm điều này, Ngài đã giao một Bài thiền về Chỉnh hợp—Bài thiền III, dành cho

Meditation III, given to the New Seed Group.

Nhóm Hạt Giống Mới.

upon the sounding of the OM, with its power to clarify the aura and the atmosphere, and upon the processes to be followed.

vào việc xướng linh từ OM với quyền năng làm trong sáng hào quang và bầu không khí, và vào các tiến trình cần tuân theo.

268. Let us tabulate the nature of the type of meditations which preceded the more advanced meditations He is now discussing.

268. Chúng ta hãy liệt kê bản chất của loại bài thiền có trước những bài thiền tiến bộ hơn mà Ngài hiện đang bàn đến.

a. Emphasis upon the form side

a. Chú trọng phương diện hình tướng

b. Emphasis upon achieving alignment

b. Chú trọng việc đạt được sự chỉnh hợp

c. Emphasis upon the sounding of the OM

c. Chú trọng việc xướng linh từ OM

269. The value of the OM (and we should be sure we understand this) is to “clarify the aura and the atmosphere).

269. Giá trị của linh từ OM (và chúng ta cần chắc chắn rằng mình thấu hiểu điều này) là “làm trong sáng hào quang và bầu không khí).

In the meditation which you should now be doing, alignment should be instantaneous and easy and the following of a set form unnecessary, because you start as a **centre of focussed thought**, as the **ready recipient** of awaited impression, as the **trained analyser** of ideas, and finally as a **transmitter** of that which has been received from the higher sources of inspiration.

Trong bài thiền mà giờ đây các bạn cần thực hiện, sự chỉnh hợp phải tức thời và dễ dàng, và không cần tuân theo một hình thức cố định, vì các bạn bắt đầu như một **trung tâm tư tưởng tập trung**, như **người sẵn sàng** tiếp nhận ấn tượng đang chờ đợi, như **người đã được huấn luyện để phân tích** ý tưởng, và cuối cùng như **người truyền đạt** những gì đã nhận từ các nguồn cảm hứng cao siêu.

270. The more advanced meditation under discussion—Meditation V—requires an easy, virtually instantaneous alignment and does not demand the following of a set form. The advanced meditator is practiced in the fundamentals and has become creative.

270. Bài thiền tiến bộ hơn đang được bàn đến—Bài thiền V—đòi hỏi sự chỉnh hợp dễ dàng, gần như tức thời, và không yêu cầu tuân theo một hình thức cố định. Người hành thiền tiến bộ đã thuần thục những điều căn bản và trở nên sáng tạo.

271. Let us tabulate the point from which the advanced meditator starts:

271. Chúng ta hãy liệt kê những tư cách mà từ đó người hành thiền tiến bộ khởi đầu:

a. As a center of focussed thought.

a. Như một trung tâm tư tưởng tập trung.

b. As a ready recipient of awaited impression	b. Như một người tiếp nhận sẵn sàng đón nhận ấn tượng đang chờ đợi
c. As the trained analyzer of ideas	c. Như người phân tích lão luyện các ý tưởng
d. As a transmitter of that which has been received from the higher sources of inspiration.	d. Như người truyền đạt những gì đã tiếp nhận từ các nguồn cảm hứng cao hơn.
272. The meditator is automatically ready to work upon the mental plane. Any preoccupation with the lower vehicles is already transcended.	272. Người hành thiền tự động sẵn sàng làm việc trên cõi trí. Mọi sự bận tâm đến các hiện thể thấp đã được vượt qua.
273. The advanced meditator is working with a mind held steady in the light.	273. Người hành thiền tiến bộ đang làm việc với một thể trí được giữ vững trong ánh sáng.
274. The capacities of this mind are both intuitive and analytical.	274. Thể trí này có cả năng lực trực giác lẫn năng lực phân tích.
275. There will also be the capacity to clothe that which has been received in appropriate form and to transmit the thoughts.	275. Cũng sẽ có năng lực khoác hình tướng thích hợp cho những gì đã tiếp nhận và truyền đạt các tư tưởng.
This involves also the power to distinguish the sources from which the impression comes.	Điều này cũng bao hàm khả năng phân biệt các nguồn mà ấn tượng xuất phát.
276. There are a number of choices, among which are the following	276. Có một số khả năng, trong đó gồm những nguồn sau
a. The petals of the causal body	a. Các cánh hoa của thể nguyên nhân
b. The plane of higher mind in general	b. Cõi thượng trí nói chung
c. The abstract mind	c. Trí trừu tượng
d. The buddhic plane	d. Cõi Bồ đề
e. The Ashram	e. Ashram
f. The Master of the Ashram	f. Chân sư của ashram
g. The greater Ashram	g. Ashram lớn hơn

h. The atmic plane

h. Cõi atma

i. Even the monadic plane

i. Ngay cả cõi chân thần

277. Probably none of us is truly proficient in such distinctions

277. Có lẽ không ai trong chúng ta thực sự thành thạo việc phân biệt như thế

It is these aspects of yourself in action which will form the basis of the suggested meditation to be followed by all of you during the coming twelve months.

Chính những phương diện này của các bạn trong hoạt động sẽ tạo thành nền tảng cho bài thiền được đề nghị để tất cả các bạn thực hiện trong mười hai tháng tới.

278. These are the four aspects listed above:

278. Đây là bốn phương diện đã liệt kê ở trên:

a. Center

a. Trung tâm

b. Recipient

b. Người tiếp nhận

c. Analyzer

c. Người phân tích

d. Transmitter

d. Người truyền đạt

The basic intention of the meditation is to train you to be intelligently aware of what Patanjali calls “the raincloud of knowable things,” of the intentions, purposes and ideas which, at any given period, motivate the hierarchical work and condition **the quality of the inspiration which can be received from the Ashram to which you may be attached.**

Ý định căn bản của bài thiền là huấn luyện các bạn nhận biết một cách thông tuệ điều mà Patanjali gọi là “đám mây mưa của những điều khả tri”, nhận biết những ý định, mục đích và ý tưởng mà vào bất cứ thời kỳ nào cũng thúc đẩy công việc của Thánh đoàn và định hình **phẩm tính của cảm hứng có thể nhận từ ashram mà các bạn có thể gắn kết.**

279. We see that the objectives of the meditation are very high.

279. Chúng ta thấy các mục tiêu của bài thiền rất cao.

280. We must register that hierarchical work is motivated by

280. Chúng ta phải ghi nhận rằng công việc của Thánh đoàn được thúc đẩy bởi

a. Intention

a. Ý định

b. Purposes

b. Các mục đích

c. Ideas

c. Các ý tưởng

281. Ashramic inspiration can be received by the meditator and that inspiration will be conditioned by certain intentions, purposes and ideas to be found within the “raincloud of knowable things”.

282. It seems clear that the task of the meditator is one of precipitation.

By “attached” I mean the sense of relationship and not devotion or affection. **Attachment, in reality, is an expression of the freewill of the subject, choosing and recognising its relationships and adhering thereto.**

283. DK clarifies the notion of “attachment” as that word is so easy to misunderstand. It is not an astral response. Rather, it is a willed, mental response, based upon choice, which in turn is based upon the recognition of spiritual relationships.

284. We are asked to *adhere* to the Ashram to which we are *attached*.

In the spiritual sense, the motivation will be loving responsibility; in the personality sense, it will be sentient emotion.

285. The motivation of the one who is attached to an Ashram is explained. The motivation is “loving responsibility”. Will this be felt in the personality soul “sentient emotion”? No. If the attachment originated in the astral body, it would be felt as sentient emotion, but that is not the place of its origin.

As an aid to your concentration and receptivity, I will give you twelve words which will be the theme for twelve months’ work, and which could—as you gain the power to [144] meditate, relate, receive and transmit—provide the seed thoughts for twelve years’ work instead of twelve

281. Người hành thiền có thể tiếp nhận cảm hứng ashram, và một số ý định, mục đích cùng ý tưởng trong “đám mây mưa của những điều khả tri” sẽ định hình cảm hứng ấy.

282. Đường như rõ ràng nhiệm vụ của người hành thiền là thực hiện sự ngưng tụ.

Khi nói “gắn kết”, Tôi muốn nói đến cảm thức về mối liên hệ, không phải lòng sùng tín hay tình cảm. **Thực ra, sự gắn kết là một biểu hiện ý chí tự do của chủ thể, khi chọn lựa, nhận biết các mối liên hệ của mình và giữ vững chúng.**

283. Chân sư DK làm sáng tỏ khái niệm “gắn bó”, vì từ này rất dễ bị hiểu lầm. Đó không phải là một đáp ứng cảm dục. Đúng hơn, đó là một đáp ứng trí tuệ có chủ ý, dựa trên sự lựa chọn, mà sự lựa chọn ấy lại dựa trên việc nhận biết các mối liên hệ tinh thần.

284. Chúng ta được yêu cầu *gắn bó* với ashram mà chúng ta *gắn kết*.

Theo nghĩa tinh thần, động cơ sẽ là trách nhiệm đầy tình thương; theo nghĩa phàm ngã, đó sẽ là cảm xúc dựa trên cảm giác.

285. Động cơ của người gắn kết với một ashram được giải thích. Động cơ ấy là “trách nhiệm đầy tình thương”. Liệu điều này có được cảm nhận trong phàm ngã linh hồn như “cảm xúc cảm tính” không? Không. Nếu sự gắn kết bắt nguồn từ thể cảm dục, nó sẽ được cảm nhận như cảm xúc cảm tính, nhưng đó không phải là nơi nó bắt nguồn.

Để hỗ trợ sự tập trung và khả năng tiếp nhận của các bạn, Tôi sẽ đưa ra mười hai từ làm chủ đề cho công việc trong mười hai tháng; khi các bạn đạt được khả năng [144] tham thiền, liên kết, tiếp nhận và truyền đạt, những từ ấy có thể trở thành tư tưởng hạt giống cho công việc trong mười hai năm

months.

286. Master DK is expansive in His thought, realizing the depth of meditation that is possible and also the fact that great ideas are assimilated only slowly.

287. Based upon all the foregoing, four tasks are required of us:

a. Meditating

b. Relating

c. Receiving

d. Transmitting

Words are living things, possessing form, soul and spirit or life;

288. As living thing, a word may vibrantly express an idea (considering an idea as a higher energy emanating from the realm of the spiritual triad.

This you should ever bear in mind as you use them to open the door to a month's realisation and inspiration, plus the consequent service.

289. In this form of meditation three things are pursued each month:

a. Realization

b. Inspiration

c. Consequent service

Here are twelve words. Use one each month in your daily meditation.

thay vì mười hai tháng.

286. Chân sư DK có tư tưởng rộng mở, nhận biết chiều sâu có thể đạt tới trong tham thiền, đồng thời nhận biết rằng những ý tưởng lớn chỉ được lĩnh hội một cách chậm rãi.

287. Dựa trên tất cả những điều đã trình bày, chúng ta cần thực hiện bốn nhiệm vụ:

a. Tham thiền

b. Liên hệ

c. Tiếp nhận

d. Truyền đạt

Từ ngữ là những sự vật sống động, có hình tướng, linh hồn và tinh thần hay sự sống;

288. Là một sinh thể sống động, một từ có thể biểu đạt một ý tưởng đầy sinh động (xét ý tưởng như một năng lượng cao hơn phát xạ từ cảnh giới của Tam Nguyên Tinh Thần.

các bạn phải luôn ghi nhớ điều này khi dùng chúng để mở cánh cửa đến sự nhận biết và cảm hứng trong một tháng, cùng việc phụng sự theo sau.

289. Trong hình thức tham thiền này, mỗi tháng đều hướng tới ba điều:

a. Sự nhận biết

b. Cảm hứng

c. Việc phụng sự phát sinh từ đó

Đây là mười hai từ. Mỗi tháng hãy dùng một từ trong việc tham thiền hằng ngày.

1. Recipient	1. Người tiếp nhận
3. Recognition	3. Sự nhận biết
5. Source	5. Nguồn cội
7. Transmitter	7. Người truyền đạt
9. Determination	9. Quyết tâm
11. Idea	11. Ý tưởng

291. It may be that the words, arranged in this form, are paired purposefully.

291. Có thể những từ được sắp xếp theo hình thức này đã được ghép đôi có chủ đích.

292. Considered in sequence they offer the impression of an entire process or unit of work.

292. Khi xét theo trình tự, chúng gợi lên ấn tượng về một tiến trình trọn vẹn hay một đơn vị công việc.

293. Attention may be focused on oneself as the *Recipient of Impression*. The nature of the *Impression* must come into *Recognition*, and when it does, subjective *Relationship* (s) will be revealed. The *Impression* comes from a certain *Source*, one of which is the Ashram. The *Recipient* has the responsibility to act then as a *Transmitter*, bringing that which he has received into *Expression*. This will require *Fixed Determination*. That which is expressed will act as a *Seed* within the area of *Expression*. Thereby *Idea* (s) in the Mind of God will germinate upon the Earth. To fulfill this sequence, one must recognize one's correct *Attachment* to the Ashram which one serves and the nature of one's *Attachment* to Humanity.

293. Có thể tập trung sự chú ý vào bản thân mình như *Người tiếp nhận sự Ấn tượng*. Bản chất của *Ấn tượng* phải đi vào sự *Nhận diện*, và khi điều đó xảy ra, một hay nhiều *Mối quan hệ* chủ quan sẽ hiển lộ. *Ấn tượng* đến từ một *Nguồn* nhất định, mà ashram là một trong những nguồn ấy. *Người tiếp nhận* khi ấy có trách nhiệm hành động như một *Người truyền đạt*, đưa những gì mình đã tiếp nhận vào sự *Biểu đạt*. Điều này đòi hỏi sự kiên định trong *Quyết tâm*. Những gì được biểu đạt sẽ đóng vai trò một *Hạt giống* trong phạm vi *Biểu đạt*. Qua đó, một hay nhiều *Ý tưởng* trong Trí của Thượng đế sẽ nảy mầm trên Trái Đất. Để hoàn thành trình tự này, mỗi người phải nhận biết sự *Gắn kết* đúng đắn của mình với ashram mà mình phụng sự, cũng như bản chất của sự *Gắn kết* của mình với Nhân loại.

294. One can only imagine what twelve years of pondering might yield. Looking ahead the Tibetan did not want to leave His chelas without significant work to perform.

294. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng mười hai năm suy ngẫm có thể mang lại những gì. Nhìn về phía trước, Chân sư Tây Tạng không muốn để các đệ tử của Ngài thiếu công việc có ý nghĩa để thực hiện.

You will notice how the meditation now to be outlined is a natural sequence to the one which presumably you followed all last year.

295. This meditation contributes to the creative ability of the meditator, training him or her in the method of working as a triangle within the square—as an imparter of ideas to the realm of form.

STAGE ONE... Preliminary.

Pass rapidly through the steps of recognition, consideration and fixed determination. These, if correctly followed, will bring you to the point at which this new meditation starts.

296. The previous meditation, Meditation IV, is rapidly reviewed. Its phases have by now been synthesized within the meditator.

Then proceed as follows:

STAGE TWO... The Centre of Focussed Thought.

1. Polarise yourself consciously upon the mental plane, tuning out all lower vibrations and reactions.

297. The word “polarise” is equivalent to “focus”. The statement evokes the idea of “mental polarisation”. A polarisation is a ‘place’ of natural gravitation. It is a form of magnetic adherence which cannot be re-magnetized to another dimensional level. A focus may change, but if one is truly mentally polarized, the attention will not deviate from the ‘place’ of polarization.

298. The natural gravitation of soul consciousness is far more the mind than the

Các bạn sẽ nhận thấy bài thiền sắp được phác thảo là sự tiếp nối tự nhiên của bài mà có lẽ các bạn đã thực hiện suốt năm qua.

295. Bài thiền này góp phần phát triển năng lực sáng tạo của người hành thiền, rèn luyện cho người ấy phương pháp hoạt động như một tam giác bên trong hình vuông—như một người truyền ý tưởng vào cảnh giới hình tượng.

GIAI ĐOẠN MỘT... Sơ Bộ.

Nhanh chóng đi qua các bước nhận biết, xem xét và quyết tâm kiên định. Nếu thực hiện đúng, những bước này sẽ đưa các bạn đến điểm khởi đầu của bài thiền mới.

296. Bài thiền trước, Bài thiền IV, được ôn lại nhanh chóng. Đến lúc này, các giai đoạn của bài thiền ấy đã được tổng hợp bên trong người hành thiền.

Sau đó tiến hành như sau:

GIAI ĐOẠN HAI... Trung Tâm Tư Tưởng Tập Trung.

1. Một cách có ý thức, phân cực mình trên cõi trí, gạt bỏ mọi rung động và phản ứng thấp kém.

297. Từ “phân cực” tương đương với “tập trung”. Phát biểu này gợi lên ý tưởng về “sự phân cực trí tuệ”. Sự phân cực là một ‘nơi’ mà ta tự nhiên bị thu hút về. Đó là một hình thức gắn bó do từ tính, không thể tái từ hóa để chuyển sang một cấp độ chiều kích khác. Tiêu điểm có thể thay đổi, nhưng nếu một người thực sự phân cực trí tuệ, sự chú ý sẽ không lệch khỏi ‘nơi’ phân cực ấy.

298. Tâm thức linh hồn tự nhiên hướng về thể trí nhiều hơn hẳn so với bản chất cảm

astral or mental nature. To polarize on the mental plane is to find this natural gravitation of soul consciousness.

299. Note, we are not speaking of polarizing ourselves within the causal body. i.e., on the higher mental plane, but on the highest level of the lower mental plane, presumably with the area ruled by the mental unit as our focus.

2. Then orient yourself to the Spiritual Triad, through an act of the will and the imaginative use of the antahkarana.

300. This stage assumes that the process of building the antahkarana is familiar and can be used at will.

301. The orientation requires the performance of the states of:

a. Intention

b. Visualization

302. The act of will entails the use of the state of Projection. The will, of course, also sustains the stages of Intention and Visualization.

3. Next, take your theme word under consideration and ponder deeply upon it for at least five minutes. Endeavour to extract its quality and life, thus lifting it and your thought to as high a plane as possible.

303. **The antahkarana has been imaginatively built and activated by the act of Projection.**

304. The pondering is occurring within the lighted field of the mind, as that field responds to the influence of the spiritual triad.

dục hay trí tuệ. Phân cực trên cõi trí là tìm thấy xu hướng tự nhiên này của tâm thức linh hồn.

299. Lưu ý, chúng ta không nói đến việc phân cực bản thân trong thể nguyên nhân, tức là trên cõi thượng trí, mà trên cấp độ cao nhất của cõi hạ trí, có lẽ lấy vùng do đơn vị hạ trí cai quản làm tiêu điểm.

2. Sau đó, hướng mình về Tam Nguyên Tinh Thần bằng một hành động của ý chí và việc sử dụng antahkarana trong sự tưởng tượng.

300. Giai đoạn này giả định rằng người hành thiền đã quen thuộc với tiến trình xây dựng antahkarana và có thể vận dụng tiến trình ấy theo ý muốn.

301. Sự định hướng này đòi hỏi thực hiện các trạng thái:

a. Chủ định

b. Sự hình dung

302. Hành động của ý chí bao hàm việc vận dụng trạng thái Phóng chiếu. Dĩ nhiên, ý chí cũng duy trì các giai đoạn Chủ định và Hình dung.

3. Tiếp theo, xem xét từ chủ đề của mình và suy ngẫm sâu sắc về nó ít nhất năm phút. Cố gắng rút ra phẩm tính và sự sống của từ ấy, nhờ đó nâng nó cùng tư tưởng của mình lên cõi cao nhất có thể.

303. **Antahkarana đã được xây dựng bằng sự tưởng tượng và được kích hoạt bằng hành động Phóng chiếu.**

304. Sự suy ngẫm đang diễn ra trong trường ánh sáng của thể trí, khi trường ấy đáp ứng với ảnh hưởng của Tam Nguyên Tinh Thần.

305. We remember that it is the soul-infused personality that ponders, and so the influence of the soul is also present in the act of pondering.

306. One is pondering not just as a personality but as a soul-infused personality.

307. As one ponder the word of the month (or year) one is looking far beyond the form of the word. One is looking for is quality (which relates it to the level of the soul), and the deep significance of the word (which relates it to the life aspect). We must be able to distinguish between quality and life.

308. When we lift our thought to as high a plane as possible, we may begin within the lighted field of the concrete mind, but we soon being to merge into the abstract mind and may hopefully touch the realm of buddhi, or on rarest occasions, atma.

309. To touch atma is a real feat, when we remember that a Master is polarised upon the atmic plane and that when the Buddha achieved Nirvana the atmic plane (known as the “nirvanic plane”) was the field of His focus—though monadic realization certainly was part of this experience.

4. Then sound the OM, and wait silently, holding the mind steady. This is “the pause of reception.”

310. The OM purifies the aura and atmosphere, and renders the mind as receptive as possible.

311. We are speaking here of a silent moments during which wordless impression from the higher realms can be received.

305. Chúng ta nhớ rằng chính phàm ngã được linh hồn thấm nhuần đang suy ngẫm, vì vậy ảnh hưởng của linh hồn cũng hiện diện trong hành động suy ngẫm.

306. Người ta suy ngẫm không chỉ với tư cách một phàm ngã mà với tư cách một phàm ngã được linh hồn thấm nhuần.

307. Khi suy ngẫm về từ của tháng (hoặc năm), người ta nhìn xa hơn nhiều so với hình tướng của từ ấy. Người ta tìm kiếm phẩm tính của nó (điều liên hệ nó với cấp độ linh hồn), và thâm nghĩa của từ ấy (điều liên hệ nó với phương diện sự sống). Chúng ta phải có khả năng phân biệt phẩm tính với sự sống.

308. Khi nâng tư tưởng lên cõi cao nhất có thể, chúng ta có thể bắt đầu trong trường ánh sáng của trí cụ thể, nhưng chẳng bao lâu sẽ bắt đầu hòa nhập vào trí trừu tượng và hy vọng có thể chạm đến cảnh giới Bồ đề, hoặc trong những trường hợp cực kỳ hiếm hoi, cảnh giới atma.

309. Chạm đến atma quả là một kỳ công, khi chúng ta nhớ rằng một Chân sư phân cực trên cõi atma, và khi Đức Phật chứng đắc Niết Bàn, cõi atma (được gọi là “cõi Niết Bàn”) là trường tập trung của Ngài—mặc dù sự chứng nghiệm chân thần chắc chắn cũng là một phần của trải nghiệm ấy.

4. Sau đó xướng linh từ OM và lặng lẽ chờ đợi, giữ thể trí vững vàng. Đây là “khoảng dừng tiếp nhận”.

310. Linh từ OM thanh lọc hào quang và bầu không khí, đồng thời làm cho thể trí có khả năng tiếp nhận cao nhất có thể.

311. Ở đây, chúng ta đang nói đến những khoảnh khắc im lặng, trong đó có thể tiếp nhận ấn tượng không lời từ các cảnh giới cao hơn.

STAGE THREE... The Recipient of Impression.

1. Assuming an attitude of the highest expectancy, you [145] will now express in your own words the highest truth of the monthly word-theme that you have been able to reach.

312. To assume and maintain the “highest expectancy” is part of an act of penetration into our own “highest truth”. It preserves the alignment with that which is the cause of the highest impression we have been able to reach.

313. To maintain the highest expectancy also prevents us from relapsing into the normal state of mind.

314. As we cloth our “highest truth” in words, we maintain the alignment so that we do not lapse into ordinary verbal expressions.

2. You then relate that theme to the present world opportunity, thus universalising the concept, seeing its relationship to world affairs, its usefulness and spiritual value to humanity as a whole.

315. That which has been impressed and expressed in words is then related to the present world condition seen as opportunity. The concept is thus related to the planetary context, which in this case is called, “universalizing the concept”.

316. This act of relating is a practical service—applying higher impression to the service of the world and humanity.

3. Holding the mind in the light, you will then write down the first thought (no matter what it is) that enters into your

GIAI ĐOẠN BA... Người Tiếp Nhận Ấn Tượng.

1. Với thái độ chờ đón cao độ nhất, giờ đây các bạn [145] sẽ dùng lời của chính mình để diễn đạt chân lý cao nhất của từ chủ đề trong tháng mà mình đã có thể đạt tới.

312. Có và duy trì “sự mong đợi cao nhất” là một phần của hành động thâm nhập vào “chân lý cao nhất” của chính chúng ta. Điều đó giữ sự chỉnh hợp với nguồn tạo nên ấn tượng cao nhất mà chúng ta đã có thể đạt tới.

313. Duy trì sự mong đợi cao nhất cũng ngăn chúng ta rơi trở lại trạng thái thông thường của thể trí.

314. Khi khoác cho “chân lý cao nhất” của mình lớp áo ngôn từ, chúng ta duy trì sự chỉnh hợp để không rơi vào những cách diễn đạt thông thường.

2. Sau đó, liên hệ chủ đề ấy với cơ hội hiện tại của thế giới, qua đó phổ quát hóa khái niệm, nhìn thấy mối liên hệ của nó với các vấn đề thế giới, tính hữu ích và giá trị tinh thần của nó đối với nhân loại như một toàn thể.

315. Những gì đã được ghi ấn và diễn đạt bằng lời sau đó được liên hệ với hoàn cảnh hiện tại của thế giới, được nhìn nhận như một cơ hội. Như vậy, khái niệm được liên hệ với bối cảnh hành tinh, điều mà trong trường hợp này được gọi là “phổ quát hóa khái niệm”.

316. Hành động liên hệ này là một việc phụng sự thiết thực—áp dụng ấn tượng cao hơn vào việc phụng sự thế giới và nhân loại.

3. Giữ thể trí trong ánh sáng, sau đó các bạn sẽ ghi lại tư tưởng đầu tiên (bất kể là gì) đi vào thể trí đang chờ đợi của mình liên quan

waiting mind in connection with the theme of your meditation.

317. Some preparatory alignment may be needed as this step is entered.

318. One must work hard to clear the mind of all habitual thoughts and familiar word forms.

319. An initial act of repulsion is thus needed to deflect familiar responses, and then an act of immediate reception. Then, honesty will be required to write exactly what has been received.

The ability to do this will grow with practice, and will eventually evoke the intuition and thus fertilise your mind.

320. The section of the meditation, we see, is intended to contact the buddhic plane.

321. The working of buddhi is always surprising and cannot be planned. Planning takes place in the mind, and buddhi is 'above' the mind.

4. Again sound the OM, with the intent of refocussing yourself upon the mental plane. **If your work has been successful, your original focus will have shifted to intuitional levels or to the levels of the higher, abstract mind, via the antahkarana.** This must happen, in time, if your work has been faithfully followed. **But bear ever in your thought that you must work as a mind, and not as an aspirant or from the angle of memory.** Think on this.

322. We can see that if the reception of the first word has worked as intended, that word will not have come from the mental plane.

đến chủ đề tham thiền.

317. Có thể cần một sự chỉnh hợp để chuẩn bị khi bước vào bước này.

318. Cần nỗ lực hết sức để loại khỏi thể trí mọi tư tưởng theo thói quen và những hình thức ngôn từ quen thuộc.

319. Vì vậy, ban đầu cần một hành động đẩy lùi để gạt đi những đáp ứng quen thuộc, rồi lập tức thực hiện một hành động tiếp nhận. Sau đó, cần sự trung thực để viết lại chính xác những gì đã tiếp nhận.

Khả năng làm điều này sẽ phát triển qua thực hành, và cuối cùng sẽ khơi dậy trực giác, nhờ đó làm phong phú thể trí của các bạn.

320. Chúng ta thấy phần này của bài thiền nhằm tiếp xúc với cõi Bồ đề.

321. Hoạt động của Bồ đề luôn đem lại sự bất ngờ và không thể được hoạch định. Việc hoạch định diễn ra trong thể trí, còn Bồ đề ở 'trên' thể trí.

4. Lại xướng linh từ OM, với ý định tái tập trung trên cõi trí. **Nếu công việc của các bạn đã thành công, qua antahkarana, điểm tập trung ban đầu của các bạn hẳn đã chuyển lên các cấp độ trực giác hoặc các cấp độ của thượng trí trừu tượng.** Theo thời gian, điều này nhất định phải xảy ra nếu các bạn trung thành thực hành công việc này. **Nhưng hãy luôn ghi nhớ rằng các bạn phải làm việc với tư cách một thể trí, chứ không phải một người chí nguyện hay từ góc độ ký ức.** Hãy suy ngẫm về điều này.

322. Chúng ta có thể thấy rằng nếu việc tiếp nhận từ đầu tiên đã diễn ra đúng như dự định, từ ấy sẽ không đến từ cõi trí.

323. DK states it clearly—successful work along this line will access planes higher than the lower mind—either the abstract mind or the buddhic/intuitional level, via the antahkarana. Note He does not reference the atmic plane.

324. DK tells us that there is an inevitability to the process if we follow the indicated stages faithfully.

325. We are told that we must work as a mind and not as an aspirant or from the angle of memory. An aspirant aspires and is thus engaging the emotional nature. Also, if one is working from the brain cons (unguided by higher aspects of the mind), the factor of memory will be engaged, and memory is of the past. **Memory is contact with the old; intuition is contact with that which has not yet been received or formulated into words.**

326. DK is telling us not to access the emotional vehicle or the usual personality consciousness focussed in the physical brain. We must work as minds (illuminated minds) focusing above the emotions and unresponsive to normal brain activity.

STAGE FOUR... The Analyser of Ideas.

1. You now analyse or think over with clarity the work you have done, and the ideas now in your mind, seeing them in a true perspective in relation to the whole problem of the day.

327. We can refer to steps two and three of STAGE TWO to find the material with which to work at this point.

323. Chân sư DK nói rõ điều này—công việc thành công theo hướng này sẽ tiếp cận những cõi cao hơn hạ trí—hoặc trí trừu tượng, hoặc cấp độ Bồ đề/trực giác, thông qua antahkarana. Lưu ý rằng Ngài không đề cập đến cõi atma.

324. Chân sư DK cho chúng ta biết tiến trình này có tính tất yếu nếu chúng ta kiên trì tuân theo đúng các giai đoạn đã chỉ dẫn.

325. Chúng ta được dạy rằng phải làm việc với tư cách một thể trí, chứ không phải một người chí nguyện hay từ góc độ ký ức. Người chí nguyện khát vọng và do đó đang vận dụng bản chất cảm xúc. Ngoài ra, nếu một người làm việc từ tâm thức não bộ (không có sự hướng dẫn của các phương diện cao hơn của thể trí), yếu tố ký ức sẽ tham gia, mà ký ức thuộc về quá khứ. **Ký ức là sự tiếp xúc với cái cũ; trực giác là sự tiếp xúc với những gì chưa được tiếp nhận hay diễn đạt thành lời.**

326. Chân sư DK đang dạy chúng ta đừng tiếp cận hiện thể cảm xúc hay tâm thức phạm ngã thông thường tập trung trong bộ não hồng trần. Chúng ta phải làm việc với tư cách những thể trí (những thể trí được soi sáng), tập trung phía trên cảm xúc và không đáp ứng với hoạt động thông thường của bộ não.

GIAI ĐOẠN BỐN... Người Phân Tích Ý Tưởng.

1. Giờ đây, các bạn phân tích hoặc suy xét một cách sáng suốt công việc mình đã làm và những ý tưởng hiện có trong thể trí, nhìn chúng theo đúng tương quan với toàn bộ vấn đề của ngày hôm ấy.

327. Chúng ta có thể tham chiếu các bước hai và ba của GIAI ĐOẠN HAI để tìm chất liệu làm việc ở điểm này.

328. We now utilize the concrete mind (still lighted from above) to see the entire process and all that has been received with as much clarity as possible.

329. Again we are to think of the world situation—the “whole problem of the day”.

2. Then, choosing one of the ideas which your theme-word has evoked, you think about it, analyse it and relate it to life, getting all you can out of it.

330. Now, the process turns selective. We choose only one of the perhaps many ideas which may have come to us through the utilization of our word theme. We take it apart, put it back together and relate it life processes.

This evoked idea may and should vary from day to day but will always remain related to the monthly theme.

331. This allows us to maintain variety and still stay related to the theme of the month.

3. Then study the idea in connection with yourself, the disciple, active in service and the Master’s work, **but not in connection with the personality**. This you will find an interesting distinction. Make the idea practical, enabling it to “qualify” you or enrich you.

332. The study of the chosen idea then takes on an *individual* focus but not a *personal* focus. We consider ourselves to be the disciple, which is different from considering ourselves to be the personality.

333. The disciple is ‘located’ midway between the personality and our identity as

328. Giờ đây, chúng ta vận dụng trí cụ thể (vẫn được soi sáng từ trên cao) để thấy toàn bộ tiến trình và tất cả những gì đã tiếp nhận một cách sáng rõ nhất có thể.

329. Một lần nữa, chúng ta cần nghĩ đến tình hình thế giới—“toàn bộ vấn đề hiện thời”.

2. Sau đó, chọn một trong những ý tưởng mà từ chủ đề đã gợi lên, các bạn suy nghĩ về nó, phân tích và liên hệ nó với cuộc sống, khai thác mọi điều có thể từ ý tưởng ấy.

330. Giờ đây, tiến trình chuyển sang sự chọn lọc. Chúng ta chỉ chọn một ý tưởng trong số có lẽ là nhiều ý tưởng đã đến với mình qua việc vận dụng từ chủ đề. Chúng ta phân tách nó, kết hợp nó trở lại và liên hệ nó với các tiến trình của cuộc sống.

Ý tưởng được gợi lên này có thể và nên thay đổi từng ngày, nhưng sẽ luôn liên quan đến chủ đề của tháng.

331. Điều này cho phép chúng ta duy trì sự đa dạng mà vẫn giữ mối liên hệ với chủ đề của tháng.

3. Sau đó, nghiên cứu ý tưởng ấy trong mối liên hệ với chính mình, người đệ tử đang tích cực phụng sự và thực hiện công việc của Chân sư, **nhưng không liên hệ với phàm ngã**. Các bạn sẽ thấy đây là một sự phân biệt thú vị. Hãy làm cho ý tưởng ấy trở nên thiết thực, để nó có thể “tạo phẩm tính” cho các bạn hoặc làm phong phú các bạn.

332. Việc nghiên cứu ý tưởng đã chọn khi ấy tập trung vào *cá thể* chứ không tập trung vào *cá nhân*. Chúng ta xem mình là người đệ tử, điều này khác với việc xem mình là phàm ngã.

333. Người đệ tử ‘nằm’ ở giữa phàm ngã và bản sắc của chúng ta với tư cách linh hồn.

the soul.

334. In this step we are to gain benefit from the idea we have chosen and to feel enriched as a result of working with it mentally.

4. Again sound the OM, with the intent of making the sensed idea a part of your very nature.

335. The sounding is an act of assimilation.

[146]

STAGE FIVE... The Transmitter of Ideas.

1. As the disciple, you have realised that a knowledge of truth and the reception of ideas lays on you the responsibility to be a transmitter to others. Ponder on this.

336. As a result of this meditation there may come to us the conviction of some new truth or the reinforcement of that which we have already recognized as truth. We may also have received ideas, which are not just recycled thoughts.

337. Something of value has come to us and now we must ponder on the responsibility of sharing or transmitting that which has come.

338. The idea of transmitting takes into consideration means of transmission other than normal speech or writing.

2. Now take the idea which the theme has engendered, or take the theme-word itself if no ideas have come to you, and in imagination formulate it in such a way that it can be presented to others, to your

334. Ở bước này, chúng ta cần thu được lợi ích từ ý tưởng đã chọn và cảm thấy phong phú hơn nhờ làm việc với ý tưởng ấy bằng trí tuệ.

4. Lại xướng linh từ OM, với ý định làm cho ý tưởng đã cảm nhận trở thành một phần trong chính bản chất của các bạn.

335. Việc xướng âm là một hành động đồng hóa.

[146]

GIAI ĐOẠN NĂM... Người Truyền Đạt Ý Tưởng.

1. Với tư cách đệ tử, các bạn đã nhận ra rằng sự hiểu biết chân lý và việc tiếp nhận ý tưởng đặt lên các bạn trách nhiệm truyền đạt cho người khác. Hãy suy ngẫm về điều này.

336. Kết quả của bài tham thiền này có thể là niềm xác tín về một chân lý mới nào đó, hoặc sự củng cố điều mà chúng ta đã nhận biết là chân lý. Chúng ta cũng có thể đã tiếp nhận những ý tưởng, chứ không chỉ là những tư tưởng được lặp lại.

337. Một điều có giá trị đã đến với chúng ta, và giờ đây chúng ta phải suy ngẫm về trách nhiệm chia sẻ hoặc truyền đạt điều đã đến ấy.

338. Ý tưởng về việc truyền đạt có tính đến những phương tiện truyền đạt khác ngoài lời nói hoặc văn viết thông thường.

2. Giờ đây, hãy lấy ý tưởng mà chủ đề đã khơi sinh, hoặc lấy chính từ chủ đề nếu chưa có ý tưởng nào đến với các bạn, rồi dùng sự tưởng tượng để diễn đạt nó theo cách có thể trình bày với người khác, với bạn bè, với

friends, to those you seek to help and to humanity—when opportunity offers.

339. We use the imagination to make the idea we have been pondering as potentially useful as possible. We can see ourselves working with the presentation of the idea.

Think the idea through mentally, emotionally, and practically, thus precipitating it outwards into the world of thought.

340. This is a very interesting act. It takes the idea into all three worlds of the personality. Thinking it through is *working it through*.

341. At this step we are engaged in an act of precipitation.

3. Then (using the creative imagination and seeing yourself as a responsible transmitter, doing the work of the Ashram) **breathe out the idea as a formulated, living thoughtform into the great stream of mental substance which is ever playing upon the human consciousness.**

342. Here the imagination, the breath and the thoughtform are allied for a united act of service.

343. We are to visualize the great stream of mental substance, thus bringing its reality nearer to our consciousness. Into this stream we are to breath our formulated, living idea.

344. We can also see our out-breathed thoughtform entering human consciousness.

345. We are engaged in an act of service and

những người các bạn tìm cách giúp đỡ và với nhân loại—khi có cơ hội.

339. Chúng ta dùng sự tưởng tượng để làm cho ý tưởng mà mình đang suy ngẫm có tiềm năng hữu ích cao nhất có thể. Chúng ta có thể hình dung mình đang thực hiện việc trình bày ý tưởng ấy.

Hãy suy xét thấu đáo ý tưởng ấy về mặt trí tuệ, cảm xúc và thực tiễn, qua đó ngưng tụ nó ra bên ngoài, vào thế giới tư tưởng.

340. Đây là một hành động rất thú vị. Nó đưa ý tưởng vào cả ba cõi giới của phạm ngã. Suy xét thấu đáo ý tưởng ấy là <i>thực hiện nó đến nơi đến chốn.

341. Ở bước này, chúng ta đang thực hiện một hành động ngưng tụ.

3. Sau đó, dùng sự tưởng tượng sáng tạo và thấy mình là một người truyền đạt có trách nhiệm, đang thực hiện công việc của ashram, **hãy thở ra ý tưởng ấy như một hình tư tưởng sống động đã thành hình, đưa nó vào dòng chất liệu trí tuệ vĩ đại đang không ngừng tác động lên tâm thức nhân loại.**

342. Ở đây, sự tưởng tượng, hơi thở và hình tư tưởng kết hợp với nhau để cùng thực hiện một hành động phụng sự.

343. Chúng ta cần hình dung dòng chất liệu trí tuệ vĩ đại, qua đó đưa thực tại của nó đến gần tâm thức chúng ta hơn. Chúng ta cần thở ý tưởng sống động, đã được định hình của mình vào dòng chảy này.

344. Chúng ta cũng có thể hình dung hình tư tưởng mà mình đã thở ra đang đi vào tâm thức nhân loại.

345. Chúng ta đang thực hiện một hành

this act is facilitated by the imagination.

động phụng sự, và sự tưởng tượng giúp cho hành động này diễn ra thuận lợi.

4. Sound the OM, thus “closing the episode.”

4. Xướng linh từ OM, qua đó “khép lại giai đoạn này.”

346. The word of confirmation sealing the process.

346. Linh từ xác nhận niềm ẩn tiến trình.

Close the above meditation with a daily dedication of yourself to the service of humanity; renew your pledge to your Master and say the Mantram of Unification I gave you some years ago:

Hãy kết thúc bài thiền trên bằng việc mỗi ngày hiến mình phụng sự nhân loại; tái lập lời cam kết với Chân sư của các bạn và đọc Mantram Hợp Nhất mà Tôi đã trao cho các bạn cách đây vài năm:

347. We are to do three things to close our work:

347. Chúng ta cần làm ba điều để kết thúc công việc:

a. Dedicate ourselves anew to the service of humanity

a. Một lần nữa hiến dâng bản thân để phụng sự nhân loại

b. Renew our pledge to our Master

b. Tái lập lời cam kết với Chân sư của chúng ta

c. Say the Mantram of Unification

c. Đọc Mantram Hợp Nhất

The sons of men are one and I am one with them.

Những người con của nhân loại là một, và tôi là một với họ.

I seek to love, not hate;

Tôi tìm cách yêu thương mà không thù ghét;

I seek to serve and not exact due service;

Tôi tìm cách phụng sự và không đòi hỏi sự phục vụ đáp lại;

I seek to heal, not hurt.

Tôi tìm cách chữa lành, không gây tổn thương.

Let pain bring due reward of light and love.

Cầu xin sự khổ đau đem lại phần thưởng thích đáng của ánh sáng và tình thương.

Let the soul control the outer form, and life and all events,

Cầu xin linh hồn chế ngự ngoại thể, và cuộc sống và mọi biến cố,

And bring to light the love that underlies the happenings of the time.

Và làm hiển lộ tình thương đang ẩn trong các diễn biến hiện thời.

Let vision come and insight.

Cầu xin tầm nhìn tinh thần đến cùng sự thông hiểu.

[147]

[147]

Let the future stand revealed.

Cầu xin tương lai tỏ rõ.

Let inner union demonstrate and outer cleavages be gone.

Cầu xin sự kết hợp nội tâm biểu dương và các chia rẽ bên ngoài tan biến.

Let love prevail.

Cầu xin tình thương chế ngự.

Let all men love.

Cầu xin mọi người yêu thương.

348. We have analyzed this mantram in an earlier Commentary.

348. Chúng ta đã phân tích mantram này trong một bài Bình Giảng trước đây.

349. It is beautiful and powerful. The mantram suggests the triumph of the soul over all opposing forces. It contributes to the unification of humanity through the power of love.

349. Mantram này đẹp đẽ và đầy quyền năng. Nó gọi lên sự chiến thắng của linh hồn trước mọi mãnh lực đối kháng. Nó góp phần hợp nhất nhân loại qua quyền năng của tình thương.

I have given you this meditation in some detail, as I am anxious to have you comprehend what it is you will be doing. A shortened form of the meditation follows at the close of this general instruction.

Tôi đã trình bày bài thiền này khá chi tiết, vì Tôi mong các bạn thấu hiểu điều mình sẽ làm. Một dạng rút gọn của bài thiền nằm ở cuối phần huấn thị chung này.

350. Although the meditation may proceed with relative rapidity once it is well practiced, it will be slow going at first and we ensure that we are following the steps properly.

350. Mặc dù bài tham thiền có thể diễn tiến tương đối nhanh khi đã thực hành thuần thục, lúc đầu tiến trình sẽ chậm và chúng ta cần bảo đảm rằng mình đang thực hiện đúng các bước.

351. There is nothing very habitual about this meditation. A number of new techniques are introduced, so, to derive the most value from it, we must proceed with caution.

351. Bài tham thiền này hầu như không có gì quen thuộc. Một số kỹ thuật mới được đưa vào, vì vậy, để thu được giá trị lớn nhất từ bài tham thiền, chúng ta phải tiến hành thận trọng.

At the end of each month, go through the ideas you have jotted down in your daily work and from them pick three which seem to carry the most inspiration and which you judge could be a seed for useful distribution

Vào cuối mỗi tháng, hãy xem lại những ý tưởng các bạn đã ghi chép trong công việc hằng ngày, rồi chọn ra ba ý tưởng dường như mang nhiều cảm hứng nhất và theo nhận định của các bạn có thể làm hạt giống

or transmission. At the close of the year send in your thirty-six seed thoughts.

352. Presumably these would be distributed to the other chelas.

353. Thirty-six is an important number. It is precisely the number of decanates in the zodiacal circle.

As you will all have been using the same theme-words, much help can be accorded to the entire group by each of you.

354. Different perspectives on the same word will be shared and the understanding of the meaning and the significance of the word expanded.

You will find this work most interesting. It is, in a way, a tiny reflection of the technique of the Hierarchy and the way the Masters work (though on a much higher turn of the spiral) in times of crisis, or when there is need for all the groups or Ashrams—as there is today—to unite in some endeavour, necessitated by the need of humanity or by some planetary emergency.

355. All workers are in need of higher impression and must appeal, scientifically, to the source of that impression.

356. The answer to present difficulties (on no matter what level) lies above. A method of reliable approach must be transformed into a way of familiar approach and utilized in service.

The Masters, starting Their work on one of the planes of the Spiritual Triad, instead of the mental plane as do Their disciples, concentrate on the “theme” under Their

để phổ biến hoặc truyền đạt một cách hữu ích. Vào cuối năm, hãy gửi ba mươi sáu tư tưởng hạt giống của các bạn.

352. Có lẽ những tư tưởng này sẽ được phân phối cho các đệ tử khác.

353. Ba mươi sáu là một con số quan trọng. Đó chính là số thập độ trong vòng hoàng đạo.

Vì tất cả các bạn đều sử dụng cùng những từ chủ đề, mỗi người có thể giúp ích rất nhiều cho toàn nhóm.

354. Những góc nhìn khác nhau về cùng một từ sẽ được chia sẻ, và sự thấu hiểu ý nghĩa cũng như thâm nghĩa của từ ấy sẽ được mở rộng.

Các bạn sẽ thấy công việc này hết sức thú vị. Theo một nghĩa nào đó, đây là sự phản ánh nhỏ bé kỹ thuật của Thánh đoàn và cách các Chân sư làm việc (dù ở một vòng xoắn ốc cao hơn nhiều) trong những thời kỳ khủng hoảng, hoặc khi tất cả các nhóm hay ashram cần hợp nhất trong một nỗ lực nào đó—như hiện nay—do nhu cầu của nhân loại hoặc một tình trạng khẩn cấp của hành tinh đòi hỏi.

355. Mọi người hoạt động đều cần ấn tượng từ cấp cao hơn và phải hướng lời thỉnh cầu một cách khoa học đến nguồn của ấn tượng ấy.

356. Lời giải cho những khó khăn hiện tại (ở bất kỳ cấp độ nào) nằm ở phía trên. Một phương pháp tiếp cận đáng tin cậy phải được chuyển đổi thành một cách tiếp cận quen thuộc và được sử dụng trong phụng sự.

Khởi đầu công việc trên một trong các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần, thay vì trên cõi trí như các đệ tử của Các Ngài, các Chân sư tập trung vào “chủ đề” mà Các Ngài đang

consideration, during the period of three Full Moons.

357. The Masters too are working with a theme, whether or not that theme is expressed in words.

358. We can understand why the higher interlude would be a perfect time for this kind of work.

They then meet in conclave and each makes His contribution to the joint problem, as also does the Christ and, at critical times, Members of the Council Chamber of Sanat Kumara.

359. We are dealing with a method of group sharing which offers the opportunity to create a completed perspective upon any issue needing solution.

360. It is fascinating to realize that each Master makes His contribution (after due reflection) as does the Christ.

361. At times, we are told, even the Members of the Council Chamber of Sanat Kumara make Their contribution. These august Beings include the intra-planetary Ray Lords and the Buddhas of Activity.

On the basis of the proposals, and after due analysis and discussion, the united decision is transmitted by impression to the initiates and disciples in the Ashrams, and from them to the world.

362. We see how carefully (and how *reflectively*) the Hierarchy arrives at its decisions. It is interesting and informative to realize that every Master has His say. All points of view are honored and eventually synthesized.

suy xét trong suốt ba kỳ Trăng Tròn.

357. Các Chân sư cũng đang làm việc với một chủ đề, bất kể chủ đề ấy có được diễn đạt bằng lời hay không.

358. Chúng ta có thể thấu hiểu vì sao khoảng tạm ngưng cao là thời điểm hoàn hảo cho loại công việc này.

Sau đó, Các Ngài họp mật nghị và mỗi Ngài đóng góp vào vấn đề chung; Đức Christ cũng làm như vậy, và vào những thời điểm trọng yếu, các Thành Viên của Phòng Hội Đồng Sanat Kumara cũng tham gia.

359. Chúng ta đang đề cập đến một phương pháp chia sẻ trong nhóm, mở ra cơ hội tạo dựng một góc nhìn toàn diện về bất kỳ vấn đề nào cần giải quyết.

360. Thật thú vị khi nhận ra rằng mỗi Chân sư đều đóng góp ý kiến (sau khi suy ngẫm thấu đáo), Đức Christ cũng vậy.

361. Chúng ta được cho biết rằng đôi khi ngay cả các Thành Viên của Hội Đồng Sanat Kumara cũng đóng góp ý kiến. Những Đấng tôn nghiêm này bao gồm các Đấng Chúa Tế Cung trong nội bộ hành tinh và các Đức Phật Hoạt Động.

Dựa trên các đề xuất, sau khi phân tích và thảo luận thỏa đáng, quyết định thống nhất được truyền bằng ấn tượng đến các điểm đạo đồ và đệ tử trong các ashram, rồi từ họ đến thế giới.

362. Chúng ta thấy Thánh đoàn đi đến các quyết định của mình một cách cẩn trọng (và với sự *suy ngẫm thấu đáo*) như thế nào. Thật thú vị và bổ ích khi nhận ra rằng mỗi Chân sư đều bày tỏ ý kiến của mình. Mọi quan điểm đều được tôn trọng và cuối cùng được tổng hợp.

If you study the above statement **you will see the importance of the meditation which I have outlined; it is to prepare you for closer work—along correct hierarchical lines—in the Ashrams and with the Master.**

363. This meditation—Meditation V—prepares the disciples using it for future ashramic work. We are all engaged in a rehearsal process. If we master the present work, it prepares us well for future work more closely related to Hierarchy, at the time when we will be members of the Hierarchy.

364. Below we have the short form of what we have just considered. It needs not commentary, but is most useful in condensing and clarifying the meditation DK has just analyzed.

365. By studying the Short Form, a very clear thoughtform of the meditation should emerge.

366. We may find Meditation V demanding. Certainly there are many steps. But we can see that it is rooted in hierarchical procedure and this we should find inspiring.

367. As DK said, we would find the work “most interesting”. It is surely inspiring, creative and practical at once. Really, this is a meditation for a life-time.

[148]

SHORT FORM

I. Preliminary state of recognition, consideration and fixed determination.

Nếu nghiên cứu lời trình bày trên, **các bạn sẽ thấy tầm quan trọng của bài thiền mà Tôi đã phác thảo; bài thiền này nhằm chuẩn bị cho các bạn làm việc mật thiết hơn—theo đúng đường hướng của Thánh đoàn—trong các ashram và với Chân sư.**

363. Bài tham thiền này—Bài Thiền V—chuẩn bị cho những đệ tử sử dụng nó thực hiện công việc ashram trong tương lai. Tất cả chúng ta đều đang tham gia một tiến trình tập dượt. Nếu thành thạo công việc hiện tại, chúng ta sẽ có sự chuẩn bị tốt cho công việc tương lai có liên hệ mật thiết hơn với Thánh đoàn, vào lúc chúng ta trở thành thành viên của Thánh đoàn.

364. Dưới đây là dạng rút gọn của những gì chúng ta vừa xem xét. Dạng này không cần lời bình giảng, nhưng rất hữu ích trong việc cô đọng và làm sáng tỏ bài tham thiền mà Chân sư DK vừa phân tích.

365. Qua việc nghiên cứu Dạng Rút Gọn, một hình tư tưởng rất rõ ràng về bài tham thiền sẽ hình thành.

366. Chúng ta có thể thấy Bài Thiền V đòi hỏi nhiều công sức. Quả thực, bài này có nhiều bước. Nhưng chúng ta có thể thấy nó bắt nguồn từ phương thức làm việc của Thánh đoàn, và điều này hẳn sẽ truyền cảm hứng cho chúng ta.

367. Như Chân sư DK đã nói, chúng ta sẽ thấy công việc này “vô cùng thú vị”. Chắc chắn nó vừa truyền cảm hứng, vừa sáng tạo, vừa thiết thực. Quả thực, đây là một bài tham thiền để thực hành suốt đời.

[148]

DẠNG RÚT GỌN

I. Trạng thái sơ khởi gồm nhận biết, suy xét và quyết tâm kiên định.

II. The Centre of Focussed Thought:

1. Polarisation.
2. Orientation.
3. Meditation on theme word.
4. OM. Pause.

III. The Recipient of Impression:

1. Statement of highest idea received.
2. Relation of theme to present world opportunity.
3. Write down first thought then received.
4. OM. Refocus on mental plane.

IV. The Analyser of Ideas:

1. Period of analytic thought.
2. Summarise conclusions practically.
3. Breathe out the idea into the world of thought.
4. OM.

V. The Transmitter of Ideas:

1. Dedication of yourself to service.
2. Pledge yourself to the Master.
3. Say the mantram: "The sons of men are one..."

VI. Intensive work at the time of the Full Moon along established lines.

II. Trung Tâm Tư Tưởng Tập Trung:

1. Sự phân cực.
2. Sự định hướng.
3. Tham thiền về từ chủ đề.
4. OM. Tạm dừng.

III. Người Tiếp Nhận Ấn Tượng:

1. Phát biểu ý tưởng cao nhất đã tiếp nhận.
2. Liên hệ chủ đề với cơ hội hiện tại của thế giới.
3. Ghi lại tư tưởng đầu tiên tiếp nhận được sau đó.
4. OM. Tái tập trung trên cõi trí.

IV. Người Phân Tích Ý Tưởng:

1. Một khoảng thời gian suy nghĩ phân tích.
2. Tóm tắt các kết luận một cách thiết thực.
3. Thở ý tưởng ấy ra vào thế giới tư tưởng.
4. OM.

V. Người Truyền Đạt Ý Tưởng:

1. Hiến mình cho việc phụng sự.
2. Cam kết với Chân sư.
3. Đọc mantram: "Những người con của nhân loại là một..."

VI. Làm việc chuyên tâm vào thời điểm Trăng Tròn theo những đường hướng đã xác lập.

MEDITATION PART VII (148-151)

April 1945

MY BROTHERS:

As this world catastrophe draws to its inevitable close and the Forces of Light triumph over the forces of evil, the time of restoration opens up.

1. The Forces of Restoration are associated with the energies of the sign Aries; the Forces of Enlightenment with the sign Taurus; the Forces of Reconstruction with the sign, Gemini.

2. The following quotation offers us something of value on the Forces of Restoration.

There is first of all the phase, now in progress, which will culminate at the time of the Easter Full Moon. This is dedicated to planning for an inflow of the **Forces of Restoration**. Do not misunderstand these words. The Hierarchy is *not* occupied with the restoration of the old order, with the state of life prior to the war, or with the renewal of the theologies (religious, political and social) which have governed the past and which have been largely responsible for the war. The restoration referred to is psychological in nature, but will work out in the restoration of the will-to-live and the will-to-good. It will consequently be foundational, and will guarantee the new civilisation and culture. This is a very different matter.

These Forces of Restoration are concerned with human vision, human integrity and human relations as they underlie the entire problem of the brotherhood of man.

These 457. energies, if released upon the Earth, will render futile the efforts of the old order (in politics, religion and education) to restore what was and to bring back that

Tháng Tư năm 1945

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Khi thảm họa thế giới này tiến gần đến hồi kết tất yếu và các Mạnh Lực Ánh Sáng chiến thắng những mãnh lực tà ác, thời kỳ phục hồi mở ra.

1. Các Lực Lượng Phục Hồi liên quan đến các năng lượng của dấu hiệu Bạch Dương; các Lực Lượng Giác Ngộ liên quan đến dấu hiệu Kim Ngưu; các Lực Lượng Tái Thiết liên quan đến dấu hiệu Song Tử.

2. Trích dẫn sau đây cung cấp cho chúng ta một số giá trị về các Lực Lượng Phục Hồi:

Trước tiên, có một giai đoạn hiện đang diễn ra và sẽ đạt đỉnh vào thời điểm Trăng Tròn Lễ Phục Sinh. Giai đoạn này dành cho việc lên kế hoạch để các Lực Lượng Phục Hồi tuôn đổ vào. Đừng hiểu lầm những lời này. Thánh đoàn không bận tâm đến việc phục hồi trật tự cũ, trạng thái của đời sống trước chiến tranh, hay sự phục hưng các thần học (tôn giáo, chính trị và xã hội) đã chi phối quá khứ và phần lớn chịu trách nhiệm cho cuộc chiến tranh. Việc phục hồi được đề cập ở đây mang tính tâm lý, nhưng sẽ được thực hiện thông qua sự phục hồi của ý chí sống và ý chí hướng thiện. Vì vậy, điều này sẽ mang tính nền tảng và sẽ đảm bảo nền văn minh và văn hóa mới. Đây là một vấn đề rất khác biệt.

Các Lực Lượng Phục Hồi này quan tâm đến tầm nhìn của con người, sự chính trực của con người và mối quan hệ nhân loại vì chúng là nền tảng của toàn bộ vấn đề về tình huynh đệ nhân loại. Những năng lượng này, nếu được giải phóng xuống Trái Đất, sẽ làm vô hiệu các nỗ lực của trật tự cũ (trong chính trị, tôn giáo và giáo dục) nhằm

which existed prior to the war. (EXC 456-457)

For each of you this indicates a renewed time of service and of activity. I send you herewith the final stanza of the Great Invocation, as per my promise. I gave you the first about nine years ago and the second during the course of the war. I would ask you to use it daily and as many times a day as you can remember to do so; you will thus create a seed thought or a clear-cut thoughtform [149] which will make the launching of this Invocation among the masses of men a successful venture when the right time comes. That time is not yet.

3. We see the method of occult work. A trusted group of esoteric students is given the invocation for understanding, enunciation and empowerment. Later, it is given to a still wider group of esoteric students and then to the members of the public.

4. We see that this letter was of great importance as it was for DK students their first introduction to what we have come to know as The Great Invocation—really the third stanza of a three-part Great Invocation (1936, 1940, 1945)

5. The Second World War was coming to a close and the Great Mantram, largely due to a momentous decision on the part of the Christ, was released for the use of humanity.

This Great Invocation can be expressed in the following words:

From the point of Light within the Mind of God

Let Light stream forth into the minds of men.

Let Light descend on Earth.

khôi phục những gì đã tồn tại trước chiến tranh và tái lập những gì đã có. (EXC 456-457)

Đối với mỗi người trong các bạn, điều này báo hiệu một thời kỳ phụng sự và hoạt động mới. Kèm theo đây, Tôi gửi đến các bạn khổ cuối của Đại Khẩn Nguyên như đã hứa. Tôi đã trao cho các bạn khổ đầu cách đây khoảng chín năm, và khổ thứ hai trong thời gian chiến tranh. Tôi mong các bạn sử dụng khổ này hằng ngày và nhiều lần trong ngày, bất cứ khi nào nhớ đến; như vậy, các bạn sẽ tạo ra một tư tưởng hạt giống hoặc một hình tư tưởng rõ nét [149] giúp cho việc phổ biến bài Khẩn Nguyên này trong quần chúng nhân loại trở thành một công cuộc thành công khi đúng thời điểm. Thời điểm ấy vẫn chưa đến.

3. Chúng ta thấy phương pháp của công việc huyền môn. Một nhóm học viên nội môn đáng tin cậy được trao Khẩn Nguyên để hiểu biết, phát ngôn và gia tăng sức mạnh. Sau đó, nó được trao cho một nhóm học viên nội môn rộng lớn hơn và sau cùng là cho công chúng.

4. Chúng ta thấy rằng lá thư này rất quan trọng vì nó là lần đầu tiên các học viên của Chân sư DK được giới thiệu về điều mà chúng ta biết đến như Đại Khẩn Nguyên—thực sự là đoạn thứ ba của Đại Khẩn Nguyên ba phần (1936, 1940, 1945).

5. Chiến tranh Thế giới Thứ hai đang dần kết thúc, và Đại Mantram, phần lớn nhờ vào một quyết định quan trọng của Đức Christ, đã được ban ra để nhân loại sử dụng.

Có thể diễn đạt Đại Khẩn Nguyên này bằng những lời sau:

Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế

Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người

Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian

From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let Love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the Centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let Purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The Purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the Centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nỗi ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
6. With these words we are all deeply familiar, though there are imbedded meanings which we have far from fathomed.	6. Với những lời này, tất cả chúng ta đều đã quen thuộc sâu sắc, mặc dù còn có những ý nghĩa ẩn tàng mà chúng ta chưa thể hiểu hết.
7. When we come to the section of DINA II (below) dealing with the meditations given by DK to His new seed group, we will explore some of the deeper meanings of this greater stanza of the three-part Great Invocation. There are microcosmic, systemic and cosmic interpretations possible.	7. Khi chúng ta đến phần của DINA II (bên dưới) thảo luận về các bài tham thiền do Chân sư DK trao cho nhóm hạt giống mới của Ngài, chúng ta sẽ khám phá một số ý nghĩa sâu sắc hơn của đoạn khấn nguyện lớn này trong Đại Khấn Nguyện ba phần. Có thể có các cách diễn giải vi mô, hệ thống và vũ trụ.
It has been difficult to translate into understandable and adequate phrases the <u>very ancient word-forms which the Christ will employ</u> .	Việc chuyển dịch những hình thức ngôn từ rất cổ xưa mà Đức Christ sẽ sử dụng thành những câu dễ hiểu và thích đáng quả là khó khăn.
8. This is a great mantram for the invocation of power and light.	8. Đây là một đại mantram để khấn cầu quyền năng và ánh sáng.

9. Clearly, it was in the Archives of Shamballa for millions of years before its release to humanity was permitted.

These word-forms are only seven in number, and they will constitute His complete, new utterance.

10. Let us for the moment call the third great stanza of the Great Invocation by the name, “The Great Invocation” rather than “The Great Invocation, Part III”. This will simplify our approach in the present Commentary.

11. When it comes to discussing the internal divisions of The Great Invocation, we can call the parts by the names “sections” or “verses”. Sometimes DK uses the word “stanzas”, although this could cause confusion because the three Great Invocations are all called “stanzas” of one greater Great Invocation in three parts.

12. That there is an ‘original’ of the Great Invocation is fascinating. Perhaps it is written in the Senza language or perhaps like the “Affirmation of the Disciple” it antedates the appearance of both Sanskrit and Senza.

I have only been able to give their general significance. Nothing else was possible.

13. There is no means of translating the original into the modern languages of Western (or Eastern) Civilization.

But even in this longer form, they will be potent in their invocative appeal, **if said with mental intensity and ardent purpose.**

14. We are given the mode in which the Invocation must be “said”—with “mental intensity and ardent purpose”. These requirements, obviously, do not equate with volume of sound!

The points of emphasis upon which I would ask you to dwell (once it is permissible to use

9. Rõ ràng, mantram này đã tồn tại trong Lưu Trữ của Shamballa hàng triệu năm trước khi được phép phổ biến cho nhân loại.

Những hình thức ngôn từ này chỉ có bảy, và sẽ tạo thành toàn bộ lời phát biểu mới của Ngài.

10. Hiện tại, chúng ta hãy gọi đoạn thứ ba của Đại Khẩn Nguyên là “Đại Khẩn Nguyên” thay vì “Đại Khẩn Nguyên, Phần III”. Điều này sẽ đơn giản hóa cách tiếp cận của chúng ta trong phần Bình Luận hiện tại.

11. Khi thảo luận về các phần nội bộ của Đại Khẩn Nguyên, chúng ta có thể gọi các phần này là “đoạn” hoặc “khổ thơ”. Đôi khi, Chân sư DK sử dụng từ “stanza,” mặc dù điều này có thể gây nhầm lẫn vì cả ba Đại Khẩn Nguyên đều được gọi là “stanza” của một Đại Khẩn Nguyên lớn hơn với ba phần.

12. Việc có một bản gốc của Đại Khẩn Nguyên là điều thú vị. Có thể nó được viết bằng ngôn ngữ Senza hoặc, giống như “Lời Khẳng Định của Đệ tử,” nó có trước sự xuất hiện của cả tiếng Phạn và tiếng Senza.

Tôi chỉ có thể truyền đạt thâm nghĩa tổng quát của chúng. Không thể làm gì hơn.

13. Không có cách nào để dịch bản gốc sang các ngôn ngữ hiện đại của nền văn minh phương Tây (hoặc phương Đông).

Nhưng ngay cả trong hình thức dài hơn này, chúng vẫn có sức mạnh khẩn cầu mãnh liệt, nếu được đọc với sự tập trung trí tuệ cao độ và mục đích nhiệt thành.

14. Chúng ta được cung cấp cách thức mà Đại Khẩn Nguyên phải được “nói” — với “sự tập trung trí tuệ và mục đích nhiệt thành”. Rõ ràng, các yêu cầu này không tương đương với âm lượng của âm thanh!

Có hai điểm nhấn mà Tôi mong các bạn suy ngẫm kỹ (khi đã được phép sử dụng những

the phrases) are two in number:

15. We note that whether or not the group can use the Great Invocation at a given time is a matter of *permission*. We judge that DK is accountable to His Superiors Who are, as it were, “Guardians” of the Invocation.

16. As (we will learn) the Great Invocation reflects the thoughtful “conclusions” of Sanat Kumara, it may be that He is the Source to be consulted for the granting of permission.

17. We have learned that when the Christ decided to “reappear on Earth” in physical form, permission was granted to Him (from Sanat Kumara) to utilize this ancient and venerable mantram.

18. The following phrases on which the members of the New Seed Group are asked to dwell are signals for us as well.

1. May Christ return to Earth. This return must *not* be understood in its usual connotation and its well-known mystical Christian sense. **Christ has never left the Earth.**

19. Perhaps this is not generally understood because the subtle, planar structure of the planet is not common knowledge.

What is referred to is the externalisation of the Hierarchy and its exoteric appearance on Earth. **The Hierarchy will eventually, under its Head, the Christ, function openly and visibly on Earth.**

20. The date for that Externalization is not precisely determined, but the Tibetan has told us that, in all probability, plans for the first stages of the Externalization Process will be laid in 2025.

câu này):

15. Chúng ta lưu ý rằng việc nhóm có thể sử dụng Đại Khấn Nguyện vào một thời điểm cụ thể hay không là một vấn đề được quyết định bởi sự cho phép. Chúng ta đánh giá rằng Chân sư DK phải chịu trách nhiệm trước các Đấng Chủ Quản của Ngài, những Người được coi như “Người Bảo Vệ” của Đại Khấn Nguyện.

16. Như chúng ta sẽ tìm hiểu, Đại Khấn Nguyện phản ánh những “kết luận” đầy suy tư của Sanat Kumara. Có thể Ngài là Nguồn được tham vấn để cấp phép.

17. Chúng ta đã biết rằng khi Đức Christ quyết định “tái xuất hiện trên Trái Đất” trong hình hài vật lý, Ngài đã được Sanat Kumara cho phép sử dụng mantram cổ xưa và đáng kính này.

18. Các cụm từ sau đây mà các thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới được yêu cầu suy ngẫm cũng là tín hiệu cho chúng ta:

1. Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian. Không được hiểu sự trở lại này theo hàm nghĩa thông thường và ý nghĩa thần bí quen thuộc của Cơ Đốc giáo. Đức Christ chưa bao giờ rời Trái Đất.

19. Có lẽ điều này không được hiểu rộng rãi vì cấu trúc cõi giới tinh vi của hành tinh không phải là kiến thức phổ biến.

Điều được nói đến ở đây là sự hiển lộ của Thánh đoàn và sự xuất hiện công khai của Thánh đoàn trên Trái Đất. Cuối cùng, dưới sự lãnh đạo của Đức Christ, Thánh đoàn sẽ hoạt động công khai và hữu hình trên Trái Đất.

20. Ngày của sự Hiển Lộ này chưa được xác định chính xác, nhưng Chân sư Tây Tạng đã nói với chúng ta rằng, rất có thể, kế hoạch cho các giai đoạn đầu tiên của Quá trình Hiển Lộ sẽ được đặt ra vào năm 2025.

This will happen when the purpose of the divine Will, and the plan which will implement it, are better [150] understood and **the period of adjustment, of world enlightenment and of reconstruction has made real headway.**

21. We do not know the exact meaning of the words “real headway”. We know that reconstruction (of a kind) has certainly occurred, but it can be questioned to what degree “world enlightenment” has become factual. At the present time a possible regression in consciousness is noticeable in the human race.

This period begins at the San Francisco Conference (hence its major importance), and will move **very slowly at first.**

22. The Hierarchy is realistic. The words “very slowly” are used.

It will take time, but the Hierarchy thinks not in terms of years and of brief cycles (though long to humanity), but **in terms of events and the expansion of consciousness.**

23. Perhaps, in some ways, we are “on schedule”. It has been some sixty years and a bit more since this instruction was written.

24. We are told the manner of Hierarchy’s thinking—not in terms of years, but in terms of—

a. Events

b. Expansion of consciousness.

25. We might consider “events” to represent opportunities for significant embodiments of hierarchical energy.

26. As for “expansions of consciousness”, humanity (with its incredible media development”) is ripe for this possibility.

Điều này sẽ xảy ra khi nhân loại thấu hiểu rõ hơn mục đích của Ý Chí thiêng liêng và kế hoạch thực hiện mục đích ấy [150] và khi thời kỳ điều chỉnh, khai sáng thế giới và tái thiết đã có những bước tiến thực sự.

21. Chúng ta không biết ý nghĩa chính xác của cụm từ “tiến triển thực sự”. Chúng ta biết rằng việc tái thiết (ở một mức độ nào đó) chắc chắn đã diễn ra, nhưng có thể đặt câu hỏi rằng liệu “sự khai sáng thế giới” đã trở thành hiện thực ở mức độ nào. Hiện tại, một sự thoái lui có thể xảy ra trong ý thức của nhân loại là điều đáng chú ý.

Thời kỳ này bắt đầu tại Hội nghị San Francisco (do đó hội nghị này có tầm quan trọng lớn lao), và lúc đầu sẽ tiến triển rất chậm.

22. Thánh đoàn có một quan điểm thực tế. Các từ “rất chậm” đã được sử dụng.

Điều này cần thời gian, nhưng Thánh đoàn suy nghĩ theo các biến cố và sự mở rộng tâm thức, chứ không theo năm tháng và những chu kỳ ngắn ngủi (dù dài đối với nhân loại).

23. Có lẽ, theo một số cách, chúng ta đang “đúng tiến độ”. Đã hơn sáu mươi năm kể từ khi chỉ dẫn này được viết.

24. Chúng ta được cho biết cách suy nghĩ của Thánh đoàn — không phải theo năm tháng, mà theo:

a. Các sự kiện

b. Sự mở rộng tâm thức.

25. Chúng ta có thể xem “các sự kiện” như đại diện cho những cơ hội quan trọng để biểu lộ năng lượng của Thánh đoàn.

26. Về “sự mở rộng tâm thức,” nhân loại (với sự phát triển đáng kinh ngạc của truyền thông) đang ở thời điểm chín muồi cho khả

2. May it seal the door where evil dwells. The sealing up of the evil forces, released during this war, will take place within the immediate future. It will be soon.

27. The evil forces have always been present, but the Second World War saw their explosive release into manifestation. Evil stalked the earth and every eye beheld evil in action.

28. History has shows us that the sealing was incomplete. The terrible conditions now found in the Middle East are testimony to this incomplete sealing.

The evil referred to has nothing to do with the evil inclinations, the selfish instincts and the separateness found in the hearts and minds of human beings. These they must overcome and eliminate for themselves.

29. DK is speaking here of “planetary evil”. It originates because of human ignorance and is naturally defeated over time as human development progresses.

30. This type of evil can also be called “microcosmic”—to be found within every human being (the microcosm).

But the reduction to impotency of the loosed forces of evil which took advantage of the world situation, **which obsessed the German people and directed the Japanese people**, and which worked through barbarity, murder, sadism, lying propaganda, and which prostituted science to achieve their ends, **requires the imposition of a power beyond the human**.

31. From this section it becomes clear that humanity *itself* was not capable of sealing the door to this sort of evil.

32. DK is speaking, really, of something

năng này.

2. Cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác. Việc phong bế các mãnh lực tà ác đã được phóng thích trong cuộc chiến này sẽ diễn ra trong tương lai gần. Điều ấy sẽ sớm xảy ra.

27. Các mãnh lực ác luôn hiện diện, nhưng Chiến tranh Thế giới Thứ hai đã chứng kiến sự giải phóng bùng nổ của chúng vào biểu hiện. Ác quỷ đã đi khắp mặt đất và mọi người đều chứng kiến hành động của nó.

28. Lịch sử đã cho thấy rằng việc phong ấn này không hoàn chỉnh. Các điều kiện khủng khiếp hiện nay ở Trung Đông là minh chứng cho sự phong ấn không hoàn chỉnh này.

Tà ác được nói đến ở đây không liên quan đến những khuynh hướng xấu, những bản năng ích kỷ và tính chia rẽ trong trái tim và thể trí con người. Họ phải tự khắc phục và loại bỏ những điều ấy.

29. Chân sư DK đang nói về “cái ác hành tinh”. Nó phát sinh do sự ngu dốt của con người và tự nhiên sẽ bị đánh bại theo thời gian khi sự phát triển của nhân loại tiến triển.

30. Loại ác này cũng có thể được gọi là “vi mô” — tồn tại trong mỗi con người (tiểu vũ trụ).

Nhưng để vô hiệu hóa những mãnh lực tà ác đã được thả lỏng, vốn lợi dụng tình hình thế giới, ám ảnh dân tộc Đức và điều khiển dân tộc Nhật, hoạt động qua sự man rợ, giết chóc, thói bạo dâm, tuyên truyền dối trá và làm băng hoại khoa học để đạt mục đích của chúng, cần có sự áp đặt của một quyền năng vượt trên con người.

31. Từ phần này, rõ ràng rằng bản thân nhân loại không đủ khả năng để đóng kín cánh cửa đối với loại ác này.

32. Chân sư DK thực sự đang nói về một điều

called “cosmic evil”. Its origin (we are told) lies in certain cosmic misalignments between stellar sources in the Great Bear and Pleiades.

33. We note that there were two principle approaches to the expression of this type of evil:

a. The German people were “obsessed”

b. The Japanese people were “directed”.

34. The more serious condition was one of *obsession*, because it means that the evil entities behind the war could act in a more direct manner *through* the leaders of Germany and through the (Piscean) German people as a whole.

35. In the idea of “direction”, as applied to the Japanese people, there is a greater *remove* than in the process of *obsession*.

36. We note that the Italian people were not mentioned. DK considered their cooperation with the forces of evil far less serious.

37. The methods used by these greater forces of evil are, every one of them, repulsive: barbarity, murder, sadism, lying propaganda, and the prostitution of science to selfish ends.

38. As we focus on these methods do we find that they are again being used in today’s world?

This must be invoked, and the invocation will meet with speedy response.

39. DK is speaking of the invocation of a “power beyond the human”.

40. The implication is that there were ‘attendant forces of Light’ ready to respond to human invocation.

được gọi là “cái ác vũ trụ”. Nguồn gốc của nó (chúng ta được biết) nằm ở một số sự lệch lạc vũ trụ giữa các nguồn sao trong Đại Hùng Tinh và Tua Rua.

33. Chúng ta nhận thấy có hai cách tiếp cận chính đối với sự biểu hiện của loại ác này:

a. Dân tộc Đức bị “ám ảnh”

b. Dân tộc Nhật bị “chỉ đạo”.

34. Tình trạng nghiêm trọng hơn là sự ám ảnh, vì điều đó có nghĩa là các thực thể ác đứng sau chiến tranh có thể hành động trực tiếp hơn thông qua các nhà lãnh đạo của Đức và qua dân tộc Đức (dấu hiệu Song Ngư) nói chung.

35. Trong ý tưởng về “chỉ đạo” áp dụng cho dân tộc Nhật, có một sự cách biệt lớn hơn so với quá trình ám ảnh.

36. Chúng ta nhận thấy rằng dân tộc Ý không được đề cập. Chân sư DK xem xét sự hợp tác của họ với các lực lượng ác ít nghiêm trọng hơn nhiều.

37. Các phương pháp được sử dụng bởi các mãnh lực ác lớn hơn này, từng cái đều đáng ghê tởm: sự tàn bạo, giết chóc, chủ nghĩa bạo dân, tuyên truyền dối trá và việc lợi dụng khoa học vào các mục đích ích kỷ.

38. Khi chúng ta tập trung vào các phương pháp này, chúng ta có thấy rằng chúng lại đang được sử dụng trong thế giới ngày nay?

Phải khẩn cầu quyền năng này, và lời khẩn cầu sẽ nhanh chóng nhận được đáp ứng.

39. Chân sư DK đang nói về việc khẩn cầu một “quyền năng vượt ngoài khả năng con người”.

40. Ý nghĩa là có những “lực lượng ánh sáng đồng hành” sẵn sàng đáp lại lời khẩn cầu của nhân loại.

41. It may well be that the response of the Lords of Liberation to humanity's inchoate cry were part of this general response.

These evil potencies will be occultly “sealed” within their own place; what this exactly means has naught to do with humanity.

42. This sealing, we have learned, has something to do with a ‘location’ on the astral plane called in the Agni Yoga books, “Marakara”.

43. While the sealing has naught to do with humanity, it may have something to do (in some small measure) with the disciples of the world.

44. A truer source of cosmic evil is the cosmic astral plane. If the sealing process involves the cosmic astral plane, naturally humanity can have nothing to do with it. Only Shamballa could be successfully involved in this higher task.

Men today must learn the lessons of the past, profit from the discipline of the war, and deal—each in his own life and community—with the weaknesses and errors to which he may find himself prone.

45. The War was a great learning experience. It remains to be seen whether humanity—individually and in group form—has benefited, as intended, from this experience.

46. The War was a “discipline”—a terrible one. Was it sufficient to safeguard humanity from ‘disciplines’ of an even more terrible nature? Time will tell.

I would here recall to you what I said last year to... anent this final stanza of the Invocation:

41. Rất có thể rằng sự phản hồi của các Đấng Giải Thoát đối với lời khẩn cầu chưa hoàn chỉnh của nhân loại là một phần của sự phản hồi chung này.

Theo nghĩa huyền bí, những quyền lực tà ác này sẽ bị “phong kín” tại chính nơi của chúng; ý nghĩa chính xác của điều này không liên quan đến nhân loại.

42. Việc phong ấn này, như chúng ta đã biết, liên quan đến một “vị trí” trên cõi cảm dục được gọi trong các sách Agni Yoga là “Marakara”.

43. Mặc dù việc phong ấn không liên quan đến nhân loại, nó có thể liên quan (ở một mức độ nhỏ) đến các đệ tử trên thế giới.

44. Một nguồn gốc chân thực hơn của cái ác vũ trụ là cõi cảm dục vũ trụ. Nếu quá trình phong ấn liên quan đến cõi cảm dục vũ trụ, rõ ràng nhân loại không thể can dự. Chỉ có Shamballa mới có thể thành công trong nhiệm vụ cao cả này.

Con người ngày nay phải học những bài học của quá khứ, tiếp thu lợi ích từ sự rèn luyện của chiến tranh, và mỗi người, trong cuộc sống và cộng đồng của mình, phải xử lý những nhược điểm và sai lầm mà mình có thể dễ mắc phải.

45. Chiến tranh là một trải nghiệm học hỏi lớn lao. Còn phải xem liệu nhân loại—cả ở cấp độ cá nhân và tập thể—có thu được những lợi ích như mong muốn từ trải nghiệm này hay không.

46. Chiến tranh là một “kỷ luật”—một kỷ luật khủng khiếp. Liệu nó có đủ để bảo vệ nhân loại khỏi những “kỷ luật” còn khủng khiếp hơn không? Thời gian sẽ trả lời.

Ở đây, Tôi muốn nhắc lại với các bạn điều Tôi đã nói năm ngoái với... về khổ cuối này của bài Khẩn Nguyện:

47. DK hearkens back to a time before He gave information telling of the impending release of the Invocation.

“I am preparing to present to you for wide distribution throughout the world, the last stanza of the Great Invocation. **It is by no means easy to translate the words of this stanza in terms which will make it of general appeal and not simply of importance to convinced esotericists....**

48. We see that DK intended the Great Invocation for popular distribution. His translation of this ancient mantram was intended to be far more than an esoteric mantram; it was to be a world prayer with great appeal to millions within the human race.

It can be so presented that the masses everywhere, the general public, will be prompted to take it up and will use it widely; they will do this on a relatively larger scale than the intuitional, the spiritually minded or even the men of [151]goodwill.

49. We see that DK had in mind a popular, general distribution of the Great Invocation.

50. Is it surprising to us that He predicts the “general public” will use it on a greater scale than the “intuitional, the spiritually minded or even the men of goodwill”?

51. The task of presentation, of course, was left (initially) to the disciples in DK’s group.

A far wider public will comprehend it. I will give A.A.B. this stanza at the earliest possible moment; this will be **conditioned by world affairs and by my understanding of a certain esoteric appropriateness in the**

47. Chân sư DK nhắc về thời điểm trước khi Ngài cung cấp thông tin về việc sắp sửa phát hành Đại Khấn Nguyên.

“Tôi đang chuẩn bị trao cho các bạn khổ cuối của Đại Khấn Nguyên để phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới. Hoàn toàn không dễ chuyển dịch những lời trong khổ này thành những từ ngữ có sức thu hút chung, thay vì chỉ có tầm quan trọng đối với những nhà bí truyền học đã xác tín....

48. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK dự định Đại Khấn Nguyên sẽ được phân phối rộng rãi. Bản dịch của Ngài về mantram cổ xưa này không chỉ là một mantram nội môn mà còn là một lời cầu nguyện thế giới với sức hút lớn đối với hàng triệu người trong nhân loại.

Có thể trình bày khổ này sao cho quần chúng khắp nơi, công chúng nói chung, cảm thấy muốn đón nhận và sử dụng rộng rãi; họ sẽ làm điều này trên một quy mô tương đối lớn hơn những người có trực giác, những người hướng về tinh thần hay thậm chí những người [151] thiện chí.

49. Chúng ta nhận thấy Chân sư DK đã có kế hoạch phân phối Đại Khấn Nguyên một cách phổ biến, rộng rãi.

50. Điều này có khiến chúng ta ngạc nhiên khi Ngài dự đoán rằng “quần chúng nói chung” sẽ sử dụng nó trên quy mô lớn hơn cả “những người trực giác, những người có tinh thần hoặc thậm chí những người thiện chí” không?

51. Nhiệm vụ trình bày, tất nhiên, ban đầu được giao cho các đệ tử trong nhóm của Chân sư DK.

Một công chúng rộng lớn hơn nhiều sẽ thấu hiểu khổ này. Tôi sẽ trao khổ này cho A.A.B. vào thời điểm sớm nhất có thể; thời điểm ấy sẽ tùy thuộc vào tình hình thế giới và sự thấu hiểu của Tôi về một sự thích hợp huyền bí

setting of a time cycle.

52. One wonders about the astrological implications of the statement immediately above. DK was in the process of setting “a time cycle”—probably so that the Great Invocation would be properly launched on its public mission—perhaps properly from the astrological perspective.

If plans mature as desired by the Hierarchy, the new stanza can receive distribution at the time of the Full Moon of June 1945, as far as the Occident is concerned, and considerably later for the Orient.

53. Spiritually, and as strange as it may seem, in the present day, the Occident is more susceptible to esoteric stimulation than the Orient even though the Orient is the source of so much of the Ancient Wisdom.

54. DK is still referring to the statement He made in 1944—“last year” (in His words). It is interesting that the time He predicted for the distribution of the Great Invocation would follow the surrender of Germany, on April 30th 1945.

55. The Full Moon of Gemini is, of course, a period when a great tide of second ray energy is released. Somehow, this fact is appropriate to the release of the Invocation.

Prior to these set points in time, the stanza can be used by all esoteric school members, after being used for one clear month by my group, dating that month from the time that the most distant members of the group receive it.”

56. We learn more about the occult technique involved in the release of a great Word of Power:

a. DK’s group is to use the Invocation for “one

nhất định trong bối cảnh của một chu kỳ thời gian.

52. Chúng ta tự hỏi về các ý nghĩa chiêm tinh liên quan đến tuyên bố ngay trên. Chân sư DK đang thiết lập “một chu kỳ thời gian”—có lẽ để Đại Khẩn Nguyên được triển khai công khai một cách đúng đắn, có thể từ góc độ chiêm tinh học.

Nếu các kế hoạch tiến triển như Thánh đoàn mong muốn, khổ mới có thể được phổ biến ở phương Tây vào kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1945, còn ở phương Đông thì muộn hơn đáng kể.

53. Về mặt tinh thần, và mặc dù có vẻ kỳ lạ, trong thời đại hiện nay, phương Tây nhạy cảm hơn với sự kích thích nội môn so với phương Đông, mặc dù phương Đông là nguồn gốc của rất nhiều Minh Triết Ngàn Đời.

54. Chân sư DK vẫn đang nhắc đến tuyên bố mà Ngài đã đưa ra vào năm 1944—“năm ngoái” (theo lời Ngài). Thật thú vị khi thời điểm Ngài dự đoán để phân phối Đại Khẩn Nguyên sẽ diễn ra sau khi Đức đầu hàng, vào ngày 30 tháng 4 năm 1945.

55. Trăng Tròn Song Tử, tất nhiên, là một giai đoạn khi một làn sóng năng lượng cung hai lớn được tuôn đổ. Điều này, bằng cách nào đó, phù hợp với việc ban hành Đại Khẩn Nguyên.

Trước những mốc thời gian đã định này, tất cả thành viên các trường phái huyền bí đều có thể sử dụng khổ ấy, sau khi nhóm của Tôi đã sử dụng trọn một tháng, tính từ lúc những thành viên ở xa nhất của nhóm nhận được khổ này.”

56. Chúng ta học được thêm về kỹ thuật huyền môn liên quan đến việc phát hành một Linh Từ Quyền Năng lớn:

a. Nhóm của Chân sư DK phải sử dụng Đại

clear month”. A concerted beginning of all DK’s group members is required. Some cannot begin to use it before all have received it.

b. Then the esoteric school members (a larger group) can use it.

c. Later, the general public can begin its use.

57. We note the well-planned release of the Great Invocation. We can learn from this something about the manner in which to launch our own projects.

I seek to have this Invocation go forth on the power generated by my Ashram and by all of you affiliated with my Ashram: the Ashrams of the Master K.H. and the Master M. are likewise deeply committed to participation in this work.

58. DK departs from His reference to an earlier instruction and returns to the present moment.

59. He speaks of the power necessary to launch the Great Invocation.

a. His Ashram is behind it,

b. Those affiliated with His Ashram are behind it. By “affiliated”, He means (at least) the Group of Twenty-Four—the New Seed Group.

c. The Ashrams of Master KH and Master are also deeply supportive.

60. We can see what a powerful impulse was generated. This is understandable as DK has told us that there is no greater instrument with which to prepare for the Reappearance of the Christ than the Great Invocation.

I would ask you also to read and reread the two Instructions—one dealing with the Cycle of Conferences,* [details to be found in

Khấn Nguyện trong “một tháng rõ ràng”. Việc bắt đầu đồng lòng của tất cả các thành viên nhóm của Chân sư DK là cần thiết. Một số người không thể bắt đầu sử dụng nó trước khi tất cả đã nhận được.

b. Sau đó, các thành viên của các trường nội môn (một nhóm lớn hơn) có thể sử dụng nó.

c. Sau cùng, công chúng nói chung có thể bắt đầu sử dụng.

57. Chúng ta ghi nhận sự phát hành Đại Khấn Nguyện được lên kế hoạch kỹ lưỡng. Chúng ta có thể học từ điều này cách triển khai các dự án của chính chúng ta.

Tôi mong bài Khấn Nguyện này được truyền đi bằng quyền năng do ashram của Tôi và tất cả các bạn có liên kết với ashram của Tôi tạo ra: các ashram của Chân sư KH và Chân sư M. cũng cam kết sâu sắc tham gia công việc này.

58. Chân sư DK ngừng nhắc đến một chỉ dẫn trước đó và quay lại với thời điểm hiện tại.

59. Ngài nói về quyền năng cần thiết để phát động Đại Khấn Nguyện:

a. Ashram của Ngài đứng sau nó,

b. Những người liên kết với Ashram của Ngài đứng sau nó. Bằng “liên kết,” Ngài ám chỉ (ít nhất) Nhóm Hai Mươi Bốn—Nhóm Hạt Giống Mới.

c. Các Ashram của Chân sư KH và Chân sư M. cũng ủng hộ sâu sắc.

60. Chúng ta có thể thấy một xung lực mạnh mẽ đã được tạo ra. Điều này dễ hiểu vì Chân sư DK đã nói rằng không có công cụ nào lớn hơn để chuẩn bị cho Sự Tái Lâm của Đức Christ ngoài Đại Khấn Nguyện.

Tôi cũng mong các bạn đọc đi đọc lại hai bản Huấn Thị—một bản bàn về Chu Kỳ Các Hội Nghị, [chi tiết có trong EXH] [ix]* và bản kia

EXH] and the other with the work of the Christ.** [found in the ROC] Master their contents and let the blueprint of the hierarchical plan take shape in your minds. Then you can do your share in implementing it and will be able to recognise those who, in other groups and in different lands, are also a vital part of hierarchical effort.

61. DK's disciples are being given a very specific piece of work. It was and still is of the utmost importance.

62. Clarity of mind is of great importance in any such endeavor, as is the recognition of cooperators.

63. It seems that DK had given up on promoting a number of the specific subjective plans for His group. Due to dramatic world developments and the Christ's decision concerning His Own *physical* return, the emphasis in the utilization of DK's outer group had become very *practical*.

về công việc của Đức Christ. [có trong ROC] [x]** Hãy nắm vững nội dung của hai bản ấy và để bản phác thảo kế hoạch của Thánh đoàn thành hình trong thể trí các bạn. Khi đó, các bạn có thể góp phần thực hiện kế hoạch ấy và nhận ra những người trong các nhóm khác và ở các quốc gia khác cũng là thành phần thiết yếu trong nỗ lực của Thánh đoàn.

61. Các đệ tử của Chân sư DK được giao một nhiệm vụ rất cụ thể. Đó là và vẫn là một nhiệm vụ tối quan trọng.

62. Sự sáng tỏ tâm trí là rất quan trọng trong bất kỳ nỗ lực nào như vậy, cũng như sự nhận diện các cộng tác viên.

63. Có vẻ như Chân sư DK đã từ bỏ việc thúc đẩy một số kế hoạch chủ quan cụ thể cho nhóm của Ngài. Do các diễn biến thế giới đầy kịch tính và quyết định của Đức Christ liên quan đến việc Ngài tự mình trở lại trong hình hài vật lý, trọng tâm của việc sử dụng nhóm ngoại môn của Chân sư DK đã trở nên rất thực tế.